

NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP.HCM

HCMC DEVELOPMENT J. S COMMERCIAL BANK

Số: ~~4658~~/2024/CV-HDBank

V/v: Công bố thông tin chào bán trái phiếu HDBank ra công chúng năm 2023 – Đợt 3

Announcement of the public offering of HDBank bonds in 2023 – 3rd tranche

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2024

Ho Chi Minh City, October 02, 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON WEB PORTALS OF
THE STATE SECURITIES COMMISSION AND HO CHI MINH CITY STOCK EXCHANGE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước

To: *State Securities Commission*

- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Ho Chi Minh City Stock Exchange

- | | |
|--|---|
| - Tên tổ chức | : NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP.HCM (HDBANK) |
| - <i>Name of organization</i> | : <i>Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank</i> |
| - Mã chứng khoán | : HDB |
| - <i>Securities code</i> | : <i>HDB</i> |
| - Địa chỉ trụ sở chính | : 25 bis Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bến Nghé, Q. 1, Tp.HCM |
| - <i>Head office address</i> | : <i>25 Bis Nguyen Thi Minh Khai, Ben Nghe Ward, District 1, HCMC</i> |
| - Điện thoại | : (028) 62 915 916 |
| - <i>Telephone</i> | : <i>(028) 62 915 916</i> |
| - Người được ủy quyền công bố thông tin | : Phạm Văn Đầu – Giám đốc Tài chính |
| - <i>Authorized person to disclose information</i> | : <i>Pham Van Dau – Chief Financial Officer</i> |
| - Loại thông tin công bố | : (X) Khác |
| - <i>Type of disclosed information</i> | : <i>(X) Others</i> |

Nội dung công bố thông tin:

Contents of disclosed information:

Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán ra công chúng số 05/GCN-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận việc chào bán trái phiếu HDBank ra công chúng năm 2023 ngày 10/01/2024, Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (HDBank) được phát hành 03 đợt chào bán trái phiếu ra công chúng.

According to the Certificate of Public Offering Registration No. 05/GCN-UBCK dated January 10, 2024 issued by the State Securities Commission (SSC) approving HDBank's public bond offering in 2023, Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank (HDBank) was authorized to conduct 03 public bond offerings.

HDBank đã hoàn tất việc phát hành trái phiếu ra công chúng đợt 1, 2 và công bố thông tin tại công văn số 122/2024/CV-HDBank ngày 18/01/2024, số 1138/2024/CV-HDBank ngày 10/07/2024.

HDBank completed the first and second public bond offering and disclosed information in Official Dispatch No. 122/2024/CV-HDBank dated January 18, 2024, No. 1138/2024/CV-HDBank dated July 10, 2024.



Căn cứ công văn số 6394/UBCK-QLCB ngày 27/09/2024 của UBCKNN về tài liệu báo cáo triển khai thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 3 của HDB, HDBank công bố các văn bản liên quan đến việc phát hành trái phiếu ra công chúng đợt 3 như sau:

According to Official Dispatch No. 6394/UBCK-QLCB dated 27/09/2024 of the SSC regarding the report of the public bond offering – the third tranche of HDB, HDBank announces the documents related to the public bond offering – the third tranche as follows:

1. Thông báo chào bán Trái phiếu ra công chúng – Đợt 3.
Notice of Public Bond Offering – the 3rd tranche
2. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái phiếu ra công chúng.
Certificate of Public Bond Offering Registration.
3. Bản cáo bạch chào bán.
Prospectus for the Bond Offering.
4. Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu - Đợt 3.
Updated Information of the Prospectus for Bond Offering – the 3rd tranche.
5. Nghị quyết 319/2023/NQ-HDQT ngày 04/08/2023 của HĐQT về việc thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ chào bán, phát hành Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023.
Resolution No. 319/2023/NQ-HDQT dated August 4, 2023 of the Board of Directors on the approval of the Issuance Plan, the Plan for the use and repayment of proceeds from issuing, offering HDBank Bonds to be issued to the public in 2023
6. Nghị quyết số 400/2023/NQ-HDQT ngày 25/09/2023 của HĐQT về việc thông qua Phương án trả nợ vốn chi tiết và Hồ sơ đăng ký chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023.
Resolution No. 400/2023/NQ-HDQT dated September 25, 2023, of the Board of Directors on the approval of the detail of the Repayment Plan and the dossiers for registration of offering HDBank Bonds to be issued to the public in 2023.
7. Quyết định số 3672/2024/QĐ-TGD ngày 05/09/2024 của Tổng Giám đốc HDBank về triển khai chào bán Đợt 3.
Decision No. 3672/2024/QĐ-TGD dated September 05, 2024, of the CEO of HDBank on the implementation of the third offering.

HDBank đính kèm các tài liệu này và công bố tại trang thông tin điện tử của HDBank tại đường dẫn:

HDBank attaches herewith the documents and discloses the same on HDBank's website at:

Đường dẫn tiếng Việt: <https://www.hdbank.com.vn/vi/investor/thong-tin-nha-dau-tu/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin-thong-tin-khac>

English Link: <https://www.hdbank.com.vn/en/investor/thong-tin-nha-dau-tu/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin-thong-tin-khac>

006080
IẢN HẠN
GMAI/CÓ
ÁT TRIẾ
ÀNH PH
CHÍ M
P. HỒ C

HDBank cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

HDBank commits that the information stated above is true and takes full responsibilities legally for the contents of the information disclosed.

Nơi nhận:

Recipients:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM
- Ho Chi Minh City Stock Exchange
- Lưu: Văn thư
- Filed: BOD's Secretary

NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP.HCM
HCMC DEVELOPMENT J.S.COMMERCIAL BANK

GIAM ĐỐC TÀI CHÍNH
CHIEF FINANCIAL OFFICER
NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH
PHẠM VĂN ĐÀU



THÔNG BÁO
Chào bán trái phiếu ra công chúng – Đợt 3

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 05/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/01/2024 và văn bản số 6394/UBCK-QLCB ngày 27/09/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước v/v tài liệu báo cáo triển khai thực hiện chào bán Trái phiếu ra công chúng Đợt 3 của HDB)

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

1. Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (“Tổ Chức Phát Hành”)

2. Tên viết tắt: HDBank

3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4. Số điện thoại: (028) 62 915 916

Số fax: (028) 62 915 900

Website: www.hdbank.com.vn

5. Vốn điều lệ: 29.076.321.320.000 VND (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023)

Tính đến ngày 29/03/2024, HDBank đã được UBCKNN thông báo nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của HDB tại văn bản số 1951/UBCK-QLCB. Hiện tại, HDBank đang thực hiện các thủ tục liên quan tại NHNN để thực hiện đăng ký thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động đồng thời cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo mức vốn điều lệ 29.276.321.320.000 đồng.

6. Mã cổ phiếu: HDB

7. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Sở Giao dịch

Số hiệu tài khoản: 119849 (Mã Citad: 79321001)



8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023.

- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động ngân hàng thương mại, hoạt động ngân hàng bán lẻ.
Mã ngành: 64
- Sản phẩm/dịch vụ chính:
 - o Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm huy động vốn, tín dụng, dịch vụ kinh doanh ngoại tệ và thanh toán, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;
 - o Hoạt động ngân hàng bán lẻ: tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng các nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thẻ.

9. Giấy phép thành lập và hoạt động: Giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP cấp ngày 06/06/1992 của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam và được cấp đổi bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN ngày 12/02/2020.

II. Mục đích chào bán

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng tiền thu được từ phát hành trái phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện hệ số an toàn vốn, phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của HDBank.

III. Thông tin chung các Đợt chào bán

1. **Tên Trái Phiếu:** Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023 (“**Trái Phiếu**”).
2. **Loại Trái Phiếu:** Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành.
3. **Mệnh giá Trái Phiếu:** 100.000 VND/Trái Phiếu (Một trăm nghìn đồng một Trái Phiếu).
4. **Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán:** 50.000.000 (năm mươi triệu) Trái Phiếu. Cụ thể:

STT	Đợt	Số lượng Trái Phiếu chào bán	Thời gian dự kiến chào bán
1	Đợt 1	30.000.000	Quý IV/2023 – Quý I/2024
2	Đợt 2	10.000.000	Quý II/2024 – Quý III/2024
3	Đợt 3	10.000.000	Quý II/2024 – Quý IV/2024
Tổng		50.000.000	

IV. Phương án chào bán Đợt 3

1. Tên Trái Phiếu: Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023.

2. Loại Trái Phiếu: Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank theo quy định hiện hành.

3. Mã Trái Phiếu: HDBC7Y202303

4. Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 VND/Trái Phiếu (một trăm nghìn Đồng một Trái Phiếu).

5. Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán: 10.000.000 (mười triệu) Trái Phiếu.

6. Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá: 1.000.000.000.000 VND (một nghìn tỷ Đồng).

7. Kỳ hạn Trái Phiếu: 07 (bảy) năm.

8. Lãi suất: Trái Phiếu có lãi suất thả nổi, áp dụng cho toàn bộ kỳ hạn của Trái Phiếu theo công thức sau:

Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,8%/năm (hai phẩy tám phần trăm một năm)

Trong đó: Lãi Suất Tham Chiếu đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của Các Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Để làm rõ, trong trường hợp website thể hiện nhiều địa điểm/khu vực, ưu tiên lấy lãi suất tại địa bàn nơi các Ngân Hàng Tham Chiếu đó đặt hội sở chính.

Ngân Hàng Tham Chiếu bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Ngày Xác Định Lãi Suất đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu của mỗi Đợt. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.

9. Kỳ trả lãi: Lãi được thanh toán sau hàng năm, định kỳ vào ngày tròn 01 (một) năm kể từ Ngày Phát Hành.

10. Giá chào bán: 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu

11. Phương thức phân phối:

Bán trực tiếp cho Nhà Đầu Tư tại Trụ sở chính/Chi nhánh/Phòng Giao dịch của Tổ Chức Phát Hành và phân phối thông qua Đại Lý Phát Hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội.

12. Số lượng đặt mua tối thiểu:

- Đối với Nhà Đầu Tư cá nhân: tối thiểu 500 (năm trăm) Trái Phiếu, tương đương với 50.000.000 VND (năm mươi triệu Đồng) tính theo mệnh giá;
- Đối với Nhà Đầu Tư tổ chức: tối thiểu 1.000 (một nghìn) Trái Phiếu, tương đương 100.000.000 VND (một trăm triệu Đồng) tính theo mệnh giá.

Để tránh nhầm lẫn, Nhà Đầu Tư chỉ được đăng ký mua số lượng Trái Phiếu chẵn đến hàng đơn vị và tối thiểu là 500 (năm trăm) Trái Phiếu đối với Nhà Đầu Tư cá nhân và tối thiểu là 1.000 (một nghìn) Trái Phiếu đối với Nhà Đầu Tư tổ chức.

13. Thời gian nhận đăng ký mua: Từ ngày 09/10/2024 đến ngày 30/10/2024

14. Địa điểm nhận đăng ký mua Trái Phiếu:

- *Tổ Chức Phát Hành:*
 - Tại các Chi nhánh/Phòng Giao dịch của HDBank trên toàn quốc và trụ sở chính của HDBank. Chi tiết địa chỉ các Chi nhánh/Phòng Giao dịch đăng tải tại <https://hdbank.com.vn/vi/atm-branch>
 - Hotline: 19006060
- *Đại Lý Phát Hành:*

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

- Địa chỉ: Tầng 1 – 5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84 24) 38 181 888 - Số máy lẻ: 105, 111, 123, 112 và 122.

15. Thời gian nhận tiền mua Trái Phiếu: Từ ngày 09/10/2024 đến ngày 30/10/2024

16. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu:

- Số tài khoản: 1013810138
- Tên chủ tài khoản: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh
- Tại: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Tân Định

17. Địa điểm công bố Bản Cáo Bạch:

Bản Cáo Bạch và các tài liệu liên quan khác được đăng tải tại

- Trang thông tin điện tử của Tổ Chức Phát Hành: www.hdbank.com.vn
- Trang thông tin điện tử của Đại Lý Phát Hành: <https://www.shs.com.vn>

V. Các tổ chức liên quan

Tổ Chức Tư Vấn, Đại Lý Phát Hành

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 1 – 5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84 24) 38 181 888 *Fax:* (84 24) 38 181 688

Website: www.shs.com.vn

Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký Trái Phiếu Trước Niệm Yết

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD

Địa chỉ: Số 23 A-B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh và Lầu 9 số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 6283 6888

Fax: (84 24) 6283 8666

Website: www.hdbs.vn

Đơn Vị Kiểm Toán

Công ty TNHH PwC Việt Nam – Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022, năm 2023 và Soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Địa chỉ: Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 28) 3823 0796

Website: www.pwc.com/vn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01. tháng 07. năm 2024

NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



5

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Quốc Thanh

Số: 05 /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 10 tháng 1 năm 2024

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Chào bán Chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng cho:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HO CHI MINH CITY DEVELOPMENT JOINT STOCK COMMERCIAL BANK;

– Tên công ty viết tắt: HDBANK;

– Địa chỉ trụ sở chính: Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;

– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11 tháng 08 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05 tháng 09 năm 2023;

– Vốn điều lệ: 29.076.321.320.000 đồng (Hai mươi chín nghìn không trăm bảy mươi sáu tỷ ba trăm hai mươi một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Điều 2. Trái phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được chào bán ra công chúng theo các nội dung sau:



1. Loại chứng khoán: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ chức phát hành.

2. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu (*Một trăm nghìn đồng*).

3. Tổng số lượng trái phiếu chào bán: 50.000.000 trái phiếu (*Năm mươi triệu trái phiếu*), trong đó:

– Đợt 1: 30.000.000 trái phiếu;

– Đợt 2: 10.000.000 trái phiếu;

– Đợt 3: 10.000.000 trái phiếu.

Sau khi hoàn tất từng đợt, Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả chào bán từng đợt, đồng thời bổ sung các tài liệu có liên quan đến đợt tiếp theo theo quy định.

4. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: 5.000.000.000.000 đồng (*Năm nghìn tỷ đồng*).

5. Thời gian phân phối:

– Đợt 1: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực;

– Đợt 2: Dự kiến Quý II - Quý III năm 2024;

– Đợt 3: Dự kiến Quý II - Quý IV năm 2024.

Thời gian chào bán dự kiến của từng đợt không được kéo dài quá 90 ngày.

6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch.

7. Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội.

Điều 3. Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.

Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành bốn (04) bản gốc: 01 bản cấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và 01 bản gửi cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Thu

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số . 05 . /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 01 năm 2023)

ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày: . . . tháng . . . năm 2023 tại:

1. Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)

Trụ sở chính: Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 62 915 916

Fax: (028) 62 915 900

Website: www.hdbank.com.vn

2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS)

Trụ sở chính: Tầng 1 – 5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 38 181 888

Fax: (0 24) 38 181 688

Website: www.shs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Phạm Văn Đẩu

Chức vụ: Giám đốc Tài chính - HDBank

Điện thoại: (028) 62 915 916

Fax: (028) 62 915 900

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

Tên trái phiếu: Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023.

Đợt 1 – Quý IV/2023 - Quý I/2024

Trái phiếu HDBC7Y202301 có kỳ hạn 07 (bảy) năm dự kiến phát hành trong Quý IV/2023 - Quý I/2024 với tổng mệnh giá tối đa 3.000.000.000.000 VND (ba nghìn tỷ Đồng) ("**Trái Phiếu HDBC7Y202301**")

Đợt 2 – Quý II/2024 – Quý III/2024

Trái phiếu HDBC7Y202302 có kỳ hạn 07 (bảy) năm dự kiến phát hành trong Quý II/2024 – Quý III/2024 với tổng mệnh giá tối đa 1.000.000.000.000 VND (một nghìn tỷ Đồng) ("**Trái Phiếu HDBC7Y202302**")

Đợt 3 – Quý II/2024 – Quý IV/2024

Trái phiếu HDBC7Y202303 có kỳ hạn 07 (bảy) năm dự kiến phát hành trong Quý II/2024 – Quý IV/2024 với tổng mệnh giá tối đa 1.000.000.000.000 VND (một nghìn tỷ Đồng) ("**Trái Phiếu HDBC7Y202303**")

Sau đây được gọi chung là "**Các Trái Phiếu**" và "**Trái Phiếu**" có nghĩa là bất kỳ trái phiếu nào trong số Các Trái Phiếu

Loại trái phiếu: không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank theo quy định hiện hành.

Mệnh giá: 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu

Tổng số lượng Các Trái Phiếu được chào bán: 50.000.000 (năm mươi triệu) Trái Phiếu

Tổng giá trị Các Trái Phiếu được chào bán (tính theo mệnh giá): 5.000.000.000.000 VND (bằng chữ: Năm nghìn tỷ Đồng)

Kỳ hạn Trái Phiếu: 7 (bảy) năm

Lãi suất: Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,8%/năm

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH PwC Việt Nam – Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 và soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2023

Địa chỉ: Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 28) 3823 0796

Website: www.pwc.com/vn

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam – Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Địa chỉ: Tầng 20, Số 2 Hải Triều, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 28) 3824 5252

Fax: (84 24) 3824 5250

Website: www.ey.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN HỒ SƠ CHÀO BÁN VÀ ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS)

Địa chỉ: Tầng 1 - 5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84 24) 38 181 888

Fax: (84 24) 38 181 688

Website: www.shs.com.vn

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	5
1.	Tổ Chức Phát Hành.....	5
2.	Tổ Chức Tư Vấn	5
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1.	Rủi ro về kinh tế.....	6
2.	Rủi ro về luật pháp.....	7
3.	Rủi ro lãi suất.....	8
4.	Rủi ro về tín dụng	9
5.	Rủi ro về ngoại hối.....	10
6.	Rủi ro về thanh khoản	10
7.	Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng	11
8.	Rủi ro của đợt chào bán	11
9.	Rủi ro đối với Trái Phiếu chào bán	11
10.	Rủi ro quản trị ngân hàng.....	13
11.	Rủi ro khác.....	13
III.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	15
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	16
1.	Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành	16
2.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	19
3.	Cơ cấu tổ chức và quản trị của Tổ Chức Phát Hành.....	22
4.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng	25

5.	Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	38
6.	Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành	39
7.	Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	42
8.	Hoạt động kinh doanh	48
9.	Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên:	85
10.	Thông tin thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD và Kế toán trưởng	85
11.	Chính sách chi trả cổ tức	124
12.	Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 (ba) năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	125
13.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành	125
14.	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	126
15.	Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	126
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH		127
1.	Kết quả hoạt động kinh doanh	127
2.	Tình hình tài chính	136
3.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC của Tổ Chức Phát Hành	146
4.	Kết quả xếp hạng tín nhiệm	148
5.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận	148
6.	Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 (ba) năm tiếp theo	150

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	150
1. Các Văn Bản Pháp Lý Liên Quan Đến Đợt Chào Bán	150
2. Định nghĩa.....	151
3. Tên Trái Phiếu.....	154
4. Loại Trái Phiếu	155
5. Mệnh giá	155
6. Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán	155
7. Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá	156
8. Kỳ hạn Trái Phiếu	156
9. Lãi Trái Phiếu	156
10. Kỳ hạn trả Lãi, kỳ hạn trả Gốc và việc thanh toán Lãi, Gốc cho Trái Phiếu	160
11. Giá chào bán	161
12. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động	161
13. Quyền và nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu	161
14. Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký	163
15. Đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch Trái Phiếu	165
16. Hoàn trả, Mua lại trước hạn và Hủy bỏ Trái Phiếu.....	166
17. Phương thức phân phối	167
18. Đăng ký mua Trái Phiếu	168
19. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu.....	170
20. Tài Khoản Phong Toá nhận tiền mua Trái Phiếu.....	173
21. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành.....	173

22.	Các loại thuế có liên quan.....	174
23.	Thông tin cam kết.....	175
24.	Các điều khoản khác.....	176
VII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	181
VIII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	181
1.	Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ Đợt chào bán Trái Phiếu.....	181
2.	Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ Đợt chào bán Trái Phiếu.....	182
IX.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	184
X.	CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG TỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	185
XI.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	186
XII.	PHỤ LỤC.....	188

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****1. Tổ Chức Phát Hành**

Ông Kim ByoungHo: Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Quốc Thanh: Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông Phạm Văn Đầu: Chức vụ: Giám đốc tài chính

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch chào bán trái phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh phát hành ra công chứng năm 2023 ("**Bản Cáo Bạch**") này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản Cáo Bạch.

2. Tổ Chức Tư Vấn**Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

Đại diện pháp luật: Ông Vũ Đức Tiến Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán Trái phiếu ra công chứng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn, đại lý phát hành trái phiếu số 02/2023/HĐTVTC.HS.SHS/HDB ngày 04/08/2023 với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà Đầu Tư mua Trái Phiếu tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư Trái Phiếu, hạn chế về giao dịch Trái Phiếu được đầu tư (nếu có theo quy định của pháp luật) và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

Nhà Đầu Tư tiềm năng nên cân nhắc kỹ lưỡng các yếu tố rủi ro trình bày trong phần này cùng với những thông tin khác được cung cấp trong Bản Cáo Bạch trước khi đầu tư vào Trái Phiếu.

Khi một hoặc nhiều sự kiện nêu dưới đây xảy ra có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành, và có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán tiền gốc và tiền lãi Trái Phiếu. Những vấn đề khác và những rủi ro khác mà Tổ Chức Phát Hành hiện chưa biết đến hoặc cho là không quan trọng và không được trình bày trong Bản Cáo Bạch cũng có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến khoản đầu tư vào Trái Phiếu.

1. Rủi ro về kinh tế

Trong năm 2022, trong bối cảnh kinh tế và chính trị thế giới còn nhiều biến động và diễn biến bất định, nhưng kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ ở hầu hết các ngành. Dịch bệnh cơ bản được kiểm soát, các chính sách hỗ trợ tiếp tục cụ thể hóa, tạo điều kiện phục hồi kinh tế; tăng trưởng GDP năm 2022 đạt 8,02% là mức tăng trưởng cao nhất các năm trong giai đoạn 2011 - 2022; xuất nhập khẩu tiếp tục tăng trưởng tích cực khoảng 9,5% so với cùng kỳ năm trước, đạt 732,5 tỷ USD, cán cân thương mại năm 2022 thặng dư 11,2 tỷ USD; giải ngân vốn FDI tăng trưởng tích cực; tỷ giá và lãi suất huy động tăng khá mạnh tuy nhiên vẫn trong tầm kiểm soát; du lịch phục hồi mạnh mẽ; chỉ số uy tín quốc gia tiếp tục được nâng cao là yếu tố thu hút đầu tư, phát triển kinh tế xã hội thuận lợi hơn, tăng trưởng GDP của Việt Nam là 1 trong những điểm sáng kinh tế của khu vực cũng như thế giới.

Trong năm 2023 và năm 2024, một số rủi ro tiếp tục có khả năng gây ảnh hưởng đến tăng trưởng và ổn định kinh tế Việt Nam bao gồm:

Các rủi ro khách quan: (i) Các rủi ro chính trị, biến động kinh tế có tầm ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu, bao gồm: xu hướng bảo hộ thương mại có chiều hướng gia tăng trên phạm vi toàn cầu; chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc; nguy cơ xảy ra xung đột chính trị và quân sự tại Châu Âu; nguy cơ suy thoái kinh tế tại Châu Âu; xu hướng tăng mạnh lãi suất của các ngân hàng trung ương; các rủi ro này có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến thương mại toàn cầu, gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu và thu hút FDI của Việt Nam; (ii) xu hướng lạm phát cao trên phạm vi toàn cầu tác động lên toàn nền kinh tế, nguy cơ kéo chậm tốc độ tăng trưởng của các quốc gia và có thể dẫn tới suy thoái kinh tế, dự kiến tác động đến thanh khoản và lãi suất thị trường tài chính toàn cầu, gây ảnh hưởng đến lãi suất trong nước; (iii) các hiện tượng/hậu quả của biến đổi khí hậu như trái đất nóng lên, xâm nhập mặn, hạn hán, bão lũ và việc khai thác tài nguyên nước trên thượng nguồn gây ảnh hưởng bất lợi trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp và lan truyền đến các ngành chế biến và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp; và (iv) xung đột Nga - Ukraine kèm theo đó là các biện pháp trừng phạt kinh tế mạnh của phương Tây cũng như những phản ứng của Nga đã gây ra tác động tiêu cực toàn diện và sâu sắc đến kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói

riêng... do đó ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh ngân hàng nói chung và HDBank nói riêng.

Các rủi ro từ nội tại nền kinh tế: (i) rủi ro chất lượng tăng trưởng thấp do tiếp tục phụ thuộc vào tích lũy các yếu tố sản xuất như vốn, lao động kỹ năng thấp, tài nguyên thiên nhiên và đặc biệt là các động lực tăng trưởng từ bên ngoài, thiếu tính bền vững trong khi đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào GDP thấp và chậm được cải thiện; (ii) sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa được cải thiện nhiều, đặc biệt trong bối cảnh quá trình cơ cấu lại nền kinh tế và thực hiện ba đột phá chiến lược mới có kết quả bước đầu: cải cách thể chế còn nhiều vướng mắc, thị trường tài chính phát triển thiếu cân đối, cơ sở hạ tầng chậm được cải thiện, mức độ sẵn sàng về công nghệ và trình độ phát triển của doanh nghiệp còn thấp; và (iii) chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam chưa cao, năng suất lao động thấp, khả năng ứng dụng khoa học công nghệ trong công việc còn hạn chế, đặc biệt trước yêu cầu của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0.

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, trực tiếp tác động tới chi phí đầu vào của các ngành kinh doanh khác, đồng thời chịu sự ảnh hưởng trực tiếp từ các rủi ro khách quan và nội tại của nền kinh tế, bất kỳ một sự thay đổi kinh tế nào cũng có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và triển vọng đợt chào bán và phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành. Tuy nhiên, HDBank hàng năm đều nghiên cứu, phân tích và dự báo triển vọng kinh tế vĩ mô và vi mô để đưa ra các kịch bản hoạt động Ngân hàng tương ứng để kịp thời điều chỉnh kế hoạch kinh doanh trên toàn hệ thống.

2. Rủi ro về luật pháp

Hiện nay, Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ, do vậy hệ thống pháp luật của Việt Nam đang không ngừng được hoàn thiện nhằm nội luật hóa các cam kết của Việt Nam tại các điều ước quốc tế nhằm hướng tới mục tiêu hoàn thiện một khung pháp lý mới chặt chẽ hơn cho các TCTD tại Việt Nam, trong đó có các ngân hàng TMCP như HDBank.

Trong những năm gần đây, Quốc hội Việt Nam đã thông qua một số đạo luật quan trọng nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho môi trường kinh doanh và hoạt động của các TCTD tại Việt Nam, bao gồm: Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12; Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Đầu tư số 61/2020/QH14; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Luật Đất đai số 45/2013/QH13; Luật Nhà ở số 65/2014/QH13; Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13. Năm 2017, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD. Theo đó, Luật các TCTD năm 2010 được sửa đổi theo hướng yêu cầu tiêu chuẩn cao hơn đối với lãnh đạo ngân hàng, bổ sung các quy định cho phép can thiệp sớm hơn đối với TCTD yếu kém và biện pháp cơ cấu lại TCTD được kiểm soát đặc biệt... Sau khi Luật các TCTD sửa đổi được ban hành,

dự kiến Chính phủ và NHNN sẽ sớm ban hành các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện. Do đó, cơ sở pháp lý về hoạt động của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, trong đó có HDBank trong thời gian tới sẽ tiếp tục có những thay đổi tích cực.

Với đặc thù là một nền kinh tế đang phát triển và đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ nên mặc dù Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh trong lĩnh vực này nhưng có thể đánh giá, hệ thống pháp luật về ngân hàng tại Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để dần đáp ứng các chuẩn mực quốc tế. Do vậy, đây vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối với các Nhà Đầu Tư liên quan đến vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Để giảm thiểu những rủi ro do luật pháp mang lại, HDBank luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng và đặt việc tuân thủ lên hàng đầu trong mọi quyết định hoạt động kinh doanh. Đồng thời, HDBank đã xây dựng Phòng Pháp chế thuộc Hội sở và các Phòng chính sách thuộc các Khối nghiệp vụ tại Hội sở, có trách nhiệm theo dõi, cập nhật pháp luật mới, các sửa đổi, bổ sung và kịp thời rà soát, sửa đổi bổ sung quy định nội bộ để phù hợp với quy định pháp luật trong từng thời kỳ và tổ chức triển khai quy định mới/thay đổi trong toàn Ngân hàng cho toàn bộ cán bộ nhân viên. Bên cạnh đó, trong vận hành hoạt động hỗ trợ tín dụng, HDBank đã thành lập các Trung tâm quản lý và hỗ trợ tín dụng, thực hiện công tác pháp lý chứng từ, nhằm tập trung kiểm soát hồ sơ và thực hiện các thủ tục pháp lý cho các khoản cấp tín dụng và giao dịch bảo đảm. HDBank cũng đã xây dựng hệ thống biểu mẫu cho các nghiệp vụ hoạt động kinh doanh, cho các giao dịch với khách hàng và không ngừng rà soát định kỳ hệ thống và chuẩn hóa bộ mẫu biểu, phù hợp quy định pháp luật, an toàn cho giao dịch và phục vụ tốt hơn cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

3. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là khả năng giảm thu nhập do lãi suất huy động, lãi suất cho vay thay đổi theo thị trường và chịu tác động bởi các yếu tố khác như cấu trúc, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất của tài sản nợ và tài sản có.

Rủi ro lãi suất được đo lường bằng mức độ chênh lệch (ở từng thời điểm trong tương lai) giữa tổng số dư các khoản cấp tín dụng (tài sản có) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, so với tổng số dư các khoản huy động (tài sản nợ) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, còn gọi là chênh lệch kỳ điều chỉnh lãi suất (Re-pricing Gap). Do vậy, nếu ngân hàng phải điều chỉnh tăng lãi suất huy động, trong khi không/chưa điều chỉnh lãi suất cho vay thì dẫn đến giảm thu nhập.

HDBank quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc xây dựng hệ thống quản lý tài sản nợ và tài sản có (được công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tư vấn) bao gồm tổ chức Hội đồng ALCO, phòng quản

lý tài sản nợ và tài sản có nhằm giám sát thường xuyên chênh lệch kỳ điều chỉnh lãi suất nêu trên và đưa ra các biện pháp kinh doanh hiệu quả với chênh lệch lãi suất ròng (NIM) hiệu quả nhất, đồng thời hạn chế rủi ro lãi suất.

4. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với HDBank.

Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ môi trường pháp lý cho hoạt động tín dụng chưa hoàn thiện; thông tin được cung cấp không đầy đủ, trung thực; khách hàng cố tình không trả nợ, chủ ý lừa đảo Ngân hàng; sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực hoặc toàn cầu; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng; thiên tai địch họa hoặc dịch bệnh như dịch Covid-19 gây tác động tới toàn bộ nền kinh tế toàn cầu, hoặc các yếu tố bất khả kháng khác. Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ vay của HDBank và đòi hỏi HDBank phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Để quản lý, kiểm soát rủi ro tín dụng, HDBank triển khai chặt chẽ công tác quản trị rủi ro tín dụng xuyên suốt từ Hội sở đến các Đơn vị kinh doanh (ĐVKD):

- Cơ cấu tổ chức liên quan hoạt động cấp tín dụng chặt chẽ từ Phòng giao dịch đến Chi nhánh, Khu vực, Hội sở đảm bảo nguyên tắc độc lập giữa các khâu Quan hệ Khách hàng – Thẩm định – Phê duyệt – Giải ngân – Quản lý và Xử lý nợ.
- Cơ chế phê duyệt chủ yếu tập trung về Hội sở và phân quyền phê duyệt cụ thể cho các cấp thẩm quyền phê duyệt.
- Hệ thống sản phẩm tín dụng, quy định tín dụng, các quy trình liên quan cấp tín dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, nhằm đảm bảo thực hiện theo chuẩn mực, mẫu biểu, thời gian, trách nhiệm cụ thể.
- Thiết lập hệ thống xếp hạng tín dụng (do công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tư vấn) và Hướng dẫn thẩm định tín dụng theo thông lệ quốc tế, nhằm đánh giá chính xác mức độ tin cậy và tính khả thi của phương án vay vốn của khách hàng.
- Thiết lập hệ thống các giới hạn cấp tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng có thể chấp nhận được đối với một khách hàng, một nhóm khách hàng liên quan, một ngành nghề, hoặc một mục đích sử dụng vốn vay cụ thể.
- Thiết lập hệ thống kiểm soát giải ngân từng khoản vay, giám sát từ xa, kiểm tra khách hàng sau cho vay, kiểm tra tại chỗ các chi nhánh ... nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các rủi ro và

dự báo sớm những thay đổi về mức độ tin cậy của từng khách hàng, bên cạnh việc kiểm tra, định giá lại tài sản đảm bảo thường xuyên.

5. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động tỷ giá đối với trạng thái ngoại hối của Ngân hàng. Trạng thái ngoại hối là chênh lệch giữa tổng tài sản có và tổng tài sản nợ của từng loại ngoại tệ/vàng, bao gồm cả các cam kết ngoại bảng tương ứng.

Để hạn chế rủi ro này, HDBank đã xây dựng quy trình kinh doanh ngoại hối thông qua ba khâu độc lập: Kinh doanh (Front) – Kiểm soát (Middle) – Hỗ trợ (Back) và thiết lập chính sách quản lý tập trung, các giao dịch với khách hàng trên hạn mức đều được thực hiện cân bằng trạng thái với Hội sở chính, cuối ngày toàn bộ trạng thái ngoại hối tại chi nhánh được chuyển về Hội sở chính. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành ban hành các hạn mức cho rủi ro ngoại hối phù hợp với khẩu vị rủi ro của ngân hàng như hạn mức giao dịch với đối tác trong ngày, hạn mức trạng thái cuối ngày, hạn mức dừng lỗ (stoploss) v.v.

6. Rủi ro về thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do HDBank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao để thực hiện nghĩa vụ đó.

Rủi ro thanh khoản được đo lường bằng mức độ chênh lệch (ở từng thời điểm trong tương lai) giữa tổng số tiền ngân hàng thu về (tài sản có), so với tổng số tiền ngân hàng phải chi trả (tài sản nợ), còn gọi là chênh lệch kỳ hạn thu chi. Chênh lệch này xảy ra do nhiều nguyên nhân: (i) người gửi tiền và/hoặc người vay tiền không thực hiện đúng thời hạn rút tiền/trả tiền; (ii) ngân hàng muốn đa dạng hóa và tối đa hóa kỳ hạn huy động, kỳ hạn cho vay dùng các khoản huy động ngắn hạn (có lãi suất thấp và luôn sẵn có) để cho vay trung dài hạn (có lãi suất cao và nguồn thường không nhiều).

HDBank quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc xây dựng hệ thống quản lý tài sản nợ và tài sản có (được công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tư vấn) bao gồm tổ chức Hội đồng ALCO, phòng Quản lý Tài sản có & Tài sản nợ nhằm giám sát thường xuyên chênh lệch kỳ hạn nêu trên và đưa ra các biện pháp kinh doanh hiệu quả nhất đồng thời hạn chế rủi ro thanh khoản. Kể từ khi thành lập và đi vào hoạt động, Ngân hàng luôn bảo đảm duy trì khả năng thanh khoản và luôn tuân thủ các quy định về các chỉ số và quản lý thanh khoản của NHNN.

Bên cạnh đó, HDBank cũng đã xây dựng Kế hoạch phòng chống khủng hoảng thanh khoản, trong đó xác định các nguồn vốn dự phòng, các thủ tục và nguyên tắc thực hiện, các cấp thẩm quyền có trách nhiệm xử lý kịp thời, hiệu quả.

7. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Rủi ro từ hoạt động ngoại bảng chủ yếu là một dạng rủi ro tín dụng đối với việc phát hành thư bảo lãnh, tín dụng thư (L/C) và các cam kết cấp tín dụng khác cho khách hàng. Các hình thức cấp tín dụng này được hạch toán ngoại bảng. Trường hợp khách hàng thực hiện không đầy đủ và/hoặc không đúng thời hạn đối với bên thụ hưởng theo cam kết nêu trên, thì HDBank buộc phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho khách hàng. Lúc đó, các khoản cam kết ngoại bảng này sẽ trở thành các khoản trả nợ trả thay (còn gọi là khoản cho vay bắt buộc) và được chuyển sang hạch toán nội bảng như là một khoản vay quá hạn.

Để phòng chống rủi ro này, Ngân hàng áp dụng các biện pháp tương tự như đối với rủi ro tín dụng, bên cạnh việc yêu cầu khách hàng phải ký quỹ, có tài sản bảo đảm phù hợp và xác định rất chặt chẽ các điều khoản trong hợp đồng bảo lãnh/cam kết cấp tín dụng.

8. Rủi ro của đợt chào bán

Trong đợt phát hành Trái Phiếu ra công chúng lần này, HDBank không có đơn vị bảo lãnh phát hành Trái Phiếu nên sẽ có rủi ro về khả năng thành công của đợt chào bán trong trường hợp không bán hết số lượng Trái Phiếu dự kiến phát hành. Trong trường hợp không chào bán hết số lượng Trái Phiếu đã đăng ký, HDBank sẽ điều chỉnh kế hoạch huy động vốn phù hợp với tình hình thực tế của thị trường.

Nguồn vốn huy động được từ việc phát hành trái phiếu được sử dụng để bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện hệ số an toàn vốn, phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của HDBank. Do đó, việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cũng đi kèm với những rủi ro chung gắn liền với hoạt động ngân hàng như rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất...

9. Rủi ro đối với Trái Phiếu chào bán

Trái Phiếu là Nợ Thử Cấp, không được bảo đảm

Trái Phiếu xác nhận nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không có bảo đảm và trong mọi trường hợp, quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác của Tổ Chức Phát Hành.

Do đó, trong trường hợp HDBank phá sản hoặc giải thể, có khả năng tỷ lệ nợ được thu hồi của Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể sẽ thấp hơn so với các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác của HDBank. Quyền ưu tiên thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng tương ứng xếp sau quyền ưu tiên thanh toán của các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm của HDBank. Trái Phiếu cũng không hạn chế giá trị các khoản nợ được xếp quyền ưu tiên thanh toán trước Trái Phiếu mà HDBank có thể gánh chịu hoặc tiếp nhận.

Bên cạnh đó, cấu trúc Trái Phiếu có thể có những rủi ro cho Người Sở Hữu Trái Phiếu, cụ thể:

- Trái Phiếu chỉ được HDBank mua lại trước hạn với điều kiện sau khi thực hiện mua lại vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định và báo cáo NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để giám sát; và
- HDBank được ngừng trả lãi Trái Phiếu và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi Trái Phiếu dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính đó của HDBank bị lỗ.

Tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp

Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp và không có gì bảo đảm rằng Trái Phiếu sẽ được giao dịch sôi động như kỳ vọng của Tổ Chức Phát Hành. Trên thị trường thứ cấp, Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình hoạt động của HDBank và thị trường của các loại chứng khoán tương tự.

Phát hành thêm chứng khoán

Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về vốn hiện hành theo pháp luật Việt Nam (kể cả các văn bản hướng dẫn của NHNN) hoặc phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, tùy từng thời điểm HDBank có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc phát hành thêm chứng khoán nợ (có thể có các điều khoản khác hoặc tương tự so với Các Trái Phiếu đang phát hành) hoặc các công cụ tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin được phê duyệt theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì bảo đảm rằng các hoạt động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

Lãi Trái Phiếu có thể phải chịu thuế

Việc thanh toán lãi đối với Trái Phiếu có thể bị khấu trừ hoặc khấu lưu thuế nếu pháp luật có yêu cầu.

Lãi suất áp dụng cho Trái Phiếu

Lãi suất của Trái Phiếu được áp dụng thả nổi theo công thức đã quy định. Do đó, lãi suất của Trái Phiếu có thể thay đổi (tăng hoặc giảm) theo như diễn biến của nền kinh tế vĩ mô Việt Nam cũng như diễn biến thị trường trong từng giai đoạn tại thời điểm xác định lãi suất.

Ngoài ra, hiện chưa có quy định cụ thể nào về việc áp dụng trần lãi suất đối với trái phiếu có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên do TCTD và doanh nghiệp phát hành. Tuy nhiên để thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt theo từng thời kỳ, trong tương lai, NHNN có thể quy định mức trần lãi suất áp

dụng đối với trái phiếu do TCTD và doanh nghiệp phát hành và không loại trừ việc quy định mới này có thể bị áp dụng hồi tố đối với Các Trái Phiếu.

Bảo hiểm tiền gửi

Nhà đầu tư cần biết rằng lợi ích được hưởng từ Trái Phiếu không phải là đối tượng được bảo hiểm theo Chế độ Bảo hiểm Tiền gửi.

10. Rủi ro quản trị ngân hàng

Quản trị ngân hàng liên quan đến những biện pháp nội bộ để điều hành và kiểm soát công ty trong các mối quan hệ giữa Ban TGD, HDQT và các cổ đông của Ngân hàng với các bên có quyền lợi liên quan.

Rủi ro quản trị ngân hàng thường xảy ra trong trường hợp xung đột lợi ích giữa các mối quan hệ nêu trên, ảnh hưởng đến mục tiêu vì lợi ích công, lợi ích của Tổ Chức Phát Hành. Xung đột lợi ích được thể hiện ở các vấn đề như: giao dịch có nguy cơ tư lợi; lạm dụng tài sản hoặc cơ hội của Tổ Chức Phát Hành phục vụ lợi ích riêng và cạnh tranh với Tổ Chức Phát Hành. Việc không kiểm soát được các xung đột nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, bí mật kinh doanh và cơ hội kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

Để giảm thiểu rủi ro, HDBank luôn chủ động tăng cường xây dựng tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, thực hiện nghiêm túc các quy định quản trị nội bộ, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Đồng thời, HDBank luôn thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của một công ty đại chúng quy mô lớn trong việc công khai, minh bạch và công bố thông tin định kỳ, bất thường về quản trị công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán.

11. Rủi ro khác

Rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro do hoạt động kinh doanh của Ngân hàng tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro của Ngân hàng.

Để phòng ngừa rủi ro tập trung, HDBank xây dựng chiến lược quản lý rủi ro tập trung dựa trên nguyên tắc đa dạng hóa danh mục tín dụng nhằm phân tán rủi ro. Theo đó, cơ cấu các ngành nghề lĩnh vực trong nền kinh tế luôn được Ngân hàng chú trọng và phân bổ. Định kỳ hàng năm, Ngân hàng thiết lập hạn mức rủi ro tập trung tín dụng theo khách hàng, khách hàng và người có liên quan/ ngành/ lĩnh vực kinh tế phù hợp với các quy định của NHNN và quy định nội bộ của HDBank; đồng thời, thường xuyên theo dõi cơ cấu danh mục tín dụng đa chiều, tình hình thực

hiện hạn mức để có biện pháp xử lý kịp thời đối với các trường hợp vượt quá hạn mức rủi ro tập trung.

Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro liên quan đến những sự cố gây ra tổn thất, có thể xảy ra trong quá trình hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của ngân hàng. Rủi ro hoạt động có thể xuất phát từ các nguyên nhân như: do cán bộ nhân viên (sai sót khi tác nghiệp hoặc khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, cố tình gian lận); do hệ thống máy móc thiết bị/công nghệ thông tin bị hư hỏng do hệ thống quy định/quy trình không hiệu quả, hoặc do bên ngoài tác động (thiên tai, bất khả kháng, kẻ gian v.v.).

Để hạn chế rủi ro trên, HDBank đã triển khai Khung quản lý rủi ro hoạt động, bao gồm: chủ động rà soát hệ thống quy định/quy trình nhằm phát hiện sớm rủi ro (RCSA); Tổ chức thu thập sự cố đã xảy ra và rút kinh nghiệm phòng chống (LDC); Xây dựng các Chỉ số rủi ro chính để giám sát các dấu hiệu rủi ro tiềm ẩn (KRI); Xây dựng các kế hoạch đảm bảo hoạt động liên tục để sẵn sàng ứng phó những tình huống khẩn cấp (BCP); Tổ chức giám sát các hoạt động đáng ngờ để phát hiện sai sót, gian lận nếu có (SAM).

HDBank đã ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp và khung kỷ luật đối với từng mức độ vi phạm nhằm định hướng và răn đe việc không tuân thủ. Bên cạnh đó, HDBank đã thường xuyên tổ chức đào tạo, truyền thông về ý thức quản lý rủi ro và phương pháp quản lý rủi ro cho toàn thể cán bộ nhân viên từ cấp nhân viên đến cấp quản lý.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của các yếu tố thị trường như lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường.

HDBank thực hiện việc kiểm soát rủi ro thị trường trên nguyên tắc độc lập giữa đơn vị thực hiện giao dịch và đơn vị kiểm soát rủi ro. Công tác kiểm tra, giám sát, đo lường trạng thái rủi ro và xây dựng các kịch bản kiểm thử được thực hiện thường xuyên, liên tục. Hệ thống các hạn mức rủi ro thị trường liên tục được rà soát, điều chỉnh hoặc thiết lập các hạn mức mới đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành cũng như thực tế hoạt động và kiểm soát độc lập đảm bảo tính tuân thủ và hạn chế rủi ro cho Ngân hàng.

Rủi ro sự kiện bất khả kháng

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, động đất, hạn hán, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố... mặc dù hiếm khi xảy ra nhưng nếu có sẽ tác động và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của HDBank. Nhằm ứng phó với các rủi ro bất

khả kháng ở trên, Ngân hàng đã thiết lập các kịch bản ứng phó với từng trường hợp nhằm sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp xảy ra.

Rủi ro cụ thể khác tại Việt Nam

Thuế tại Việt Nam

Pháp luật về thuế và các quy định của Việt Nam tiếp tục được bổ sung và hướng dẫn do có những vấn đề nảy sinh trong quá trình triển khai và thực hiện. Bất kỳ thay đổi nào về pháp luật thuế của Việt Nam dẫn đến thay đổi nghĩa vụ thuế và tình trạng thuế của HDBank có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của HDBank.

Hạn chế chuyển tài sản về nước

Đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài đầu tư vào Trái Phiếu, quyền chuyển tiền thu được từ các khoản đầu tư hay thu nhập từ các khoản đầu tư vào Trái Phiếu từ Việt Nam ra nước ngoài sẽ phải chịu sự điều chỉnh và hạn chế theo các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối (bao gồm cả việc mở tài khoản đầu tư gián tiếp tại TCTD được phép, chuyển đổi ngoại tệ) và có thể là đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật thuế Việt Nam (bao gồm nhưng không giới hạn bởi thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam).

DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- “HDBank”, “Tổ Chức Phát Hành”, “Ngân hàng”, “Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh”: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh
- “ĐHĐCĐ”: Đại hội đồng Cổ đông
- “HĐQT”: Hội đồng Quản trị
- “ATM”: Máy rút tiền tự động
- “HNX”: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- “HĐTD”: Hội Đồng Tín Dụng
- “ISO”: Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng
- “NHNN”: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- “NHTM”: Ngân hàng thương mại

- “ALCO”: Hội Đồng Quản Lý Tài Sản Và Nợ Phải Trả
- “BKS”: Ban Kiểm soát
- “BCTC”: Báo cáo tài chính
- “CASA”: Tiền gửi không kỳ hạn
- “CAR”: Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu
- “CCCD”: Căn cước công dân
- “CMND”: Chứng minh nhân dân
- “CNTT”: Công nghệ Thông tin
- “CTCP”: Công ty Cổ phần
- “ĐVKD”: Đơn vị Kinh doanh
- “LNTT”: Lợi nhuận trước thuế
- “LNST”: Lợi nhuận sau thuế
- “L/C”: Tín Dụng Thư (Letter Of Credit)
- “PGD”: Phòng Giao dịch
- “Sở KH&ĐT”: Sở kế hoạch và Đầu tư
- “HĐTV”: Hội đồng Thành viên
- “MTV”: Một thành viên
- “NIM”: Biên lợi nhuận ròng
- “NPL”: Tỷ lệ nợ xấu
- “TCTD”: Tổ chức tín dụng
- “TGD”: Tổng Giám đốc
- “TMCP”: Thương mại Cổ phần
- “TNHH”: Trách nhiệm hữu hạn
- “TTS”: Tổng Tài sản
- “USD”: Đồng đô la Mỹ
- “UBCKNN”: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- “UBND”: Ủy Ban Nhân Dân
- “VND”: Đồng Việt Nam
- “VSDC”: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam hoặc Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, tùy từng trường hợp áp dụng
- “VCSH”: Vốn Chủ sở hữu
- “TSCĐ”: Tài sản cố định

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Tên viết tắt: HDBank

Tên viết bằng tiếng nước ngoài: Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank

Mã cổ phiếu: HDB

Sàn niêm yết cổ phiếu: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

HDBank

Cam kết lợi ích cao nhất

Logo:

Vốn điều lệ: 29.076.321.320.000 VND (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023)

Trụ sở chính: Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 62 915 916

Fax: (028) 62 915 900

Website: www.hdbank.com.vn

Mã số thuế: 0300608092

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc Thanh - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Lĩnh vực hoạt động chính:

- Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài.
- Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - Cho vay;
 - Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - Bảo lãnh ngân hàng;
 - Phát hành thẻ tín dụng;
 - Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế khi được NHNN cho phép;
 - Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được NHNN chấp thuận.
- Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
- Cung ứng các phương tiện thanh toán.
- Cung ứng dịch vụ thanh toán sau đây:

- Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
- Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác sau khi được NHNN chấp thuận.
- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước: Ngân hàng được vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN Việt Nam.
- Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính: Ngân hàng được vay vốn của tổ chức tín dụng khác, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
- Mở tài khoản:
 - Ngân hàng mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì trên tài khoản tiền gửi này số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc. Chi nhánh của Ngân hàng mở tài khoản tiền gửi tại Chi nhánh NHNN Tỉnh, Thành phố, nơi đặt trụ sở của Chi nhánh.
 - Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
 - Ngân hàng được mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
- Tổ chức và tham gia các hệ thống thanh toán.
 - Ngân hàng được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
 - Ngân hàng được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế sau khi được NHNN chấp thuận.
- Tham gia thị trường tiền tệ: Ngân hàng được tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc; mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh
 - Ngân hàng thương mại được kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các sản phẩm sau đây khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản: Ngoại hối; Phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.
 - Việc cung ứng dịch vụ ngoại hối của Ngân hàng cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

- Nghiệp vụ ủy thác và đại lý: Ngân hàng được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của NHNN; được ủy thác và nhận ủy thác cho vay theo quy định của NHNN.
- Kinh doanh bất động sản: Ngân hàng không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:
 - Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng;
 - Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của Ngân hàng;
 - Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định quy định phục vụ trực tiếp cho hoạt động không quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đối với Ngân hàng.
- Các hoạt động kinh doanh khác của Ngân hàng
 - Dịch vụ quản lý tiền mặt, dịch vụ môi giới tiền tệ, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
 - Tư vấn tài chính doanh nghiệp; tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
 - Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán trái phiếu với mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của NHNN; mua trái phiếu với mục đích đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của NHNN.
 - Hoạt động mua nợ.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 47/QĐ-UB của UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/02/1989, Giấy phép thành lập và hoạt động ban đầu số 00019/NH-GP (“Giấy phép”) do NHNN cấp ngày 06/06/1992 và được thay thế bởi Giấy phép số 26/GP-NHNN ngày 12/02/2020 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN ngày 12/02/2020. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày của Giấy phép đầu tiên.



Sau hơn 30 năm hoạt động, HDBank đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP tầm trung ở Việt Nam với vốn điều lệ đạt hơn 29.076 tỷ Đồng. Tại ngày 30/09/2023, Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 02 Văn phòng đại diện (gồm 01 văn phòng đại diện khu vực miền Bắc và 01 văn phòng đại diện của HDBank tại Myanmar), 77 Chi nhánh, 267 Phòng Giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước. Số lượng nhân viên là 16.802 người.

Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

Năm 1989

- HDBank được thành lập theo Quyết định số 47/QĐ-UB ngày 11/02/1989 với tên gọi Ngân hàng Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2011

- Ngày 19/09/2011, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp quyết định chấp thuận sửa đổi tên Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh thành "Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh".
- HDBank đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Năm 2016

- HDBank được Moody's xếp hạng tín nhiệm tiền gửi dài hạn ở mức B2 với triển vọng ổn định.

Năm 1992

- HDBank nhận giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP ngày 06/06/1992 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp, chính thức chuyển đổi thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 5 tỷ đồng.

Năm 2013

- Mua lại 100% vốn Công ty SGVF của Tập đoàn Société Générale (Pháp) để trở thành công ty con của HDBank mang tên HDFinance.
- Sáp nhập Ngân hàng TMCP Đại Á (DaiABank) vào HDBank, tăng vốn điều lệ lên 8.100 tỷ đồng.

Năm 2017

- Ngân hàng tăng vốn điều lệ lên 8.829 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để chia cổ tức 7% và

Năm 2010

- HDBank tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng theo công văn số 6554/NHNN-TTGSNH ngày 27/08/2010 của NHNN Việt Nam cấp.
- HDBank thực hiện việc phát hành thẻ và cung cấp các dịch vụ bảo hiểm.

Năm 2015

- HDBank chuyển nhượng thành công 49% vốn điều lệ tại HDFinance cho Credit Saison Co., Ltd. (Nhật Bản) và 1% vốn điều lệ cho Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. HDFinance chính thức thay đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và thay đổi tên thành HD Saison.

Năm 2018

- Ngân hàng chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TPHCM (HOSE) với mã HDB và

cổ phiếu thưởng 2% cho cổ đông hiện hữu.

- Ngân hàng tăng vốn điều lệ lên 9.810 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

nằm trong nhóm 20 cổ phiếu vốn hóa lớn nhất HOSE.

- Moody's công bố nâng bậc xếp hạng tiền gửi dài hạn (nội và ngoại tệ), xếp hạng rủi ro đối tác (CRR) và đánh giá rủi ro đối tác (CRA) của HDBank lên B1, triển vọng Ổn định.

Năm 2019

- HDBank đánh dấu cột mốc kỷ niệm 30 năm ngày thành lập ngân hàng với văn phòng đại diện đầu tiên tại Myanmar, đóng góp những hiệu quả thiết thực vào hoạt động đầu tư, giao thương giữa hai quốc gia, đồng thời quảng bá thương hiệu HDBank ra thị trường quốc tế.

- Ngân hàng chính thức được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận cho HDBank áp dụng Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 ("Thông tư 41") (Basel II) từ ngày 01/10/2019.

Năm 2022

- Kết quả kinh doanh cao nhất từ trước đến nay, gia nhập câu lạc bộ ngân hàng có lợi nhuận trước thuế vượt 10 nghìn tỷ đồng.
- Là một trong bốn ngân hàng lãnh mạnh được Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước tin tưởng lựa chọn

Năm 2020

- Tăng vốn điều lệ lên hơn 16.088 tỷ đồng.
- Phát hành thành công 160 triệu USD trái phiếu quốc tế - là tổ chức tín dụng có khối lượng phát hành thành công lớn nhất trong năm.

Năm 2023

- Lũy kế 9 tháng đầu năm 2023, Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của HDBank đạt 6.888 tỷ đồng, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Đến tháng 9/2023, HDBank đã hoàn tất áp

Năm 2021

- Tăng vốn điều lệ lên hơn 20.073 tỷ đồng.
- Phát hành thành công 165 triệu USD trái phiếu quốc tế.
- Cơ quan xếp hạng tín nhiệm Moody's nâng triển vọng xếp hạng HDBank từ Ổn định lên Tích cực.

tham gia Đề án tái cơ cấu hệ thống Ngân hàng Thương mại.

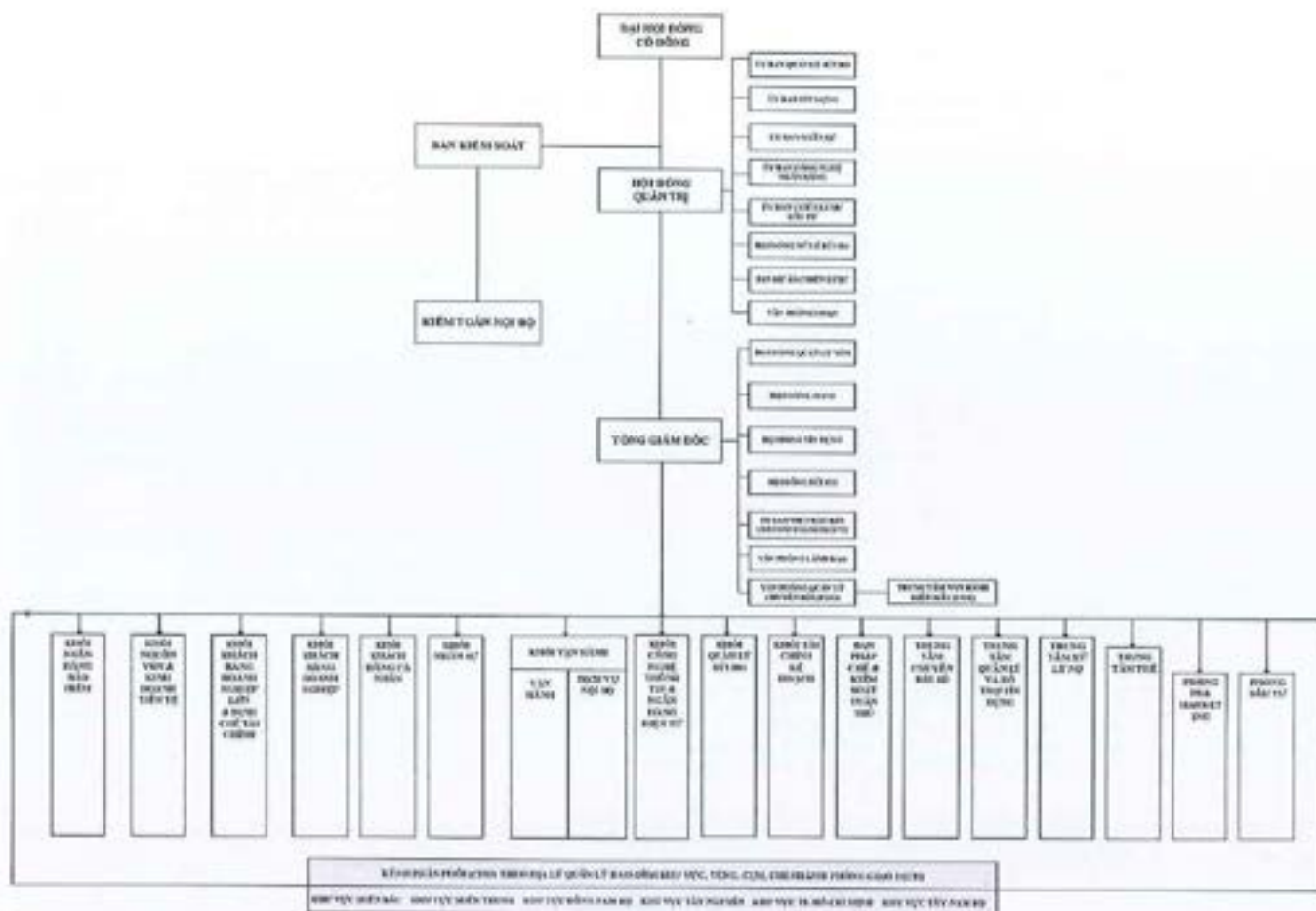
- Khẳng định uy tín thương hiệu và vị thế trên thị trường với nhiều giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế.

dụng toàn diện Basel III - các chuẩn mực quản trị rủi ro quốc tế cao nhất tại Việt Nam hiện nay. Các chỉ số an toàn hoạt động tại 30/09/2023 của HDBank đều tốt đáng kể so với quy định của NHNN. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hợp nhất đạt 12,3%, thuộc nhóm dẫn đầu trên thị trường và cao hơn trên 50% so với mức quy định tối thiểu 8%.

3. Cơ cấu tổ chức và quản trị của Tổ Chức Phát Hành

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Hình 1: Cơ cấu tổ chức và quản trị của HDBank



HDBank có 10 Khối, 03 Phòng/Ban và 04 Trung tâm chức năng:

- Khối Ngân hàng bảo hiểm;
- Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ;
- Khối Khách hàng doanh nghiệp lớn và Định chế tài chính;
- Khối Khách hàng Doanh nghiệp;
- Khối Khách hàng Cá nhân;
- Khối Nhân sự;
- Khối Quản lý rủi ro;
- Khối Tài chính Kế hoạch;
- Phòng Đầu tư;
- Phòng Marketing;
- Ban Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ;
- Trung tâm Chuyển đổi số;

- Khối Vận hành;
- Khối Công nghệ thông tin và Ngân hàng điện tử;
- Trung tâm Thẻ;
- Trung tâm Quản lý và Hỗ trợ tín dụng;
- Trung tâm Xử lý nợ.

Các Khối thuộc sự điều hành của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Khối. Mỗi Khối chức năng được chia làm nhiều phòng, được phân chia theo định hướng khách hàng và thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn riêng trong mục tiêu chung của Ngân hàng, nhằm đảm bảo phát huy tối đa những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên trong việc phục vụ Khách hàng. Giữa các Khối có sự trao đổi thông tin thường xuyên thông qua các cuộc họp Ban Điều hành và họp giao ban giữa các Khu vực Miền Bắc, Khu vực Miền Trung, Khu vực Đông Nam Bộ và Tây Nguyên, Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và Khu vực Tây Nam Bộ.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng

Hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của HDBank



Đại Hội Đồng Cổ Đông

DHĐCD gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng. HĐĐCD có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;
- Phê chuẩn/phê duyệt quy chế quản trị nội bộ, quy chế/quy định về tổ chức và hoạt động của HĐQT, BKS;
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT, BKS từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, thành viên BKS phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;
- Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS;
- Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Ngân hàng;
- Thông qua phương án thay đổi mức Vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
- Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;
- Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;
- Thông qua báo cáo của HĐQT, BKS về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- Quyết định thành lập Công ty con;
- Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, TCTD khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với Vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với Vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên HĐQT,

thành viên BKS, Tổng Giám đốc; cổ đông lớn; người có liên quan của Người quản lý, thành viên BKS, cổ đông lớn của Ngân hàng; Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng;

- Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể (thanh lý và chỉ định người thanh lý) hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;
- Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;
- Chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Hội Đồng Quản Trị

HĐQT là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- Trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Ngân hàng lên ĐHĐCĐ;
- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định việc thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký HĐQT và Người quản lý, Người điều hành khác theo quy định nội bộ của HĐQT. Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, TCTD khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, TCTD khác;

- Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng từ 10% (mười phần trăm) trở lên so với Vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng quy định tại Điểm o Khoản 3 Điều 27 của Điều lệ Ngân hàng;
- Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Khoản 7 Điều 128 của Luật các TCTD (đã được sửa đổi, bổ sung), trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ quy định tại Điều lệ Ngân hàng;
- Thông qua các hợp đồng của Ngân hàng với Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng; các hợp đồng của Ngân hàng với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết;
- Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc;
- Trực tiếp giám sát phê duyệt tín dụng đối với các khoản cấp tín dụng do Ban Tổng Giám đốc phê duyệt cho Khách hàng hoặc Khách hàng và Người có liên quan có giá trị từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng hoặc mức giá trị khác theo quyết định của HĐQT;
- Ban hành quy chế tài chính, các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của BKS hoặc của ĐHĐCĐ;
- Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng;
- Xem xét, phê duyệt Báo cáo thường niên;
- Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật;
- Đề nghị Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu của Ngân hàng;
- Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng, gồm cả quyết định về giá;
- Đề xuất việc phát hành cổ phần, trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng;

- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu tại Công ty con của Ngân hàng, quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty con;
- Quyết định việc điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trong nội bộ Ngân hàng hoặc giữa các Công ty con, liên kết độc lập của Ngân hàng;
- Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS;
- Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ; triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ;
- Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- Thực hiện các kiến nghị của BKS đối với HĐQT tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho BKS về kết quả thực hiện các kiến nghị này;
- Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc;
- Giải quyết các khiếu nại của Ngân hàng đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Ngân hàng để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý với người điều hành đó;
- Quyết định mức bồi thường mà người gây ra tổn thất về tài sản đối với khoản nợ có trách nhiệm phải bồi thường cho Ngân hàng trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn chứng minh các tổn thất này theo quy định pháp luật về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo ủy quyền, phân công, phân cấp, giao cho theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, quy định của pháp luật (nếu có).

Ban Kiểm Soát

BKS là cơ quan đại diện cho cổ đông, có trách nhiệm như sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

- Ban hành quy định nội bộ của BKS; định kỳ hàng năm xem xét lại quy định nội bộ của BKS, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận Kiểm toán Nội bộ;
- Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- Thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hàng năm của Ngân hàng; báo cáo ĐHCĐ về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên ĐHCĐ;
- Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu;
- Kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện Người quản lý Ngân hàng có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có;
- Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên góp vốn và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc của Ngân hàng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này;
- Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập ĐHCĐ bất thường theo quy định của Luật các TCTD và Điều lệ của Ngân hàng;
- Triệu tập ĐHCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng;
- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng và của pháp luật (nếu có).

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và 9 Phó Tổng Giám đốc quản lý điều hành các Khối/Trung tâm nghiệp vụ và các khu vực của Ngân hàng. Kế toán trưởng thực hiện quản lý về mặt tài chính - kế toán trong toàn hệ thống HDBank. Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đều

là những chuyên gia với kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, pháp lý, kinh doanh. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng;
- Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả;
- Lập và trình HĐQT thông qua hoặc đề báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;
- Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo;
- Báo cáo HĐQT, BKS, ĐHĐCĐ và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Ngân hàng;
- Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo HĐQT;
- Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ngân hàng trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ quyết định theo thẩm quyền;
- Đề nghị HĐQT họp bất thường theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Cán bộ nhân viên của Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và BKS;
- Ký kết hợp đồng nhân danh Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng và quy định nội bộ của Ngân hàng;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng;
- Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền;
- Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, tại Điều lệ của Ngân hàng, các quy chế nội bộ của Ngân hàng, các quyết định của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Ngân hàng.
- **Các Ủy ban:** Tham mưu và giúp việc cho HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.
- **Các Hội đồng:** Tham mưu và giúp việc cho Tổng Giám đốc trong các vấn đề do từng Hội đồng phụ trách.
- **Khối Ngân hàng và Bảo hiểm**

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển khách hàng, quan hệ đối tác và các sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm một cách toàn diện, phù hợp với sự tăng trưởng về quy mô của Khối và sự phát triển của thị trường bảo hiểm.
- Ban hành các quy định, quy trình, chính sách và quản lý việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ có liên quan đến bảo hiểm.
- Triển khai toàn bộ các hoạt động kinh doanh, phối hợp với các Khối để phát triển dịch vụ theo đúng định hướng và chiến lược, đảm bảo đạt được chỉ tiêu về tài chính/phi tài chính và tiết kiệm chi phí cho ngân hàng.
- Kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh bảo hiểm trên toàn hệ thống Ngân hàng, đảm bảo vận hành đúng quy định của HDBank và các quy định của pháp luật.
- Là đầu mối để xử lý hoặc báo cáo lãnh đạo cấp cao hơn để có ý kiến chỉ đạo đối với các sự kiện tranh chấp, khiếu kiện (nếu phát sinh).
- **Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tiền tệ**
 - Tham mưu về tình hình kinh tế vĩ mô, thị trường bao gồm phân tích, đánh giá và dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô và dự báo thị trường từng thời kỳ cho Ban điều hành.
 - Xây dựng kế hoạch kinh doanh và triển khai đến từng Trung tâm/ Phòng ban thuộc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tiền tệ thực hiện.
 - Đại diện ngân hàng tham gia trực tiếp trên các thị trường nguồn vốn, tiền tệ, ngoại hối, thị trường vốn để thực hiện các giao dịch với các đối tác thị trường.
 - Thực hiện giao dịch kinh doanh ngoại hối, giấy tờ có giá, công cụ nợ chính phủ và các sản phẩm phái sinh nhằm tìm kiếm lợi nhuận.
 - Thực hiện phát hành Giấy tờ có giá để huy động vốn cho HDBank.
 - Thực hiện các giao dịch vốn với các Định chế tài chính trong nước và thị trường quốc tế.
 - Thực hiện quản lý, xây dựng, triển khai bán các sản phẩm ngoại hối và phái sinh tại các đơn vị kinh doanh trong toàn hệ thống.
- **Khối Khách hàng Doanh nghiệp Lớn và Định chế Tài chính**
 - Tham mưu cho Ban điều hành và thực hiện việc tiếp thị, quản lý, phát triển và duy trì khách hàng doanh nghiệp lớn (định nghĩa theo quy mô doanh thu của doanh nghiệp) trong các lĩnh vực huy động vốn, cấp tín dụng, hợp tác đầu tư và các dịch vụ ngân hàng khác.
 - Phát triển quan hệ khách hàng với các định chế tài chính: Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Tổ chức Tài chính Quốc tế... để khai thác các nguồn vốn theo hình thức ủy thác, cho vay lại...và bán chéo sản phẩm.

- Nghiên cứu, thiết kế và phát triển sản phẩm, dịch vụ; đào tạo và hướng dẫn cho đơn vị trong việc triển khai cung ứng sản phẩm, dịch vụ; hoạch định và theo dõi kết quả kinh doanh của các sản phẩm, dịch vụ.
- Hỗ trợ các Đơn vị kinh doanh bao gồm cả việc phát triển sản phẩm và mạng lưới khách hàng.
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Khối Khách hàng Doanh nghiệp**
 - Tham mưu cho Ban điều hành và nghiên cứu, xây dựng chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển các sản phẩm, dịch vụ và kênh phân phối đối với Khách hàng Doanh nghiệp (vừa và nhỏ) trong toàn hệ thống.
 - Xây dựng kế hoạch kinh doanh và triển khai thực hiện đến từng đơn vị trong toàn hệ thống.
 - Tư vấn, cung cấp thông tin, giải đáp thắc mắc, khiếu nại của khách hàng doanh nghiệp về các sản phẩm, dịch vụ khách hàng doanh nghiệp của HDBank qua các kênh phụ trách, qua các hình thức liên lạc của khách hàng.
 - Tham gia cùng các Đơn vị trong hệ thống cho các dự án cải tiến chất lượng, sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng doanh nghiệp.
 - Thực hiện thẩm định và tái thẩm định để xét cấp tín dụng cho Khách hàng Doanh nghiệp trong toàn hệ thống.
 - Thực hiện các báo cáo, phân tích liên quan đến hoạt động của toàn bộ dịch vụ khách hàng doanh nghiệp thuộc phạm vi Khối quản lý.
- **Khối Khách hàng Cá nhân**
 - Nghiên cứu, xây dựng chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển các sản phẩm, dịch vụ và kênh phân phối đối với Khách hàng Cá nhân trong toàn hệ thống.
 - Xây dựng kế hoạch kinh doanh và triển khai thực hiện đến từng đơn vị trong toàn hệ thống.
 - Thực hiện thẩm định và tái thẩm định để xét cấp tín dụng cho Khách hàng Cá nhân trong toàn hệ thống.
 - Đầu mối tiếp nhận kiến nghị, đề xuất của đơn vị kinh doanh liên quan đến quy trình, chính sách, sản phẩm bán lẻ... đến các đơn vị liên quan và các cấp lãnh đạo.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Trung tâm Chuyển đổi số**
 - Duy trì và triển khai chiến lược số của HDBank, đảm bảo nguồn kinh phí ổn định cho dự án.

- Xây dựng năng lực số và kỹ năng chuyên môn trong HDBank: Phân tích dữ liệu, Tuyên bố giá trị số, Chuyển đổi, Sản phẩm số.
- Phối hợp với các đơn vị thành viên trong tập đoàn Sovico để cùng triển khai các sáng kiến số hóa.
- Triển khai phương thức làm việc linh hoạt để đảm bảo việc triển khai sáng kiến số hóa nhanh chóng và phù hợp với thực tiễn.
- Nghiên cứu và xác định nhu cầu của khách hàng để đúc kết và phát triển sản phẩm số phù hợp.
- Xây dựng các dự phóng về sản phẩm, định giá chi phí dịch vụ để ban hành chính sách phù hợp với sản phẩm nhằm nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.
- Lấy khách hàng làm trọng tâm để thiết kế, triển khai và chịu trách nhiệm về các sáng kiến số hóa, bao gồm: Số hóa hành trình khách hàng, các kênh số (di động, trực tuyến), các sản phẩm số theo lĩnh vực kinh doanh.
- Thực hiện các chương trình truyền thông sản phẩm thông qua các kênh số và giám sát kết quả truyền thông số để đảm bảo hiệu quả của sản phẩm.
- Thiết lập và duy trì các quan hệ đối tác, phối hợp xây dựng các chính sách bán hàng theo khối, chuỗi để đảm bảo hiệu quả.
- Phối hợp với Trung tâm phát triển ứng dụng để xây dựng sản phẩm số và đưa vào phát triển kinh doanh, phân tích kết quả kinh doanh sản phẩm số để có các chương trình thúc đẩy kinh doanh phù hợp.
- **Khối Nhân sự**
 - Tham mưu cho Ban điều hành trong việc hoạch định cơ cấu tổ chức của HDBank.
 - Tham mưu cho Ban điều hành trong việc xây dựng, ban hành các chính sách, kế hoạch về quản lý và phát triển nguồn nhân lực, chính sách đãi ngộ cho Cán bộ nhân viên.
 - Thực hiện công tác quản lý nhân sự, tiền lương và phúc lợi cho người lao động làm việc tại HDBank.
 - Hoạch định và khai thác nguồn nhân lực, thực hiện công tác tuyển dụng nhân sự.
 - Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo nhân sự.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Phòng Đầu tư**
 - Thực hiện hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch và chương trình hành động hàng năm để đảm bảo thực hiện đúng chiến lược kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp do Ban điều hành giao.
- Hỗ trợ tư vấn nghiệp vụ đầu tư trái phiếu doanh nghiệp cho Đơn vị kinh doanh (ĐVKD).
- Tham gia quản trị, quản lý doanh nghiệp nhận góp vốn theo đề cử của Ngân hàng.
- Hỗ trợ Đơn vị kinh doanh định giá cổ phiếu để cấp tín dụng cho khách hàng.
- Hỗ trợ Khối Khách hàng doanh nghiệp/Khối Khách hàng doanh nghiệp lớn & Định chế tài chính liên quan đến các dự án (trong phạm vi nghiệp vụ Phòng Đầu tư) như: xây dựng chính sách, quy định, quy trình đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, dịch vụ liên quan đến chứng khoán.
- Tham mưu xây dựng các phương án mua bán, sát nhập, tái cơ cấu doanh nghiệp mà HDBank tham gia.
- **Phòng Marketing**
 - Tham mưu, xây dựng kế hoạch, chiến lược tổng thể phát triển thương hiệu, định vị thương hiệu của HDBank trên thị trường trong nước và quốc tế.
 - Xây dựng các kế hoạch, chương trình và thực hiện các kế hoạch quảng cáo nhằm quảng bá thương hiệu sản phẩm dịch vụ của HDBank đến khách hàng.
 - Tổ chức PR, các sự kiện, truyền thông cho toàn hệ thống HDBank.
 - Quản lý và thực thi các chiến dịch marketing ngắn hạn, dài hạn cho các khối kinh doanh.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Trung tâm Thẻ**
 - Tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc trong việc hoạch định chính sách, kế hoạch, giải pháp phát triển kinh doanh dịch vụ thẻ.
 - Nghiên cứu phát triển hệ thống kênh chấp nhận thẻ và các sản phẩm dịch vụ thẻ.
 - Nghiên cứu xây dựng các chương trình marketing các sản phẩm thẻ.
 - Tổ chức quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn và hỗ trợ đơn vị kinh doanh trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh dịch vụ thẻ, hỗ trợ và chăm sóc khách hàng sử dụng dịch vụ thẻ toàn hệ thống.
 - Quản lý và vận hành hoạt động kinh doanh thẻ toàn hệ thống.
 - Xử lý, thu hồi nợ, cảnh báo rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động.
- **Khối Vận hành**
 - Quản lý dịch vụ khách hàng và ngân quỹ.
 - Quản lý, tổ chức các nghiệp vụ thanh toán trong nước và quốc tế của HDBank.

- Thực hiện công tác thẩm định giá: tham mưu cho Ban điều hành xây dựng chính sách, quy định, quy trình về giá, trực tiếp tham gia định giá tài sản đảm bảo.
 - Quản lý công tác hành chính, quản trị, lễ tân, mua sắm, xây dựng cơ bản.
 - Định hướng, xây dựng, triển khai, hỗ trợ và quản lý các hoạt động quản lý chất lượng liên quan đến khách hàng bên ngoài và khách hàng nội bộ của toàn ngân hàng.
 - Xây dựng và phát triển mạng lưới.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Trung tâm Quản lý và Hỗ trợ tín dụng**

Trung tâm Quản lý và hỗ trợ tín dụng là đơn vị trực thuộc Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm xử lý nghiệp vụ Quản lý và hỗ trợ tín dụng (sau khi có quyết định cấp tín dụng) cho tất cả các Đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống của HDBank (trừ các hồ sơ thuộc thẩm quyền của Đơn vị kinh doanh), thực hiện các chức năng chính sau:

- Là Trung tâm xử lý tập trung công tác hỗ trợ tín dụng toàn hệ thống, soạn thảo Hợp đồng, các văn bản có liên quan, Ký kết và thực hiện các thủ tục bảo đảm tiền vay (Công chứng, đăng ký Biện pháp bảo đảm, phong tỏa ...), Quản lý tập trung tài sản bảo đảm.
 - Thực hiện các thủ tục để chiết khấu, xác nhận phát hành L/C, phát hành Thư bảo lãnh, giải ngân... theo đúng các điều kiện của Quyết định cấp tín dụng và quy định của HDBank, thực hiện một số công việc quản lý khoản cấp tín dụng sau giải ngân, phát hành bảo lãnh/LC.....
 - Xây dựng các quy định, quy trình, cẩm nang hướng dẫn, tư vấn về nghiệp vụ quản lý và hỗ trợ tín dụng.
 - Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghiệp vụ quản lý và hỗ trợ tín dụng của các Phòng thuộc Trung tâm Quản lý và Hỗ trợ Tín dụng và các Đơn vị kinh doanh.
- **Khối Công nghệ thông tin và Ngân hàng điện tử**
- Vận hành và khai thác các phần mềm ứng dụng Corebanking.
 - Vận hành và giám sát toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin.
 - Phân tích, khai thác và mô tả các yêu cầu về xây dựng, liên kết, hợp tác các ứng dụng phần mềm trong và ngoài hệ thống HDBank, đối với các đối tác nội bộ và bên ngoài.
 - Công tác quản trị mạng, dịch vụ hệ thống mạng, an toàn và bảo mật thông tin.
 - Đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống mạng toàn hệ thống.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.

- **Trung tâm Xử lý nợ**
 - Thực hiện chức năng giám sát nợ: Theo dõi và cảnh báo nợ; Đốc thúc nợ quá hạn từ 01 đến 60 ngày; Tổng hợp, phân tích, đánh giá, báo cáo tình hình nợ toàn hệ thống.
 - Thực hiện chức năng quản lý nợ
 - Tiếp nhận khoản nợ quá hạn 61 ngày trở lên hoặc khoản nợ tuy chưa quá hạn đến 61 ngày nhưng cần phải thực hiện phân luồng sớm.
 - Báo cáo tình hình quản lý nợ phát sinh tại đơn vị.
 - Phân tích, đánh giá, đề xuất phương án xử lý trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
 - Theo dõi, giám sát và đôn đốc ĐVKD hoặc các đơn vị có liên quan trong việc thực hiện các biện pháp xử lý nợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
 - Thực hiện chức năng xử lý nợ: Thực hiện chức năng xử lý nợ cụ thể đối với các hồ sơ nợ xấu, tham gia tố tụng, thực hiện biện pháp thu giữ TSBD... theo phương án xử lý nợ đã được phê duyệt.
- **Khối Quản lý rủi ro**
 - Tham mưu xây dựng và triển khai các chính sách về quản lý rủi ro của HDBank, hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với khách hàng cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp hệ thống các quy định, các giới hạn, định mức phê duyệt về cấp tín dụng, về tài sản bảo đảm, chính sách phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng, giới hạn của danh mục cấp tín dụng, hệ thống thông tin, dữ liệu, công cụ, mô hình đo lường rủi ro tín dụng.
 - Giám sát, cảnh báo về quản lý rủi ro, các vi phạm giới hạn nội bộ và pháp luật.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Ban Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ**
 - Tham mưu Hội đồng Quản trị và Ban điều hành trong việc xây dựng và ban hành các văn bản định chế, các sản phẩm kinh doanh và các mẫu biểu của HDBank theo quy định của pháp luật.
 - Rà soát các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ của HDBank và đề xuất Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, các Đơn vị nghiệp vụ kịp thời sửa đổi, bổ sung để đảm bảo và phù hợp với những thay đổi của quy định pháp luật, quy định của NHNN, quy định và chính sách của HDBank.
 - Tư vấn pháp lý cho các hoạt động của các Khối, Đơn vị trong toàn hệ thống HDBank nhằm đảm bảo tính hợp pháp và an toàn trong hoạt động của HDBank.

- Kiểm soát tính pháp lý đối với các hợp đồng, thỏa thuận, cam kết, biểu mẫu văn bản giao dịch khi HDBank ký kết hoặc ban hành nhằm đảm bảo quyền lợi cho HDBank và tuân thủ pháp luật.
 - Chịu trách nhiệm trong công tác kiểm soát tuân thủ của hệ thống.
 - Thực hiện nhiệm vụ trong công tác quản lý, theo dõi hoạt động phòng chống rửa tiền.
 - Giám sát việc thực hiện các kiến nghị của thanh tra, kiểm tra, để đánh giá mức độ tuân thủ thực hiện chỉnh sửa, khắc phục các vấn đề vi phạm tuân thủ đã được phát hiện của Đơn vị.
 - Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và các Cơ quan hữu quan đối với các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Kiểm soát tuân thủ.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Khối Tài chính kế hoạch**
 - Tham mưu cho Ban điều hành, xây dựng các tiêu chí, lập kế hoạch phát triển kinh doanh của Ngân hàng.
 - Theo dõi tình hình hoạt động của các đơn vị trong hệ thống, phân tích, đánh giá đo lường kết quả kinh doanh.
 - Tổng hợp số liệu, lập báo cáo các công việc liên quan đến quản trị, hoạt động kinh doanh của ngân hàng theo yêu cầu của HĐQT, Ban điều hành và cấp có thẩm quyền.
 - Xây dựng các chính sách chế độ kế toán của HDBank.
 - Thực hiện các công tác liên quan đến việc thanh toán, công tác kế toán và thuế, lập báo cáo tài chính và số cái của Ngân hàng, báo cáo thống kê định kỳ.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
5. **Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối**

Danh sách các công ty trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán (năm 2021 và năm 2022) và đến thời điểm hiện tại, kèm thông tin cụ thể tính đến thời điểm năm giữ gần nhất bao gồm:

5.1. **Thông tin về công ty mẹ của Tổ Chức Phát Hành:** Không có

5.2. **Thông tin về công ty con của Tổ Chức Phát Hành:**

Tại ngày 31/12/2021, HDBank có 2 công ty con là Công ty Tài chính TNHH HD SAISON và Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển TP.HCM.

Bảng 1: Danh sách công ty con

STT	Tên công ty	Giấy phép đăng ký kinh doanh	Thời điểm	Tỷ lệ % sở hữu của HDBank	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu HDB
1	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON <i>Ngày thành lập:</i> 13/07/2007 <i>Lĩnh vực hoạt động:</i> Tài chính/ Ngân hàng	Số 0304990133 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp	31/12/2021	50%	0%
			31/12/2022	50%	0%
			30/09/2023	50%	0%
2	Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (*) <i>Ngày thành lập:</i> 13/09/2010 <i>Lĩnh vực hoạt động:</i> Quản lý tài sản	Số 3602376446 do Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp	31/12/2021	100%	0%
			31/12/2022	2%	0%
			30/09/2023	2%	0%

Nguồn: HDBank

(*) Trong năm 2022, Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển TP.HCM đã chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty TNHH sang công ty cổ phần, tăng vốn điều lệ và không còn là công ty con của HDBank.

Tại ngày 30/09/2023, HDBank chỉ có 1 công ty con là Công ty Tài chính TNHH HD SAISON.

5.3. Thông tin về những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành: Không có

5.4. Thông tin về những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối: Không có

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

HDBank được thành lập năm 1992 với vốn điều lệ là 3.000.000.000 VND. Trải qua các lần tăng vốn, Ngân hàng đã nâng số vốn điều lệ thực góp lên 29.076.321.320.000 VND.

Chi tiết quá trình tăng vốn được trình bày dưới đây:

Bảng 2: Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ kể từ khi thành lập

Đợt tăng	Giá trị vốn tăng thêm (Đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (Đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
Tháng 02/1989	3.000.000.000	3.000.000.000	Thành lập	NHNN
Tháng 06/1992	2.000.000.000	5.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 10/1993	5.008.000.000	10.008.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 04/1994	11.608.000.000	21.616.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 01/1998	20.458.000.000	42.074.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 08/1998	7.652.000.000	49.726.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 02/1999	10.000.000.000	59.726.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 06/2002	10.300.000.000	70.026.000.000	Phát hành riêng lẻ	NHNN
Tháng 12/2004	79.997.000.000	150.023.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 08/2005	50.236.000.000	200.259.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 12/2005	99.741.000.000	300.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 12/2006	200.000.000.000	500.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	NHNN, UBCK
Tháng 11/2007	500.000.000.000	1.000.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và Phát hành cho cán bộ công nhân viên	NHNN, UBCK

Đợt tăng	Giá trị vốn tăng thêm (Đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (Đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
Tháng 10/2008	550.000.000.000	1.550.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và Phát hành cho cán bộ công nhân viên	NHNN, UBCK
Tháng 08/2010	450.000.000.000	2.000.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	NHNN, UBCK
Tháng 01/2011	1.000.000.000.000	3.000.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và Phát hành cho cán bộ công nhân viên	NHNN, UBCK
Tháng 06/2012	2.000.000.000.000	5.000.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và Phát hành cho cán bộ công nhân viên	NHNN, UBCK
Tháng 12/2013	3.100.000.000.000	8.100.000.000.000	Phát hành riêng lẻ để hoán đổi cổ phiếu NHTMCP Đại Á để sáp nhập	NHNN, UBCK
Tháng 10/2017	728.999.810.000	8.828.999.810.000	Thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Trả cổ tức bằng cổ phiếu	NHNN, UBCK
Tháng 12/2017	980.999.980.000	9.809.999.790.000	Phát hành riêng lẻ	NHNN, UBCK
Tháng 10/2020	2.897.763.860.000	12.707.763.650.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu	NHNN, UBCK
Tháng 12/2020	3.380.724.530.000	16.088.488.180.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	NHNN, UBCK
Tháng 10/2021	3.984.418.240.000	20.072.906.420.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	NHNN, UBCK
Tháng 06/2022	200.000.000.000	20.272.906.420.000	Phát hành thêm cho cán bộ công nhân viên	NHNN, UBCK

Đợt tăng	Giá trị vốn tăng thêm (Đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (Đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
Tháng 11/2022	5.030.522.800.000	25.303.429.220.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	NHNN, UBCK
Tháng 7/2023	3.772.892.100.000	29.076.321.320.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	NHNN, UBCK

- Kể từ khi thành lập đến nay, Ngân hàng không có đợt giảm vốn điều lệ nào.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán: Không có.

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

7.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 3: Cơ cấu sở hữu cổ phiếu phổ thông của HDBank tại ngày 22/12/2023

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ phiếu quỹ	1	15.081.522	0,52
2	Trong nước	19.989	2.325.090.911	79,97
a	Cá nhân trong nước	19.866	1.095.492.754	37,68
b	Tổ chức trong nước	123	1.229.598.157	42,29
3	Nước ngoài	671	567.459.699	19,52
a	Cá nhân nước ngoài	554	3.819.173	0,13
b	Tổ chức nước ngoài, trong đó:	117	563.640.526	19,38
	<i>Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</i>	4	192.399	0,01
	Tổng cộng	20.661	2.907.632.132	100,0

Nguồn: Danh sách cổ đông của HDBank do VSDC cung cấp tại ngày 22/12/2023

7.2.Cổ phiếu ưu đãi

- Ngân hàng không có cổ phiếu ưu đãi

7.3.Các loại chứng khoán khác**7.3.1.Trái phiếu phát hành ra công chúng**

- Khối lượng trái phiếu phát hành ra công chúng đang lưu hành: 0 VND

7.3.2.Trái phiếu phát hành riêng lẻ

- Khối lượng trái phiếu phát hành riêng lẻ đang lưu hành tại thời điểm 25/12/2023: 32.860.913.000.000 VND
- Đặc điểm:
 - + 13.300.000.000.000 VND là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành.
 - + 11.731.663.000.000 VND là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành.
 - + 7.829.250.000.000 VND là trái phiếu chuyển đổi, không kèm chứng quyền và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành.

Bảng 4: Chi tiết các loại trái phiếu đang lưu hành tại thời điểm 25/12/2023

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
I	Năm 2019				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDB1924_01	5.000.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	HDB1924_02	12.400.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	HDB1926_03	1.000.000.000	Cố định	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	HDB1924_04	10.000.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành

5	HDB1924_05	663.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
6	HDB1924_06	1.500.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
7	HDB1924_07	1.500.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
II Năm 2020					
Trái phiếu riêng lẻ					
1	Certificate No.1	722.700.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
2	Certificate No.2	1.565.850.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
3	Certificate No.3	1.565.850.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
4	HDB2025	1.500.000.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm, không kèm chứng quyền
III Năm 2021					
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBL2124004	300.000.000.000	Cổ định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	HDBL2125005	300.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành

3	HDBH2124006	2.000.000.000.000	Cổ định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	HDBH2124007	2.000.000.000.000	Cổ định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
5	HDBH2126008	1.000.000.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
6	HDBL2125010	400.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
7	HDBL2125015	600.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
8	HDBL2125017	600.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
9	HDBL2125020	1.000.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
10	HDBL2129009	120.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
11	HDBL2128018	500.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành

12	HDBD2126019	3.974.850.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
IV Năm 2022					
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBL2225002	1.500.000.000.000	Cổ định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	HDBL2225003	1.100.000.000.000	Cổ định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	HDBH2227007	1.000.000.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	HDBL2230001	180.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
5	HDBL2232004	100.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
6	HDBL2232005	26.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
7	HDBL2229006	100.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành

8	HDBL2229008	50.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
9	HDBL2232009	34.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
10	HDBL2229013	10.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
V	Năm 2023				
1	HDBL2330001	2.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
2	HDBL2330002	500.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
3	HDBL2330003	500.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
4	HDBL2331004	1.500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
5	HDBL2331005	2.322.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank

6	HDBL2331006	848.600.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
7	HDBL2331007	2.534.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
8	HDBL2331008	375.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
Tổng		32.860.913.000.000			

Nguồn: HDBank

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

8.1.1. Loại sản phẩm, dịch vụ

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện đầy đủ các giao dịch của một ngân hàng thương mại theo quy định Pháp luật hiện hành, trong đó bao gồm: huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

a) Cơ cấu doanh thu

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu của HDBank giai đoạn 2021 - 9 tháng/2023 (Công ty mẹ)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ Đồng)			Tỷ trọng (%)		
		2021	2022	9T/2023	2021	2022	9T/2023
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	21.777	28.274	32.932	85,3%	85,1%	87,0%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.468	2.546	1.374	5,7%	7,7%	3,6%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	856	1.211	1.681	3,4%	3,6%	4,5%

4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	182	116	176	0,7%	0,3%	0,5%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	560	484	1.186	2,2%	1,5%	3,1%
6	Thu nhập từ hoạt động khác	306	233	104	1,2%	0,7%	0,3%
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	384	357	384	1,5%	1,1%	1,0%
	Tổng cộng thu nhập hoạt động	25.533	33.221	37.837	100,0%	100,0%	100,0%

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của HDBank

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu của HDBank giai đoạn 2021 – 9 tháng/2023 (Hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ Đồng)			Tỷ trọng (%)		
		2021	2022	9T/2023	2021	2022	9T/2023
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	26.176	33.323	37.081	86,1%	85,4%	87,2%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.128	3.308	2.005	7,0%	8,5%	4,7%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	849	1.195	1.678	2,8%	3,1%	4,0%
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	182	116	176	0,6%	0,3%	0,4%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	560	484	1.186	1,9%	1,2%	2,8%
6	Thu nhập từ hoạt động khác	496	588	392	1,6%	1,5%	0,9%
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	7	9	0,0%	0,0%	0,0%
	Tổng cộng thu nhập hoạt động	30.391	39.021	42.527	100,0%	100,0%	100,0%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của HDBank

b) Cơ cấu thu nhập thuần

Bảng 7: Cơ cấu thu nhập thuần của HDBank giai đoạn 2021 – 9 tháng/2023 (Công ty mẹ)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ Đồng)			Tỷ trọng (%)		
		2021	2022	9T/2023	2021	2022	9T/2023
1	Thu nhập lãi thuần	10.015	13.381	11.067	80,2%	80,4%	78,5%
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.268	2.196	966	10,2%	13,2%	6,8%
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	214	205	404	1,7%	1,2%	2,9%
4	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	101	17	134	0,8%	0,1%	1,0%

5	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	477	313	1.056	3,8%	1,9%	7,5%
6	Lãi thuần từ hoạt động khác	21	181	86	0,2%	1,1%	0,6%
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	384	357	384	3,1%	2,1%	2,7%
	Tổng cộng thu nhập thuần	12.480	16.650	14.097	100,0%	100,0%	100,0%

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của HDBank

Bảng 8: Cơ cấu thu nhập thuần của HDBank giai đoạn 2021 – 9 tháng/2023 (Hợp nhất)

STT	Chi tiêu	Giá trị (tỷ Đồng)			Tỷ trọng (%)		
		2021	2022	9T/2023	2021	2022	9T/2023
1	Thu nhập lãi thuần	13.891	18.012	14.712	82,9%	82,0%	81,0%
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.927	2.957	1.596	11,5%	13,5%	8,8%
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	179	134	281	1,1%	0,6%	1,6%
4	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	101	17	134	0,6%	0,1%	0,7%
5	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	477	313	1.056	2,8%	1,4%	5,8%
6	Lãi thuần từ hoạt động khác	183	528	368	1,1%	2,4%	2,0%
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	7	9	0,0%	0,0%	0,1%
	Tổng cộng thu nhập thuần	16.758	21.968	18.156	100,0%	100,0%	100,0%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của HDBank

8.1.2. Hoạt động huy động vốn

Ngân hàng đang tập trung khai thác thị trường nội địa, nguồn vốn huy động hiện tại của HDBank phần lớn từ thị trường trong nước, trung bình chiếm khoảng 93%/năm. Nguồn huy động từ thị trường nước ngoài chiếm tỷ trọng 7%/năm, một tỷ lệ khiêm tốn nhưng cao hơn nhiều ngân hàng có quy mô tương tự trong ngành. Đây cũng là một trong những ưu thế của HDBank.

a) Nguồn vốn huy động

Hoạt động huy động vốn là một trong những hoạt động chủ đạo trong quá trình vận hành kinh doanh của HDBank. Nguồn vốn huy động của HDBank bao gồm:

- o Tiền gửi và vay NHNN
- o Tiền gửi và vay các TCTD khác
- o Tiền gửi của khách hàng
- o Phát hành giấy tờ có giá

Theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, tổng giá trị huy động vốn tại thời điểm 31/12/2022 của HDBank đạt 363.433 tỷ VND, tăng 9,0% so với cuối năm 2021, tập trung chủ yếu vào nguồn vốn huy

động từ Thị trường I (Tiền gửi của Khách hàng và Phát hành Giấy tờ có giá), chiếm khoảng 71,6% tổng nguồn vốn huy động. Trong đó, về loại tiền tệ chủ yếu là Đồng Việt Nam chiếm 91,42% tổng nguồn vốn huy động, tương đương với 332.260 tỷ Đồng. Tại thời điểm 30/09/2023, tổng giá trị vốn huy động (hợp nhất) của HDBank đạt 445.414 tỷ VND, tăng 22,6% so với cuối năm 2022.

Bảng 9: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		% tăng/ giảm	30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Loại hình							
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	93	0,0%	10.821	3,0%	11535,5%	30	0,0%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	104.883	32,1%	88.490	24,9%	-15,6%	49.406	11,3%
Tiền gửi của khách hàng	183.291	56,0%	215.797	60,7%	17,7%	341.713	78,0%
Phát hành Giấy tờ có giá	38.963	11,9%	40.674	11,4%	4,4%	46.685	10,7%
Tổng cộng	327.230	100,0%	355.782	100,0%	8,7%	437.834	100,0%
II. Trong nước/Ngoài nước							
Trong nước	307.940	94,1%	332.652	93,5%	8,0%	403.544	92,2%
Ngoài nước	19.290	5,9%	23.130	6,5%	19,9%	34.290	7,8%
Tổng cộng	327.230	100,0%	355.782	100,0%	8,7%	437.834	100,0%

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của HDBank

Bảng 10: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		% tăng/ giảm	30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Loại hình							
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	92	0,0%	10.821	3,0%	11662,0%	30	0,0%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	107.243	32,2%	92.653	25,5%	-13,6%	51.538	11,6%
Tiền gửi của khách hàng	183.283	55,0%	215.797	59,3%	17,7%	341.713	76,7%
Phát hành Giấy tờ có giá	42.756	12,8%	44.162	12,2%	3,3%	52.133	11,7%
Tổng cộng	333.374	100,0%	363.433	100,0%	9,0%	445.414	100,0%
II. Trong nước/Ngoài nước							
Trong nước	313.490	94,0%	338.664	93,2%	8,0%	409.622	92,0%
Ngoài nước	19.884	6,0%	24.769	6,8%	24,6%	35.792	8,0%
Tổng cộng	333.374	100,0%	363.433	100,0%	9,0%	445.414	100,0%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của HDBank

b) Huy động từ Phát hành Giấy tờ có giá

Theo số liệu hợp nhất trong năm 2022, HDBank đã phát hành thành công 12.891 tỷ VND Trái phiếu và Chứng chỉ tiền gửi, nâng tổng số dư Giấy tờ có giá phát hành tại thời điểm 31/12/2022 lên gần 44.162 tỷ VND. Điều này không chỉ giúp bổ sung nguồn vốn huy động trung dài hạn tương ứng với nhu cầu cho vay, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả mà còn giúp HDBank đa dạng hóa các sản phẩm huy động vốn để nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng và là thước đo uy tín, vị thế, thương hiệu của Ngân hàng trên thị trường.

Tại thời điểm 30/09/2023, huy động từ phát hành Giấy tờ có giá (theo số liệu BCTC hợp nhất) đạt 52.133 tỷ VND, tăng 18,1% so với cuối năm 2022.

c) Huy động từ tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn huy động, chiếm trung bình 57,2% tổng nguồn vốn huy động của HDBank (hợp nhất) trong giai đoạn 2021–2022. Huy động từ tiền gửi khách hàng tăng trưởng liên tục, ổn định đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động tín dụng và các hoạt động đầu tư.

Tại ngày 30/09/2023, tổng tiền gửi của khách hàng trên BCTC hợp nhất của HDBank đạt 341.713 tỷ VND, tăng 58,3% so với cuối năm 2022 và chiếm 76,7% tổng nguồn vốn huy động.

Bảng 11: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Công ty mẹ)

STT	Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
	Tổng tiền gửi của khách hàng (tỷ đồng)	183.291	215.797	341.713
1	Phân theo khách hàng (%)	100,0%	100,0%	100,0%
-	Cá nhân	52,8%	67,3%	74,8%
-	Tổ chức	47,2%	32,7%	25,2%
2	Phân theo kỳ hạn (%)	100,0%	100,0%	100,0%
-	Tiền gửi không kỳ hạn	13,1%	10,3%	6,9%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	37,7%	25,2%	20,3%
-	Tiền gửi tiết kiệm	48,7%	64,2%	72,6%
-	Tiền gửi ký quỹ	0,5%	0,3%	0,2%
-	Tiền gửi vốn chuyên dùng	0,0%	0,0%	0,0%
3	Phân theo loại tiền (%)	100,0%	100,0%	100,0%
-	VND	98,2%	98,8%	99,4%
-	Ngoại tệ	1,8%	1,2%	0,6%

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của HDBank

Bảng 12: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Hợp nhất)

STT	Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
	Tổng tiền gửi của khách hàng (tỷ Đồng)	183.283	215.797	341.713
1	Phân theo khách hàng (%)	100,0%	100,0%	100,0%
-	Cá nhân	52,8%	67,3%	74,8%
-	Tổ chức	47,2%	32,7%	25,2%
2	Phân theo kỳ hạn (%)	100,0%	100,0%	100,0%
-	Tiền gửi không kỳ hạn	13,1%	10,3%	6,9%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	37,7%	25,2%	20,3%
-	Tiền gửi tiết kiệm	48,7%	64,2%	72,6%
-	Tiền gửi ký quỹ	0,5%	0,3%	0,2%
-	Tiền gửi vốn chuyên dùng	0,0%	0,0%	0,0%
3	Phân theo loại tiền (%)	100,0%	100,0%	100,0%
-	VND	98,2%	98,8%	99,4%
-	Ngoại tệ	1,8%	1,2%	0,6%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của HDBank

Về cơ cấu, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi của Khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng (chiếm gần 67,3% tại thời điểm 31/12/2022 và chiếm gần 74,8% tại thời điểm 30/09/2023). Điều này thể hiện sự ổn định của cơ cấu nguồn vốn huy động, theo đúng chiến lược phát triển của HDBank là Ngân hàng bán lẻ trong những năm qua.

Về kỳ hạn, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả tiền gửi tiết kiệm) của HDBank chiếm tỷ trọng lớn, trên 86,4% tổng huy động từ tiền gửi của khách hàng trong giai đoạn 2021 - 2022, đảm bảo tính ổn định cho nguồn vốn của toàn hệ thống. Kết thúc 31/12/2022, tiền gửi không kỳ hạn (CASA) chiếm 10,3%, tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả tiền gửi tiết kiệm) chiếm 89,4% tổng tiền gửi

của khách hàng. Tại thời điểm 30/09/2023, tiền gửi không kỳ hạn giảm xuống còn 6,9% và tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả tiền gửi tiết kiệm) tăng lên chiếm 92,9% tổng tiền gửi của khách hàng.

Về loại hình tiền tệ, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn hơn nhiều so với tiền gửi ngoại tệ (trên 98,2% tổng tiền gửi của khách hàng trong giai đoạn 2021 - 2022). Tại 31/12/2022, tổng số dư tiền gửi nội tệ đạt 213.251 tỷ VND, tăng 18,5% so với năm 2021 và chiếm 98,8% tổng số dư tiền gửi của khách hàng. Kết thúc ngày 30/09/2023, tiền gửi nội tệ đạt 339.827 tỷ VND, tăng 59,4% so với cuối năm 2022 trong khi tiền gửi ngoại tệ đạt 1.886 tỷ VND, giảm 25,9% so với cuối năm 2022.

Bảng 13: Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	% tăng/giảm	30/09/2023
VND	179.985	213.251	18,5%	339.827
Ngoại tệ	3.306	2.546	-23,0%	1.886
Tổng	183.291	215.797	17,7%	341.713

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của HDBank

Bảng 14: Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	% tăng/giảm	30/09/2023
VND	179.977	213.251	18,5%	339.827
Ngoại tệ	3.306	2.546	-23,0%	1.886
Tổng	183.283	215.797	17,7%	341.713

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của HDBank

8.1.3. Hoạt động tín dụng

a) Quy mô, cơ cấu và tăng trưởng tín dụng

Tốc độ tăng trưởng tín dụng của HDBank tăng đều qua các năm. Tính đến 31/12/2022, dư nợ tín dụng hợp nhất của HDBank đạt 268.157 tỷ đồng (tăng 25,6% so với năm 2021), trong đó gồm khoản tín dụng 4.301 tỷ đồng thông qua đầu tư trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành. Trong 9 tháng đầu năm 2023, dư nợ tín dụng hợp nhất của HDBank tăng 11,5% so với cuối năm 2022, đạt 299.081 tỷ đồng (gồm khoản tín dụng 7.364 tỷ đồng thông qua đầu tư trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành). Với mục tiêu phát triển bền vững, HDBank xác định tăng trưởng tín dụng

phải gắn với nhiệm vụ huy động vốn đồng thời phát triển dịch vụ cũng như kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và luôn đảm bảo tuân thủ theo các quy định của NHNN.

Xét về kỳ hạn các khoản vay:

Tại ngày 30/09/2023, dư nợ cho vay trung dài hạn theo số liệu hợp nhất của HDBank đạt 114.241 tỷ đồng, chiếm 39,2% trong cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng, tăng 25,4% so với cuối năm 2022. Trong khi đó, dư nợ ngắn hạn tại 30/09/2023 là 177.476 tỷ đồng (tương đương 60,8%), tăng 2,7% so với thời điểm cuối năm 2022. Ngoài việc triển khai các sản phẩm tín dụng theo nhu cầu của khách hàng, việc cân đối thời hạn giữa vốn huy động và dư nợ cho vay luôn được HDBank chú trọng, nhằm đảm bảo sự an toàn và tính thanh khoản trong hoạt động kinh doanh.

Bảng 15: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		% tăng/giảm	30/09/2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nợ ngắn hạn	113.475	59,8%	165.508	67,0%	45,9%	171.289	61,9%
2	Nợ trung hạn	16.699	8,8%	16.194	6,6%	-3,0%	42.360	15,3%
3	Nợ dài hạn	59.661	31,4%	65.316	26,4%	9,5%	63.026	22,8%
	Tổng	189.835	100,0%	247.018	100,0%	30,1%	276.675	100,0%

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của HDBank

Bảng 16: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		% tăng/giảm	30/09/2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nợ ngắn hạn	118.671	58,4%	172.747	65,5%	45,6%	177.476	60,8%
2	Nợ trung hạn	24.880	12,2%	25.793	9,8%	3,7%	51.215	17,6%
3	Nợ dài hạn	59.660	29,4%	65.316	24,7%	9,5%	63.026	21,6%
	Tổng	203.211	100,0%	263.856	100,0%	29,8%	291.717	100,0%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của HDBank

Xét về nhóm ngành cho vay:

Phân theo ngành kinh tế, các khoản vay hoạt động phục vụ cá nhân và hộ gia đình luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dư nợ cho vay của HDBank. Tính đến 30/09/2023, theo số liệu hợp nhất, các khoản vay hoạt động phục vụ cá nhân và hộ gia đình chiếm hơn 32% trong cơ cấu dư nợ tín dụng. Điều này là phù hợp với định hướng phát triển ngân hàng bán lẻ và SME của HDBank, đẩy mạnh khai thác khách hàng hệ sinh thái, tài trợ chuỗi và liên kết đối tác nền tảng. Đa dạng hóa kênh bán hàng qua App, Website HDBank mới theo tư duy E-Commerce. Bên cạnh đó, HDBank cũng đa dạng hóa hình thức cho vay thông qua các ngành nghề công nghiệp chế biến, chế tạo, sản xuất, nông lâm ngư nghiệp, dịch vụ lưu trú và ăn uống; sản xuất và phân phối điện và nước, ưu tiên cho vay các dự án năng lượng sạch, ...

Từ năm 2018, HDBank đã tiên phong cho ra đời các chương trình cấp tín dụng xanh, hỗ trợ phát triển các lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng tái tạo cùng phương án sản xuất thân thiện với môi trường. Tính đến 30/09/2023, tín dụng xanh ngoài điện mặt trời, HDBank mở rộng thêm cho vay điện gió, dự án thân thiện môi trường. Qua đó, HDBank khẳng định vị thế Ngân hàng xanh, góp phần vào tăng trưởng kinh tế Xanh, vì sự phát triển của cộng đồng, môi trường, tương lai bền vững của Việt Nam.

Bảng 17: Dư nợ cho vay khách hàng theo lĩnh vực kinh doanh (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	55.402	29,2%	78.591	31,8%	78.274	28,3%
2	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	18.827	9,9%	26.017	10,5%	29.071	10,5%
3	Sản xuất và gia công, chế biến	20.336	10,7%	29.121	11,8%	26.992	9,8%
4	Hoạt động kinh doanh bất động sản	18.914	10,0%	20.970	8,5%	35.668	12,9%
5	Xây dựng	13.069	6,9%	16.843	6,8%	22.147	8,0%

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
6	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	14.468	7,6%	15.444	6,3%	11.378	4,1%
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác	10.196	5,4%	12.185	4,9%	18.645	6,7%
8	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	5.344	2,8%	5.102	2,1%	5.703	2,1%
9	Vận tải, kho bãi	3.359	1,8%	4.321	1,8%	4.672	1,7%
10	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	1.438	0,7%	3.245	1,3%	5.645	2,0%
11	Khác	28.482	15,0%	35.179	14,2%	38.480	13,9%
Tổng		189.835	100,0%	247.018	100,0%	276.675	100,0%

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của HDBank

Bảng 18: Dư nợ cho vay khách hàng theo lĩnh vực kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	68.778	33,9%	95.430	36,2%	93.315	32,0%
2	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	18.827	9,3%	26.016	9,9%	29.072	10,0%
3	Sản xuất và gia công, chế biến	20.336	10,0%	29.121	11,0%	26.992	9,3%

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
4	Hoạt động kinh doanh bất động sản	18.914	9,3%	20.970	8,0%	35.668	12,2%
5	Xây dựng	13.069	6,4%	16.843	6,4%	22.147	7,6%
6	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	14.468	7,1%	15.444	5,9%	11.378	3,9%
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác	10.196	5,0%	12.185	4,6%	18.645	6,4%
8	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	5.343	2,6%	5.102	1,9%	5.702	2,0%
9	Vận tải, kho bãi	3.359	1,7%	4.321	1,6%	4.673	1,6%
10	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	1.438	0,7%	3.245	1,2%	5.645	1,9%
11	Khác	28.483	14,0%	35.179	13,3%	38.480	13,2%
Tổng		203.211	100,0%	263.856	100,0%	291.717	100,0%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của HDBank

Xét về đối tượng khách hàng:

Đối với nhóm khách hàng cá nhân: Được xác định là một trong những nhóm khách hàng mục tiêu, HDBank đã có những nỗ lực trong việc mở rộng và phát triển mạng lưới khách hàng này. Các dòng sản phẩm cho vay đối với cá nhân không ngừng được cải tiến và thiết kế phù hợp với các nhu cầu của khách hàng mà vẫn đảm bảo độ an toàn cho HDBank.

Đối với khách hàng doanh nghiệp: Theo định hướng đa dạng hóa sản phẩm và số hóa các sản phẩm, dịch vụ tài chính nhằm mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Đặc biệt, đối với đối tượng khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa, HDBank đã triển khai hàng loạt các gói tín dụng ưu đãi về lãi suất và phí giao dịch. Đồng thời, Ngân hàng tiếp tục tiên phong trong việc phát triển dòng tín dụng Xanh, góp phần thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng địa phương và doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Bên cạnh đó, tài trợ chuỗi tiếp tục thể hiện vai trò chủ lực, thương hiệu và

lợi thế cạnh tranh của HDBank khi thiết lập quan hệ với các tập đoàn, tổng công ty, các công ty đa quốc gia trong nhiều lĩnh vực khác nhau: sản xuất hàng tiêu dùng nhanh, chăn nuôi, nước giải khát, sập thép, xăng dầu, hàng không và vận tải, v.v., qua đó có thể đẩy mạnh các giải pháp tài trợ cho các nhà phân phối, nhà thầu, v.v. từ những lĩnh vực này. Trong năm 2023, HDBank tiếp tục mở rộng cho vay xanh và bền vững để tạo ra giá trị kinh tế và lan tỏa tác động tích cực đến môi trường, xã hội. Thông qua việc tài trợ chuỗi cung ứng, HDBank sẽ đẩy mạnh cung cấp vốn và tiện ích tài chính cho các doanh nghiệp, nông dân và lao động.

b) Hoạt động bảo lãnh

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng của HDBank. Tại thời điểm 30/09/2023, số dư bảo lãnh của HDBank đạt 11.685 tỷ VND, tăng 28,3% so với cuối năm 2022.

c) Chất lượng nợ cho vay

Về phân loại dư nợ tín dụng, HDBank đặc biệt chú trọng công tác kiểm soát chất lượng nợ cho vay. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng tăng trưởng bền vững của HDBank. Tính đến ngày 30/09/2023, tỷ lệ nợ xấu của HDBank theo số liệu hợp nhất vẫn được duy trì ở mức an toàn, bằng 2,26% tổng dư nợ cho vay khách hàng (tại thời điểm cuối năm 2022 là 1,67%).

Bảng 19: Phân loại nợ cho vay khách hàng theo chất lượng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		% tăng/giảm	30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	183.969	96,9%	238.071	96,4%	29,4%	257.910	93,2%
Nợ cần chú ý	3.480	1,8%	5.739	2,3%	64,9%	13.350	4,8%
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.005	0,5%	1.154	0,5%	14,8%	2.157	0,8%
Nợ nghi ngờ	507	0,3%	978	0,4%	92,9%	1.849	0,7%
Nợ có khả năng mất vốn	874	0,5%	1.076	0,4%	23,2%	1.409	0,5%
Tổng cộng	189.835	100,0%	247.018	100,0%	30,1%	276.675	100,0%

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của HDBank

Bảng 20: Phân loại nợ cho vay khách hàng theo chất lượng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		% tăng/ giảm	30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	194.513	95,7%	252.065	95,5%	29,6%	270.402	92,7%
Nợ cần chú ý	5.338	2,6%	7.387	2,8%	38,4%	14.711	5,0%
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.600	0,8%	1.848	0,7%	15,5%	3.024	1,0%
Nợ nghi ngờ	878	0,4%	1.415	0,6%	61,2%	2.152	0,8%
Nợ có khả năng mất vốn	882	0,5%	1.141	0,4%	29,4%	1.428	0,5%
Tổng cộng	203.211	100,0%	263.856	100,0%	29,8%	291.717	100,0%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của HDBank

Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo công tác kiểm soát và xử lý nợ xấu, việc trích lập dự phòng rủi ro các khoản vay của khách hàng, công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng được HDBank nghiêm túc thực hiện theo các quy định hiện hành, tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) theo số liệu hợp nhất của ngân hàng tính đến 30/09/2023 đạt 54,2%, đảm bảo hiệu quả phòng ngừa cho rủi ro tiềm tàng. Việc theo dõi, thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đã hỗ trợ hữu ích cho Ngân hàng trong quản lý, giảm thiểu nợ xấu và tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Bảng 21: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2021	533	1.417	1.950
31/12/2022	682	1.844	2.526
30/09/2023	1.029	2.065	3.094

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của HDBank

Bảng 22: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2021	935	1.517	2.452
31/12/2022	1.131	1.971	3.102
30/06/2023	1.403	2.177	3.580

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của HDBank

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021 của NHNN quy định về phân loại tài sản Có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung của NHNN từng thời điểm và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng.

d) Tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) hợp nhất của HDBank tại thời điểm 30/09/2023 là 12,30%, tại thời điểm 31/12/2022 là 13,42%. Tỷ lệ này qua các năm đều đáp ứng các quy định hiện hành của NHNN.

Bảng 23: Tỷ lệ an toàn vốn (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Vốn tự có	37.352	42.436	48.652
Vốn cấp 1	28.178	35.995	40.390
Vốn cấp 2	10.261	7.702	9.522
Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	1.087	1.261	1.260
Tổng tài sản "Có" rủi ro	272.487	331.524	408.828
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	13,71%	12,80%	11,90%

Nguồn: HDBank, tỷ lệ tính theo Thông tư 41

Bảng 24: Tỷ lệ an toàn vốn (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Vốn tự có	41.008	46.666	52.500
Vốn cấp 1	28.910	36.822	41.060

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Vốn cấp 2	12.098	9.844	11.440
Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	-	-	-
Tổng tài sản "Có" rủi ro	286.092	347.753	426.918
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	14,33%	13,42%	12,30%

Nguồn: HDBank, tỷ lệ tính theo Thông tư 41

Tính đến ngày 30/09/2023, HDBank đã hoàn thành trước hạn đạt tiêu chuẩn Basel II của NHNN (HDBank thực hiện CAR theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN Quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 41") từ ngày 01/10/2019, HDBank chính thức đáp ứng tuân thủ đầy đủ 03 trụ cột theo quy định của Thông tư 13 theo chuẩn Basel II từ 01/01/2021). Hiện tại, HDBank đã hoàn thành triển khai toàn diện Basel III Reforms.

8.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán

a) Hoạt động kinh doanh ngoại hối

Các loại ngoại tệ kinh doanh chủ yếu của HDBank bao gồm USD, EUR, GBP, JPY, AUD, CAD, CNY, SGD, THB... Mục đích chủ yếu của hoạt động kinh doanh ngoại tệ là phục vụ nhu cầu thanh toán quốc tế của khách hàng, kinh doanh chênh lệch tỷ giá và điều hòa trạng thái ngoại tệ của Ngân hàng. Năm 2022, thu nhập từ kinh doanh ngoại hối hợp nhất của HDBank đạt 1.195 tỷ đồng, tăng 40,8% so với năm 2021 và lãi thuần đạt 134 tỷ đồng, giảm 25,5% so với năm 2021. Trong 9 tháng đầu năm 2023, thu nhập từ kinh doanh ngoại hối hợp nhất của HDBank đạt 1.678 tỷ đồng và lãi thuần 281 tỷ đồng, lần lượt tăng 150,8% và tăng 40,5% so với cùng kỳ năm 2022.

Bảng 25: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	% tăng/giảm	30/09/2023
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	856	1.211	41,5%	1.681
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	643	1.006	56,5%	1.277
Lãi thuần kinh doanh ngoại hối	213	205	-3,8%	404

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của HDBank

Bảng 26: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	% tăng/giảm	30/09/2023
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	849	1.195	40,8%	1.678
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	669	1.061	58,6%	1.397
Lãi thuần kinh doanh ngoại hối	180	134	-25,5%	281

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của HDBank

b) Hoạt động thanh toán trong nước

Năm 2022, số lượng giao dịch thanh toán trong nước của HDBank đạt 32.096.483 giao dịch, tăng 100,6% so với năm 2021; doanh số thanh toán đạt 10.947.077 tỷ VND, tăng 50,2% so với năm 2021. Trong 9 tháng đầu năm 2023, số lượng giao dịch thanh toán trong nước của HDBank đạt 44.697.805 giao dịch, tăng 108,54% và doanh số thanh toán trong nước đạt 7.149.083 tỷ VND, giảm 6,84% so với cùng kỳ năm 2022.

Thực hiện theo Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt của Chính phủ, HDBank đã, đang và sẽ ứng dụng mạnh mẽ công nghệ 4.0 vào hoạt động thanh toán trong nước, phát triển hệ thống thanh toán, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ thanh toán, không ngừng nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu thanh toán một cách thuận tiện, hiệu quả của khách hàng: ứng dụng các phương thức xác thực hiện đại, công nghệ eKYC, ứng dụng giải pháp tự động hóa quy trình chuyển tiền bằng robot (RPA), mở rộng hợp tác thanh toán với các đối tác liên kết, các hệ thống thanh toán song phương/ đa phương, kết nối cổng thanh toán điện tử đối với dịch vụ hành chính công, khu vực chính phủ... Do vậy, mặc dù lượng giao dịch thanh toán ngày càng tăng cao, hoạt động thanh toán trong nước tại Ngân hàng vẫn đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời, tiết kiệm chi phí.

c) Hoạt động thanh toán quốc tế

Năm 2022, số lượng giao dịch thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại của HDBank đạt 58.733 giao dịch, tăng 20% so với năm 2021; doanh số thanh toán đạt 10,09 tỷ USD, tăng 23,5% so với năm 2021. Trong 9 tháng đầu năm 2023, số lượng giao dịch thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại của HDBank đạt 39.103 giao dịch, giảm 9,57% so với cùng kỳ năm 2022; doanh số thanh toán đạt 8,75 tỷ USD, tăng 17,61% so với cùng kỳ năm 2022.

**d) Hoạt động Ngân hàng đại lý**

HDBank đã thiết lập quan hệ đại lý với hơn 300 ngân hàng và chi nhánh tại các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Bên cạnh đó, các ngân hàng đại lý cấp hạn mức tín chấp lớn cho HDBank phục vụ nghiệp vụ xác nhận, chiết khấu, tài trợ L/C, bảo lãnh, kinh doanh tiền tệ và ngoại hối. HDBank là một trong số ít ngân hàng tại Việt Nam ký kết thỏa thuận Ngân hàng Xác nhận (Confirming Banking) với ADB và là ngân hàng tiên phong triển khai thành công Thư tín dụng trên nền tảng công nghệ blockchain của hệ thống tài trợ thương mại toàn cầu mang tên “Contour” lần đầu tiên tại Việt Nam. Việc liên tục đẩy mạnh quan hệ hợp tác và mở rộng mạng lưới ngân hàng đại lý là cơ sở vững chắc để HDBank xây dựng và triển khai thành công nhiều sản phẩm thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại.

8.1.5. Hoạt động kinh doanh khác**a) Hoạt động đầu tư tài chính**

Năm 2022 là một năm biến động của hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán, đặc biệt là hoạt động đầu tư và kinh doanh Trái phiếu Chính phủ và Giấy tờ có giá của các Tổ chức tín dụng do chịu tác động bởi tình hình lãi suất và lạm phát trong, ngoài nước tăng cao. Tính đến 31/12/2022, tổng giá trị đầu tư chứng khoán hợp nhất đạt 50.617 tỷ đồng, trong đó hoạt động đầu tư và kinh doanh trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các Tổ chức tín dụng đạt 18.323 tỷ đồng, hoạt động đầu tư và kinh doanh trái phiếu Chính phủ đạt 26.979 tỷ đồng, chiếm lần lượt 36,1% và 53,1% tổng danh mục đầu tư. Lợi nhuận từ các hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư và kinh doanh đạt 329.6 tỷ đồng (giảm 43,0% so với cùng kỳ năm 2021).

Bằng việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, HDBank là một trong những thành viên tích cực và thường xuyên trên thị trường. HDBank đã lọt vào top 4 thành viên giao dịch Trái phiếu Chính phủ trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và luôn nằm trong top 10 thành viên giao dịch lớn nhất trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). HDBank là một trong những thành viên năng động và đóng góp vào sự phát triển của thị trường giao dịch Trái phiếu Chính phủ nói riêng, thị trường tài chính nói chung. Danh mục nắm giữ cũng như doanh số giao dịch mua bán giấy tờ có giá của HDBank đa dạng về loại và kỳ hạn, nâng cao vị trí và uy tín trên thị trường.

Tính đến 30/09/2023, tổng giá trị đầu tư chứng khoán hợp nhất đạt 51.096 tỷ đồng, trong đó hoạt động đầu tư và kinh doanh trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các Tổ chức tín dụng đạt 15.512 tỷ đồng, hoạt động đầu tư và kinh doanh trái phiếu Chính phủ đạt 27.811 tỷ đồng, chiếm lần lượt 30,3% và 54,3% tổng danh mục đầu tư, lợi nhuận từ các hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư và kinh doanh đạt 1.190 tỷ đồng (tăng 257% so với cùng kỳ năm 2022).

Bảng 27: Hoạt động đầu tư tài chính (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng, %

Chỉ tiêu	2021		2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tổng đầu tư chứng khoán	77.314	98,5%	50.617	97,3%	51.096	97,4%
Trái phiếu Chính phủ (*)	32.734	41,7%	26.979	51,9%	27.811	53,0%
Trái phiếu và CCTG do các TCTD khác trong nước phát hành	33.353	42,5%	18.323	35,2%	15.512	29,6%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	10.213	13,0%	4.301	8,3%	7.364	14,0%
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	1.014	1,3%	1.014	1,9%	409	0,8%
Góp vốn đầu tư dài hạn khác	1.204	1,5%	1.379	2,7%	1.359	2,6%
Tổng cộng	78.518	100,0%	51.996	100,0%	52.455	100,0%

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của HDBank

(*) Trái phiếu Chính Phủ bao gồm: (i) Trái phiếu Chính Phủ; và (ii) Trái phiếu do Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành được Chính phủ bảo lãnh

Bảng 28: Hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng, %

Chỉ tiêu	2021		2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tổng đầu tư chứng khoán	76.813	99,8%	50.617	99,7%	51.096	99,7%
Trái phiếu Chính phủ (*)	32.734	42,5%	26.979	53,1%	27.811	54,3%

Chỉ tiêu	2021		2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Trái phiếu và CCTG do các TCTD khác trong nước phát hành	32.852	42,7%	18.323	36,1%	15.512	30,3%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	10.213	13,3%	4.301	8,5%	7.364	14,4%
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	1.014	1,3%	1.014	2,0%	409	0,8%
Góp vốn đầu tư dài hạn khác	144	0,2%	164	0,3%	144	0,3%
Tổng cộng	76.957	100,0%	50.781	100,0%	51.240	100,0%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của HDBank

(*) Trái phiếu Chính Phủ bao gồm: (i) Trái phiếu Chính Phủ; và (ii) Trái phiếu do Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành được Chính phủ bảo lãnh.

b) Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Tiếp nối năm 2021, HDBank tiếp tục khẳng định vị thế của mình khi thuộc Top dẫn đầu các Ngân hàng thương mại có doanh số phí bảo hiểm cao nhất năm 2022. Doanh số phí bảo hiểm tăng trưởng 180% so với năm 2021 giúp HDBank vươn lên đứng đầu về tốc độ tăng trưởng so với các ngân hàng thương mại cổ phần khác trong bảng xếp hạng thị trường Bancassurance.

Trong năm 2022, bên cạnh mục tiêu doanh số kinh doanh bảo hiểm tăng trưởng mạnh mẽ, Khối Ngân hàng Bảo hiểm đặc biệt chú trọng đến chất lượng dịch vụ khi giới thiệu đến khách hàng các sản phẩm bảo hiểm do hệ thống phân phối. Các khách hàng đều được tư vấn đầy đủ quyền lợi khi tham gia hợp đồng bảo hiểm nhân thọ. Đội ngũ nhân viên HDBank tư vấn chuyên nghiệp đưa ra các giải pháp tốt nhất phù hợp với khả năng tài chính và mong muốn tương lai của khách hàng để thực hiện các ước muốn cá nhân, bao gồm đầu tư kinh doanh, mua nhà, cho con đi du học hoặc đảm bảo tuổi về hưu an yên, thoải mái về tài chính.

Bên cạnh đó, năm 2022 HDBank đã ứng dụng chuyển đổi số triển khai bán sản phẩm bảo hiểm trực tuyến chỉ với vài thao tác là khách hàng đã hoàn thành hợp đồng bảo hiểm, mang lại giá trị cho khách hàng và tối ưu hóa vận hành.

Trong năm 2023, HDBank đang hướng tới lựa chọn hợp tác với công ty bảo hiểm có sản phẩm, công nghệ, chất lượng vượt trội trên thị trường. Thỏa thuận Bancassurance độc quyền của HDBank với đối

tác sẽ đưa HDBank tiếp tục vững vàng trong Top đầu các ngân hàng về hoạt động Bancassurance, góp phần hiện thực hóa các chiến lược phát triển 2021 - 2025 của HDBank, giúp khách hàng được cung ứng thêm nhiều giải pháp tài chính bảo hiểm.

c) Hoạt động kinh doanh thẻ

Nắm bắt và khai thác hiệu quả xu hướng thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam, Trung tâm Thẻ HDBank đã có những chiến lược phát triển đúng đắn, nhanh chóng ứng dụng các giải pháp công nghệ hiện đại, liên tục gia tăng đổi mới, kết hợp áp dụng hợp đồng điện tử, eSign và video KYC vào kênh mở thẻ trực tuyến ngay trên thiết bị di động cho hầu hết các sản phẩm thẻ tín dụng: thẻ đồng thương hiệu HDBank Petrolimex 4 trong 1 – đây là dòng sản phẩm tích hợp 4 trong 1 đầu tiên tại Việt Nam, cung cấp cùng lúc Thẻ tín dụng, Thẻ ghi nợ, Thẻ trả trước, đồng thời là phương tiện để nhận điện khách hàng thân thiết của Petrolimex (PetrolimexID); thẻ đồng thương hiệu cao cấp HDBank Vietjet Platinum; thẻ tín dụng Sinh viên HDBank BFF và thẻ tín dụng chuỗi.

Tháng 11/2022, HDBank nằm trong số ít ngân hàng thương mại tại Việt Nam được vinh danh tại lễ trao giải thưởng của Tổ chức thẻ quốc tế Visa với các giải “Ngân hàng dẫn đầu về tăng trưởng doanh số giao dịch Thẻ 2022” và “Ngân hàng dẫn đầu về tăng trưởng doanh số giao dịch Thẻ tín dụng 2022”. Giải thưởng ghi nhận sự thành công của HDBank trong các hoạt động về thẻ tín dụng và sức sáng tạo của Ngân hàng trong việc đề ra các giải pháp thanh toán thông minh, ưu đãi đặc biệt và công nghệ tiên tiến cho hàng triệu khách hàng.

Trong năm 2023, HDBank tiếp tục đẩy mạnh chiến lược đưa thẻ tín dụng trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống của người dân, đồng hành và đáp ứng trọn vẹn các nhu cầu tài chính thiết yếu của mọi gia đình Việt.

d) Hoạt động tài chính tiêu dùng

Mảng tài chính tiêu dùng của HDBank nằm ở công ty con của Ngân hàng là HD SAISON. Tiền thân của HD SAISON là Công ty TNHH MTV Tài chính Việt – Société Générale (“SGVF”), thuộc sở hữu của Ngân hàng Pháp Société Générale. Sau khi nhận được chấp thuận của NHNN tại Quyết định số 2532/QĐ-NHNN và Quyết định số 2533/QĐ-NHNN ngày 30/10/2013, Tập đoàn Société Générale S.A, chủ sở hữu duy nhất của SGVF đã chuyển nhượng 100% vốn chủ sở hữu của SGVF cho HDBank và SGVF đã chính thức đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM (“HDFinance”). Đến tháng 03/2015, CREDIT SAISON (Nhật Bản) đã đầu tư vào HDFinance, nắm giữ 49% vốn điều lệ và HDFinance đã được đổi tên thành HD SAISON như hiện nay.

HD SAISON thực hiện các hoạt động cho vay tiêu dùng bao gồm: Cho vay mua trả góp phương tiện đi lại, đồ dùng, trang thiết bị gia đình, chi phí học tập, thẩm mỹ, nha khoa, tiệc cưới, du lịch, thể dục/ thể thao và cho khách hàng vay tiền mặt phục vụ cho mục đích tiêu dùng cá nhân.

Qua hơn 15 năm hoạt động, HD SAISON sở hữu mạng lưới điểm giới thiệu dịch vụ lớn nhất với 23.000 điểm giao dịch tài chính đặt tại 63 tỉnh thành trên toàn quốc. Ứng dụng di động HD SAISON, có mặt trên cả hai nền tảng hệ điều hành phổ biến iOS và Android, mang đến cho khách hàng trải nghiệm vay trực tuyến 100% chỉ bằng những cú chạm đơn giản trên màn hình điện thoại. Bên cạnh đó HD SAISON phát hành thẻ tín dụng quốc tế HD SAISON VISA với công nghệ chip EMV tích hợp công nghệ thanh toán không tiếp xúc (contactless), mang đến trải nghiệm mới cho khách hàng với phương thức thanh toán hiện đại, nhanh chóng và có tính bảo mật cao.

HD SAISON liên tục duy trì sự phát triển bền vững và luôn không ngừng đổi mới để giữ vững vị thế là công ty tài chính tiêu dùng thuộc top 3 dẫn đầu thị trường và được vinh danh với nhiều giải thưởng danh giá, uy tín trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam như: Giải thưởng Top 100 Sao Vàng đất Việt và dịch vụ tài chính tiêu dùng của HD SAISON thuộc Top 10 Dịch vụ Tin dùng Việt Nam 2022. Không chỉ vậy, bằng những đóng góp cho nền kinh tế và gia tăng lợi ích người dân, HD SAISON lần thứ bảy liên tiếp được vinh danh Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam – VNR500. Đây là những thành tựu đáng ghi nhận, nối tiếp và bổ sung vào bề dày thành công của HD SAISON tại thị trường Việt Nam.

Trong năm 2022, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức với ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 kéo dài, lạm phát tăng cao, diễn biến kinh tế trong nước và thế giới có nhiều bất lợi, bằng sự nỗ lực và quyết tâm, HD SAISON đã đạt được những thành tựu nhất định. Đến 31/12/2022, tổng tài sản của HD SAISON đạt 17.871 tỷ đồng tăng 26,6% so với đầu năm, trong đó cho vay khách hàng đạt 16.839 tỷ đồng, tăng trưởng 25,9% so với cuối năm 2021, huy động vốn tăng 28,2% so với cùng kỳ, vốn chủ sở hữu tăng 16,2%. Nhờ dư nợ tăng tốc, cơ cấu nguồn vốn đa dạng, tối ưu hóa chi phí hoạt động, lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 1.152 tỷ đồng, tăng 15,1% so với năm 2021.

Tính đến ngày 30/09/2023, tổng tài sản của HD SAISON đạt 16.947 tỷ đồng (giảm 5,2% so với cuối năm 2022). Trong đó, cho vay khách hàng đạt 15.041 tỷ đồng (giảm 10,7% so với cuối năm 2022) trong khi huy động vốn đạt 11.257 tỷ đồng giảm 8,1% so với cuối năm 2022. Lợi nhuận trước thuế trong 9 tháng đầu năm 2023 đạt 323 tỷ đồng, giảm 59,3% so với cùng kỳ năm 2022.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

8.2. Tài sản

8.2.1. Tài sản cố định hữu hình

Bảng 29: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2021			31/12/2022			30/09/2023		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	475	128	347	483	146	337	467	154	313
Máy móc thiết bị	280	154	126	315	179	136	350	200	150
Phương tiện vận tải	343	216	127	349	238	111	405	269	136
Thiết bị, dụng cụ quản lý	249	230	19	256	244	12	275	252	23
TSCĐ hữu hình khác	15	11	4	15	12	3	15	13	2
Tổng cộng	1.362	739	623	1.418	819	599	1512	888	624

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của HDBank

Bảng 30: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2021			31/12/2022			30/09/2023		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	485	137	348	483	147	336	467	154	313
Máy móc thiết bị	280	154	126	315	178	137	350	200	150
Phương tiện vận tải	345	217	128	349	238	111	405	269	136
Thiết bị, dụng cụ quản lý	350	292	58	357	312	45	376	324	52
TSCĐ hữu hình khác	15	11	4	15	12	3	15	13	2
Tổng cộng	1.475	811	664	1.519	887	632	1.613	960	653

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của HDBank

8.2.2. Tài sản cố định vô hình

Bảng 31: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2021			31/12/2022			30/09/2023		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất có thời hạn	110	10	100	110	12	98	86	14	72
Quyền sử dụng đất không thời hạn	527	0	527	531	0	531	555	0	555
Phần mềm máy vi tính	293	223	70	315	268	47	336	297	39
TSCĐ vô hình khác	0,351	0,351	0	0,351	0,351	0	0,351	0,351	0
Tổng cộng	930	233	697	956	280	676	977	311	666

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của HDBank

Bảng 32: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2021			31/12/2022			30/09/2023		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất có thời hạn	110	10	100	110	12	98	86	14	72
Quyền sử dụng đất không thời hạn	527	0	527	531	0	531	555	0	555

Phần mềm máy vi tính	333	261	72	358	306	52	380	336	44
TSCĐ vô hình khác	7	4	3	7	5	2	7	5	2
Tổng cộng	977	275	702	1.006	323	683	1.028	355	673

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của HDBank

8.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

8.3.1. Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng

a) Quản lý rủi ro tín dụng

HDBank thực hiện chính sách quản lý rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, quy định của NHNN và Quy định nội bộ của HDBank. Cụ thể:

- Thực hiện quản lý rủi ro tín dụng xuyên suốt trong quá trình xem xét, thẩm định, phê duyệt và quản lý sau cấp tín dụng đảm bảo nguyên tắc độc lập, khách quan giữa việc đề xuất, thẩm định và phê duyệt cấp tín dụng;
- Thiết lập chính sách và khẩu vị rủi ro, trong đó xây dựng các giới hạn về nợ quá hạn, nợ xấu; giới hạn hạn mức cấp tín dụng theo khách hàng, ngành nghề, lĩnh vực kinh tế; sản phẩm và hình thức bảo đảm để làm định hướng phát triển hoạt động cấp tín dụng toàn hàng;
- Ngân hàng sử dụng mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ trong quá trình cấp tín dụng, đo lường được rủi ro của khách hàng nhằm đảm bảo việc cấp tín dụng được độc lập, khách quan; đánh giá và cải thiện tính chính xác, hiệu quả của việc ra quyết định cấp tín dụng;
- Cơ cấu tổ chức công tác quản lý và giám sát rủi ro tín dụng của HDBank gồm 3 tuyến phòng thủ chính nhằm thực hiện xây dựng, nhận dạng, đo lường, đánh giá, kiểm soát và xử lý, khắc phục các rủi ro tín dụng nếu có phát sinh nhanh chóng và kịp thời;
- Triển khai dự án nâng cấp hệ thống quản lý rủi ro từ Basel 2 lên Basel 3 nhằm cải thiện quản lý rủi ro nói chung và rủi ro tín dụng nói riêng;
- Chuyển dịch dần hoạt động tín dụng theo hướng ứng dụng công nghệ;
- Luôn nghiên cứu xây dựng các phần mềm chương trình, giải pháp công nghệ hỗ trợ công tác giám sát quản lý rủi ro tín dụng
 - o Chính thức áp dụng chương trình khai thác thông tin tín dụng CIC tập trung qua kênh Host-to-Host từ năm 2022 đã giúp HDBank nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát rủi ro, tiết kiệm chi phí và khai thác có hiệu quả sản phẩm, dịch vụ của CIC nhằm phục vụ cho hoạt động quản trị và xây dựng/phát triển các mô hình quản trị rủi ro nội bộ.
 - o Đang triển khai dự án về PD (tính xác suất vỡ nợ), lượng hóa tổn thất khi vỡ nợ (LGD) để ứng dụng trong công tác phê duyệt tín dụng cũng như kiểm soát rủi ro đối với từng khách hàng cụ thể.

- Trong công tác phân loại nợ: Ngân hàng sử dụng kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ, kết quả phân loại nợ của CIC trong công tác phân loại nợ, đồng thời thực hiện trích lập dự phòng theo định kỳ tháng/quý, tuân thủ theo đúng Thông tư số 11/2021/TT-NHNN (hiệu lực kể từ ngày 01/10/2021), đảm bảo các chi phí dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập đầy đủ;
- Xây dựng và theo dõi các báo cáo rủi ro tín dụng định kỳ và đột xuất.

b) Quản lý rủi ro hoạt động

Để quản lý rủi ro hoạt động HDBank đã triển khai các công việc đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN phù hợp với thông lệ quốc tế và tình hình thực tế:

- Thiết lập cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro hoạt động theo mô hình 3 tuyến bảo vệ;
- Ban hành đầy đủ hệ thống văn bản chế độ quản trị rủi ro toàn hàng;
- Thiết lập khẩu vị, hạn mức rủi ro hoạt động, và cơ chế theo dõi giám sát;
- Nghiên cứu, triển khai các công cụ quản lý rủi ro hoạt động (Tự đánh giá rủi ro và chốt kiểm soát –RCSA; Chỉ số rủi ro trọng yếu –KRI; Thu thập và phân tích dữ liệu tổn thất rủi ro hoạt động – LDC; Giám sát và cảnh báo các giao dịch đáng ngờ (STM); Xây dựng triển khai khung quản trị kinh doanh liên tục – BCM);
- Triển khai quản lý rủi ro hoạt động đối với sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới, quản lý rủi ro hoạt động đối với hoạt động thuê ngoài, quản lý rủi ro trong hoạt động trong ứng dụng công nghệ và mua bảo hiểm để giảm thiểu tổn thất rủi ro hoạt động;
- Triển khai tính vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN và kiểm tra sức chịu đựng về vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN;
- Luôn nghiên cứu xây dựng các phần mềm chương trình, giải pháp hỗ trợ công tác quản lý rủi ro hoạt động;
- Xây dựng và theo dõi các báo cáo rủi ro hoạt động định kỳ và đột xuất.

c) Quản lý rủi ro thị trường

- HDBank đã ban hành Quy chế về Chính sách quản lý rủi ro, Quy định quản lý rủi ro (QLRR), trong đó QLRR thị trường là một trong những loại rủi ro trọng yếu. HDBank đã ban hành đầy đủ các quy định liên quan và thực hiện quản lý rủi ro thị trường trên cơ sở bám sát các yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN, Thông tư 41/2016/TT-NHNN, các sửa đổi, bổ sung liên quan và thông lệ của Hiệp ước Basel, cụ thể:
- Tuân thủ theo chiến lược quản lý rủi ro thị trường, hạn mức rủi ro thị trường theo khẩu vị rủi ro và các giới hạn rủi ro thị trường;
- Tổ chức hoạt động QLRR thị trường theo 03 tuyến bảo vệ, đảm bảo thực hiện việc kiểm soát độc lập giữa đơn vị kinh doanh, kiểm soát rủi ro, kiểm toán nội bộ;
- Thực hiện nhận diện, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro thị trường thông qua các công cụ hiện đại, phương pháp luận/mô hình đo lường được xây dựng phù hợp thông lệ tiên tiến và các chuẩn mực Basel;

- Định kỳ HDBank thực hiện kiểm tra sức chịu đựng cho rủi ro thị trường nhằm đánh giá khả năng chịu đựng trong các kịch bản khủng hoảng và đề xuất các hành động phù hợp để hạn chế tổn thất có thể xảy ra.

d) Quản lý rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là một trong các rủi ro trọng yếu được HDBank triển khai quản lý nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN và phù hợp với thông lệ quốc tế trong từng thời kỳ, cụ thể:

- Nhận diện, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro thanh khoản thông qua cơ chế ba tuyến phòng vệ, hệ thống công cụ, mô hình và các chỉ tiêu cảnh báo sớm, hạn mức;
- Thực hiện quản lý thanh khoản hàng ngày cũng như ứng dụng công cụ mô hình hành vi khách hàng để dự kiến khả năng thanh khoản;
- Kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản của Ngân hàng và xây dựng các kế hoạch dự phòng thanh khoản ít nhất theo định kỳ 06 tháng/lần;
- Vai trò trách nhiệm của các bộ phận (theo dõi, quản lý, kiểm soát...) được nêu cụ thể và rõ ràng trong hệ thống chính sách, quy định, quy trình về quản lý rủi ro thanh khoản;
- Đầu tư hệ thống phần mềm để nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro thanh khoản.

8.3.2.Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế

HDBank đã triển khai khung quản trị rủi ro hoạt động theo chuẩn Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 của NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và thông lệ tiên tiến một cách thường xuyên và thành thực. Tuy nhiên, các rủi ro mới như từ các kẻ gian bên ngoài, không gian mạng... vẫn luôn tồn tại và ngày càng tinh vi, dẫn đến việc quản trị rủi ro sẽ gặp nhiều khó khăn. Do đó, HDBank luôn rà soát thường xuyên và cập nhật thường xuyên các xu hướng rủi ro mới để có cơ chế phòng ngừa nhằm giảm thiểu rủi ro (nếu có).

8.3.3.Định hướng công tác quản lý rủi ro năm 2023

Trong năm 2023 công tác Quản lý rủi ro sẽ được tiếp tục xác định là một nhiệm vụ trong hoạt động của Ngân hàng với sự đầu tư, hoạch định các kế hoạch, chiến lược mới nhằm: hoàn thành triển khai dự án Basel 3, hiện đại hóa công tác quản lý rủi ro.

Đồng thời trong năm 2022 và 2023, trước diễn biến phức tạp của nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường bất động sản nói riêng, HDBank đẩy mạnh và tăng cường công tác kiểm soát, giám sát từ xa thông qua số liệu và kiểm tra thực tế ĐVKD. Đồng thời chủ động thắt chặt công tác thẩm định, đưa ra nhiều phương án xử lý trong trường hợp xảy ra các sự cố không mong muốn trong thời gian qua.

Ngân hàng sẽ tiếp tục đầu tư nguồn lực triển khai, nâng cấp các công cụ, mô hình quản lý rủi ro để giám sát, tính toán, đo lường và đưa ra các cảnh báo kịp thời về diễn biến của các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động luôn đáp ứng tốt theo quy định của NHNN.

8.4.Thị trường hoạt động

8.4.1. Mạng lưới Chi nhánh và mạng lưới khách hàng

Mạng lưới Chi nhánh

Sau hơn 30 năm hoạt động, HDBank đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP tầm trung ở Việt Nam với vốn điều lệ đạt hơn 29.076 tỷ Đồng. Tại ngày 30/09/2023, Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 02 Văn phòng đại diện (gồm 01 văn phòng đại diện khu vực miền Bắc và 01 văn phòng đại diện của HDBank tại Myanmar), 77 Chi nhánh, 267 Phòng Giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước. Số lượng nhân viên là 16.802 người.

Vị trí địa lý	Số lượng Chi nhánh và Phòng giao dịch
Thành phố Hồ Chí Minh	61 (Bao gồm Hội sở chính)
Hà Nội	56 (Bao gồm Văn phòng đại diện miền Bắc)
Miền Bắc	69
Miền Trung	40
Đông Nam Bộ - Tây Nguyên	74
Tây Nam Bộ	46
Myanmar	01 Văn phòng đại diện

Mạng lưới khách hàng

Mạng lưới hoạt động trong nước phân bố rộng khắp các tỉnh/ thành phố giúp HDBank và các đơn vị thành viên tiếp cận khách hàng tại 63/63 tỉnh thành phố trên toàn quốc, cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, tài chính tiêu dùng cho nhiều đối tượng khách hàng như khách hàng cá nhân, hộ gia đình, khách hàng doanh nghiệp, đồng thời HDBank cũng mở rộng chuỗi và hợp tác chiến lược với các tập đoàn, tổng công ty, định chế tài chính lớn.

Trong năm 2023, HDBank chú trọng phát triển khách hàng mới song song với đánh thức nguồn khách hàng tiềm năng thông qua các chương trình kích hoạt và nền tảng loyalty SkyJoy; đẩy mạnh khai thác khách hàng hệ sinh thái, tài trợ chuỗi và ưu tiên kết nối, liên kết các đối tác nền tảng có hệ sinh thái rộng theo hướng tiếp cận của Open Banking. Đồng thời, đa dạng hóa kênh bán hàng qua App, Website HDBank mới theo tư duy E-Commerce; đẩy mạnh triển khai agent banking theo sáng kiến chiến lược ngân hàng nông thôn Retail Banking; Triển khai từng bước mô hình kinh doanh KIOSK BANK gắn liền với quảng bá thương hiệu.

Bên cạnh đó, HDBank triển khai phát triển các chuỗi khách hàng chiến lược theo Sáng kiến ngành đi kèm với Trung tâm chăm sóc khách hàng ngành cùng dòng sản phẩm dịch vụ được chuyên biệt hoá cao. Kiện toàn, tối ưu hoá mạng lưới hoạt động, tiếp tục nâng tầm quy mô và hiệu quả hoạt động của

các Chi nhánh/Phòng giao dịch. Triển khai có hiệu quả các Trung tâm SMEs để phủ địa bàn, và Ngân hàng ưu tiên (Private Banking) để chuyên biệt phát triển khách hàng thuộc phân khúc trung cao.

8.4.2. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

Thương hiệu HDBank

Trải qua hơn 30 năm xây dựng và phát triển, bền bỉ dựng xây thương hiệu HDBank và 5 năm tăng trưởng bứt phá sau IPO đã đưa HDBank lên một vị thế mới đầy tự hào: là ngân hàng thuộc nhóm dẫn đầu. HDBank đang dẫn khăng định vị thế vững chắc cũng như uy tín, thương hiệu của mình trên thị trường, tạo dựng được niềm tin đối với khách hàng.

Đối với HDBank, Phát triển bền vững-Tiên phong dẫn đầu đã là kim chỉ nam dẫn bước thực thi trong các hoạt động kinh doanh và vận hành. Đã từ lâu, HDBank đem chuẩn mực E.S.G mà các tổ chức hàng đầu thế giới áp dụng ứng dụng vào hoạt động kinh doanh.

E – Environment: HDBank luôn coi nhiệm vụ kiến tạo những tài sản thân thiện với môi trường làm mục tiêu quan trọng. Từ mục tiêu đó, HDBank thực thi nhiệm vụ cung ứng **Nguồn vốn xanh** cho các doanh nghiệp, địa phương phát triển các dự án kinh tế nông thôn, phát triển nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo...

S – Social: Vì chữ S, vì cộng đồng, HDBank đã thực thi những nhiệm vụ ý nghĩa trong bối cảnh nền kinh tế nước nhà gặp nhiều khó khăn. Năm 2022, HDBank mở thêm 18 điểm kinh doanh, nâng mạng lưới trên toàn quốc lên 347 điểm, tiếp tục kiến tạo thêm việc làm cho người dân địa phương ngay trong bối cảnh hậu dịch bệnh và những biến động kinh tế- xã hội gây tác động lớn đến đời sống người dân. Không chỉ thế, vì chữ S - HDBank thực hiện chuyển đổi số một cách quyết liệt, phát triển đa dạng sản phẩm- dịch vụ, giúp người dân tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính. Mới đây, HDBank phối hợp Công ty Tài chính tiêu dùng HD SAISON triển khai gói vay 10.000 tỷ đồng với lãi suất hấp dẫn dành cho công nhân trên cả nước.

Đối với cán bộ công nhân viên, HDBank đã mang đến cho cán bộ nhân viên những lợi ích và trải nghiệm vượt trội thông qua việc xây dựng môi trường làm việc hạnh phúc, đề cao mức độ gắn kết giữa nhân viên với ngân hàng và thường xuyên cải cách chế độ đãi ngộ nhân sự hấp dẫn.

G- Governance: Basel III là một thử thách mà HDBank đã tiên phong ứng dụng. HDBank hiểu rằng chỉ có cách liên tục nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp theo đúng các quy định pháp luật và chuẩn mực quốc tế tốt nhất, với sự phân định trách nhiệm và độc lập giữa Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành; quản trị rủi ro hiệu quả... thì HDBank mới có được các chỉ tiêu an toàn vốn tốt nhất thị trường, giúp cổ phiếu HDB trở thành một tài sản tốt mang lại giá trị tốt nhất cho nhà đầu tư và thương hiệu HDBank là điểm đến tin cậy của mỗi khách hàng.

Năm 2022, HDBank tích lũy được thêm cho mình thêm 24 tấm bằng khen, giải thưởng danh giá. Trong đó có Bằng khen do Thủ tướng Chính phủ trao tặng cho Tập thể HDBank vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19; góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Ngoài ra, HDBank còn được ghi nhận:

- 05 năm liền đạt giải thưởng “Nơi làm việc tốt nhất châu Á” do HR Asia bầu chọn.
- HDBank là ngân hàng đầu tiên sử dụng dịch vụ Swift Go tại thị trường Việt Nam.
- HDBank tiếp tục được Forbes bình chọn “Top những thương hiệu tài chính” và doanh nghiệp tỷ USD kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam.
- HDBank lần thứ 4 liên tiếp lọt Top “Doanh nghiệp phát triển bền vững 2022” do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đánh giá.
- HDBank được Tổ chức thẻ quốc tế Visa vinh danh ở 2 hạng mục: Ngân hàng dẫn đầu về tăng trưởng doanh số giao dịch Thẻ 2022 và Ngân hàng dẫn đầu về tăng trưởng doanh số giao dịch Thẻ tín dụng 2022.

HDBank là một trong số ít ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước tín nhiệm lựa chọn hỗ trợ các ngân hàng yếu kém trong chiến lược tái cấu trúc. Trước đó, HDBank đã thực thi hỗ trợ tích cực 03 Quỹ Tín dụng nhân dân. Tập thể HDBank sẽ tiếp tục cộng hưởng sức mạnh, nguồn lực để biến năng lực, vị thế sẵn có thành sức mạnh hỗ trợ phát triển ngành tài chính vững bền.

Thị phần và khả năng cạnh tranh:

Tại thời điểm 31/12/2022, thị phần của HDBank về tổng tài sản, dư nợ cho vay và tiền gửi của khách hàng so với các ngân hàng trong ngành lần lượt là 3,26%; 2,76% và 2,60%.

Bảng 33: Thị phần về tổng tài sản, dư nợ cho vay và tiền gửi của khách hàng so với các ngân hàng trong ngành

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Tổng tài sản	Dư nợ cho vay	Tiền gửi của khách hàng
HDBank (tỷ Đồng)	416.273	263.856	215.797
Thị phần HDBank so với các ngân hàng trong ngành (*)	3,26%	2,76%	2,60%

Nguồn: () Số liệu được tính toán theo dữ liệu từ BCTC hợp nhất năm 2022 của 27 ngân hàng đang niêm yết trên HOSE, HNX và UPCOM*

Xét về mặt quy mô:

Tính đến 31/12/2022, TTS của HDBank đạt 416.273 tỷ đồng, tăng 11,1% so với năm 2021, xếp trong top 10 NHTM có TTS lớn nhất. Vốn chủ sở hữu đạt 38.955 tỷ đồng, thuộc trong top 9 NHTM niêm yết và đăng ký giao dịch (Upcom) có vốn chủ sở hữu lớn nhất tại Việt Nam.

Xét về hiệu quả hoạt động:

Lợi nhuận trước thuế của HDBank năm 2022 đạt 10.268 tỷ VND giúp HDBank lần đầu tiên ghi dấu chân mình vào “câu lạc bộ LNTT đạt 10.000 tỷ”, thuộc top 9 NHTM có lợi nhuận trước thuế cao nhất hệ thống. Điểm đáng chú ý là biên lợi nhuận ròng NIM của HDBank đứng thứ 4 trong hệ thống

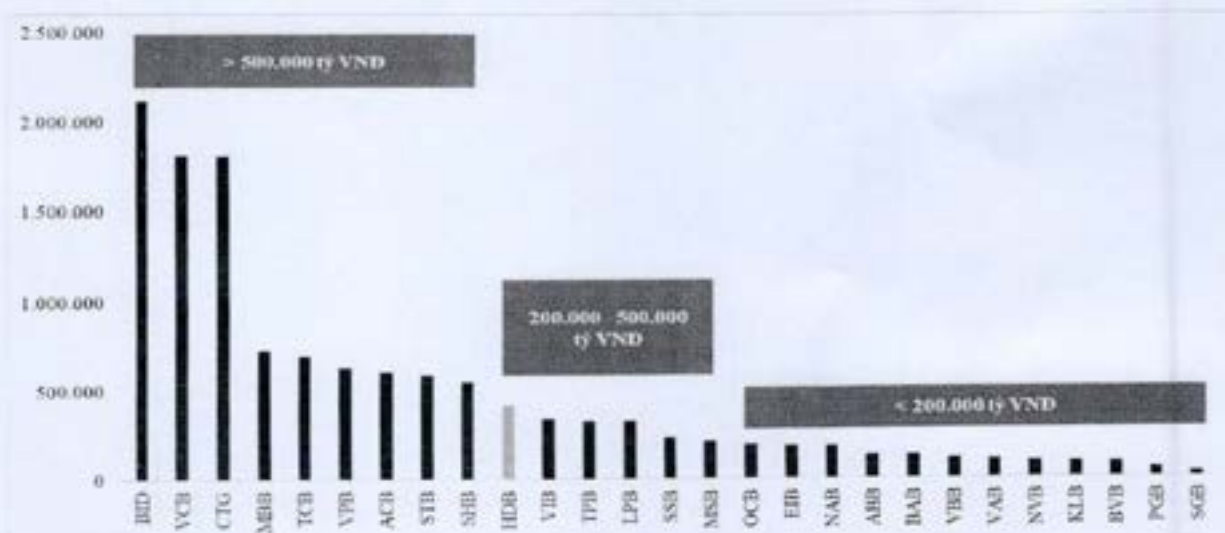
NHTM, ở mức 5,1% tính đến cuối năm 2022. Bên cạnh đó, tỷ lệ nợ xấu (NPL) chỉ chiếm 1,7%, là một trong số 13 NHTM niêm yết có tỷ lệ thấp nhất toàn hệ thống. Điều này chứng tỏ tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro và chất lượng tài sản của Ngân hàng.

Tỷ trọng tài sản sinh lời lên đến 90% quy mô tổng tài sản với các chỉ tiêu ROAE đạt 23,5%, ROAA đạt 2,1% - cao hơn bình quân ngành ngân hàng - giúp HDBank ghi nhận kết quả kinh doanh năm 2022 cao nhất từ trước đến nay, vượt các kế hoạch mà ĐHDCCD giao phó.

HDBank với lợi nhuận trước thuế đạt 10.268 tỷ đồng, tăng 27,2% so với cùng kì và vượt 5% so với nhiệm vụ ĐHDCCD giao phó.

Tổng tài sản 416.273 tỷ đồng cuối năm 2022 với chất lượng tài sản tốt hàng đầu hệ thống ngân hàng, tỷ lệ nợ xấu thấp, tỷ lệ an toàn vốn cao là thành quả HDBank đạt được cùng nỗ lực xây dựng ngân hàng theo tiêu chí bền vững.

Biểu đồ 2: TTS của 27 NHTM niêm yết/Upcom



Nguồn: BCTC hợp nhất của các ngân hàng

Ghi chú: Tên của các ngân hàng so sánh được viết tắt theo mã chứng khoán niêm yết của các ngân hàng đó.

Tỷ lệ an toàn vốn:

Tính đến hết 31/12/2022, tỷ lệ CAR của HDBank đạt xấp xỉ 13,4%, giảm nhẹ 0,91% so với cuối năm 2021. Dựa trên số liệu CAR được công bố bởi 26 ngân hàng đang niêm yết trên HOSE, HNX và UPCOM, CAR của HDBank nằm trong Top 7 NHTM có CAR lớn nhất.

Bảng 34: Vị thế của HDBank trong ngành

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Các NHTM	TTS 2022	Vốn CSH 2022	LNTT 2022	NIM 2022	NPL 2022	CAR 2022
1	BID	2.120.528	104.206	23.058	2,9%	1,3%	9,3%
2	VCB	1.814.188	137.988	37.359	3,4%	0,7%	10,0%
3	CTG	1.809.189	108.305	21.113	3,0%	1,4%	9,0%
4	MBB	728.532	79.613	22.729	5,7%	1,0%	11,5%
5	TCB	699.033	113.425	25.568	5,3%	0,9%	15,2%
6	VPB	631.074	103.517	21.220	7,6%	5,7%	14,9%
7	ACB	607.875	58.439	17.114	4,3%	1,0%	12,8%
8	STB	591.994	38.627	6.339	3,4%	1,0%	9,5%
9	SHB	551.351	42.756	9.659	3,6%	2,5%	12,2%
10	HDB	416.273	38.995	10.268	5,1%	1,7%	13,4%
11	VIB	342.799	32.651	10.581	4,7%	2,5%	12,7%
12	TPB	328.634	32.239	7.828	4,0%	0,8%	12,7%
13	LPB	327.746	24.055	5.690	4,0%	1,4%	12,4%
14	SSB	231.423	26.232	5.069	3,4%	1,6%	14,7%
15	MSB	212.776	26.654	5.787	4,4%	1,7%	12,3%
16	OCB	193.994	25.272	4.389	4,0%	2,2%	12,8%
17	EIB	185.056	20.480	3.709	3,3%	1,9%	14,6%
18	NAB	177.579	12.650	2.268	3,2%	2,8%	8,9%
19	ABB	130.162	13.054	1.702	3,2%	2,3%	11,6%
20	BAB	128.827	9.827	1.073	2,2%	0,5%	9,0%
21	VBB	111.937	6.258	649	1,8%	3,7%	10,2%

STT	Các NHTM	TTS 2022	Vốn CSH 2022	LNTT 2022	NIM 2022	NPL 2022	CAR 2022
22	VAB	105.204	7.306	1.164	1,6%	1,5%	N/A
23	NVB	89.847	5.764	1	1,4%	17,9%	10,6%
24	KLB	85.760	5.184	682	2,7%	2,0%	8,5%
25	BVB	79.067	5.003	456	2,3%	2,8%	13,2%
26	PGB	48.991	4.585	506	2,9%	5,7%	11,5%
27	SGB	27.698	3.899	237	3,6%	5,2%	17,0%

Nguồn: Tổng hợp từ các BCTC hợp nhất, Báo cáo thường niên, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính, và Báo cáo công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn của các ngân hàng

Vị thế của HDBank theo đánh giá của tổ chức Moody's Investors Service (Moody's)

Theo công bố mới nhất vào ngày 08/06/2023 của tổ chức đánh giá tín nhiệm quốc tế Moody's, HDBank tiếp tục được đánh giá mức xếp hạng B1 về rủi ro đối tác dài hạn bằng đồng nội tệ và ngoại tệ, đánh giá rủi ro đối tác dài hạn được duy trì mức B1. Xếp hạng tín nhiệm nhà phát hành bằng nội tệ và ngoại tệ, xếp hạng tín nhiệm tiền gửi ngắn hạn bằng nội tệ và ngoại tệ đều giữ vững mức B1.

8.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

Một số dự án đã và đang được Ngân hàng triển khai để phát triển hoạt động kinh doanh như sau:

STT	Tên Dự án/Nội dung	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án tới hoạt động kinh doanh của HDBank
1	RLOS & CLOS: Hệ thống khởi tạo, quản lý và cấp tín dụng cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp	Đang triển khai dự án.	- Quản lý toàn bộ vòng đời của quy trình cấp tín dụng từ giai đoạn khởi tạo đến khi phê duyệt và cấp tín dụng.
2	Kiosk Banking - Tối ưu mạng lưới CN&ATM	Đang triển khai dự án.	- Đóng vai trò rất quan trọng trong việc thay thế nghiệp vụ tại quầy thông qua các công nghệ số hóa 4.0, đặc biệt thể hiện hình ảnh chuyển đổi số mạnh mẽ của HDBANK trong giai đoạn 3 năm tới. - Cho phép khách hàng chủ động thao

			tác, dễ dàng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ ngân hàng thông qua Kiosk Banking.
3	HDBank Loyalty – Chương trình khách hàng thân thiết	Đã hoàn thành dự án.	<p>Khuyến khích khách hàng đăng ký tham gia chương trình khách hàng thân thiết của HDBank và thúc đẩy khách hàng thực hiện giao dịch trên các ứng dụng HDBank để tích điểm.</p> <p>Đẩy mạnh việc khách hàng tham gia vào hệ sinh thái của tập đoàn để hưởng các ưu đãi khác.</p>
4	Dự án PwC tư vấn mô hình xếp hạng tín dụng (Credit Scoring) cho Khách hàng cá nhân và Khách hàng doanh nghiệp	Đã hoàn thành dự án.	<p>- Hỗ trợ phê duyệt tín dụng: cải thiện tính chính xác và hiệu lực của việc ra quyết định cấp tín dụng, cung cấp phương tiện hỗ trợ để quá trình này trở nên hiệu quả, tiết kiệm thời gian, chi phí và giảm bớt sự can thiệp từ con người.</p> <p>- Thực hiện quản trị rủi ro tín dụng: Xếp hạng tín dụng nội bộ là một công cụ để đánh giá mức rủi ro của khách hàng; đánh giá hiệu quả quá trình quản trị rủi ro của các bộ phận liên quan, bảo đảm việc cấp tín dụng được quản lý phù hợp, các tài sản có rủi ro tín dụng nằm trong các giới hạn, thống nhất với các tiêu chuẩn thận trọng và khả năng phát hiện rủi ro sớm.</p> <p>- Hỗ trợ xác định giá khoản tín dụng; Hỗ trợ quản lý và quản trị khách hàng.</p> <p>- Hỗ trợ công tác quản lý thông tin (MIS) theo danh mục và tạo lập báo cáo.</p>
5	Dự án Tư vấn nâng cấp Basel II lên Basel III (phương pháp tiêu chuẩn)	Đã hoàn thành dự án.	- Nâng cao năng lực tài chính thông qua việc áp dụng các chỉ tiêu an toàn vốn với yêu cầu cao hơn so với Basel II, cải thiện năng lực quản lý rủi ro, đặc biệt là quản

			<p>lý rủi ro thanh khoản và hoàn thiện hơn hệ thống kiểm soát nội bộ.</p> <p>- Quảng bá thương hiệu, khẳng định vị thế trên thị trường. Việc tiên phong đáp ứng các yêu cầu cao về quản trị rủi ro là cơ hội để Ngân hàng nâng cao danh tiếng, sự tin nhiệm của khách hàng, đặc biệt là các tổ chức nước ngoài.</p>
6	Cải tiến danh mục sản phẩm Quản lý tài sản và Banca	Đã hoàn thành dự án.	- Danh mục sản phẩm dành cho Khách hàng ưu tiên không chỉ là những sản phẩm ngân hàng truyền thống, mà đa dạng hóa sản phẩm, cung cấp những giải pháp tài chính cho đầu tư, tích lũy và bảo hiểm.
7	Chương trình mở rộng ngân hàng nông thôn	Đang triển khai dự án.	- Nhằm phục vụ nhóm dân số chưa được quan tâm đúng mức. HDBank phát triển mạng lưới cộng tác viên, đưa những sản phẩm ngân hàng đơn giản đến Khách hàng chưa sử dụng sản phẩm ngân hàng, thông qua ứng dụng trên điện thoại di động.

Nguồn: HDBank

8.6. Chiến lược kinh doanh

8.6.1. Mục tiêu phát triển chiến lược 2021 – 2025

HDBank đặt mục tiêu và tầm nhìn chiến lược trở thành ngân hàng hàng đầu về bán lẻ, SME và tiêu dùng, là một trong những tập đoàn tài chính ngân hàng lớn của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, đóng góp cho sự phát triển, hội nhập của thị trường tài chính toàn cầu, dựa trên 3 mục tiêu chính: **Ngân Hàng Số** - Đi đầu về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển ngân hàng số, fintech... tiếp tục cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính chất lượng vượt trội và ngày càng tiện lợi, văn minh, trở thành ngân hàng của mọi người dân – Ngân hàng số hạnh phúc.

Tài Chính Tiêu Dùng - Chú trọng phát triển HD SAISON trở thành công ty dẫn đầu trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng, đồng thời, hoàn thiện và thúc đẩy khai thác hiệu quả hệ sinh thái Tài chính – Hàng không – Bán lẻ – Tiêu dùng – Năng lượng – Viễn thông – Bất động sản, hướng đến mục tiêu phục vụ

khoảng hơn 40 triệu khách hàng cá nhân và doanh nghiệp trong nền kinh tế, mang đến lợi ích cao nhất cho cổ đông, đối tác, khách hàng và cán bộ nhân viên.

Ngân Hàng Xanh - Kiên định với chiến lược phát triển bền vững, tiếp tục phát triển mạnh ngân hàng Xanh, góp phần vào tăng trưởng kinh tế Xanh, vì sự phát triển của cộng đồng, môi trường, tương lai bền vững của Việt Nam.

8.6.2. Các mục tiêu trọng tâm trong năm 2023

- **Mục tiêu 1 - Hiệu quả hoạt động gắn liền Chiến lược 5 năm**
 - ✓ Đẩy mạnh huy động TTI để đảm bảo nguồn vốn lõi và an toàn thanh khoản cho hoạt động toàn hàng và đáp ứng tăng trưởng tín dụng được NHNN giao và tỷ lệ LDR quản trị nội bộ. Kiên định thực thi chương trình hành động CASA để cải thiện mạnh mẽ tỉ lệ CASA, trung hoà chi phí vốn.
 - ✓ Chính sách tín dụng theo gói Combo để thâm nhập khách hàng và bán trọn gói sản phẩm dịch vụ, gia tăng hiệu quả khai thác.
 - ✓ Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023, đẩy mạnh triển khai các sáng kiến theo mục tiêu chiến lược đề ra nhằm đảm bảo qui mô, lợi nhuận và các chỉ số tài chính đạt tốt theo chiến lược và cam kết với nhà đầu tư, phấn đấu trở thành ngân hàng có lợi nhuận top 3 trong năm 2025.
- **Mục tiêu 2 - Khách hàng và kênh phân phối**
 - ✓ Chú trọng phát triển khách hàng mới song song với đánh thức nguồn khách hàng tiềm năng thông qua các chương trình kích hoạt và nền tảng loyalty SkyJoy; đẩy mạnh khai thác khách hàng hệ sinh thái, tài trợ chuỗi và ưu tiên kết nối, liên kết các đối tác nền tảng có hệ sinh thái rộng theo hướng tiếp cận của Open Banking.
 - ✓ Đa dạng hóa kênh bán hàng qua App, Website HDBank mới theo tư duy E-Commerce; đẩy mạnh triển khai agent banking theo sáng kiến chiến lược ngân hàng nông thôn Retail Banking; Triển khai từng bước mô hình kinh doanh KIOSK BANK gắn liền với quảng bá thương hiệu.
 - ✓ Triển khai phát triển các chuỗi khách hàng chiến lược theo Sáng kiến ngành đi kèm với HUB/RM ngành cùng dòng sản phẩm dịch vụ được chuyên biệt hoá cao.
 - ✓ Kiện toàn, tối ưu hoá mạng lưới hoạt động, tiếp tục nâng tầm quy mô và hiệu quả hoạt động của các CN/PGD. Triển khai có hiệu quả các Trung tâm SME để phủ địa bàn, và Ngân hàng ưu tiên (Private Banking) để chuyên biệt phát triển khách hàng thuộc phân khúc trung cao.
- **Mục tiêu 3 – Sản phẩm dịch vụ**

- ✓ Đẩy mạnh việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ trên kênh mobile/internet banking theo hướng “one-click” cho KHCN và “mượt hoá” các hành trình khách hàng của bộ công cụ eCMB đưa thành nền tảng giao dịch hấp dẫn của SME.
- ✓ Triển khai bán thêm, bán chéo sản phẩm và hướng tiếp cận Combo đối với từng tệp khách hàng, gia tăng hiệu quả khai thác và lưu giữ khách hàng.
- ✓ Nâng cao vị thế HDBank trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ thuộc top 5 Ngân hàng Thương mại Cổ phần về doanh số Banca.
- ✓ Đưa phát hành/kích hoạt thẻ tín dụng vào trong Top 3 của thị trường. Đẩy mạnh phát hành thẻ trên nền tảng platform. Tiếp tục triển khai mạnh 2 dòng thẻ chủ lực: Quốc dân 4in1 và VJA. Triển khai dịch vụ mua trước trả sau Muadee by HDBank.
- **Mục tiêu 4 – Thương hiệu gắn liền với sản phẩm dịch vụ**
 - ✓ Tăng cường các chiến dịch marketing số và thu hút thêm khách hàng mở tài khoản và sử dụng các dịch vụ tài chính qua kênh trực tuyến.
 - ✓ Tiếp tục đẩy mạnh OneCredit của KHCN và OnePayroll đều khắp các đơn vị như dòng sản phẩm thương hiệu của HDBank.
 - ✓ Nâng cao nhận diện thương hiệu HDBank tại các trụ sở đơn vị kinh doanh, bao gồm Kiosk Bank, trở thành ngân hàng có độ nhận diện thương hiệu và sức khoẻ thương hiệu thuộc top dẫn đầu các ngân hàng Thương mại Cổ phần.
- **Mục tiêu 5 – Văn hóa**
 - ✓ Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ trong hoạt động, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu.
 - ✓ Xây dựng 1 văn hoá “Thực Thi” có tính cam kết cao, gắn liền với kết quả và tưởng thưởng xứng đáng.
 - ✓ Phát huy môi trường làm việc cởi mở, thân thiện, gắn kết và hỗ trợ giữa các cấp, đón nhận các phản biện chân thành, xây dựng để phát huy trí tuệ tập thể.
- **Mục tiêu 6 – Cổ phiếu HDB**
 - ✓ Nâng cao vị thế cổ phiếu HDB, đạt tốc độ tăng trưởng và mức định giá cao hơn bình quân toàn ngành.
 - ✓ Giữ vững vị trí của HDBank trong rổ VN30.

9. Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên:

Tại thời điểm ngày 22/12/2023, HDBank có 01 cổ đông lớn là tổ chức, chi tiết như sau:

Tên cổ đông lớn	Công ty Cổ phần Sovico
Năm thành lập:	2008
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	Giấy đăng ký kinh doanh số 0103028102 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/11/2008, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 23/04/2021
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ trụ sở chính:	Phòng 1102, Tòa Nhà Pacific Place, 83B Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Vốn điều lệ:	5.000.000.000.000 đồng (Năm nghìn tỷ đồng)
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Phạm Khắc Dũng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Số lượng cổ phần sở hữu tại HDBank:	417.744.361 cổ phần, tương đương với tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 14,3672% vốn điều lệ
Người đại diện theo ủy quyền tại HDBank:	Không có
Số lượng cổ phần sở hữu của Người có liên quan của Cổ đông lớn tại HDBank:	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Phạm Khắc Dũng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc, sở hữu 34.981.640 cổ phần, tương ứng 1,2031% vốn điều lệ - Ông Nguyễn Cảnh Sơn, Người quản lý, sở hữu 889.452 cổ phần, tương ứng 0,0306% vốn điều lệ - Ông Chu Việt Cường, Người quản lý, sở hữu 296.483 cổ phần, tương ứng 0,0102% vốn điều lệ - Ông Đinh Việt Phương, Người quản lý, sở hữu 359.071 cổ phần, tương ứng 0,0123% vốn điều lệ
Lợi ích liên quan đối với HDBank:	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng, giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa đại diện theo ủy quyền của Sovico và người có liên quan của họ với HDBank: Không có - Không có lợi ích mâu thuẫn với HDBank

Nguồn: HDBank

10. Thông tin thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD và Kế toán trưởng**10.1. Danh sách thành viên HĐQT**

Bảng 35: Danh sách Thành viên HĐQT tại ngày 22/12/2023

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Kim Byounggho	Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT độc lập
2	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực
3	Ông Lưu Đức Khánh	Phó Chủ tịch HĐQT
4	Ông Nguyễn Thành Đô	Phó Chủ tịch HĐQT
5	Ông Nguyễn Hữu Đăng	Phó Chủ tịch HĐQT
6	Ông Lê Mạnh Dũng	Thành viên HĐQT độc lập
7	Ông Phạm Quốc Thanh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Nguồn: HDBank

Thông tin chi tiết của từng thành viên HĐQT như sau:

10.1.1. Ông Kim Byounggho – Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Năm sinh: 1961
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Trường Kinh doanh Haas, Đại học California, Berkeley, Hoa Kỳ
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 04/2022 - nay	Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT độc lập	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2022 - nay	Thành viên HĐQT độc lập	SK Inc. (Hàn Quốc)
Từ 2020 - nay	Cố vấn cấp cao	International Finance Corporation (IFC)
Từ 2018 – 2019	Thành viên Ủy ban Cố vấn cấp cao	Hana Bank (Hàn Quốc)
Từ 2015 - 2018	Phó Chủ tịch HĐQT	Hana Financial Group (Hàn Quốc)
Từ 2014 – 2015	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	Hana Bank (Hàn Quốc)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2009 – 2014	Giám đốc Tài chính/ Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp/ Giám đốc Marketing/ Phó Chủ tịch	Hana Bank (Hàn Quốc)
Từ 2005 – 2009	Giám đốc Tài chính/ Giám đốc Khối Nguồn vốn/ Giám đốc chiến lược/ Phó Chủ tịch	Hana Financial Group (Hàn Quốc)
Từ 1991 – 2005	Giám đốc Khối Kế hoạch Chiến lược/ Giám đốc Chi nhánh New York	Hana Bank (Hàn Quốc)
Từ 1988 – 1991	Giám đốc Quan hệ Khách hàng	First National Bank of Chicago (Hoa Kỳ)

- Số lượng chứng khoán tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023): Không có
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2022 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2022 và 11 tháng đầu năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2022 (triệu Đồng)	11 tháng đầu năm 2023 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
1.350	5.017	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.1.2. Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Phó Chủ tịch HĐQT thường trực

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1970
- Trình độ học vấn: Tiến sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân tài chính và tín dụng – Học viện kinh doanh Quốc tế Matxcova – Liên bang Nga
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2003 – nay	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 05/2015 – nay	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Thành viên	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON
Từ 04/2023 – nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Hàng không Vietjet
Từ 2007 – 04/2023	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty CP Hàng không Vietjet
Từ 11/2013 – 05/2015	Chủ tịch Hội đồng Thành viên	Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HD Finance)
Từ 2019 – nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sovico
Từ 2019 – nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty TNHH Đầu tư Hướng Dương Sunny
Từ 2020 – nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty TNHH GalaxyOne
Năm 2005	Cổ đông, Sáng lập viên	Ngân hàng TMCP Quốc Tế (VIB)
Năm 2006	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 1992 – 2021	Phó Chủ tịch, Chủ tịch điều hành, Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Sovico

- Số lượng chứng khoán tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 107.661.173 cổ phần, tương ứng 3,7027% vốn cổ phần

- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 889.452 cổ phần, tương ứng 0,0306% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023): Không có
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023):

STT	Bên có liên quan	Nội dung giao dịch	Cấp phê duyệt
1	Công ty CP Hàng không Vietjet	HDBank tái cấp tăng hạn mức tín dụng cho Công ty CP Hàng không Vietjet. Hạn mức tín dụng ngắn hạn: tối đa 10% vốn tự có của HDBank và không vượt quá 4.100 tỷ đồng (hoặc ngoại tệ tương đương).	Hội đồng Quản trị
2	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON	HDBank tái cấp hạn mức giao dịch với HD SAISON. Hạn mức giao dịch tiền gửi, cho vay, mua giấy tờ có giá: 4.200 tỷ đồng (hoặc ngoại tệ tương đương) bao gồm số dự hiện tại (nếu có). Hạn mức nghiệp vụ FX và phái sinh lãi suất: 380 triệu USD (hoặc ngoại tệ tương đương) bao gồm số dự hiện tại (nếu có).	Hội đồng Quản trị
3	Công ty CP Hàng không Vietjet	HDBank đánh giá định kỳ về hạn mức tín dụng đã cấp cho Công ty CP Hàng không Vietjet như đã nêu tại STT 1.	Hội đồng Quản trị

4	Công ty CP Hàng không Vietjet	HDBank bán một phần cổ phiếu Công ty CP Hàng không Vietjet (Mã chứng khoán: VJC) thuộc sở hữu của HDBank.	Hội đồng Quản trị
5	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON	Hợp tác giữa HDBank và Công ty Tài chính TNHH HD SAISON để mở tài khoản thanh toán tại HDBank cho khách hàng khi sử dụng ứng dụng/ các kênh của HD SAISON.	Hội đồng Quản trị

- o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2022 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2022 và 11 tháng đầu năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2022 (triệu Đồng)	11 tháng đầu năm 2023 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
1.879	1.696	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.1.3. Ông Lưu Đức Khánh – Phó Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1960
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh quốc tế – Đại học New England (Úc)
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2009 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2020 – nay	Thành viên HĐQT	Công ty CP Hàng không Vietjet
Từ 2010 – 05/2023	Chủ tịch Ban đại diện	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam VFMVFI (Nay là Quỹ Đầu tư Chứng khoán Năng động DC)
Từ 2011 – 2020	Giám đốc Điều hành	Công ty CP Hàng không Vietjet
Từ 2020 – nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
Từ 2008 – 2009	Giám đốc	Công ty Cổ phần Sovico
Từ 2006 – 2008	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP An Bình (ABBank)
Năm 2006	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 1995 – 2006	Giám đốc chiến lược	Ngân hàng HSBC (Việt Nam)
Năm 1995	Giám đốc	Ngân hàng Vietcombank
Từ 1988 – 1995	Phó Tổng Giám đốc	Công ty CCL Sài Gòn (thuộc Saigon Tourist)

- Số lượng chứng khoán tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 8.339.363 cổ phần, tương ứng 0,2868% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023): Không có
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023):

STT	Bên có liên quan	Nội dung giao dịch	Cấp phê duyệt
1	Công ty CP Hàng không Vietjet	HDBank tái cấp hạn mức tín dụng cho Công ty CP Hàng không Vietjet. Hạn mức tín dụng ngắn hạn: tối đa 10% vốn tự có của HDBank và không vượt quá 4.100 tỷ đồng (hoặc ngoại tệ tương đương).	Hội đồng Quản trị
2	Công ty CP Hàng không Vietjet	HDBank đánh giá định kỳ về hạn mức tín dụng đã cấp cho Công ty CP Hàng không Vietjet như đã nêu tại STT 1.	Hội đồng Quản trị
3	Công ty CP Hàng không Vietjet	HDBank bán một phần cổ phiếu Công ty CP Hàng không Vietjet (Mã chứng khoán: VJC) thuộc sở hữu của HDBank.	Hội đồng Quản trị

- o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2022 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2022 và 11 tháng đầu năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2022 (triệu Đồng)	11 tháng đầu năm 2023 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
03	797	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.1.4. Ông Nguyễn Thành Đô – Phó Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1954
- Trình độ học vấn: Tiến sĩ
- Năng lực chuyên môn: Tiến sĩ ngành Tài chính Ngân hàng – Đại học Tài chính Matxcova – Liên Xô
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 04/2022 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2017 – 04/2022	Phó Chủ tịch HĐQT - Thành viên HĐQT Độc lập	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 08/2020 - nay	Thành viên Hội đồng trường	Trường Đại học Hòa Bình
Từ 2009 – 2014	Cục trưởng Cục Quản lý nợ và tài chính đối ngoại	Bộ Tài chính
Từ 1993 – 2009	Phó vụ trưởng, Vụ trưởng Vụ Tài chính đối ngoại	Bộ Tài chính
Từ 1991 – 1993	Trưởng phòng Thư ký Đoàn Văn phòng Bộ	Bộ Tài chính
Từ 1986 – 1991	Chuyên viên Ban Thư ký	Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) – Matxcova
Từ 1983 – 1986	Phó Trưởng phòng Kế hoạch Vụ Ngân sách Nhà nước	Bộ Tài chính
Từ 1981 – 1983	Cán bộ Vụ Tài vụ công nghiệp nặng	Bộ Tài chính
Từ 1977 – 1981	Giảng viên	Trường Đại học Tài chính – Kế toán Hà Nội

- Số lượng chứng khoán tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 88.944 cổ phần, tương ứng 0,0031% vốn cổ phần

- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

- o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023): Không có
- o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023):

STT	Bên có liên quan	Nội dung giao dịch	Cấp phê duyệt
1	Trường Đại học Hòa Bình	HDBank cấp khoản tín dụng 10 tỷ đồng có Tài sản đảm bảo cho Trường Đại học Hòa Bình.	Hội đồng Quản trị

- o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2022 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2022 và 11 tháng đầu năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2022 (triệu Đồng)	11 tháng đầu năm 2023 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
1.346	1.762	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.1.5. Ông Nguyễn Hữu Đặng – Phó Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1970
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ ngành Ngân hàng – Đại học GRIGGS (Hoa Kỳ)
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2020 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2010 – 2020	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2007 – 2010	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 1999 – 2007	Nhân sự phụ trách kinh doanh	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2020 – nay	Tổng Giám đốc	Công ty TNHH GalaxyOne
Từ 1995 – 1999	Cán bộ tín dụng	Ngân hàng Công thương Long An
Từ 1993 – 1995	Cán bộ chuyên quản các TCTD ngoài quốc doanh	NHNN Tỉnh Đồng Tháp

- Số lượng chứng khoán tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 80.201.183 cổ phần, tương ứng 2,7583% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023): Không có
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2022 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2022 và 11 tháng đầu năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2022 (triệu Đồng)	11 tháng đầu năm 2023 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
1.579	3.407	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.1.6. Ông Lê Mạnh Dũng – Thành viên HĐQT độc lập

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1975
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Trung tâm Pháp – Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG), Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2022 – nay	Thành viên HĐQT độc lập	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2013 – nay	Đại diện tại Việt Nam	Deutsche Investitions- und Entwicklungsgesellschaft mbH (DEG)
Từ 2007 – 2012	Giám đốc Đầu tư	Mekong Capital
Từ 2005 - 2007	Giám đốc nhóm tư vấn định chế tài chính	Citi Capital Partners
Từ 1997 – 2004	Trưởng phòng Tín dụng	Ngân hàng Woori Bank – Chi nhánh Hà Nội

- Số lượng chứng khoán tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023): Không có
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2022 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2022 và 11 tháng đầu năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2022 (triệu Đồng)	11 tháng đầu năm 2023 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
646	1.029	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: Không có.

10.1.7. Ông Phạm Quốc Thanh – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1970
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán – Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 04/2023 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2020 – 04/2023	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 03/2013 – 04/2020	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 07/2022 – nay	Thành viên Hội đồng Thành viên	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON
Từ 01/2012 – 02/2013	Giám đốc Khối CIB miền Nam	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 04/2007 – 12/2011	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP An Bình (ABBank)
Từ 01/2006 – 03/2007	Giám đốc Chi nhánh Bình Tây	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)
Từ 09/1995 – 12/2005	Trưởng phòng tín dụng	Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 01/1994 – 08/1995	Nhân viên tín dụng	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)
Từ 06/1993 – 12/1993	Nhân viên kế toán	Công ty May Việt Tiến

- Số lượng chứng khoán tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 4.526.725 cổ phần, tương ứng 0,1557% vốn cổ phần. Số lượng chứng khoán HDB tại ngày 25/12/2023 là 4.626.725 cổ phần (cập nhật thêm cổ phiếu do giao dịch mua vào cổ phiếu tại ngày 21/12/2023 đến 25/12/2023 cổ phiếu mới về tài khoản.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023): Không có
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023):

STT	Bên có liên quan	Nội dung giao dịch	Cấp phê duyệt
1	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON	HDBank tái cấp hạn mức giao dịch với HD SAISON. Hạn mức giao dịch tiền gửi, cho vay, mua giấy tờ có giá: 4.200 tỷ đồng (hoặc ngoại tệ tương đương) bao gồm số dự hiện tại (nếu có). Hạn mức nghiệp vụ FX và phái sinh lãi suất: 380 triệu USD (hoặc ngoại tệ tương đương) bao gồm số dự hiện tại (nếu có).	Hội đồng Quản trị
2	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON	Hợp tác giữa HDBank và Công ty Tài chính TNHH HD SAISON để mở tài khoản thanh toán tại HDBank cho khách hàng khi sử dụng ứng dụng/ các kênh của HD SAISON.	Hội đồng Quản trị

- o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2022 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2022 và 11 tháng đầu năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản (*)		Lợi ích khác	
Năm 2022 (triệu Đồng)	11 tháng đầu năm 2023 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
6.060	1.977	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

(*) Thù lao cơ bản bao gồm thù lao Thành viên HĐQT từ ngày 26/04/2023 và thù lao Tổng Giám đốc.

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.2. Danh Sách BKS

Bảng 36: Danh sách Thành viên BKS tại ngày 22/12/2023

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đào Duy Tường	Trưởng BKS
2	Đường Thị Thu	Thành viên BKS
3	Bùi Thị Kiều Oanh	Thành viên BKS
4	Nguyễn Lê Hiếu	Thành viên BKS

Thông tin chi tiết của từng thành viên như sau:

10.2.1. Ông Đào Duy Tường – Trưởng BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1970
- Trình độ học vấn: Cử nhân

- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán- Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2010 – nay	Trưởng Ban Kiểm soát	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2007 – 2010	Kế toán trưởng	Công ty CP Đầu tư Sóng Việt
Từ 2007 – 2008	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	Công ty XNK Nhà Bè
Từ 2004 – 2007	Kế toán trưởng	Công ty CP ĐT XD & PT hạ tầng Phú An
Từ 1997 – 2004	Kế toán trưởng	Xí nghiệp 347, Công ty Sông Hồng - Bộ Quốc phòng

- Số lượng chứng khoán tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 79.709.988 cổ phần, tương ứng 2,7414% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 4.836.661 cổ phần, tương ứng 0,1663% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023): Không có
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2022 của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2022 và 11 tháng đầu năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2022 (triệu Đồng)	11 tháng đầu năm 2023 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức

1.496	3.035	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ
-------	-------	----------	--

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.2.2. Bà Đường Thị Thu – Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1980
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán – Học viện Tài chính
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2020 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2014 – 2020	Phó Trưởng Kiểm toán Nội bộ	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2012 – 2014	Trưởng Kiểm toán Nội bộ Khu vực phía Bắc	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2006 – 2012	Kiểm toán viên Nội bộ	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2002 – 2005	Giảng viên	Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa

- Số lượng chứng khoán tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 30.833 cổ phần, tương ứng 0,0011% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và

những người có liên quan của thành viên BKS trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023):

- Không có
- o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2022 của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2022 và 11 tháng đầu năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2022 (triệu Đồng)	11 tháng đầu năm 2023 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
661	1.297	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.2.3. Bà Bùi Thị Kiều Oanh – Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1980
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Tài chính Ngân hàng – ĐH DL Thăng Long, Hà Nội
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 04/2022 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2019 – 03/2022	Phó Trưởng Kiểm toán Nội bộ	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2016 – 2019	Phó giám đốc Phụ trách khối KHCN	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2014 – 2016	Giám đốc Chi nhánh Chợ Lớn, Phòng Giao dịch An Đông	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 2010 – 2014	Trưởng phòng Khách hàng cá nhân	Ngân hàng TMCP Đại Á (DaiABank)
Từ 2003 – 2010	Kiểm soát viên Tín dụng – Chi nhánh Hải Phòng/ Chi nhánh Sài Gòn	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)

- Số lượng chứng khoán tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023): Không có
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2022 của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2022 và 11 tháng đầu năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2022 (triệu Đồng)	11 tháng đầu năm 2023 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
729	1.349	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.2.4. Ông Nguyễn Lê Hiếu – Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1986
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ

- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ, chuyên ngành Kinh tế Phát triển – Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2022 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 11/2011 – nay	Giám đốc	Công ty TNHH MTV Nguyễn Lê Gia Phát
Từ 2020 – 2021	Thành viên đội triển khai Basel	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)
Từ 2019 – 2020	Nhân viên phòng Kiểm toán và Kiểm soát nội bộ	Công ty CP Tập đoàn Sovico
Từ 2016 – 2019	Trưởng Kiểm toán Nội bộ khu vực	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Năm 2015	Giám đốc Phòng giao dịch Chánh Hưng (tên cũ PGD Cao Thắng), Chi nhánh An Đông	Ngân hàng TMCP Nam Á (NamABank)
Từ 2014 – 2015	Trưởng kiểm toán nội bộ khu vực Đông Sài Gòn	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2013 – 2014	Kiểm toán viên nội bộ	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2010 – 2013	Cán bộ Quan hệ khách hàng Doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)
Từ 2009 – 2010	Cán bộ Quan hệ khách hàng Doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)

- Số lượng chứng khoán tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 711.563 cổ phần, tương ứng 0,0245% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

- o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023): Không có
- o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2022 của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2022 và 11 tháng đầu năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2022 (triệu Đồng)	11 tháng đầu năm 2023 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
502	1.001	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: Không có.

10.3. Danh Sách Ban TGD, Giám Đốc Tài Chính Và Kế Toán Trưởng

Bảng 37: Danh sách Ban TGD, Giám đốc Tài chính và Kế toán Trưởng tại ngày 22/12/2023

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Quốc Thanh	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
2	Nguyễn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Văn Hào	Phó Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Đăng Thanh	Phó Tổng Giám đốc
6	Lê Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc
7	Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
8	Trần Thái Hòa	Phó Tổng Giám đốc

9	Nguyễn Cảnh Vinh	Phó Tổng Giám đốc
10	Trần Xuân Huy	Phó Tổng Giám đốc
11	Phạm Văn Đầu	Giám đốc Tài chính
12	Hồ Đặng Hoàng Quyên	Kế toán Trưởng

Thông tin chi tiết của từng thành viên Ban TGD, Giám đốc Tài chính và Kế toán Trưởng:

10.3.1. Ông Phạm Quốc Thanh - Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Xem tại thông tin Thành viên HĐQT

10.3.2. Ông Nguyễn Minh Đức - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1962
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội, Thạc sĩ Kinh tế - Đại học Hàng Hải Việt Nam
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2009 – nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2000 – 2009	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)
Từ 1995 - 2000	Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh Quảng Ninh
Từ 1994 - 1995	Phó Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh Quảng Ninh
Từ 1992 - 1994	Trưởng phòng Khách hàng cá nhân	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh Quảng Ninh
Từ 1992 - 11/1992	Nhân viên	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh Quảng Ninh
Từ 1985 - 1992	Giảng viên	Đại học Hàng Hải

- Số lượng chứng khoán tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 269.156 cổ phần, tương ứng 0,0093% vốn cổ phần

- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Không có lợi ích mâu thuẫn với HDBank
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023): Không có
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2022 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2022 và 11 tháng đầu năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2022 (triệu Đồng)	11 tháng đầu năm 2023 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
3.940	1.875	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.3.3. Ông Lê Thanh Tùng - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1971
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Luật – Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – The International Business School of Scandinavia
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2009 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2002 - 2009	Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Nguyễn Trãi
Từ 1998 - 2002	Chuyên viên	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Nguyễn Trãi
Từ 1996 - 1998	Chuyên viên	Ngân hàng TMCP Châu Á Thái Bình Dương
Từ 1993 - 1996	Chuyên viên	Công ty tài chính Seaprodex

- Số lượng chứng khoán tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 308.343 cổ phần, tương ứng 0,0106% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023): Không có
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2022 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2022 và 11 tháng đầu năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2022 (triệu Đồng)	11 tháng đầu năm 2023 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
1.702	1.454	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.3.4. Ông Nguyễn Văn Hào - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1972
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Tiếng Anh – Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc Gia Hà Nội; Thạc sĩ kinh tế - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 10/2020 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (HDBANK)
Từ 04/2017- 11/2020	Thành viên HĐQT	Công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương
Từ 07/2020 - 09/2020	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 04/2018 - 07/2020	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 06/2017 - 07/2020	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 03/2017 - 06/2017	Quyền Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 09/2016 - 02/2017	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 05/2016 - 08/2016	Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 11/2015 - 04/2016	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 08/2015 - 10/2015	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 05/2011 - 07/2015	Giám đốc Tài chính kế toán kiêm Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng Quản trị	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PGBank)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 12/2009 - 04/2011	Giám đốc Tài chính kế toán kiêm Kế toán trưởng	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PGBank)
Từ 08/2007 - 11/2009	Giám đốc Tài chính kế toán	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PGBank)
Từ 12/2000 - 07/2007	Trưởng phòng kế toán và hệ thống	The bank of Tokyo Mitsubishi UFJ - Chi nhánh Hà Nội
Từ 12/1997 - 11/2000	Trưởng phòng kế toán; Kế toán trưởng	Công ty phát triển tin học, công nghệ và môi trường - Công ty thành viên của Tổng Công ty Than Việt Nam
Từ 06/1997 - 11/1997	Nhân viên	Công ty kiểm toán và tư vấn tài chính kế toán Sài Gòn

- Số lượng chứng khoán tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2012: 184.000 cổ phần, tương ứng 0,0063% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023): Không có
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2022 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2022 và 11 tháng đầu năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2022 (triệu Đồng)	11 tháng đầu năm 2023 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức

3.223	2.043	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ
-------	-------	----------	--

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.3.5. Ông Nguyễn Đăng Thanh - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1976
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kinh doanh tiền tệ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 09/07/2020 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (HDBANK)
Từ 04/2019 - 10/2019	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín
Từ 01/2018 - 01/2019	Tổng Giám đốc	Công ty CP Phát triển Đô thị Đông Dương
Từ 07/2016 - 12/2017	Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)
Từ 04/2012 - 05/2016	Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Kinh doanh miền Nam, Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 01/2000 - 04/2012	Chuyên Viên R&D, Giám đốc Marketing kiêm Giám đốc Nhân sự, Giám đốc Trung tâm thẻ, Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)

- Số lượng chứng khoán tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023): Không có
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2022 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2022 và 11 tháng đầu năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2022 (triệu Đồng)	11 tháng đầu năm 2023 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
3.004	1.743	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.3.6. Ông Lê Thành Trung – Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1965
- Trình độ học vấn: Tiến sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Luật – Đại học Tổng hợp Quốc gia Taskensken, Tiến sĩ Kinh tế - Viện Hàn lâm khoa học Liên bang Nga
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 03/2012 – nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (HDBank)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 04/2014 – 12/2021	Chủ tịch	Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh
Từ 03/2007 – 03/2012	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Shinhan Bank Việt Nam
Từ 04/2004 – 03/2007	Giám đốc	Công ty Cho thuê tài chính Vietcombank – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh
Từ 12/2002 – 03/2007	Phó Giám Đốc	Công ty Cho thuê tài chính Vietcombank
Từ 02/2002 – 12/2002	Chánh Văn phòng	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)
Từ 01/1995 - 02/2002	Trưởng Văn phòng	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)
Từ 10/1992 – 01/1995	Chuyên viên	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)
Từ 07/1990 - 10/1992	Giảng viên Luật	Trường Cán bộ kiểm sát – Viện kiểm sát nhân dân

- Số lượng chứng khoán tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023): Không có
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2022 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHDCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2022 và 11 tháng đầu năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2022 (triệu Đồng)	11 tháng đầu năm 2023 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
1.309	1.997	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.3.7. Ông Trần Hoài Nam - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1965
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư chuyên ngành chế tạo máy – Đại học Bách khoa Hà Nội; Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý công nghiệp – Viện Công nghệ Châu Á
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 07/2018 - nay	Thành viên HĐQT	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)
Từ 02/2012 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 01/2008 - nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí
Từ 05/2015 - 12/2021	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Hàng Không Vietjet
Từ 09/2007 - 02/2012	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB)
Từ 02/1996 - 09/2007	Giám Đốc Quan hệ Khách hàng Cao cấp	Ngân hàng Citibank Việt Nam (Citibank)
Từ 08/1987 - 01/1996	Trưởng phòng	Tổng cục Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng/ Bộ Khoa học Công nghệ

- Số lượng chứng khoán tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 2.190.964 cổ phần, tương ứng 0,0754% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 7.043 cổ phần, tương ứng 0,0002% vốn cổ phần

- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023): Không có
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2022 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2022 và 11 tháng đầu năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2022 (triệu Đồng)	11 tháng đầu năm 2023 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
2.145	1.928	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.3.8. Ông Trần Thái Hòa - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1968
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Xây dựng cơ bản, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 05/2015 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2010 - 2015	Phó Tổng giám đốc	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 2008 - 2010	Trưởng phòng	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 1995 - 2008	Chuyên viên	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh
Từ 1991 - 1994	Kinh doanh	

- Số lượng chứng khoán tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023): Không có
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2022 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2022 và 11 tháng đầu năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2022 (triệu Đồng)	11 tháng đầu năm 2023 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
2.067	1.253	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.3.9. Ông Nguyễn Cảnh Vinh - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1974
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ

- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư xây dựng – Trường đại học Xây dựng Hà Nội; Cử nhân chuyên ngành Tài chính Ngân hàng – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học Latrobe - Australia
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 03/2023 – nay	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần Chứng khoán HD
Từ 11/2022 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 10/2021 – 02/2022	Phó Chủ nhiệm Ủy ban chuyên đổi và Ngân hàng số kiêm thành viên Ủy ban quản lý rủi ro	Ngân hàng TMCP An Bình (ABBank)
Từ 05/2019 – 09/2021	Quyền Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)
Từ 04/2018 – 05/2019	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)
Từ 09/2017 – 02/2018	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeAbank)
Từ 03/2017 - 05/2017	Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc công ty quản lý nợ và khai thác tài sản (Techcombank AMC)	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 11/2014 – 02/2017	Giám đốc Khối ngân hàng bán buôn	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 02/2011- 10/2014	Giám đốc Khối bán hàng và kênh phân phối	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 10/2009 – 01/2011	Giám đốc Vùng Bắc bộ và Đông Bắc bộ	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 03/2008 – 09/2009	Giám đốc Trung tâm giao dịch hội sở	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 10/2007 – 02/2008	Quyền Giám đốc Trung tâm giao dịch hội sở	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 03/2007 – 09/2007	Phó Giám đốc Trung tâm giao dịch hội sở	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 08/2006 – 02/2007	Tổ trưởng tổ phát triển khách hàng doanh nghiệp lớn	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 12/2005 – 07/2006	Chuyên viên tái thẩm định cao cấp	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 05/2004 – 11/2005	Quyền Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 04/2004 – 05/2004	Phó Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 02/2001 – 03/2004	Trưởng phòng kinh doanh	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 10/1996 – 04/2000	Chuyên viên	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 07/1996 – 10/1998	Giảng viên	Đại học Xây dựng Hà Nội

- Số lượng chứng khoán tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023): Không có
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023):

STT	Bên có liên quan	Nội dung giao dịch	Cấp phê duyệt
1	Công ty CP Chứng khoán HD	HDBank đánh giá định kỳ hạn mức tín dụng đã cấp cho Công ty CP Chứng khoán HD. Hạn mức tín dụng ngắn hạn: 900 tỷ đồng, bao gồm toàn bộ số dư tín dụng hiện tại tại HDBank.	Hội đồng Quản trị
2	Công ty CP Chứng khoán HD	HDBank sử dụng dịch vụ của Công ty CP Chứng khoán HD trong hoạt động phát hành trái phiếu HDBank. Tổng giá trị sử dụng các dịch vụ liên quan đến phát hành trái phiếu của HDBank theo phạm vi quy định không vượt quá 2 tỷ đồng/năm.	Hội đồng Quản trị
3	Công ty CP Chứng khoán HD	HDBank thực hiện các giao dịch đầu tư, mua bán Giấy tờ có giá với Công ty CP Chứng khoán HD. Giá trị tối đa mỗi giao dịch đầu tư, mua bán Giấy tờ có giá là 500 tỷ đồng.	Hội đồng Quản trị
4	Công ty CP Chứng khoán HD	Phương án HDBank mua cổ phần của Công ty CP Chứng khoán HD (HDS) với tỷ lệ đầu tư tối đa là 30% Vốn Điều lệ của HDS (sau khi HDBank thực hiện đầu tư).	Hội đồng Quản trị

- o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2022 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2022 và 11 tháng đầu năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2022 (triệu Đồng)	11 tháng đầu năm 2023 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
323	2.395	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.3.10. Ông Trần Xuân Huy – Phó Tổng Giám đốc kiêm Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1972
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 10/2023 - nay	Phó Tổng Giám đốc Kiêm Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị	Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 03/2023 – 10/2023	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB)
Từ 01/2016 - 03/2023	Giám đốc Chiến lược và phát triển	Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 01/2015 – 12/2015	Cố vấn chiến lược	Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB)
Từ 01/2014 – 12/2014	Cố vấn chiến lược	Ngân hàng TMCP An Bình (ABBank)
Từ 06/2012 – 04/2013	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank)
Từ 07/2007 – 06/2012	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank)
Từ 02/2007 – 07/2007	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank)
Từ 10/2006 – 01/2007	Trợ lý Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank)
Từ 11/2003 – 10/2006	Thư ký HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank)
Từ 2000 – 2003	Chuyên viên	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank)

- Số lượng chứng khoán tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần

- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 325 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023): Không có
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2022 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2022 và 11 tháng đầu năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2022 (triệu Đồng)	11 tháng đầu năm 2023 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
0	499	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.3.11. Ông Phạm Văn Dấu – Giám đốc Tài chính

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1973
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Thạc sĩ kinh tế - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 09/2009 - nay	Giám đốc Tài chính	Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2017 – 06/2021	Thành viên Ban Kiểm soát	Công ty Cổ phần hàng không Vietjet
Từ 08/2008 - 09/2009	Trưởng phòng Kế hoạch	Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 05/2008 - 08/2008	Phó Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Nguyễn Trãi

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 03/2005 - 03/2008	Trưởng phòng Kế hoạch	Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 11/2002 - 02/2005	Phó phòng kinh doanh	Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 1999 - 2002	Chuyên viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 1995 - 1999	Chuyên viên tín dụng	Ngân hàng TMCP Đệ Nhất

- Số lượng chứng khoán tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 125.485.767 cổ phần, tương ứng 4,3157% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023): Không có
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2022 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2022 và 11 tháng đầu năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2022 (triệu Đồng)	11 tháng đầu năm 2023 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
1.631	1.244	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.3.12. Bà Hồ Đặng Hoàng Quyên – Kế toán Trưởng

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1976
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính lưu thông tiền tệ - Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 07/2011 - nay	Kế toán trưởng	Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 01/2008 -07/2011	Trưởng phòng	Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 12/2006 -01/2008	Phó Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Phú Thọ
Từ 11/2004 -12/2006	Kiểm soát viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Lãnh Bình Thăng
Từ 06/2004 -11/2004	Chuyên viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 03/2004 - 06/2004	Kiểm soát viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Nguyễn Trãi
Từ 02/1998 - 03/2004	Thanh toán viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)

- Số lượng chứng khoán tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 136.456 cổ phần, tương ứng 0,0047% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban

Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2023 (đến hết ngày 22/12/2023): Không có

- o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2022 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2022 và 11 tháng đầu năm 2023 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2022 (triệu Đồng)	11 tháng đầu năm 2023 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
1.411	965	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 22/12/2023: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

11. Chính sách chi trả cổ tức

Việc chi trả cổ tức của HDBank được quy định tại Điều lệ của HDBank, cụ thể dựa trên các yếu tố sau:

- Ngân hàng chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận còn lại của Ngân hàng nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất trên cơ sở trung thực sau khi đã lấy ý kiến các Cổ đông tại ĐHĐCĐ.

Bảng 38: Tình hình chi trả cổ tức của HDBank giai đoạn 2020 - 2022

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức/ mệnh giá cổ phần	Hình thức chi trả
2020	25%	Cổ phiếu
2021	25%	Cổ phiếu
2022	25%	10% Tiền mặt và 15% Cổ phiếu

Nguồn: HDBank

12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 (ba) năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

HDBank thực hiện thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ gốc và lãi các trái phiếu đến hạn trong 03 (ba) năm liền trước năm chào bán và không có nợ phải trả quá hạn trên 01 (một) năm tính đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

13.1. Thông tin về các trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi

Tính đến thời điểm 25/12/2023, số dư trái phiếu HDBank đang lưu hành mà chưa đến hạn thanh toán là 32.861 tỷ Đồng, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 0 Đồng
- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 32.861 tỷ Đồng

Bảng 39: Thông tin về các trái phiếu đã phát hành

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	Giá trị tại 31/12/2022	Giá trị tại 25/12/2023
Trái phiếu tăng vốn cấp 2	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	0	0
	Từ 5 năm trở lên	10.473	19.561
Trái phiếu thường	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	19.450	9.800
	Từ 5 năm trở lên	3.500	3.500
Tổng		33.423	32.861

Nguồn: HDBank

13.2. Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất

Bảng 40: Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất tại thời điểm 30/09/2023

Đơn vị: triệu Đồng

STT	Nội dung	Số tiền
1	Chi phí các hợp đồng thuê mặt bằng làm trụ sở làm việc của HDBank (từ 01/01/2023 đến 30/09/2023)	237.712
	Bất động sản là tài sản HDBank đang sở hữu đến 30/09/2023	1.085.633

2	a) Nhà cửa (nguyên giá)	444.603
	b) Quyền sử dụng đất (nguyên giá)	641.030

Nguồn: HDBank

13.3. Các cam kết chưa thực hiện khác

Bảng 41: Thông tin về các cam kết chưa thực hiện tại thời điểm 30/09/2023 (Hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ VND)
1	Bảo lãnh vay vốn	810
2	Cam kết giao dịch hối đoái	214.008
	<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>	<i>6.552</i>
	<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>	<i>7.096</i>
	<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>	<i>200.360</i>
3	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	4.350
4	Bảo lãnh khác	6.067
5	Các cam kết khác	2.916

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của HDBank

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Ngoài thông tin về các cam kết và nghĩa vụ nợ nêu tại Mục IV.13.3 nêu trên, tính đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, các vụ tranh chấp, kiện tụng mà HDBank tham gia chủ yếu là với tư cách nguyên đơn trong các vụ khởi kiện khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với HDBank nhằm thu hồi nợ và hầu hết HDBank đều bảo toàn được vốn vay với các khoản khởi kiện này. Ngoài ra, HDBank cũng tham gia một số vụ kiện với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến các vụ án dân sự, hình sự của khách hàng vay của HDBank với tổ chức, cá nhân khác, và hầu hết các vụ án này HDBank đều kiểm soát và đảm bảo được quyền lợi và lợi ích hợp pháp của ngân hàng ... Do vậy, theo đánh giá và tin tưởng tốt nhất của HDBank, các vụ tranh chấp, kiện tụng này không ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, các Đợt chào bán và việc sử dụng vốn thu được từ các Đợt chào bán.

15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất

a) Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản

Bảng 42: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/giảm	9T/2023
Tổng giá trị tài sản	364.941	404.276	10,8%	496.537
Vốn chủ sở hữu	28.291	36.122	27,7%	40.584
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	21.777	28.273	29,8%	32.932
Thu nhập lãi thuần	10.015	13.381	33,6%	11.067
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.268	2.196	73,1%	966
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	214	205	-4,2%	404
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	101	17	-83,2%	134
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	477	313	-34,5%	1.056
Lãi thuần từ hoạt động khác	21	181	761,9%	86
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	384	357	-7,0%	384

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/giảm	9T/2023
Chi phí hoạt động	4.345	6.476	49,0%	4.775
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	8.135	10.173	25,1%	9.323
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	682	698	2,3%	713
Lợi nhuận trước thuế	7.453	9.475	27,1%	8.610
Lợi nhuận sau thuế	6.038	7.649	26,7%	6.945
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	23,9%	23,8%	-0,6%	24,1%
Tỷ lệ trả cổ tức	25,0%	25,0%	0,0%	25,0%

Nguồn: HDBank

Bảng 43: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/giảm	9T/2023
Tổng giá trị tài sản	374.612	416.273	11,1%	508.263
Vốn chủ sở hữu	30.790	38.995	26,6%	43.026
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	26.176	33.323	27,3%	37.081
Thu nhập lãi thuần	13.891	18.012	29,7%	14.712
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.927	2.957	53,4%	1.596
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	179	134	-25,1%	281
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	101	17	-83,2%	134

Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	477	313	-34,5%	1.056
Lãi thuần từ hoạt động khác	183	528	188,5%	368
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	7	N/A	9
Chi phí hoạt động	6.383	8.631	35,2%	6.500
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	10.375	13.336	28,5%	11.657
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	2.306	3.068	33,1%	3.025
Lợi nhuận trước thuế	8.070	10.268	27,2%	8.632
Lợi nhuận sau thuế	6.453	8.209	27,2%	6.888
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	23,3%	23,5%	1,2%	22,4%
Tỷ lệ trả cổ tức	25,0%	25,0%	0,0%	25,0%

Nguồn: HDBank

Năm 2022, HDBank đã hoàn thành toàn bộ các mục tiêu kinh doanh, với kết quả ấn tượng của một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau: Tổng tài sản tại 31/12/2022 theo BCTC hợp nhất đạt 416.273 tỷ VND, tăng 11,1% so với cuối năm 2021; Quy mô vốn chủ sở hữu tại 31/12/2022 đạt 38.995 tỷ VND, tăng 26,6% so với cuối năm 2021. Hiệu quả kinh doanh được cải thiện mạnh mẽ với LNST đạt 8.209 tỷ VND, tương ứng với mức tăng trưởng cao là 27,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Lợi nhuận năm 2022 của HDBank đạt kết quả tích cực là nhờ: Thu nhập lãi thuần đạt 18.012 tỷ đồng, tăng 29,7%, lãi thuần từ hoạt động dịch vụ đạt 2.957 tỷ đồng, tăng 53,4% so với 2021.

Kết thúc 9 tháng đầu năm 2023, Tổng tài sản của HDBank tại 30/09/2023 theo BCTC hợp nhất đạt 508.263 tỷ VND, tăng 22,1% so với thời điểm đầu năm 2023; Quy mô vốn chủ sở hữu tại 30/09/2023 đạt 43.026 tỷ VND, tăng 10,3% so với thời điểm đầu năm 2023. LNST trong 9 tháng đầu năm 2023 đạt 6.888 tỷ VND, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm 2022.

b) Các chỉ tiêu khác
i. Cơ cấu lãi thuần

Cơ cấu lãi thuần hợp nhất của HDBank năm 2022 bao gồm 2 cấu phần chính: Thu nhập lãi thuần và Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ. Trong đó, Thu nhập lãi thuần (thu nhập ròng từ hoạt động tín dụng và các khoản thu nhập có tính chất lãi: thu nhập lãi tiền gửi, thu lãi từ đầu tư chứng khoán nợ) chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 82,0%. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ (thu nhập ròng từ các hoạt động nghiệp vụ như: nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ; nghiệp vụ ủy thác và tư vấn, đại lý bảo hiểm...) chiếm tỷ trọng 13,5%. Trong 9 tháng đầu năm 2023, tỷ trọng thu nhập lãi thuần và lãi thuần từ hoạt động dịch vụ đạt lần lượt 81,0% và 8,8%. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu lãi thuần của Ngân hàng.

Bảng 44: Cơ cấu lãi thuần (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2021		2022		% tăng/ giảm	9T/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	10.015	80,2%	13.381	80,4%	33,6%	11.067	78,5%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.268	10,2%	2.196	13,2%	73,1%	966	6,9%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	214	1,7%	205	1,2%	-4,2%	404	2,9%
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, mua bán đầu tư dài hạn khác	578	4,6%	330	2,0%	-43,0%	1.190	8,4%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	384	3,1%	357	2,1%	-7,0%	384	2,7%
Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động khác	21	0,2%	181	1,1%	761,9%	86	0,6%
Tổng thu nhập thuần từ các hoạt động kinh doanh	12.480	100,0%	16.650	100,0%	33,4%	14.097	100,0%

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của HDBank

Bảng 45: Cơ cấu lãi thuần (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2021		2022		% tăng/ giảm	9T/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	13.891	82,9%	18.012	82,0%	29,7%	14.712	81,0%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.927	11,5%	2.957	13,5%	53,4%	1.596	8,8%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	179	1,1%	134	0,6%	-25,1%	281	1,5%
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, mua bán đầu tư dài hạn khác	578	3,4%	330	1,5%	-43,0%	1.190	6,6%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	0,0%	7	0,0%	N/A	9	0,0%
Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động khác	183	1,1%	528	2,4%	188,5%	368	2,1%
Tổng thu nhập thuần từ các hoạt động kinh doanh	16.758	100,0%	21.968	100,0%	31,1%	18.156	100,0%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của HDBank

ii. Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng

Bảng 46: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	2021	2022	% tăng/giảm	9T/2023
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	11.762	14.893	26,6%	21.865
	<i>Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự</i>	54,0%	52,7%		66,4%
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	200	351	75,5%	407
	<i>Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ</i>	13,6%	13,8%		29,6%
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	4.345	6.476	49,0%	4.775

STT	Chỉ tiêu	2021	2022	% tăng/giảm	9T/2023
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động	17,3%	19,7%		12,6%
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	682	698	2,3%	713
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	8,4%	6,9%		7,6%

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của HDBank

Bảng 47: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	2021	2022	% tăng/giảm	9T/2023
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	12.285	15.312	24,6%	22.370
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	46,9%	45,9%		60,3%
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	200	352	76%	408
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ	9,4%	10,6%		20,3%
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	6.383	8.631	35,2%	6.500
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động	21,0%	22,1%		15,3%
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	2.306	3.068	33,1%	3.025
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	22,2%	23,0%		26,0%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của HDBank

iii. Cơ cấu chi phí hoạt động

Trong cơ cấu chi phí hoạt động hợp nhất của HDBank, chi phí nhân viên luôn có tỷ trọng cao nhất, chiếm 62,9% chi phí hoạt động năm 2022 và 58,6% chi phí hoạt động trong 9 tháng đầu năm 2023; chi phí về tài sản có tỷ trọng cao thứ hai trong tổng chi phí hoạt động, lần lượt là 10,3% năm 2022 và 10,9% trong 9 tháng đầu năm 2023; chi phí hoa hồng cho đại lý có tỷ trọng cao thứ ba trong tổng chi phí hoạt động lần lượt là 6,1% năm 2022 và 7,1% trong 9 tháng đầu năm 2023.

Bảng 48: Cơ cấu chi phí hoạt động (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2021		2022		% tăng/giảm	9T/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí nhân viên	2.558	58,9%	4.123	63,7%	61,2%	2.740	57,4%
Chi về tài sản	670	15,4%	797	12,3%	19,0%	636	13,3%
Chi phí hoa hồng cho đại lý	0	0,0%	0	0,0%	N/A	0	0,0%
Chi phí hội nghị, lễ tân và khánh tiết	163	3,8%	316	4,9%	93,9%	305	6,4%
Chi phí quảng cáo, tiếp thị và khuyến mãi	208	4,8%	326	5,0%	56,9%	318	6,6%
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	141	3,2%	162	2,5%	14,9%	165	3,5%
Chi phí hoạt động khác	605	13,9%	752	11,6%	24,2%	611	12,8%
Tổng chi phí hoạt động	4.345	100,0%	6.476	100,0%	49,0%	4.775	100,0%

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của HDBank

Bảng 49: Cơ cấu chi phí hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2021		2022		% tăng/giảm	9T/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí nhân viên	3.790	59,4%	5.429	62,9%	43,2%	3.809	58,6%
Chi về tài sản	762	11,9%	893	10,3%	17,2%	711	10,9%
Chi phí hoa hồng cho đại lý	539	8,5%	527	6,1%	-2,2%	462	7,1%
Chi phí hội nghị, lễ tân và khánh tiết	181	2,8%	325	3,8%	79,6%	312	4,8%
Chi phí quảng cáo, tiếp thị và khuyến mãi	227	3,6%	343	4,0%	51,1%	325	5,0%

Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	141	2,2%	162	1,9%	14,9%	165	2,6%
Chi phí hoạt động khác	743	11,6%	952	11,0%	28,1%	715	11,0%
Tổng chi phí hoạt động	6.383	100,0%	8.631	100,0%	35,2%	6.499	100,0%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của HDBank

c) Ý kiến của Tổ chức kiểm toán BCTC: Không có.

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán được đánh giá từ góc độ các nhân tố thuận lợi cũng như khó khăn như sau:

1.2.1 Những nhân tố thuận lợi

- Có sự chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của HĐQT, sự năng động của Ban điều hành và nỗ lực của toàn thể Cán bộ công nhân viên;
- Khẳng định uy tín thương hiệu và vị thế trên thị trường, trở thành ngân hàng có độ nhận diện thương hiệu và sức khỏe thương hiệu thuộc Top dẫn đầu các Ngân hàng Thương mại Cổ phần;
- Bộ máy tổ chức ổn định, mô hình tổ chức mới được triển khai hoạt động mang lại nhiều kết quả tốt;
- Quy trình, quy chế hoạt động đầy đủ tạo hành lang pháp lý cho các nghiệp vụ;
- Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại đã hỗ trợ nhiều trong việc quản trị rủi ro và mang lại nhiều tiện ích cho khách hàng;
- Năm 2021, HDBank tiếp nối thành công từ những năm trước, HDBank đã huy động thêm được 165 triệu USD từ thị trường quốc tế để tăng quy mô vốn chủ sở hữu cấp 2, sẵn sàng cho những kế hoạch tăng trưởng cao theo chiến lược đề ra;
- Năm 2022, HDBank đi đầu về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển ngân hàng số, fintech... tiếp tục cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính chất lượng vượt trội và ngày càng tiện lợi, văn minh, trở thành ngân hàng của mọi người dân – Ngân hàng số hạnh phúc;
- HDBank đã linh hoạt đưa ra các phương án, sáng kiến nhằm đáp ứng các nhu cầu thay đổi của khách hàng, hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn do những tác động của nền kinh tế. Nhờ đó, HDBank đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả hoàn thành tốt kế hoạch năm 2022, tăng trưởng cao cả về quy mô và chất lượng.

1.2.2 Những yếu tố bất lợi

- Giai đoạn của đại dịch Covid-19 kéo dài đã ảnh hưởng làm cho nhiều doanh nghiệp bị phá sản, thất nghiệp gia tăng, cầu tiêu dùng sụt giảm;
- Năm 2022 đã khép lại với nhiều biến động chưa từng có, tác động nhanh, phức tạp và khó lường lên tình hình kinh tế thế giới, lạm phát trong và ngoài nước tăng cao, xung đột quân sự căng thẳng

- giữa Nga – Ukraine kéo dài, chính sách Zero-Covid tại Trung Quốc đã tác động đến chuỗi cung ứng toàn cầu;
- Tăng trưởng tín dụng chưa cao và ngày càng khó khăn do cạnh tranh của hệ thống và các doanh nghiệp thu hẹp kinh doanh;
 - Sự cạnh tranh giữa các ngân hàng diễn ra ngày càng gay gắt. Hầu hết các tổ chức tín dụng đều tập trung củng cố nội lực, tăng quy mô về vốn, mạng lưới hoạt động, hiện đại hóa công nghệ thông tin, đưa ra thị trường nhiều sản phẩm đa dạng, linh hoạt, hấp dẫn với hàng loạt các chương trình khuyến mãi;
 - Sự xuất hiện của các công ty công nghệ tài chính (fin-tech) ứng dụng sự bùng nổ của internet, điện thoại di động, công nghệ điện toán đám mây và các phần mềm mã nguồn mở nhằm tiếp cận tới các khách hàng cá nhân với số lượng lớn để cung cấp các dịch vụ thanh toán, đầu tư, cho vay... tương tự như các dịch vụ ngân hàng.

1.2.3 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Bối cảnh kinh tế toàn cầu năm 2023 tiếp tục gặp nhiều khó khăn với dự báo tốc độ tăng trưởng chậm lại, khả năng suy thoái trong ngắn hạn và các vấn đề về xung đột vũ trang, thiên tai, dịch bệnh... Nền kinh tế Việt Nam có độ mở cao nên không thể tránh khỏi ảnh hưởng của những biến động trên toàn cầu nhưng với quyết tâm duy trì sự ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, Chính phủ sẽ chỉ đạo Bộ, ngành và địa phương tích cực triển khai các nhiệm vụ, giải pháp. Chính vì thế, kinh tế - xã hội nước ta vẫn được nhiều tổ chức quốc tế đánh giá tích cực và dự báo lạc quan về tăng trưởng trong năm 2023.

Ngành ngân hàng năm 2023 vẫn có triển vọng khả quan, tuy nhiên một số thách thức vẫn còn trước mắt: suy thoái kinh tế thế giới, ngân hàng nhà nước có thể sẽ điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt để kiểm chế lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tín dụng cấp cho lĩnh vực bất động sản có thể vẫn sẽ chịu sự giám sát chặt chẽ. Ngoài ra, cuộc đua miễn, giảm phí dịch vụ đang trở thành xu hướng mạnh mẽ để thu hút CASA giữa các ngân hàng làm giảm thu nhập phí, nợ xấu toàn ngành có dấu hiệu tăng do tình trạng đóng băng của thị trường bất động sản và các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của toàn ngành.

Nhằm tạo ra những đột phá trong hoạt động, bên cạnh những nền tảng đã đạt được trong năm 2022, HDBank kiên trì với các mục tiêu chiến lược đã đề ra và tiếp tục duy trì tốc độ phát triển trên nền tảng số, đẩy mạnh triển khai hoàn thiện các sáng kiến theo chiến lược, mạnh mẽ vượt qua những khó khăn chung của ngành ngân hàng, sớm trở thành một trong những ngân hàng TOP đầu ở Việt Nam và vươn tầm quốc tế. Song hành với các thuận lợi và thách thức của nền kinh tế,

ngành Ngân hàng nói chung và HDBank nói riêng vẫn có các cơ hội để phát triển, tăng trưởng, kết quả hoạt động kinh doanh vẫn duy trì ở mức ổn định và tăng trưởng tốt.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Tình hình công nợ

Hoạt động ngành nghề đặc thù, ngoài các khoản cho vay tín dụng và tiền gửi của các bên liên quan (NHNN, TCTD khác và tiền gửi của khách hàng) thì Ngân hàng còn có một số công nợ phải thu và phải trả khác, chi tiết như sau:

Bảng 50: Các khoản phải thu và phải trả khác (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: tỷ Đồng

STT	Các khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
I	Nợ phải thu	24.704	38.938	55.222
1	Các khoản phải thu	20.124	33.239	48.382
2	Các khoản lãi, phí phải thu	3.106	4.093	5.219
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	0	33	33
4	Tài sản có khác	1.518	1.620	1.634
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các Tài sản Có nội bảng khác	-43	-46	-46
II	Nợ phải trả	6.483	9.348	15.236
1	Các khoản lãi, phí phải trả	4.296	4.910	9.836
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	1	0	0
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	2.187	4.437	5.400

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của HDBank

Bảng 51: Các khoản phải thu và phải trả khác (Hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ Đồng

STT	Các khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
I	Nợ phải thu	25.415	40.128	55.852
1	Các khoản phải thu	20.235	33.407	48.282
2	Các khoản lãi, phí phải thu	3.256	4.404	5.354
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	0	33	33
4	Tài sản có khác	1.967	2.332	2.229
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các Tài sản Có nội bảng khác	-43	-46	-46
II	Nợ phải trả	7.495	10.758	16.741
1	Các khoản lãi, phí phải trả	4.383	5.053	10.051
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	1	0	
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	3.111	5.705	6.690

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của HDBank

2.1.2. Trái phiếu chưa đáo hạn**Bảng 52: Danh sách trái phiếu chưa đáo hạn tại 25/12/2023**

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
I	Năm 2019				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDB1924_01	5.000.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành

2	HDB1924_02	12.400.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	HDB1926_03	1.000.000.000	Cổ định	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	HDB1924_04	10.000.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
5	HDB1924_05	663.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
6	HDB1924_06	1.500.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
7	HDB1924_07	1.500.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
II Năm 2020					
Trái phiếu riêng lẻ					
1	Certificate No.1	722.700.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
2	Certificate No.2	1.565.850.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
3	Certificate No.3	1.565.850.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền

4	HDB2025	1.500.000.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm, không kèm chứng quyền
III Năm 2021					
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBL2124004	300.000.000.000	Cổ định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	HDBL2125005	300.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	HDBH2124006	2.000.000.000.000	Cổ định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	HDBH2124007	2.000.000.000.000	Cổ định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
5	HDBH2126008	1.000.000.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
6	HDBL2125010	400.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
7	HDBL2125015	600.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
8	HDBL2125017	600.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành

9	HDBL2125020	1.000.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
10	HDBL2129009	120.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
11	HDBL2128018	500.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
12	HDBD2126019	3.974.850.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
IV Năm 2022					
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBL2225002	1.500.000.000.000	Cổ định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	HDBL2225003	1.100.000.000.000	Cổ định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	HDBH2227007	1.000.000.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	HDBL2230001	180.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành

5	HDBL2232004	100.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
6	HDBL2232005	26.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
7	HDBL2229006	100.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
8	HDBL2229008	50.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
9	HDBL2232009	34.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
10	HDBL2229013	10.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
V	Năm 2023				
1	HDBL2330001	2.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
2	HDBL2330002	500.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank

3	HDBL2330003	500.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
4	HDBL2331004	1.500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
5	HDBL2331005	2.322.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
6	HDBL2331006	848.600.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
7	HDBL2331007	2.534.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
8	HDBL2331008	375.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
Tổng		32.860.913.000.000			

Nguồn: HDBank

2.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

HDBank thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế và các loại phí theo quy định của Nhà nước.

Bảng 53: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2021	Số dư tại 31/12/2022	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 30/09/2023
			Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế TNDN	358	1.306	1.665	-2.048	923
Thuế GTGT	36	32	100	-126	6
Thuế thu nhập cá nhân	36	90	283	-359	14
Thuế nhà thầu	2	14	31	-39	6
Khác	0	0	0	0	-
Tổng	432	1.442	2.079	-2.572	949

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của HDBank

Bảng 54: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2021	Số dư tại 31/12/2022	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 30/09/2023
			Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế TNDN	400	1.338	1.743	-2.140	941
Thuế GTGT	43	38	149	-178	9
Thuế thu nhập cá nhân	40	94	310	-387	17
Thuế nhà thầu	3	14	32	-41	5
Khác	0	0	0	0	-
Tổng	486	1.484	2.234	-2.746	972

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của HDBank

2.1.4. Trích lập các quỹ

HDBank thực hiện trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, theo quy chế quản trị tài chính và quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.

Theo quyết định của ĐHĐCĐ, tình hình trích lập các quỹ từ LNST của HDBank như sau:

Bảng 55: Tình hình trích lập các quỹ

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Trích lập các quỹ	Năm 2021	Năm 2022
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	302	382
2	Quỹ dự phòng tài chính	604	765
3	Các quỹ khác	10	10
4	Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	25	25
Tổng		941	1.182

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 và năm 2023 của HDBank về phê duyệt phân phối lợi nhuận sau thuế của năm liền kề.

2.1.5. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Năm 2022 kết thúc trong diễn biến nền kinh tế Việt Nam và thế giới vừa thoát khỏi dịch bệnh Covid-19 phạm vi toàn cầu thì đối mặt với ảnh hưởng của cuộc xung đột Nga-Ukraina và nguy cơ suy thoái kinh tế nhiều khu vực. Thị trường vốn Việt Nam cũng chịu nhiều tác động và áp lực lạm phát tăng cao, hoạt động kinh doanh ngân hàng của HDBank theo đó cũng bị ảnh hưởng trực tiếp. Tuy nhiên, HDBank đang tích cực thực hiện các biện pháp phòng ngừa, quản lý rủi ro đồng thời nỗ lực tối đa để tập trung kinh doanh hoàn thành kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 56: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	tỷ Đồng	20.073	25.303	29.076
Vốn tự có	tỷ Đồng	37.352	42.436	48.652
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	%	13,71%	12,80%	11,90%
2. Chất lượng tài sản				
Tỷ lệ nợ quá hạn	%	3,09%	3,62%	6,78%
Tỷ lệ nợ xấu (theo TT11)	%	0,75%	0,96%	1,43%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	52,73%	64,32%	58,25%

Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	89,03%	88,93%	83,99%
3. Khả năng thanh khoản				
Tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	13,29%	12,95%	16,13%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	19,44%	9,90%	15,63%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	66,73%	76,56%	67,37%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	29,48%	29,42%	29,93%
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,22%	2,46%	2,55%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	3,31%	3,97%	3,90%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,80%	1,99%	2,06%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	23,88%	23,75%	24,14%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	3.031	3.041	2.401
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	10,16%	13,19%	6,86%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	17,02%	23,17%	11,22%

Nguồn: HDBank

Bảng 57: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	tỷ Đồng	20.073	25.303	29.076
Vốn tự có	tỷ Đồng	41.008	46.666	52.500
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	%	14,33%	13,42%	12,30%
2. Chất lượng tài sản				
Tỷ lệ nợ quá hạn	%	4,28%	4,47%	7,31%
Tỷ lệ nợ xấu (theo TT11)	%	1,02%	1,27%	1,69%
- (Số dư các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	54,27%	65,50%	59,37%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	89,59%	89,38%	84,56%
3. Khả năng thanh khoản				
Tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	12,88%	12,30%	15,28%

Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	20,58%	11,64%	16,44%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	70,49%	81,1%	70,20%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	29,08%	29,43%	28,06%
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,33%	2,60%	2,49%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	4,42%	5,16%	5,02%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,86%	2,08%	1,99%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	23,26%	23,53%	22,40%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	3.039*	3.081	2.326
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	11,50%	13,46%	8,79%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	23,89%	28,8%	18,49%

Lưu ý:

- Các chỉ tiêu nêu trên được HDBank áp dụng theo quy định tại Thông tư số 41 và các quy định, hướng dẫn hiện hành của NHNN.

- (*): Theo số liệu BCTC hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC của Tổ Chức Phát Hành

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và Công ty TNHH PwC Việt Nam là hai Tổ chức kiểm toán, lần lượt thực hiện kiểm toán BCTC năm 2021, năm 2022 và 06 tháng năm 2023 của HDBank. Ý kiến của các Tổ chức kiểm toán tại các BCTC kiểm toán năm 2021, năm 2022 và 06 tháng năm 2023 đều là ý kiến chấp thuận toàn phần. Cụ thể như sau:

✦ BCTC năm 2021 kiểm toán

Ý kiến của kiểm toán về BCTC riêng: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng”.

Ý kiến của kiểm toán về BCTC hợp nhất: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của

Ngân hàng và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất”.

↓ BCTC năm 2022 kiểm toán

Ý kiến của kiểm toán về BCTC riêng: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.

Vấn đề khác: Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán độc lập của họ để ngày 30 tháng 3 năm 2022 đã ra ý kiến chấp nhận toàn phần.”

Ý kiến của kiểm toán về BCTC hợp nhất: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.

Vấn đề khác: Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán của họ để ngày 30 tháng 3 năm 2022 đã ra ý kiến chấp nhận toàn phần.”

↓ BCTC giữa niên độ năm 2023 đã soát xét

Kết luận của Kiểm toán viên về BCTC riêng: “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Ngân hàng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.”

Kết luận của Kiểm toán viên về BCTC hợp nhất: “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.”

4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm

- Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với Tổ Chức Phát Hành

- o Tên tổ chức xếp hạng tín nhiệm: Moody’s Investors Service
- o Thời điểm xếp hạng: 08/06/2023
- o Nguồn thông tin: Website của Moody’s Investors Service
- o Kết quả xếp hạng: chi tiết tại mục 8.4.2 thuộc Mục IV.8 - Vị thế của HDBank trong ngành

- Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với Trái Phiếu chào bán: Không có

5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

5.1 Chi tiêu

Bảng 58: Kế hoạch lợi nhuận năm 2023

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chi tiêu	Năm 2023	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2022
Thu nhập lãi thuần (*)	21.530	20%
Lợi nhuận sau thuế	10.558	29%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi thuần (*)	49,0%	7%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	24,5%	4%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	25%	0

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023.

(*) số liệu cơ sở để HDBank tính toán các chỉ tiêu tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Tổng Giám đốc HDBank do HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

Kết thúc Quý III/2023, HDBank đã đạt được 14.711 tỷ đồng thu nhập lãi thuần và 6.888 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, lần lượt đạt 68,3% và 65,2% kế hoạch năm đã được HĐQT phê duyệt.

5.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Cơ sở để đạt được kế hoạch lợi nhuận 2023 HDBank xây dựng kế hoạch và tính toán khả năng có thể đảm bảo đạt mục tiêu trên cơ sở các căn cứ sau:
 - o Tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, tuân thủ cho vay theo quy định của NHNN và định hướng mục tiêu của HĐQT. Thực hiện chọn lựa, sàng lọc khách hàng tốt và hiệu quả cao để thực hiện cấp tín dụng; gia tăng cho vay khách hàng trong hệ sinh thái, chủ yếu KHCN và SME, đa dạng hóa việc cho vay để giảm thiểu rủi ro tập trung danh mục;
 - o Tập trung huy động vốn dân cư, vốn thị trường 1 cho đầu tư, gia tăng tỷ lệ CASA để tận dụng nguồn vốn giá rẻ;
 - o Khai thác nguồn khách hàng hiện hữu và của hệ sinh thái nhằm gia tăng các sản phẩm dịch vụ của HDBank, gia tăng thu kinh doanh ngoại hối và các hoạt động đầu tư để gia tăng thu dịch vụ và các khoản thu nhập ngoài lãi;
 - o Kiểm soát tín dụng, thực hiện các biện pháp xử lý để giảm nợ xấu đảm bảo ở mức an toàn, tuân thủ tỷ lệ nợ xấu <2%;
 - o Quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả chi phí hoạt động.
 - o Đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực hoạt động, chuyển hình thức kinh doanh đa kênh thành hợp kênh trên nền tảng trực tuyến.
- Cơ sở để đạt được kế hoạch cổ tức 2023
 - o Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2023 của ngân hàng;
 - o Căn cứ nhu cầu nâng cao năng lực tài chính của ngân hàng;
 - o Căn cứ phê duyệt của cấp có thẩm quyền (NHNN, Bộ Tài chính).

5.3 Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch lợi nhuận

Là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, SHS đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá về kế hoạch lợi nhuận của HDBank.

HDBank có mạng lưới chi nhánh, PGD phủ sóng khắp cả nước và song song với đó, Ngân hàng đã bắt kịp xu thế số hóa trong công nghệ ngân hàng để nhanh chóng tận dụng lợi thế đó. Chúng tôi cũng đánh giá cao đội ngũ Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên Ngân hàng có trình độ, kinh nghiệm và tâm huyết đối với sự phát triển của HDBank.

Trên cơ sở các thông tin thu thập được, sau khi nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của HDBank, SHS cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Ngân hàng dự kiến cho năm 2023 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất lợi, bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các Nhà Đầu Tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào Trái Phiếu của HDBank.

6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 (ba) năm tiếp theo

HDBank chưa có kế hoạch cụ thể về việc chào bán trái phiếu trong 03 năm tới, các đợt chào bán trái phiếu cụ thể trong các năm tiếp theo sẽ được HĐQT Ngân hàng thông qua trên cơ sở kế hoạch kinh doanh từng năm.

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Mục VI này bao gồm các điều kiện, điều khoản Trái Phiếu được chào bán, sau đây được gọi là “Các Điều Kiện Trái Phiếu”.

Bằng việc mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được xem là đã hiểu và đồng ý với tất cả các nội dung và quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này và chịu sự ràng buộc của các quy định có liên quan của văn bản này.

Trái Phiếu được phát hành thành nhiều Đợt. Theo đó, tại mỗi Đợt chào bán, trừ khi được quy định khác đi thì các quy định đối với và liên quan đến Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu được hiểu là đề cập đến Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc quy định cho Trái Phiếu hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu của Đợt chào bán tương ứng đó.

1. Các Văn Bản Pháp Lý Liên Quan Đến Đợt Chào Bán

- Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 do Quốc hội ban hành ngày 16/06/2010 (“**Luật TCTD 47**”);
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều luật của Luật Các Tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 20/11/2017 (“**Luật TCTD 17**”);
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 17/06/2020 (“**Luật Doanh Nghiệp**”);
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019 (“**Luật Chứng Khoán**”);

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("**Nghị định 155**");
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng ("**Thông tư 118**");
- Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN Quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("**Thông tư 41**");
- Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 của NHNN Quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("**Thông tư 22**") và các quy định khác có liên quan;
- Thông tư số 01/2021/TT-NHNN ngày 31/03/2021 của NHNN Quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("**Thông tư 01**");
- Quyết định số 649/QĐ-NHNN ngày 15/4/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc công bố thủ tục hành chính được bãi bỏ lĩnh vực hoạt động tiền tệ thực hiện tại bộ phận một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("**Quyết định 649**").
- Nghị quyết số 319/2023/NQ-HĐQT ngày 04/08/2023 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh về việc thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ chào bán, phát hành Trái phiếu HDBank phát hành ra công chứng năm 2023 và Nghị quyết số 400/2023/NQ-HĐQT ngày 25/09/2023 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh về việc thông qua Phương án trả nợ vốn chi tiết và Hồ sơ đăng ký chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chứng năm 2023 ("**Nghị Quyết Về Phương Án Phát Hành**");
- Các văn bản pháp luật có liên quan;

2. Định nghĩa

Các thuật ngữ trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này nếu không được định nghĩa khác đi thì có nghĩa như sau:

- "**Công Ty Con**" của Tổ Chức Phát Hành có nghĩa quy định tại Điều 4.30 của Luật Các Tổ chức tín dụng được Quốc Hội Việt Nam thông qua ngày 16/06/2010 và trong trường hợp điều này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì sẽ theo quy định của điều được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
- "**Điều Lệ**" có nghĩa là điều lệ của Tổ Chức Phát Hành tại từng thời điểm.

- “**Đồng**” hoặc “**VND**” có nghĩa là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam.
- “**Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký**” có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS), một tổ chức được Tổ Chức Phát Hành chỉ định theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này và Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký Trái Phiếu, sẽ thực hiện việc đăng ký, lưu ký và quản lý chuyển quyền sở hữu đối với Các Trái Phiếu trước khi Các Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tại VSDC và được niêm yết trên hệ thống giao dịch của HNX. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác, chấp thuận chỉ định HDS là Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký ban đầu như trên. Việc thay thế Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký (nếu có) sẽ theo quy định của Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký và Các Điều Kiện Trái Phiếu này.
- “**HNX**” có nghĩa là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- “**Gốc**” hoặc “**Khoản Gốc**” có nghĩa là giá trị tổng mệnh giá Trái Phiếu chưa thanh toán.
- “**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa là định kỳ 01 (một) năm một lần kể từ Ngày Phát Hành, theo đó Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán lãi trên Khoản Gốc cho Người Sở Hữu Trái Phiếu. Kỳ Tính Lãi đầu tiên sẽ bắt đầu từ và bao gồm Ngày Phát Hành và kết thúc vào, nhưng không bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên. Kỳ Tính Lãi tiếp theo sẽ bắt đầu từ và bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Tính Lãi liền trước và kết thúc vào nhưng không bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Tính Lãi đó hoặc Ngày Đáo Hạn.
- “**Ngày Đăng Ký Cuối Cùng**” liên quan đến việc chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền hoặc thực hiện nghĩa vụ theo Trái Phiếu (kể cả khi Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu), có nghĩa là:
 - (i) Trong trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký, lưu ký tại VSDC:
 - a. là Ngày Làm Việc thứ 10 (mười) trước Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc ngày đến hạn khác; hoặc
 - b. là Ngày Làm Việc do Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký thông báo để xác định danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quyền tham dự Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tham gia ý kiến bằng văn bản; hoặc.
 - (ii) Trong trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký, lưu ký tại VSDC:
là Ngày Làm Việc do Tổ Chức Phát Hành hoặc VSDC trên cơ sở ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành ấn định để xác định danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền (quyền nhận Gốc, Lãi Trái Phiếu, quyền tham dự Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tham gia ý kiến bằng văn bản, quyền yêu cầu mua lại trước hạn, các quyền khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này) phù hợp với thông báo của Tổ Chức Phát Hành, VSDC và quy định của pháp luật.

- “**Ngày Làm Việc**” có nghĩa là bất kỳ ngày nào không phải ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ kể cả nghỉ bù mà vào ngày đó các ngân hàng mở cửa hoạt động kinh doanh bình thường theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- “**Ngày Phát Hành**” có nghĩa là ngày kết thúc mỗi đợt chào bán Trái Phiếu.
- “**Ngày Thanh Toán Lãi**” có nghĩa là mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành, với điều kiện là (i) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên sẽ là ngày tròn năm thứ nhất kể từ Ngày Phát Hành, và (ii) Ngày Thanh Toán Lãi cuối cùng sẽ là Ngày Đáo Hạn hoặc ngày mua lại trước hạn (nếu có) hoặc ngày mà Trái Phiếu đến hạn thanh toán do bị thu hồi nợ trước hạn.
- “**Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại**” có nghĩa là Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại của mỗi Trái Phiếu.
- “**Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu HDBC7Y202301**” có nghĩa là ngày tròn 02 (hai) năm kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu HDBC7Y202301.
- “**Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu HDBC7Y202302**” có nghĩa là ngày tròn 02 (hai) năm kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu HDBC7Y202302.
- “**Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu HDBC7Y202303**” có nghĩa là ngày tròn 02 (hai) năm kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu HDBC7Y202303.
- “**Ngày Đáo Hạn**” có nghĩa là Ngày Đáo Hạn của mỗi Trái Phiếu.
- “**Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu HDBC7Y202301**” có nghĩa là ngày tròn 07 (bảy) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu HDBC7Y202301.
- “**Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu HDBC7Y202302**” có nghĩa là ngày tròn 07 (bảy) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu HDBC7Y202302.
- “**Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu HDBC7Y202303**” có nghĩa là ngày tròn 07 (bảy) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu HDBC7Y202303.
- “**Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa là nghị quyết hoặc quyết định bằng văn bản được thông qua bởi một hoặc nhiều Người Sở Hữu Trái Phiếu tham gia Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan hoặc thông qua theo hình thức xin ý kiến bằng văn bản theo tỷ lệ quy định tại Điểm 24.1 Các Điều Kiện Trái Phiếu này.
- “**Người Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa là (i) tổ chức/cá nhân được đăng ký là người sở hữu Trái Phiếu trong Sổ Đăng Ký (khi Trái Phiếu chưa được đăng ký, lưu ký tại VSDC), hoặc (ii) tổ chức/cá nhân được xác định là chủ sở hữu hợp pháp của Trái Phiếu đó theo các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam, VSDC và HNX (khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tại VSDC).

- “**Nợ Thứ Cấp**” là khoản nợ mà trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị giải quyết theo thủ tục phá sản, giải thể hay thanh lý, chủ nợ chỉ được thanh toán sau các nghĩa vụ của các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (các chủ nợ không phải là chủ nợ thứ cấp khác của Tổ Chức Phát Hành). Các khoản nợ bao gồm toàn bộ các khoản nợ phải trả tồn tại hoặc sẽ phát sinh.
- “**Tổ Chức Phát Hành**” có nghĩa là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.
- “**Thời Điểm Khóa Sổ**” có nghĩa, (i) nếu Trái Phiếu chưa được đăng ký, lưu ký tại VSDC, là thời điểm 18:00 (mười tám) giờ (giờ Việt Nam) của Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan; hoặc (ii) nếu Trái Phiếu đã được đăng ký, lưu ký tại VSDC, là thời điểm mà VSDC thực hiện chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu của Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan.
- “**Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật**” nghĩa là bất kỳ văn bản nào được liệt kê tại Điều 4 của Luật Ban hành Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được Quốc hội thông qua ngày 22/06/2015, và trong trường hợp các điều này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì sẽ bao gồm bất kỳ văn bản nào sau đó được định nghĩa là văn bản quy phạm pháp luật theo các điều được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
- “**Văn Kiện Trái Phiếu**” có nghĩa là bất kỳ văn kiện nào, bao gồm (i) Bản Cáo Bạch; (ii) Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký; (iii) Nghị Quyết Về Phương Án Phát Hành; và (iv) bất kỳ văn kiện, hợp đồng, thỏa thuận nào khác được ký kết hoặc ban hành sau Ngày Phát Hành có quy định hoặc có liên quan về quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu và được các bên liên quan công nhận là một Văn Kiện Trái Phiếu; và (iv) bất kỳ văn kiện hay thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của bất kỳ văn kiện, hợp đồng hay thỏa thuận nào nêu trong các điểm từ (i) đến (iv) trên đây.
- “**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- “**VSDC**” có nghĩa là Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam sau khi chuyển đổi mô hình, một tổ chức thực hiện chức năng đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán tập trung của Việt Nam mà tại đó chứng khoán giống như hoặc tương tự như Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tập trung nhằm đủ điều kiện giao dịch tại HNX.

3. Tên Trái Phiếu

Tên Trái Phiếu: **Trái phiếu HDBank phát hành ra công chứng năm 2023**

Đợt 1 – Quý IV/2023 - Quý I/2024

- **Trái Phiếu HDBC7Y202301**: có mã trái phiếu HDBC7Y202301, kỳ hạn 07 năm, có tổng mệnh giá dự kiến 3.000.000.000.000VND (ba nghìn tỷ Đồng), dự kiến phát hành trong Quý IV/2023 - Quý I/2024.

Đợt 2 – Quý II/2024 – Quý III/2024

- **Trái Phiếu HDBC7Y202302:** có mã trái phiếu HDBC7Y202302, kỳ hạn 07 năm, có tổng mệnh giá dự kiến 1.000.000.000.000 VND (một nghìn tỷ Đồng), dự kiến phát hành trong Quý II/2024 tới Quý III/2024.

Đợt 3 – Quý II/2024 – Quý IV/2024

- **Trái Phiếu HDBC7Y202303:** có mã trái phiếu HDBC7Y202303, kỳ hạn 07 năm, có tổng mệnh giá dự kiến 1.000.000.000.000 VND (một nghìn tỷ Đồng), dự kiến phát hành trong Quý II/2024 tới Quý IV/2024.

Sau đây được gọi chung là “**Các Trái Phiếu**”, và gọi riêng là “**Trái Phiếu**” có nghĩa là bất kỳ trái phiếu nào trong số Các Trái Phiếu.

4. Loại Trái Phiếu**4.1. Loại Trái Phiếu**

Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành.

4.2. Các tính chất khác của Trái Phiếu

- Các Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành và trong mọi trường hợp, quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là chủ Nợ Thứ Cấp) hiện tại và trong tương lai của Tổ Chức Phát Hành. Các Trái Phiếu phát hành trong cùng Đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.
- Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính bị lỗ.
- Trong thời hạn Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.
- Tổ Chức Phát Hành chỉ được mua lại, trả nợ trước thời gian đáo hạn với điều kiện sau khi thực hiện việc mua lại, Tổ Chức Phát Hành vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định và báo cáo NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để giám sát.

5. Mệnh giá

Trái Phiếu có mệnh giá là 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng).

6. Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán

Tổng số Các Trái Phiếu đăng ký chào bán là 50.000.000 (năm mươi triệu) Trái Phiếu, tương đương giá trị 5.000.000.000.000 VND (năm nghìn tỷ Đồng) tính theo mệnh giá, cụ thể như sau:

Đợt 1 – Quý IV/2023 - Quý I/2024 - **Trái Phiếu HDBC7Y202301**: 30.000.000 (ba mươi triệu) Trái Phiếu.

Đợt 2 – Quý II/2024 - Quý III/2024 - **Trái Phiếu HDBC7Y202302**: 10.000.000 (mười triệu) Trái Phiếu.

Đợt 3 – Quý II/2024 – Quý IV/2024 - **Trái Phiếu HDBC7Y202303**: 10.000.000 (mười triệu) Trái Phiếu.

Đợt phát hành thứ hai và thứ ba chỉ được thực hiện sau khi kết thúc đợt phát hành liền trước đó. Trường hợp đợt phát hành trước chưa chào bán hết khối lượng dự kiến thì phần khối lượng chưa bán hết sẽ chuyển sang (các) đợt phát hành sau.

7. Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị Các Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá là 5.000.000.000.000 VND (năm nghìn tỷ Đồng). Trong đó:

Đợt 1:

- Trái Phiếu HDBC7Y202301: 3.000.000.000.000 VND (ba nghìn tỷ Đồng) tính theo mệnh giá.

Đợt 2:

- Trái Phiếu HDBC7Y202302: 1.000.000.000.000 VND (một nghìn tỷ Đồng) tính theo mệnh giá.

Đợt 3:

- Trái Phiếu HDBC7Y202303: 1.000.000.000.000 VND (một nghìn tỷ Đồng) tính theo mệnh giá.

Đợt phát hành thứ hai và thứ ba chỉ được thực hiện sau khi kết thúc đợt phát hành liền trước đó. Trường hợp đợt phát hành trước chưa chào bán hết khối lượng dự kiến thì phần khối lượng chưa bán hết sẽ chuyển sang (các) đợt phát hành sau.

8. Kỳ hạn Trái Phiếu

Các Trái Phiếu có kỳ hạn 07 (bảy) năm.

9. Lãi Trái Phiếu

9.1. Lãi Suất Trái Phiếu

Lãi suất của Các Trái Phiếu là lãi suất thả nổi, dự kiến như sau:

Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,8%/năm (hai phẩy tám phần trăm một năm)

Vi mục đích của Điểm 9.1 này:

- (i) **“Lãi Suất Tham Chiếu”** đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của Các Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Để làm rõ, trong trường hợp website thể hiện nhiều địa điểm/khu vực, ưu tiên lấy lãi suất tại địa bàn nơi các Ngân Hàng Tham Chiếu đó đặt hội sở chính.
- (ii) **“Ngân Hàng Tham Chiếu”** bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (gọi riêng là **“Ngân Hàng Tham Chiếu”** và gọi chung là **“Các Ngân Hàng Tham Chiếu”**).
- (iii) **“Ngày Xác Định Lãi Suất”** đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu của mỗi Đợt. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.
- (iv) Lãi Suất Tham Chiếu được xác định theo nguyên tắc sau:
 - A. Trường hợp vào Ngày Xác Định Lãi Suất mà trang thông tin điện tử của một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) Ngân Hàng Tham Chiếu nào không hoạt động hoặc không công bố hoặc không có lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả lãi cuối kỳ, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là bình quân của các mức lãi suất tham chiếu do các Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại công bố vào Ngày Xác Định Lãi Suất đó.
 - B. Trường hợp nếu tất cả Các Ngân Hàng Tham Chiếu không có hoặc không công bố lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả lãi cuối kỳ, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng của mình vào Ngày Xác Định Lãi Suất thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả lãi cuối kỳ, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) áp dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh công bố trên trang thông tin điện tử tại Ngày Xác Định Lãi Suất có liên quan.
 - C. Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi thông báo về kết quả xác định Lãi Suất bằng văn bản cho Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc VSDC (tùy từng trường hợp áp dụng) trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi ít nhất 03 (ba) Ngày Làm Việc và gửi thông báo về kết quả xác định Lãi Suất cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng cách đăng tải lên website của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký hoặc VSDC tùy từng thời điểm áp dụng vào trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi ít nhất 01 (một) Ngày Làm Việc, trừ trường hợp Kỳ Tính Lãi đầu tiên là tại ngày bắt đầu thực hiện chào bán Trái Phiếu. Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý và cam kết rằng kết quả xác định Lãi Suất Trái Phiếu

của Tổ Chức Phát Hành (“**Lãi Suất Trái Phiếu**”) sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về số học một cách rõ ràng.

- (v) Để làm rõ, trong trường hợp Lãi Suất Trái Phiếu trên mỗi Trái Phiếu xác định theo quy định tại Điểm 9.1 không phải là một số nguyên thì Lãi Suất Trái Phiếu sẽ được làm tròn đến hàng thập phân thứ 04 (bốn) sau dấu phẩy; Tổng số tiền Lãi của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quy định tại Điểm 9.2 dưới đây được làm tròn lên đến hàng đơn vị.
- (vi) Trong trường hợp pháp luật có quy định áp dụng trần lãi suất đối với Trái Phiếu thì (A) nếu quy định áp dụng trần lãi suất không có hiệu lực áp dụng hoặc không bắt buộc áp dụng đối với Lãi Suất Trái Phiếu đã được quy định tại Điểm 9.1 nêu trên thì lãi suất Trái Phiếu sẽ tiếp tục được áp dụng theo quy định tại Điểm 9.1 đó; (B) nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với Lãi Suất Trái Phiếu và Lãi Suất Trái Phiếu đã được quy định tại Điểm 9.1 nêu trên vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định Lãi Suất Trái Phiếu sẽ là mức lãi suất trần tối đa được phép theo quy định của pháp luật; (C) nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với Lãi Suất Trái Phiếu nhưng Lãi Suất Trái Phiếu được quy định tại Điểm 9.1 nêu trên không vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì Lãi Suất Trái Phiếu là mức lãi suất được xác định như tại Điểm 9.1 nêu trên.

- 9.2. Tổ Chức Phát Hành đồng ý thanh toán lãi phát sinh (“**Lãi**”) trên Tổng mệnh giá Trái Phiếu nắm giữ kể từ Ngày Phát Hành cho đến, và không bao gồm, ngày đến sớm hơn của (i) Ngày Đáo Hạn; (ii) Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại; và (iii) ngày mà Trái Phiếu đến hạn thanh toán do bị thu hồi nợ trước hạn, với mức Lãi Suất Trái Phiếu có liên quan đối với số ngày thực tế đã trôi qua của mỗi Kỳ Tính Lãi trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày. Công thức tính Lãi cụ thể như sau:

$$\text{Tổng số Lãi được hưởng} = \frac{\text{Tổng mệnh giá Trái Phiếu nắm giữ} \times \text{Lãi Suất Trái Phiếu} \times \text{Số ngày thực tế của Kỳ Tính Lãi đó}}{365}$$

- 9.3. Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán khoản Lãi vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi. Khoản Lãi phải thanh toán vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi sẽ là:

- liên quan đến Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, khoản Lãi phát sinh kể từ (và bao gồm) Ngày Phát Hành cho đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên của Trái Phiếu tương ứng; và
- liên quan đến bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi nào sau Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, khoản Lãi phát sinh kể từ (và bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi liền trước cho đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi của Trái Phiếu tương ứng đó.

- 9.4. Trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc ngày đến hạn khác, khoản tiền Lãi và/hoặc Gốc Trái Phiếu không được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ hoặc đúng hạn (ngoại trừ trường hợp quy định tại Điểm 9.7), khoản tiền Lãi và/hoặc Gốc bị chậm thanh toán đó sẽ tiếp tục được hưởng lãi theo Lãi Suất Trái Phiếu áp dụng trong Kỳ Tính Lãi bị chậm thanh toán đó, tính trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày, kể từ ngày phát sinh việc chậm trả cho đến và không bao gồm ngày Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được tất cả các khoản tiền liên quan.
- 9.5. Trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn khác mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được tiền thanh toán Lãi và/hoặc Gốc mà không phải do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký (áp dụng trước khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tại VSDC) hoặc VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tại VSDC) thì số tiền thanh toán Lãi, Gốc đó sẽ được Tổ Chức Phát Hành giữ hộ và không được hưởng lãi.
- 9.6. Trường hợp Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn khác không phải là Ngày Làm Việc thì ngày thanh toán sẽ là Ngày Làm Việc tiếp theo ngay sau đó. Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là một Ngày Làm Việc.
- 9.7. **Ngừng thanh toán tiền lãi Trái Phiếu**

Trong khoảng thời gian từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đáo Hạn, Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng thanh toán tiền Lãi khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán Lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản Lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ ("**Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán**"). Việc chậm trả Lãi như vậy sẽ không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của Trái Phiếu cho bất kỳ mục đích nào. Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Phát Hành tạm ngừng thanh toán tiền Lãi là "**Kỳ Tạm Ngừng**" thanh toán tiền Lãi đó.

Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán sẽ không được nhập vào Gốc và sẽ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày chậm trả cho đến nhưng không bao gồm ngày hoàn trả thực tế (là ngày Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán và lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán) và được tính trên số ngày thực tế chậm trả trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

Lãi suất áp dụng cho Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán là Lãi Suất Trái Phiếu của Kỳ Tạm Ngừng thanh toán đó (mức lãi suất này được áp dụng trong suốt thời gian tạm ngừng thanh toán tiền lãi).

10. Kỳ hạn trả Lãi, kỳ hạn trả Gốc và việc thanh toán Lãi, Gốc cho Trái Phiếu

- 10.1.** Kỳ hạn trả Lãi: áp dụng chung cho Các Trái Phiếu, Lãi được thanh toán sau hàng năm, định kỳ vào ngày tròn 01 (một) năm liên tục từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác.
- 10.2.** Kỳ hạn trả Gốc: Gốc được thanh toán một lần khi đáo hạn hoặc khi Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này.
- 10.3.** Xác định Lãi Suất Trái Phiếu: Việc xác định Lãi Suất Trái Phiếu do Tổ Chức Phát Hành thực hiện theo quy định sau:
- Vào Ngày Xác Định Lãi Suất, Tổ Chức Phát Hành xác định Lãi Suất Trái Phiếu cho Kỳ Tính Lãi tương ứng phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu này theo quy định tại Điểm 9.1 Mục VI; Trong thời hạn quy định tại Điểm 9.1 (iv) (C), Tổ Chức Phát Hành thông báo bằng văn bản cho Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc VSDC để Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc VSDC (tùy từng trường hợp áp dụng) đăng tải lên trang thông tin điện tử chính thức của Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc VSDC và đồng thời Tổ Chức Phát Hành đăng tải lên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành để Người Sở Hữu Trái Phiếu biết về Lãi Suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Tính Lãi tiếp theo;
 - Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký thực hiện chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu vào Ngày Làm Việc thứ 10 (mười) trước Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc ngày đến hạn khác quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này ("**Ngày Đăng Ký Cuối Cùng**").
 - Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, Tổ Chức Phát Hành ấn định Ngày Đăng Ký Cuối Cùng vào Ngày Làm Việc thứ 10 (mười) trước Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc ngày đến hạn khác trong phạm vi các quy định này không trái hoặc xung đột với các quy định của pháp luật Việt Nam và VSDC (nếu có).
- 10.4.** Vào Ngày Thanh Toán Lãi của Các Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành thực hiện thanh toán tiền Lãi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng vào Tài Khoản Đăng Ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu theo thông tin Sổ Đăng Ký do Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký cung cấp. Sau khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tại VSDC và niêm yết, việc thanh toán Gốc, Lãi và các khoản tiền khác liên quan tới Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của VSDC và các quy định trên (trong phạm vi các quy định này không trái hoặc mâu thuẫn với các quy định của pháp luật Việt Nam và VSDC). Ngày Đăng Ký Cuối Cùng sẽ được xác định theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này phù hợp với quy định pháp luật liên quan và VSDC tại thời điểm áp dụng.
- 10.5.** Chỉ những Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký của Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc danh sách tổng hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc tài liệu tương tự) của VSDC lập tại

Thời Điểm Khóa Sổ cho một lần thanh toán mới được nhận tiền thanh toán trong lần thanh toán đó. Để làm rõ, đối với các giao dịch chuyển nhượng Trái Phiếu diễn ra sau Thời Điểm Khóa Sổ thì bên nhận chuyển nhượng sẽ không được nhận các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu cho lần thanh toán có liên quan đó.

11. Giá chào bán

Giá chào bán là 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu.

12. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động

Các Trái Phiếu có thứ tự thanh toán sau các nghĩa vụ và khoản nợ của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là chủ Nợ Thứ Cấp) hiện tại và trong tương lai của Tổ Chức Phát Hành. Các Trái Phiếu phát hành trong cùng Đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

13. Quyền và nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

13.1 Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu về mọi phương diện và sẽ có quyền nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác liên quan đến Trái Phiếu đó. Các quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu bao gồm:

- a) Được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền Gốc và tiền Lãi và các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này;
- b) Được tự do chuyển quyền sở hữu (bao gồm nhưng không giới hạn ở mua, bán, cho, tặng, để lại thừa kế và các hình thức chuyển quyền sở hữu khác theo quy định của pháp luật) Trái Phiếu của mình và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm phù hợp với các quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này và các quy định của pháp luật có liên quan;
- c) Được cấp trích lục Sổ Đăng Ký và/hoặc Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu nếu có yêu cầu, trừ trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu đã ủy quyền cho Tổ Chức Phát Hành làm thủ tục lưu ký tập trung;
- d) Có quyền yêu cầu xác nhận số dư Trái Phiếu theo quy định tại Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký Trái Phiếu hoặc theo quy định của các thành viên lưu ký tại nơi Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tài khoản chứng khoán;
- e) Có quyền yêu cầu Tổ Chức Phát Hành giữ bí mật thông tin liên quan đến số dư Trái Phiếu và các giao dịch của Người Sở Hữu Trái Phiếu trừ khi Tổ Chức Phát Hành phải tiết lộ các thông tin đó theo quy định của pháp luật;
- f) Quyền khi xảy ra các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành:
Khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây, gọi chung là một "Sự Kiện Vi Phạm":

- (i) Nếu Tổ Chức Phát Hành không thanh toán tiền Gốc và/hoặc tiền Lãi của Các Trái Phiếu, và vi phạm đó vẫn chưa được khắc phục trong thời gian 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc ngày đến hạn khác (trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành được phép thực hiện quyền ngừng thanh toán tiền Lãi Trái Phiếu theo quy định tại Điểm 9.7). Trong trường hợp này, Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền khởi kiện Tổ Chức Phát Hành theo thủ tục phá sản hoặc thanh lý hoặc khởi kiện theo các hình thức khác do Người Sở Hữu Trái Phiếu lựa chọn mà không cần gửi thông báo nào khác.
 - (ii) Nếu có một lệnh của tòa án được đưa ra hoặc một nghị quyết của cấp có thẩm quyền được thông qua về việc phá sản hoặc giải thể đối với Tổ Chức Phát Hành (bất kể là có một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn hay không) và lệnh hoặc nghị quyết đó không được thu hồi/hủy bỏ trong thời gian 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày được đưa ra, thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi một thông báo bằng văn bản, được coi là có hiệu lực vào ngày nhận thông báo, cho Tổ Chức Phát Hành và tuyên bố Trái Phiếu mình đang nắm giữ đến hạn và phải thanh toán ngay lập tức mà không phải thực hiện thêm bất cứ thủ tục nào khác nữa. Trong trường hợp này, Trái Phiếu được coi là sẽ đến hạn ngay lập tức cùng với tiền lãi lũy kế (nếu có) được tính cho đến ngày hoàn trả.
- g) Được tham dự Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu (như được quy định dưới đây) và biểu quyết tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu và được lấy ý kiến và biểu quyết về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này;
 - h) Các quyền khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này, Văn Kiện Trái Phiếu khác và quy định của pháp luật.

13.2 Nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

- a) Tuân thủ các quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này;
- b) Tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư Trái Phiếu, hạn chế về giao dịch Trái Phiếu được đầu tư và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của chính mình;
- c) Không được yêu cầu thanh toán Trái Phiếu không thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình. Trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu cố tình vi phạm bất kỳ quy định nào tại các Văn Kiện Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu đó sẽ phải bồi thường các thiệt hại thực tế cho Tổ Chức Phát Hành và/hoặc bên thứ ba và chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định của pháp luật;
- d) Lập tức hoàn trả cho Tổ Chức Phát Hành bất kỳ khoản tiền nào mà Tổ Chức Phát Hành chuyển sai cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sau khi nhận được thông báo kèm theo bằng chứng chứng minh về sai sót đó từ Tổ Chức Phát Hành hoặc ngay khi Người Sở Hữu Trái Phiếu phát hiện ra sai sót đó;
- e) Thông báo cho Tổ Chức Phát Hành khi có sự thay đổi hoặc chấm dứt ủy quyền của đại diện

của Người Sở Hữu Trái Phiếu trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ định đại diện ủy quyền làm việc với Tổ Chức Phát Hành;

- f) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các giấy tờ pháp lý cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành;
- g) Chịu trách nhiệm về nguồn gốc hợp pháp của nguồn vốn đầu tư vào Trái Phiếu;
- h) Có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ thuế phát sinh từ thu nhập chịu thuế hoặc bất kỳ khoản thanh toán nào mà Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của pháp luật ngoại trừ trường hợp quy định tại Điểm 10.6 và Điểm 16.2 Các Điều Kiện Trái Phiếu này;
- i) Phối hợp thực hiện các thủ tục, công việc theo yêu cầu của pháp luật hoặc của Tổ Chức Phát Hành để hoàn thành việc đăng ký, lưu ký tập trung, niêm yết Trái Phiếu;
- j) Các nghĩa vụ khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này, Văn Kiện Trái Phiếu khác và quy định của pháp luật.

13.3 Trường hợp thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trường hợp phát sinh thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu đã quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu, các phát sinh thay đổi chỉ có hiệu lực sau khi có sự thống nhất giữa Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo một Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành xác nhận đồng ý hoặc theo yêu cầu bắt buộc của pháp luật.

14. Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký

Trước khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tại VSDC, Tổ Chức Phát Hành chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (“HDS”) là đại lý đăng ký, lưu ký và quản lý chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu (“**Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký**”) cho Các Trái Phiếu theo Hợp đồng dịch vụ đăng ký, lưu ký Trái Phiếu (“**Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký**”). Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký được chỉ định thay mặt Tổ Chức Phát Hành thực hiện:

- a) Lập và lưu giữ sổ đăng ký của Các Trái Phiếu ghi thông tin của những Người Sở Hữu Trái Phiếu (“**Sổ Đăng Ký**”). Sổ Đăng Ký bao gồm nhưng không giới hạn bởi những nội dung cơ bản sau:
 - (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính và mã số doanh nghiệp của Tổ Chức Phát Hành;
 - (ii) Các thông tin chính về Trái Phiếu gồm tên Trái Phiếu, mã Trái Phiếu, tổng số Trái Phiếu đã được phát hành, tổng số Trái Phiếu đang lưu hành, mệnh giá, kỳ hạn, Ngày Phát Hành, Ngày Đáo Hạn, Lãi Suất Trái Phiếu, phương thức trả lãi, Ngày Thanh Toán Lãi, địa điểm thanh toán Gốc, Lãi và Lãi quá hạn (nếu có);
 - (iii) Họ tên, số CMND/CCCD/hộ chiếu, ngày cấp và nơi cấp (nếu là cá nhân) hoặc tên tổ chức, số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập, ngày cấp và nơi cấp (nếu là tổ chức) và địa chỉ liên hệ, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử của Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm họ sở hữu Trái Phiếu;

- (iv) Tổng số tiền gốc Trái Phiếu và thông tin chi tiết về Trái Phiếu do từng Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ (bao gồm nhưng không giới hạn ở thông tin về việc sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm và các hạn chế chuyển nhượng Trái Phiếu, nếu có); và
 - (v) Chi tiết về tài khoản ngân hàng được đăng ký và/hoặc tài khoản chứng khoán của Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tại Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc tài khoản khác (nếu có) (theo thông báo của Người Sở Hữu Trái Phiếu với Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký) để nhận các khoản tiền thanh toán liên quan đến Trái Phiếu ("**Tài Khoản Đăng Ký**");
- b) Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Người Sở Hữu Trái Phiếu, đối với mỗi Trái Phiếu được ghi nhận thuộc sở hữu của mình trong Sổ Đăng Ký, sẽ được coi là chủ sở hữu hợp pháp và duy nhất của Trái Phiếu đó về mọi phương diện và cho mọi mục đích liên quan đến Trái Phiếu đó. Khi Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSDC, Sổ Đăng Ký có giá trị hợp lệ và cao nhất để xác định quyền sở hữu Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu;
 - c) Thực hiện việc cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu hoặc cấp trích lục Sổ Đăng Ký khi Người Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu, trừ trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu đã ủy quyền cho Tổ Chức Phát Hành làm thủ tục lưu ký tập trung. Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, việc cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký (thay mặt cho Tổ Chức Phát Hành) phát hành, ký và đóng dấu xác nhận theo quy định tại Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký;
 - d) Thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu này và Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký và cập nhật việc chuyển quyền sở hữu vào Sổ Đăng Ký của mỗi Trái Phiếu tương ứng;
 - e) Vào Ngày Làm Việc thứ 15 (mười lăm) trước mỗi Ngày Thanh Toán Lãi, Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại (nếu có) hoặc Ngày Đáo Hạn của mỗi Trái Phiếu, gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu thông báo về Ngày Đăng Ký Cuối Cùng của Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan tới Trái Phiếu;
 - f) Duy trì và lưu giữ sổ sách chi chép về các tài liệu mà Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký nhận được liên quan đến quá trình chuyển quyền sở hữu và các dịch vụ khác mà Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký cung cấp theo Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký;
 - g) Cung cấp bản sao Sổ Đăng Ký cập nhật về Người Sở Hữu Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành ngay khi có yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành và trợ giúp những yêu cầu hợp lý liên quan đến Sổ Đăng Ký của Tổ Chức Phát Hành;
 - h) Xác nhận số lượng Trái Phiếu sở hữu và xác nhận phong tỏa, giải tỏa Trái Phiếu theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu phục vụ cho giao dịch hợp lý của Người Sở Hữu Trái Phiếu;
 - i) Tùy thuộc quy định của luật pháp Việt Nam từng thời điểm, khấu trừ, giữ lại, kê khai và nộp thuế, phí và lệ phí trên giá trị giao dịch chuyển quyền sở hữu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu;

- j) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, Tổ Chức Phát Hành sẽ chấm dứt việc chỉ định Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký nêu tại Điều 14 này. Việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc nêu tại Điểm 14 này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật và VSDC.

15. Đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch Trái Phiếu

- 15.1.** Trước khi được đăng ký, lưu ký tại VSDC, Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký và quản lý chuyển quyền sở hữu tại Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký theo quy định của pháp luật, Các Điều Khoản Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.
- 15.2.** Trái Phiếu sẽ được đăng ký, lưu ký tại VSDC, niêm yết và giao dịch trên HNX theo các quy định có liên quan của pháp luật, VSDC và HNX.
- 15.3.** Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký và/hoặc lưu ký Trái Phiếu theo các quy định có liên quan của pháp luật, quy định của VSDC, HNX và Các Điều Khoản Trái Phiếu này. Việc chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu trong quá trình làm thủ tục đăng ký và/hoặc lưu ký Trái Phiếu tại VSDC (nếu áp dụng) sẽ theo quy định/hướng dẫn của VSDC và các quy định pháp luật có liên quan tại thời điểm đó.
- 15.4.** Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm hoàn tất việc đăng ký niêm yết Trái Phiếu tại HNX ngay khi có thể sau ngày hoàn tất đăng ký Trái Phiếu tại VSDC theo quy định pháp luật hiện hành và sau đó sẽ duy trì việc niêm yết Trái Phiếu chứng nào còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành. Tổ Chức Phát Hành được hủy niêm yết Trái Phiếu nếu việc hủy niêm yết là nhằm mục đích mua lại Trái Phiếu trước hạn hoặc vào Ngày Đáo Hạn.
- 15.5.** Kể từ thời điểm Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tại VSDC, niêm yết tại HNX, (i) việc lập, duy trì và lưu giữ Sổ Đăng Ký (hoặc tài liệu tương đương) và nội dung Sổ Đăng Ký sẽ theo quy định có liên quan của pháp luật và của VSDC; (ii) việc chuyển quyền sở hữu và thực hiện các giao dịch liên quan đến Trái Phiếu được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, quy chế của VSDC và các quy định của HNX nơi Trái Phiếu được niêm yết (nếu áp dụng) và vai trò của Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký đối với việc đăng ký, lưu ký và quản lý chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu sẽ chấm dứt tại thời điểm này; và (iii) việc cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu đối với các Trái Phiếu không được Người Sở Hữu Trái Phiếu lưu ký tại VSDC sẽ do Tổ Chức Phát Hành thực hiện hoặc/và được thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật và của VSDC và Các Điều Khoản Trái Phiếu này.

16. Hoàn trả, Mua lại trước hạn và Hủy bỏ Trái Phiếu**16.1. Hoàn trả vào Ngày Đáo Hạn**

Trừ khi được mua lại và hủy bỏ trước hạn theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu này, vào Ngày Đáo Hạn, Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán toàn bộ (i) Khoản Gốc của Các Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó; (ii) bất kỳ khoản lãi và tất cả các khoản tiền khác phải trả đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán đối với Trái Phiếu tính đến (nhưng không bao gồm) Ngày Đáo Hạn.

16.2. Mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại

- a) Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định của NHNN, bằng việc gửi thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (thông báo này là không hủy ngang) theo quy định tại Điểm 16.2 c) dưới đây, Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại trước hạn toàn bộ nhưng không mua lại một phần Trái Phiếu tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại tương ứng với giá mua bằng mệnh giá Trái Phiếu.
- b) Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành và nhận được 100% khoản tiền Gốc do mình sở hữu; khi đó Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ và các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan (nếu có) sẽ tự động hết hiệu lực lưu hành. Kể từ Thời Điểm Khóa Sổ của Ngày Đăng Ký Cuối Cùng cho đến Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được chuyển nhượng, sử dụng Trái Phiếu để chiết khấu, làm tài sản bảo đảm, tạo lập các nghĩa vụ hoặc biện pháp bảo đảm đối với Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác liên quan đến Trái Phiếu mà dẫn đến hoặc có thể dẫn đến việc thay đổi quyền sở hữu Trái Phiếu.
- c) Vì mục đích mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại như quy định tại Điểm 16.2 này, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo việc mua lại ("**Thông Báo Mua Lại**") trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành ít nhất 15 (mười lăm) ngày nhưng không sớm hơn 60 (sáu mươi) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc một thời hạn cụ thể theo quy định của pháp luật liên quan và của VSDC sau khi Trái Phiếu được lưu ký tại VSDC. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được thông báo mua lại của Tổ Chức Phát Hành mà không do lỗi của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc VSDC hoặc không thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện việc bán lại Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành (nếu có), Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang sở hữu cho Tổ Chức Phát Hành và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu sẽ được chuyển vào Tài Khoản Đăng Ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định.

16.3. Mua lại theo thỏa thuận

Tại bất kỳ thời điểm nào, trên cơ sở tuân thủ các quy định, quy chế của HNX và/hoặc của VSDC và vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định của NHNN, bên cạnh việc mua lại trước hạn Trái Phiếu theo quy định tại Điểm 16.2 nêu trên, Tổ Chức Phát Hành được mua lại Trái Phiếu từ bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào và theo bất kỳ giá nào và phải thông báo trước tối thiểu 15 (mười lăm) ngày tính đến ngày dự kiến mua lại trước hạn. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định việc bán lại Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Phát Hành. Việc chào mua Các Trái Phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu với cùng một điều kiện và theo tỷ lệ tương ứng với số tiền Gốc của Trái Phiếu mà mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ.

16.4. Mua lại khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm

Nếu bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào trong các Sự Kiện Vi Phạm tại Điểm 13.1 f) (ii) của Các Điều Kiện Trái Phiếu này diễn ra thì bất cứ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và Tổ Chức Phát Hành phải mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành.

16.5. Hủy bỏ

Tất cả Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành hoàn trả và/hoặc mua lại theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này sẽ được hủy bỏ ngay và sẽ không được phát hành lại hoặc bán lại (trừ trường hợp pháp luật có liên quan hoặc các quy định khác có hướng dẫn khác). Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) sẽ tự động hết hiệu lực kể từ thời điểm Tổ Chức Phát Hành hoàn thành nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền Gốc, Lãi đến hạn theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

17. Phương thức phân phối

- Các Đợt chào bán Trái Phiếu không có bảo lãnh phát hành.
- Phương thức phân phối: Bán trực tiếp cho Nhà Đầu Tư tại Trụ sở chính/Chi nhánh/PGD của Tổ Chức Phát Hành và phân phối thông qua đại lý phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (“Đại Lý Phát Hành”).
- Trách nhiệm của Đại Lý Phát Hành:
 - o Đại Lý Phát Hành hỗ trợ Tổ Chức Phát Hành trong việc chào bán, phân phối Trái Phiếu cho các Nhà Đầu Tư đăng ký mua Trái Phiếu hợp lệ thông qua chào bán trực tiếp hoặc một hình thức khác phù hợp theo thông báo cụ thể của Tổ Chức Phát Hành.
 - o Công bố đầy đủ, chính xác các thông tin cho Nhà Đầu Tư theo phương án phát hành Trái Phiếu đã được phê duyệt, Bản Cáo Bạch và Văn Kiện Trái Phiếu khác và chỉ bán Trái Phiếu cho các Nhà Đầu Tư đủ điều kiện mua Trái Phiếu theo quy định của pháp luật và Bản Cáo Bạch.

- o Cập nhật định kỳ/đợt xuất các thông tin về tiến độ và kết quả chào bán Trái Phiếu cho các Nhà Đầu Tư cho Tổ Chức Phát Hành.
 - o Thực hiện các dịch vụ khác theo quy định tại hợp đồng đã ký với Tổ Chức Phát Hành.
- Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Phát Hành sẽ phân phối Trái Phiếu công bằng, công khai và đảm bảo thời hạn đăng ký mua tối thiểu cho Nhà Đầu Tư là 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày thông báo chào bán.

18. Đăng ký mua Trái Phiếu

18.1. Thời hạn

Tổ Chức Phát Hành phải bảo đảm thời hạn đăng ký mua Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành thông báo chào bán về mỗi Đợt chào bán và tối đa là 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng đối với Trái Phiếu chào bán Đợt 1 hoặc văn bản chấp thuận chào bán Trái Phiếu Đợt 2 hoặc văn bản chấp thuận chào bán Trái Phiếu Đợt 3 (“Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng”) có hiệu lực.

18.2. Đối tượng mua Trái Phiếu

Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật (“Nhà Đầu Tư”).

18.3. Số lượng đặt mua tối thiểu

- Số lượng đặt mua tối thiểu đối với Nhà Đầu Tư cá nhân: tối thiểu 100 (một trăm) Trái Phiếu, tương đương với 10.000.000 VND (mười triệu Đồng) tính theo mệnh giá.
- Số lượng đặt mua tối thiểu đối với Nhà Đầu Tư tổ chức: tối thiểu 1.000 (một nghìn) Trái Phiếu, tương đương 100.000.000 VND (một trăm triệu Đồng) tính theo mệnh giá.

Để tránh nhầm lẫn, Nhà Đầu Tư chỉ được đăng ký mua số lượng Trái Phiếu chẵn đến hàng đơn vị và tối thiểu là 100 (một trăm) Trái Phiếu đối với Nhà Đầu Tư cá nhân và tối thiểu là 1.000 (một nghìn) Trái Phiếu đối với Nhà Đầu Tư tổ chức.

18.4. Phương thức đăng ký mua và thanh toán

Trong thời hạn đăng ký mua được quy định bởi Tổ Chức Phát Hành, Nhà Đầu Tư thực hiện đăng ký mua Trái Phiếu trong phạm vi số lượng Trái Phiếu chào bán và phải đáp ứng yêu cầu về số lượng Trái Phiếu đặt mua tối thiểu do Tổ Chức Phát Hành quy định.

↳ Thông qua Tổ Chức Phát Hành

- Địa điểm đăng ký mua: Nhà Đầu Tư đăng ký mua Trái Phiếu trực tiếp tại các Chi nhánh/PGD trên toàn quốc và trụ sở chính của Tổ Chức Phát Hành. Chi tiết địa chỉ các Chi nhánh/PGD đăng tải tại <https://hdbank.com.vn/vi/atm-branch>
- Nhà Đầu Tư chuyển tiền mua Trái Phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành (“**Tài Khoản Phong Tỏa**”).
- Để tránh nhầm lẫn, (i) việc mua Trái Phiếu của Nhà Đầu Tư chỉ được coi là đã hoàn thành khi Nhà Đầu Tư đã đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu vào Tài Khoản Phong Tỏa; và (ii) trong trường hợp Nhà Đầu Tư đăng ký nhưng không hoàn thành việc thanh toán tiền mua trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định thì việc đăng ký được coi như không còn giá trị.

↓ Thông qua Đại Lý Phát Hành

- Địa điểm đăng ký mua: Nhà Đầu Tư đăng ký mua Trái Phiếu trực tiếp tại trụ sở chính của Đại Lý Phát Hành tại địa chỉ Tầng 1 – 5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
- Nhà Đầu Tư chuyển tiền mua Trái Phiếu vào Tài Khoản Phong Tỏa.
- Để tránh nhầm lẫn, (i) việc mua Trái Phiếu của Nhà Đầu Tư chỉ được coi là đã hoàn thành khi Nhà Đầu Tư đã đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu vào Tài Khoản Phong Tỏa; và (ii) trong trường hợp Nhà Đầu Tư đăng ký nhưng không hoàn thành việc thanh toán tiền mua trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định thì việc đăng ký được coi như không còn giá trị.

18.5. Phương thức phân bổ Trái Phiếu

- Trái Phiếu sẽ được phân bổ cho các Nhà Đầu Tư theo nguyên tắc công bằng, công khai.
- Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua bằng hoặc nhỏ hơn số lượng Trái Phiếu được phép chào bán thì Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Phát Hành sẽ phân phối cho mỗi Nhà Đầu Tư số lượng Trái Phiếu bằng 100% số lượng Trái Phiếu mà Nhà Đầu Tư đó đăng ký mua.
- Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép chào bán thì Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Phát Hành phải phân phối hết số Trái Phiếu được phép phát hành cho Nhà Đầu Tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng Nhà Đầu Tư.
- Xử lý phần lẻ Trái Phiếu: Trong mọi trường hợp, số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành phân bổ cho Nhà Đầu Tư sẽ được làm tròn xuống số nguyên gần nhất (nếu không phải là số nguyên). Đối với số lượng Trái Phiếu còn lại (được hình thành từ phần lẻ Trái Phiếu do số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành phân bổ cho Nhà Đầu Tư trên cơ sở tỷ lệ không phải là một số nguyên), Tổ Chức Phát Hành có toàn quyền phân bổ cho một hoặc một số Nhà Đầu Tư nhất định một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu còn lại đó.

- Để làm rõ, trong trường hợp khối lượng Trái Phiếu được phân bổ của Nhà Đầu Tư thấp hơn số lượng đăng ký đặt mua tối thiểu theo quy định tại Điểm 18.3 thì Nhà Đầu Tư vẫn sẽ được coi là đã đăng ký mua thành công với khối lượng Trái Phiếu đã được phân bổ.

18.6. Chuyển giao Trái Phiếu

Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Đợt chào bán, Nhà Đầu Tư sẽ nhận được bản gốc Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc bản gốc trích lục Sổ Đăng Ký (nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu có yêu cầu), trừ trường hợp Nhà Đầu Tư đã ủy quyền cho Tổ Chức Phát Hành làm thủ tục lưu ký tập trung.

18.7. Quyền lợi của người mua Trái Phiếu

Nhà Đầu Tư sau khi hoàn thành việc mua Trái Phiếu sẽ được ghi tên trong Sổ Đăng Ký với tư cách là Người Sở Hữu Trái Phiếu, và được hưởng các quyền và lợi ích của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này.

18.8. Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua

Trong trường hợp số lượng đặt mua lớn hơn tổng số lượng Trái Phiếu được phép chào bán hoặc Nhà Đầu Tư nộp thừa tiền đặt mua Trái Phiếu hoặc số lượng Trái Phiếu đặt mua của Nhà Đầu Tư không đáp ứng số lượng đặt mua tối thiểu được quy định tại Điểm 18.3 nêu trên:

- a) Thời hạn: Trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tài Khoản Phong Tỏa được giải tỏa.
- b) Cách thức: Chuyển vào tài khoản của người đặt mua Trái Phiếu theo thông tin đăng ký đặt mua Trái Phiếu có liên quan.

19. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu

Sau khi Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng do UBCKNN cấp có hiệu lực, Tổ Chức Phát Hành sẽ tiến hành phân phối Các Trái Phiếu với tổng số lượng Các Trái Phiếu phát hành dự kiến là 50.000.000 (năm mươi triệu) Trái Phiếu, tương đương với 5.000.000.000.000 VND (năm nghìn tỷ Đồng) tính theo mệnh giá trong các Đợt chào bán ra công chúng (với điều kiện là khoảng cách giữa Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng sau với Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng trước không quá 12 (mười hai) tháng phù hợp với quy định của pháp luật liên quan) với thời gian các Đợt chào bán dự kiến như sau:

Đợt 1: Dự kiến Quý IV/2023 - Quý I/2024:

- Trái Phiếu HDBC7Y202301: 30.000.000 (ba mươi triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 07 (bảy) năm.

Đợt 2: Dự kiến Quý II/2024 – Quý III/2024:

- Trái Phiếu HDBC7Y202302: 10.000.000 (mười triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 07 (bảy) năm.

Đợt 3: Dự kiến Quý II/2024 – Quý IV/2024:

- Trái Phiếu HDBC7Y202303: 10.000.000 (mười triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 07 (bảy) năm.

(mỗi đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng nêu trên là một “Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng” hoặc “Đợt”).

Thời gian phân phối Trái Phiếu của mỗi Đợt dự kiến tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày. Đợt 2 chỉ thực hiện sau khi kết thúc Đợt 1 và Đợt 3 chỉ thực hiện sau khi kết thúc Đợt 2.

Cụ thể, lịch trình dự kiến phân phối Các Trái Phiếu của từng Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng như sau:

Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu ra công chúng của Đợt 1 (Quý IV/2023- Quý I/2024)

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến
1	Ngày Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng do UBCKNN cấp có hiệu lực	T
2	Tổ Chức Phát Hành công bố Thông báo phát hành Trái Phiếu Đợt 1	T +1 đến T+7 Ngày Làm Việc
3	Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu Đợt 1 và Nhà Đầu Tư nộp tiền mua Trái Phiếu	T1 (T+7 < T1 < T + 90)
-	<i>Thời hạn bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu dự kiến</i>	<i>T1</i>
-	<i>Thời hạn cuối cùng nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu và Nhà Đầu Tư nộp tiền mua Trái Phiếu dự kiến tối thiểu 20 ngày (ngày kết thúc đợt chào bán)</i>	<i>T1+20</i>
4	Ngày Phát Hành	T1+20 (ngày kết thúc đợt chào bán)
5	Tổ Chức Phát Hành thực hiện báo cáo kết quả phát hành Đợt 1 cho UBCKNN và thực hiện công bố thông tin về kết quả phát hành	Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán
6	Chuyển giao Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư	Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

Trường hợp số lượng Trái Phiếu chào bán Đợt 1 chưa chào bán hết theo dự kiến thì số lượng Trái Phiếu còn lại chưa chào bán hết sẽ được chuyển sang chào bán tiếp (các) Đợt chào bán sau.

Sau khi kết thúc Đợt 1, việc chào bán Đợt 2 được thực hiện sau khi Tổ Chức Phát Hành cập nhật thông tin Bản Cáo Bạch (nếu cần) và nhận được ý kiến bằng văn bản của UBCKNN về việc tiếp tục chào bán Đợt 2 của Tổ Chức Phát Hành.

Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu ra công chúng của Đợt 2 (Quý II/2024 – Quý III/2024)

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến
1	Ngày văn bản chấp thuận chào bán Trái Phiếu Đợt 2 do UBCKNN cấp có hiệu lực	T2
2	Tổ Chức Phát Hành công bố Bản thông báo chào bán Trái Phiếu Đợt 2	T2+1 đến T2 + 3
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu Đợt 2 và Nhà Đầu Tư nộp tiền mua Trái Phiếu	T2+4 đến T2+25
-	<i>Thời hạn bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu dự kiến</i>	T2+4
-	<i>Thời hạn cuối cùng nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu và Nhà Đầu Tư nộp tiền mua Trái Phiếu dự kiến tối thiểu 20 ngày (ngày kết thúc đợt chào bán)</i>	T2+25
4	Ngày Phát Hành	T2+25
5	Tổ Chức Phát Hành thực hiện báo cáo kết quả phát hành Đợt 2 cho UBCKNN và thực hiện công bố thông tin về kết quả phát hành	Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán
6	Chuyển giao Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư	Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

Trường hợp số lượng Trái Phiếu chào bán Đợt 2 chưa chào bán hết theo dự kiến thì số lượng Trái Phiếu còn lại chưa chào bán hết sẽ được chuyển sang chào bán tiếp Đợt chào bán sau.

Sau khi kết thúc Đợt 2, việc chào bán Đợt 3 được thực hiện sau khi Tổ Chức Phát Hành cập nhật thông tin Bản Cáo Bạch (nếu cần) và nhận được ý kiến bằng văn bản của UBCKNN về việc tiếp tục chào bán Đợt 3 của Tổ Chức Phát Hành.

Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu ra công chúng của Đợt 3 (Quý II/2024 – Quý IV/2024)

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến
1	Ngày văn bản chấp thuận chào bán Trái Phiếu Đợt 3 do UBCKNN cấp có hiệu lực	T3

2	Tổ Chức Phát Hành công bố Bản thông báo phát hành Trái Phiếu Đợt 3	T3+1 đến T3 +3
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu Đợt 3 và Nhà Đầu Tư nộp tiền mua Trái Phiếu	T3+4 đến T3+25
-	<i>Thời hạn bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu dự kiến</i>	T3+4
-	<i>Thời hạn cuối cùng nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu và Nhà Đầu Tư nộp tiền mua Trái Phiếu dự kiến tối thiểu 20 ngày (ngày kết thúc đợt chào bán)</i>	T3+25
4	Ngày Phát Hành	T3+25
5	Tổ Chức Phát Hành thực hiện báo cáo kết quả phát hành Đợt 3 cho UBCKNN và thực hiện công bố thông tin về kết quả phát hành	Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán
6	Chuyển giao Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư	Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

Lịch trình phân phối Trái Phiếu cụ thể của mỗi Đợt sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chính thức sau khi được UBCKNN cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chứng và theo tình hình thực tế của mỗi Đợt. Thời hạn phân phối Trái Phiếu được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chứng do UBCKNN cấp cho Tổ Chức Phát Hành.

20. Tài Khoản Phong Toả nhận tiền mua Trái Phiếu

Số tài khoản: 1013810138

Tên chủ tài khoản: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Tại: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Tân Định

21. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán Trái Phiếu ra công chứng của Tổ Chức Phát Hành

Theo quy định tại Thông tư 01 của NHNN và Quyết định số 649 của Thống Đốc NHNN, theo đó, *“thủ tục hành chính được bãi bỏ lĩnh vực hoạt động tiền tệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của NHNN Việt Nam” ...: “tên thủ tục hành chính: Thủ tục chấp thuận Phương án phát hành trái phiếu ra công chứng của tổ chức tín dụng. Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính: Thông tư số 01/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”*. Các Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành thực hiện theo quy định của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ hoạt động của Ngân hàng, theo đó, cấp có thẩm quyền thông qua đợt chào bán trái phiếu ra công chứng của HDBank là HĐQT.

HDQT HDBank đã ban hành Nghị quyết số 319/2023/NQ-HDQT ngày 04/08/2023 về việc thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ chào bán, phát hành Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023 và Nghị quyết số 400/2023/NQ-HDQT ngày 25/09/2023 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh về việc thông qua Phương án trả nợ vốn chi tiết và Hồ sơ đăng ký chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023.

22. Các loại thuế có liên quan

Phần trình bày về thuế trong phần này dựa trên luật hiện hành tại ngày phát hành Bản Cáo Bạch và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào mà có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản Cáo Bạch. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toán diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các Nhà Đầu Tư, một số Nhà Đầu Tư (như người môi giới chứng khoán hoặc môi giới mua bán hàng hoá) phải tuân theo các quy định riêng.

22.1. Thuế thu nhập cá nhân

Thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu của cá nhân sẽ được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15/08/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2013, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 30/07/2015 và sẽ được khấu trừ thuế với mức thuế như sau:

- a) Thu nhập từ Lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập từ đầu tư vốn. Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ đầu tư vốn là 5%; và
- b) Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần.

22.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 18/06/2014 và có hiệu lực từ ngày 02/08/2014, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 06/08/2015 sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận từ năm 2016.

Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

trên thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/08/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2014 với mức thuế suất áp dụng như sau:

- c) Mức thuế suất áp dụng đối với tiền lãi từ Trái Phiếu là 5%; và
- d) Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu là 0,1% trên tổng thu nhập doanh thu chuyển nhượng Trái Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

22.3. Thuế giá trị gia tăng

Theo các quy định tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2014, Lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu không là đối tượng chịu thuế Giá trị Gia tăng.

22.4. Khấu trừ thuế thu nhập cá nhân

Việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân thực hiện như sau:

- a) Trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSDC:
 - i. Tổ Chức Phát Hành sẽ khấu trừ, giữ lại và nộp thuế thu nhập cá nhân đối với tiền Lãi trước khi thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định pháp luật hiện hành.
 - ii. Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký sẽ khấu trừ, giữ lại, kê khai và nộp thuế, phí và lệ phí áp dụng trong trường hợp chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành tại thời điểm thực hiện thủ tục xác nhận chuyển nhượng cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- b) Trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSDC: việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân sẽ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của VSDC và quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này nếu không mâu thuẫn.

23. Thông tin cam kết

Tổ Chức Phát Hành cam kết:

- a) Không có bất kỳ khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 (một) năm và đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước;
- b) Phát hành Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư phù hợp với các quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này và Văn Kiện Trái Phiếu;
- c) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện phát hành Trái Phiếu quy định tại các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan tại Ngày Phát Hành;
- d) Thông qua Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc tự mình thực hiện (tùy từng trường hợp áp dụng) tính toán tiền Lãi và/hoặc Gốc và các khoản nghĩa vụ phát sinh phải trả khác (nếu có) cho mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu vào Ngày Thanh Toán Lãi hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc Ngày Đáo Hạn hoặc ngày đến hạn khác phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu này;

- e) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số tiền Gốc, Lãi và các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- f) Tạo điều kiện thuận lợi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu khi Người Sở Hữu Trái Phiếu có nhu cầu thanh toán, chuyển nhượng, sử dụng làm tài sản bảo đảm hoặc chiết khấu Trái Phiếu;
- g) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, Tổ Chức Phát Hành sẽ tạo điều kiện để cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu chưa lưu ký Trái Phiếu (nếu có yêu cầu) để thực hiện việc lưu ký và chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu theo quy định của pháp luật có liên quan và của VSDC;
- h) Giữ bí mật thông tin về số dư Trái Phiếu và các giao dịch về Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật;
- i) Báo cáo NHNN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về giao dịch phát hành Trái Phiếu theo quy định của pháp luật;
- j) Tuân thủ quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong quá trình phát hành Trái Phiếu và khi thực hiện các giao dịch liên quan đến việc phát hành Trái Phiếu. Nghĩa vụ này không áp dụng cho các giao dịch liên quan đến Trái Phiếu giao dịch trên thị trường thứ cấp;
- k) Sử dụng nguồn vốn huy động được từ việc phát hành Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật;
- l) Sẽ thực hiện nộp và hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết/giao dịch tập trung Trái Phiếu trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng theo đúng quy định của pháp luật;
- m) Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- n) Trường hợp UBCKNN, VSDC, HNX hoặc pháp luật có yêu cầu nhằm mục đích quản lý Trái Phiếu niêm yết, Tổ Chức Phát Hành phải chỉ định một tổ chức đáp ứng các điều kiện cần thiết nhằm đại diện cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu giám sát việc Tổ Chức Phát Hành tuân thủ nghĩa vụ của Trái Phiếu và bảo vệ quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu ("**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**"). Việc chỉ định như vậy phải được lập thành văn bản với các điều khoản và điều kiện do Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu tự thỏa thuận nhưng không được trái với Các Điều Kiện Trái Phiếu này và sau đó thông báo cho tất cả những Người Sở Hữu Trái Phiếu được biết;
- o) Các nghĩa vụ và cam kết khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này, Văn Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật.

24. Các điều khoản khác

24.1 Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu

- a) Bất kỳ hội nghị nào của các Người Sở Hữu Trái Phiếu ("**Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu**") có thể được triệu tập bởi Tổ Chức Phát Hành hoặc một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất mười phần trăm (10%) của Tổng mệnh giá Trái Phiếu tương ứng chưa thanh toán tại thời điểm đó, với điều kiện là trong trường hợp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập bởi một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu thì việc triệu tập đó phải được các Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc VSDC (tùy từng trường hợp áp dụng) và những Người Sở Hữu Trái Phiếu còn lại (theo địa chỉ tương ứng của các Người Sở Hữu Trái Phiếu đó được Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký/VSDC cung cấp tại thời điểm đó) ít nhất năm (05) Ngày Làm Việc trước ngày dự kiến triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu. Thông báo triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu phải ghi rõ thời gian, địa điểm, nội dung dự kiến của hội nghị. Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được tổ chức dưới hình thức các phương tiện truyền thông điện tử như hội nghị qua điện thoại (teleconference) hoặc hội nghị trực tuyến (video conference).
- b) Trong bất kỳ hội nghị nào có nội dung sửa đổi Ngày Đáo Hạn hoặc bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi, giảm hoặc ngừng thanh toán khoản tiền Gốc hoặc thay đổi lãi suất phải trả liên quan đến Trái Phiếu hoặc thay đổi loại tiền tệ thanh toán Trái Phiếu ("**Vấn Đề Loại Trừ**"), thì số đại biểu cần thiết để tiến hành họp là một người hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện ít nhất 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu chưa được thanh toán tại thời điểm đó.
- c) Nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu được coi là thông qua hợp lệ nếu được chấp thuận bởi một hoặc một số (những) Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ (i) ít nhất 65% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành; hoặc (ii) ít nhất 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành đối với Vấn Đề Loại Trừ.
- d) Không phụ thuộc vào các quy định tại Điểm 24.1 a), b) và c) nêu trên, Nghị quyết Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua tại một cuộc họp với sự tham dự của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành Hội nghị là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập Hội nghị không đúng quy định.
- e) Nghị quyết Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quyết định của những người có thẩm quyền triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu tại Điểm 24.1 a) và khi được thông qua sẽ có giá trị như Nghị quyết thông qua tại cuộc họp và có giá trị ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện (1) việc lấy ý kiến phải được gửi đến tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm chốt danh sách lấy ý kiến và (2) phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện cho ít nhất 65% tổng mệnh giá Trái

Phiếu đang lưu hành thông qua (đối với Vấn Đề Loại Trừ, phải được tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu đang nắm giữ 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thông qua).

- f) Để tránh hiểu nhầm, Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu khi đã được thông qua hợp lệ theo quy định tại Điểm 24.1 này sẽ ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu (dù họ có tham dự trực tiếp hội nghị hoặc gửi ý kiến bằng văn bản hay không). Tuy nhiên, bất kỳ Nghị quyết nào được Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu thông qua theo quy định tại Điểm 24.1 này sẽ không có giá trị ràng buộc đối với Tổ Chức Phát Hành nếu không được chấp thuận bởi Tổ Chức Phát Hành (trừ các nghị quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua sau khi đã phát sinh Sự Kiện Vi Phạm sẽ có giá trị ràng buộc vô điều kiện với Tổ Chức Phát Hành).
- g) Không phụ thuộc vào các quy định tại các Điểm 24.1 a), b), c), d), e) và f) nêu trên, trường hợp chỉ có một Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sở hữu 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thì không cần triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu. Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sẽ thỏa thuận thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Kiện Trái Phiếu này bằng văn bản thỏa thuận giữa hai bên hoặc bằng bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời trực tiếp của bên được xin ý kiến về nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đó, và trong trường hợp này, văn bản thỏa thuận thống nhất giữa Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất và/hoặc bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời đồng ý/chấp thuận của bên được xin ý kiến sẽ có giá trị pháp lý như một Nghị quyết Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu đã được Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận thông qua. Đối với các nội dung để xử lý các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất có quyền thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Kiện Trái Phiếu này mà không cần sự chấp thuận của Tổ Chức Phát Hành.
- h) Vì mục đích của Các Điều Kiện Trái Phiếu này, trong trường hợp bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành (nếu có) mua hoặc bằng cách khác nhận quyền sở hữu hợp pháp hoặc được hưởng lợi đối với bất kỳ Trái Phiếu nào, thì Công Ty Con đó sẽ không được quyền biểu quyết liên quan đến các Trái Phiếu đó tại bất kỳ Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu nào.

24.2 Thông báo và địa chỉ đăng ký

24.2.1 Thông báo

- a) Mọi thông báo, thư liên lạc gửi cho hoặc từ Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký, VSDC, HNX sẽ được coi là được gửi hợp lệ bằng cách:
- công bố trên website của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký/VSDC, HNX nơi Trái Phiếu được niêm yết và/hoặc giao dịch tập trung (nếu áp dụng); hoặc
 - giao trực tiếp tận tay, gửi qua fax, gửi thư điện tử; hoặc

- (iii) qua tin nhắn điện thoại; hoặc
 - (iv) gửi bằng thư bảo đảm hoặc gửi qua dịch vụ chuyển phát của tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát đến địa chỉ và số fax tương ứng quy định tại Điểm 24.2.2; hoặc
 - (v) gửi bằng hình thức điện tử thông qua tài khoản giao dịch chứng khoán của Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- b) Bất kỳ thông báo, thư liên lạc nào như vậy sẽ được coi là đã nhận được:
- (i) được công bố trên website, thời điểm tròn 24 (hai mươi tư) giờ từ thời điểm công bố;
 - (ii) nếu được chuyển giao tận tay, tại thời điểm giao;
 - (iii) nếu được gửi bằng thư bảo đảm, tại thời điểm kết thúc thời hạn 05 (năm) Ngày Làm Việc sau khi gửi (có xác nhận của bưu điện);
 - (iv) nếu được gửi qua fax, khi người gửi nhận được báo cáo chuyển fax xác nhận rằng thông báo hoặc thông điệp đã được gửi đầy đủ đến máy fax của người nhận, hoặc cách thức nhận báo cáo xác nhận tương tự khác;
 - (v) nếu được gửi qua thư điện tử, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi thư điện tử đến đúng địa chỉ thư điện tử đăng ký trong Sổ Đăng Ký hoặc theo thông báo bằng văn bản của người nhận (để tránh nhầm lẫn, người gửi sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu người nhận không nhận được thư điện tử của người gửi do địa chỉ thư điện tử đăng ký trong Sổ Đăng Ký/theo thông báo bằng văn bản của người nhận bị sai, bị đầy dung lượng hoặc tự động chặn/trả lại thư điện tử của người gửi);
 - (vi) nếu được gửi qua tin nhắn điện thoại, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi tin nhắn điện thoại đến đúng số điện thoại đăng ký trong Sổ Đăng Ký/theo thông báo bằng văn bản của người nhận (để tránh nhầm lẫn, người gửi sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu người nhận không nhận được tin nhắn điện thoại của người gửi do số điện thoại đăng ký trong Sổ Đăng Ký/theo thông báo bằng văn bản của người nhận bị sai, bị đầy dung lượng hoặc tự động chặn/trả lại tin nhắn điện thoại của người gửi);
 - (vii) nếu được gửi bằng hình thức điện tử thông qua tài khoản giao dịch chứng khoán của Người Sở Hữu Trái Phiếu, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi thông tin trên tài khoản giao dịch chứng khoán; hoặc
 - (viii) nếu gửi qua dịch vụ chuyển phát của công ty chuyển phát, tại thời điểm xác nhận được gói bưu kiện đựng thông báo hoặc thư liên lạc có liên quan.
- c) Bất kỳ bên nào cũng có thể thay đổi địa chỉ liên hệ của mình bằng cách gửi thông báo bằng văn bản trước 05 (năm) Ngày Làm Việc cho bên kia. Trong trường hợp Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tại VSDC, việc thay đổi thông tin của các bên tuân thủ quy định của VSDC tại từng

thời kỳ.

24.2.2 Địa chỉ đăng ký

Trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký đã thông báo cho các bên liên quan về việc thay đổi địa chỉ ít nhất 05 (năm) Ngày Làm Việc trước ngày gửi thông báo, thư liên lạc theo quy định tại Điểm 24.2.1, địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký sử dụng cho việc nhận thông báo và các mục đích khác quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này được ghi dưới đây:

Tổ Chức Phát Hành:

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Người nhận: Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ

Địa chỉ: 25 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (028) 62915916 Fax: (028) 62915900

Email: fixedincome@hdbank.com.vn

Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký:

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD

Người nhận: Khối Ngân hàng đầu tư

Địa chỉ: Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Dakao, Q.1, TP. HCM

Điện thoại: (028) 6283 6888 Fax: (84 24) 6283 8666

Email: ib@hdbs.vn

24.3 Sửa đổi và từ bỏ

Bất kỳ sửa đổi nào đối với Các Điều Khoản Trái Phiếu này phải được Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu (được thông qua hợp lệ bằng một Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu) chấp thuận trước bằng văn bản theo quy định pháp luật.

24.4 Luật điều chỉnh

Các Điều Khoản Trái Phiếu này được điều chỉnh bởi và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ và/hoặc liên quan tới Các Trái Phiếu trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác và các bên cùng có lợi. Trường hợp không tự thương lượng, hòa giải được thì mỗi bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết vụ việc.

24.5 Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Trái Phiếu và Các Điều Khoản Trái Phiếu này, kể cả

bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc tồn tại, hiệu lực hoặc việc chấm dứt của Trái Phiếu và Các Điều Kiện Trái Phiếu này, các bên sẽ nỗ lực để giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng, hòa giải. Trường hợp tranh chấp đó, không thể được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải, sẽ được chuyển đến và giải quyết tại tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam.

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Tổ chức phát hành dự kiến sử dụng tiền thu được từ phát hành trái phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện hệ số an toàn vốn, phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của HDBank

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ Đợt chào bán Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng tiền thu được từ 03 (ba) Đợt phát hành Trái Phiếu để bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện hệ số an toàn vốn, phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của HDBank trong năm 2024.

Cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ Đồng

Phương án sử dụng vốn Đợt 1:

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Quý I/2024	Tổng
1	Sản xuất kinh doanh	800	800
2	Nông nghiệp, nông thôn và tiêu dùng	1.000	1.000
3	Thương mại	1.200	1.200
Tổng		3.000	3.000

Phương án sử dụng vốn Đợt 2:

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Quý II/2024	Quý III/2024	Tổng
1	Sản xuất kinh doanh	100	100	200
2	Nông nghiệp, nông thôn và tiêu dùng	100	200	300

3	Thương mại	300	200	500
Tổng		500	500	1.000

Phương án sử dụng vốn Đợt 3:

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Quý III/2024	Quý IV/2024	Tổng
1	Sản xuất kinh doanh	100	200	300
2	Nông nghiệp, nông thôn và tiêu dùng	200	100	300
3	Thương mại	200	200	400
Tổng		500	500	1.000

Hội đồng Quản trị giao Tổng Giám đốc được toàn quyền quyết định số tiền và thời gian giải ngân thực tế từng Đợt phát hành đối với từng ngành nghề kinh doanh phụ thuộc vào khối lượng Trái phiếu phát hành thành công từng Đợt tương ứng. Kế hoạch giải ngân thực tế sẽ được điều chỉnh linh hoạt theo thực tế hoạt động, nhu cầu vay vốn của khách hàng và tiến độ cho vay nền kinh tế của HDBank.

2. Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ Đợt chào bán Trái Phiếu**a) Nguồn trả nợ của Tổ Chức Phát Hành:**

- Thanh toán lãi và gốc Trái Phiếu: Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn tiền thu được từ các khoản khách hàng thanh toán lãi, gốc của các khoản giải ngân/cho vay dự kiến bằng nguồn vốn phát hành Trái Phiếu để thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu cho các nhà đầu tư với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ. Tổ Chức Phát Hành dự kiến tiền thu từ các khoản cho vay/giải ngân từ nguồn vốn Trái Phiếu sẽ đủ để thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền lãi, gốc Trái Phiếu trong kỳ hạn Trái Phiếu, cụ thể như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

Kỳ thu nợ (*)	Lãi suất đầu ra dự kiến (tối thiểu) (%/năm) (**)	Dư nợ đầu kỳ	Lãi phải thu dự kiến	Vốn gốc trả trong kỳ	Gốc + Lãi phải thu dự kiến	Dư nợ cuối kỳ
1	10,00%	5.000	500	-	500	5.000
2	10,00%	5.000	500	-	500	5.000

3	10,00%	5.000	500	-	500	5.000
4	10,00%	5.000	500	-	500	5.000
5	10,00%	5.000	500	-	500	5.000
6	10,00%	5.000	500	-	500	5.000
7	10,00%	5.000	500	5.000	5.500	-
TỔNG			3.500	5.000	8.500	

Ghi chú:

(*) Báo cáo theo kỳ tròn năm kể từ ngày phát hành Trái Phiếu

(**) Lãi suất đầu ra dự kiến được xác định trên cơ sở ngành nghề cho vay, quy định và chính sách cho vay của HDBank trong từng thời kỳ, theo nguyên tắc: Lãi suất đầu ra dự kiến = chi phí huy động vốn (bao gồm lãi suất phát hành trái phiếu, chi phí khác (hành chính, nhân sự, quản lý phân bổ, ...)) + biên độ tối thiểu 1,00%/năm.

- Trường hợp nguồn tiền thu được từ các khoản thanh toán lãi, gốc của các khoản giải ngân/cho vay dự kiến từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu chưa đủ để chi trả lãi, gốc Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng nguồn vốn huy động khác, nguồn vốn tự tích lũy, lợi nhuận hoạt động kinh doanh, các nguồn thu hợp pháp khác và tiềm lực tài chính của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu hoặc mua lại trước hạn Trái Phiếu.

b) Kế hoạch trả nợ của Tổ Chức Phát Hành:

Theo kế hoạch kinh doanh của HDBank, tiền thu được từ hoạt động của HDBank sau khi trừ đi các chi phí vẫn đủ để thanh toán các khoản lãi và nợ gốc, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và Trái Phiếu đang dự kiến chào bán. Bảng dưới đây thể hiện kế hoạch thanh toán dự kiến của Tổ Chức Phát Hành cho từng Dợt chào bán trong trường hợp không phát sinh việc mua lại Trái Phiếu trước hạn, cụ thể:

Đơn vị: Tỷ đồng

Kỳ thanh toán (*)	Lãi suất phát hành dự kiến (**)	Dư nợ đầu kỳ	Lãi phải trả dự kiến	Vốn gốc trả trong kỳ	Gốc + Lãi phải trả dự kiến	Dư nợ cuối kỳ
1	8,375%	5.000	418,75	-	418,75	5.000
2	8,375%	5.000	418,75	-	418,75	5.000

3	8,375%	5.000	418,75	-	418,75	5.000
4	8,375%	5.000	418,75	-	418,75	5.000
5	8,375%	5.000	418,75	-	418,75	5.000
6	8,375%	5.000	418,75	-	418,75	5.000
7	8,375%	5.000	418,75	5.000	5.418,75	-
TỔNG			2.931,25	5.000	7.931,25	

(*) Kỳ thanh toán tròn năm kể từ ngày phát hành Trái Phiếu;

(**): Lãi suất phát hành được giữ nguyên trong quá trình lưu hành Trái Phiếu, tham chiếu lãi suất của Các Ngân Hàng Tham Chiếu, bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ngày 18/09/2023 + biên độ 2,8%/năm

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

TỔ CHỨC TƯ VẤN, ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 1 - 5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84 24) 38 181 888

Fax: (84 24) 38 181 688

Website: www.shs.com.vn

Ý kiến của Tổ Chức Tư Vấn

Trên cơ sở những thông tin về đợt chào bán và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành đã được HĐQT HDBank thông qua tại Nghị quyết số 319/2023/NQ-HĐQT ngày 04/08/2023 và Nghị quyết số 400/2023/NQ-HĐQT ngày 25/09/2023, và những nhận định về tình hình thị trường kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng, với tư cách là Tổ Chức Tư Vấn cho đợt chào bán Trái Phiếu, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội nhận định kế hoạch chào bán Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành là hợp lý và mang tính khả thi, trừ trường hợp có những biến động bất thường và nằm ngoài tầm kiểm soát của Tổ Chức Phát Hành làm ảnh hưởng đến đợt chào bán.

Tổ Chức Tư Vấn cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét của Tổ Chức Tư Vấn được đưa ra với góc độ của một tổ chức tư vấn, dựa trên kinh nghiệm thực tế cũng như các thông tin Tổ Chức Tư Vấn đã thu thập và đánh giá một cách khách quan trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính, kinh tế và chứng khoán nói chung. Những nhận xét đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn không hàm ý đảm bảo giá trị của các Trái Phiếu và chỉ mang tính chất tham khảo.

ĐẠI LÝ ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ TRÁI PHIẾU TRƯỚC NIÊM YẾT

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD

Địa chỉ: Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q.1, TP. HCM

Điện thoại: (028) 6283 6888

Fax: (84 24) 6283 8666

Website: www.hdbs.vn

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Công ty TNHH PwC Việt Nam – Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 và soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2023

Địa chỉ: Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 28) 3823 0796

Website: www.pwc.com/vn

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam – Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Địa chỉ: Tầng 20, Số 2 Hải Triều, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 28) 3824 5252

Fax: (84 24) 3824 5250

Website: www.ey.com

Ý KIẾN CỦA CÁC CHUYÊN GIA VỀ ĐỢT CHÀO BÁN: Không Có

X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG TỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2023

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CHỦ TỊCH HĐQT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Kim Byoung-ho



Phạm Quốc Thanh

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Phạm Văn Đầu

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Đức Tiến

XII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. **Phụ lục II:** Nghị quyết số 319/2023/NQ-HĐQT ngày 04/08/2023 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh về việc thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ chào bán, phát hành Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023;
3. **Phụ lục III:** Nghị quyết số 400/2023/NQ-HĐQT ngày 25/09/2023 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh về việc thông qua Phương án trả nợ vốn chi tiết và Hồ sơ đăng ký chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023;
4. **Phụ lục IV:** Điều lệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;
5. **Phụ lục V:** Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán; Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã soát xét của HDBank; và Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất quý III năm 2023;
6. **Phụ lục VI:** Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với Nhà Đầu Tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư và các điều kiện khác.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 09 năm 2024

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 05/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/01/2024 và Văn bản số 4153/UBCK-QLCB ngày 03/07/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo triển khai thực hiện chào bán Trái phiếu ra công chúng Đợt 2 của HDB)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên Tổ Chức Phát Hành:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ trụ sở chính:** Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại:** (028) 62 915 916 **Fax:** (028) 62 915 900

Website: www.hdbank.com.vn

- Vốn điều lệ:** 29.076.321.320.000 VND (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023).

Tính đến ngày 29/03/2024, HDBank đã được UBCKNN thông báo nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của HDB tại văn bản số 1951/UBCK-QLCB. Hiện tại, HDBank đang thực hiện các thủ tục liên quan tại NHNN để thực hiện đăng ký thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động đồng thời cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo mức vốn điều lệ 29.276.321.320.000 đồng.

- Mã cổ phiếu:** HDB

- Nơi mở tài khoản thanh toán:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Sở Giao dịch

Số hiệu tài khoản: 119849 (Mã Citad: 79321001)

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:** Số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023.

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Hoạt động ngân hàng thương mại, hoạt động ngân hàng bán lẻ.
Mã ngành: 64
- Sản phẩm/dịch vụ chính:
 - Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm các hoạt động chính như huy động vốn, tín dụng, dịch vụ kinh doanh ngoại tệ và thanh toán, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;

- Hoạt động ngân hàng bán lẻ: tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng các nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thẻ.

8. Giấy phép thành lập và hoạt động: Giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP cấp ngày 06/06/1992 của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam và được cấp đổi bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN ngày 12/02/2020.

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

Phương án phát hành Trái phiếu HDBank phát hành ra công chứng năm 2023 theo phương thức phân phối: (i) bán trực tiếp cho các Nhà đầu tư tại Trụ sở chính/Chi nhánh/Phòng Giao dịch của Tổ Chức Phát Hành; và (ii) phân phối thông qua Đại lý phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đã được Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo Nghị quyết số 319/2023/NQ-HĐQT ngày 04/08/2023, Nghị quyết số 400/2023/NQ-HĐQT ngày 25/09/2023 và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chứng số 05/GCN-UBCK ngày 10/01/2024 và Văn bản số 4153/UBCK-QLCB ngày 03/07/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo triển khai thực hiện chào bán Trái phiếu ra công chứng Đợt 2 của HDB. Theo đó, thông tin trái phiếu chào bán được phê duyệt như sau:

- 1. Tên Trái Phiếu:** Trái phiếu HDBank phát hành ra công chứng năm 2023 ("Trái Phiếu").
- 2. Loại Trái Phiếu:** Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành.
- 3. Mệnh giá Trái Phiếu:** 100.000 VND/Trái Phiếu (Một trăm nghìn đồng một Trái Phiếu).
- 4. Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán:** 50.000.000 (năm mươi triệu) Trái Phiếu. Cụ thể:
Đợt 1: trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực
 - **Trái Phiếu HDBC7Y202301:** 30.000.000 (ba mươi triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 07 (bảy) năm*Đợt 2 - Quý II/2024 – Quý III/2024:*
 - **Trái Phiếu HDBC7Y202302:** 10.000.000 (mười triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 07 (bảy) năm*Đợt 3 - Quý II/2024 - Quý IV/2024:*
 - **Trái Phiếu HDBC7Y202303:** 10.000.000 (mười triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 07 (bảy) năm*Sau khi hoàn tất từng đợt, HDBank phải báo cáo UBCKNN kết quả chào bán từng đợt, đồng thời bổ sung các tài liệu có liên quan đến Đợt tiếp theo theo quy định. Thời gian chào bán dự kiến từng Đợt không được kéo dài quá 90 ngày.*

5. Lãi suất Trái Phiếu

Lãi suất của Các Trái Phiếu là lãi suất thả nổi, dự kiến như sau:

Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,8%/năm (hai phẩy tám phần trăm một năm)

Trong đó:

“**Lãi Suất Tham Chiếu**” đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của Các Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Để làm rõ, trong trường hợp website thể hiện nhiều địa điểm/khu vực, ưu tiên lấy lãi suất tại địa bàn nơi các Ngân Hàng Tham Chiếu đó đặt hội sở chính.

“**Ngân Hàng Tham Chiếu**” bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (gọi riêng là “**Ngân Hàng Tham Chiếu**” và gọi chung là “**Các Ngân Hàng Tham Chiếu**”).

“**Ngày Xác Định Lãi Suất**” đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu của mỗi Đợt. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.

6. Kế hoạch sử dụng vốn

- Đợt 1: Quý I/2024
- Đợt 2: Quý II/2024 – Quý III/2024
- Đợt 3: Quý III/2024 – Quý IV/2024

Số tiền và thời gian giải ngân thực tế đối với từng ngành nghề kinh doanh phụ thuộc vào khối lượng Trái Phiếu phát hành thành công, thực tế hoạt động và tiến độ cho vay nền kinh tế của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

III. KẾT QUẢ CÁC ĐỢT CHÀO BÁN TRƯỚC

1. Kết quả chào bán Đợt 1

- Số lượng Trái Phiếu đã phát hành: 30.000.000 Trái Phiếu, trong đó:

Đơn vị tính: Trái Phiếu

STT	Mã Trái Phiếu chào bán	Số lượng Trái Phiếu chào bán	Số lượng Trái Phiếu đã phát hành	Số lượng Trái Phiếu chưa chào bán hết
1	Trái Phiếu HDBC7Y202301	30.000.000	30.000.000	0
Tổng cộng		30.000.000	30.000.000	0

- Ngày kết thúc đợt chào bán: 27/03/2024

2. Kết quả chào bán Đợt 2

- Số lượng Trái Phiếu đã phát hành: 10.000.000 Trái Phiếu, trong đó:

Đơn vị tính: Trái Phiếu

STT	Mã Trái Phiếu chào bán	Số lượng Trái Phiếu chào bán	Số lượng Trái Phiếu đã phát hành	Số lượng Trái Phiếu chưa chào bán hết
1	Trái Phiếu HDBC7Y202302	10.000.000	10.000.000	0
Tổng cộng		10.000.000	10.000.000	0

- Ngày kết thúc đợt chào bán: 07/08/2024

IV. NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI TRONG BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH PHÁT HÀNH RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023 NGÀY 28/12/2023 THEO GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG SỐ 05/GCN-UBCK NGÀY 10/01/2024 VÀ BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH NGÀY 11/06/2024 (“Bản Cáo Bạch”)

A. THÔNG TIN VỀ TÀI CHÍNH:

1. Cập nhật Thông tin về chứng khoán đang lưu hành tại Bản Cáo Bạch

1.1 Cổ phiếu phổ thông

Bảng 1: Cơ cấu sở hữu cổ phiếu phổ thông của HDBank tại ngày 31/07/2024

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ phiếu quỹ	1	15.081.522	0,52
2	Trong nước	18.953	2.380.817.235	81,32
a	Cá nhân trong nước	18.825	1.101.820.064	37,63
b	Tổ chức trong nước	128	1.278.997.171	43,69
3	Nước ngoài	696	531.733.375	18,16
a	Cá nhân nước ngoài	577	5.454.865	0,19
b	Tổ chức nước ngoài	119	526.278.510	17,98
	<u>Trong đó:</u>	3	231.793	0,008

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023

	<i>Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</i>			
	Tổng cộng	19.650	2.927.632.132	100,00

Nguồn: Danh sách cổ đông của HDBank do VSDC cung cấp tại ngày 31/07/2024

1.2 Các loại chứng khoán khác

- Trái phiếu phát hành ra công chúng

- Khối lượng trái phiếu phát hành ra công chúng đang lưu hành: 4.000.000.000.000 VND
- Đặc điểm: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành.

- Trái phiếu phát hành riêng lẻ

- Khối lượng trái phiếu phát hành riêng lẻ đang lưu hành tại thời điểm 15/08/2024: 37.688.063.000.000 VND
- Đặc điểm:
 - 14.400.000.000.000 VND là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành.
 - 15.202.063.000.000 VND là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành.
 - 8.086.000.000.000 VND là trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền.

Bảng 2: Bảng chi tiết các loại trái phiếu đang lưu hành tại thời điểm 15/08/2024

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
I	Năm 2019				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDB1924_01	5.000.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	HDB1924_02	12.400.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG NĂM 2023

					Tổ Chức Phát Hành
3	HDB1926_03	1.000.000.000	Cổ định	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	HDB1924_04	10.000.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
5	HDB1924_05	663.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
6	HDB1924_06	1.500.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
7	HDB1924_07	1.500.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
II Năm 2020					
Trái phiếu riêng lẻ					
1	Certificate No.1(*)	746.400.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
2	Certificate No.2(*)	1.617.200.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG NĂM 2023

3	Certificate No.3(*)	1.617.200.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
4	HDB2025	1.500.000.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
III Năm 2021					
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBL2125005	300.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	HDBH2126008	1.000.000.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	HDBL2125010	400.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	HDBL2125015	600.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
5	HDBL2125017	600.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG NĂM 2023

					không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
6	HDBL2125020	1.000.000.000.000	Cổ định	4	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
7	HDBL2129009	120.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
8	HDBD2126019(*)	4.105.200.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
IV Năm 2022					
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBH2227007	1.000.000.000.000	Cổ định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	HDBL2230001	180.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	HDBL2232004	100.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG NĂM 2023

4	HDBL2232005	26.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
5	HDBL2232009	34.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
6	HDBL2229013	10.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
V	Năm 2023				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBL2330001	2.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
2	HDBL2330002	500.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
3	HDBL2330003	500.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023

4	HDBL2331004	1.500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
5	HDBL2331005	2.322.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
6	HDBL2331006	848.600.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
7	HDBL2331007	2.534.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
8	HDBL2331008	375.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
9	HDBL2331009	420.400.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG NĂM 2023

VI		Năm 2024			
Trái phiếu ra công chúng					
1	HDBC7Y202301	3.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
2	HDBC7Y202302	1.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBL2427001	2.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	HDBL2427007	1.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	HDBL2427010	3.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	HDBL2426011	2.000.000.000.000	Cố định	2	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG NĂM 2023

5	HDBL2431002	300.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
6	HDBL2431003	1.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
7	HDBL2432004	200.000.000.000	Cổ định	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
8	HDBL2432005	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
9	HDBL2432006	500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
10	HDBL2432008	500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023

11	HDBL2431009	200.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
Tổng (=I+II+III+IV+V+VI)		41.688.063.000.000			

(*): Trái phiếu phát hành riêng lẻ ra thị trường quốc tế, bằng đồng USD được quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm 15/08/2024: USD/VND = 24.880
 Nguồn: HDBank

2. Cập nhật Đặc điểm hoạt động kinh doanh tại Bản Cáo Bạch

2.1 Hoạt động kinh doanh theo sản phẩm dịch vụ

a) Cơ cấu doanh thu

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu của HDBank giai đoạn 2022 đến hết Quý II năm 2024 (Công ty Mẹ)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ Đồng)			Tỷ trọng (%)		
		2022	2023	6T/ 2024	2022	2023	6T/ 2024
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	28.274	47.041	25.638	85,11%	87,77%	90,24%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.546	1.988	933	7,66%	3,71%	3,28%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.211	2.375	1.475	3,65%	4,43%	5,19%
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	116	194	117	0,35%	0,36%	0,41%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	484	1.425	168	1,46%	2,66%	0,59%
6	Thu nhập từ hoạt động khác	233	187	79	0,70%	0,35%	0,28%
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	357	384	-	1,07%	0,72%	0,00%
	Tổng cộng thu nhập hoạt động	33.220	53.594	28.410	100,00%	100,00%	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu của HDBank giai đoạn 2022 đến hết Quý II năm 2024 (Hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ Đồng)			Tỷ trọng (%)		
		2022	2023	6T/ 2024	2022	2023	6T/ 2024
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	33.323	52.641	28.624	85,40%	87,72%	89,38%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.308	2.830	1.388	8,48%	4,72%	4,33%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.195	2.372	1.481	3,06%	3,95%	4,62%
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	116	194	117	0,30%	0,32%	0,37%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	484	1.425	168	1,24%	2,37%	0,52%
6	Thu nhập từ hoạt động khác	588	542	248	1,51%	0,90%	0,77%
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	7	9	-	0,02%	0,01%	0,00%
	Tổng cộng thu nhập hoạt động	39.022	60.013	32.026	100,00%	100,00%	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

b) Cơ cấu thu nhập thuần

Bảng 5: Cơ cấu thu nhập thuần của HDBank giai đoạn 2022 đến hết Quý II/2024 (Công ty mẹ)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ Đồng)			Tỷ trọng (%)		
		2022	2023	6T/ 2024	2022	2023	6T/ 2024
1	Thu nhập lãi thuần	13.381	17.305	12.242	80,37%	82,96%	95,78%
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.196	1.348	128	13,19%	6,46%	1,00%
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	205	704	481	1,23%	3,38%	3,76%
4	Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	17	42	-79	0,10%	0,20%	-0,62%
5	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	313	1.167	15	1,88%	5,59%	0,12%
6	Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động khác	181	-89	-6	1,09%	-0,43%	-0,05%
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	357	384	-	2,14%	1,84%	-
	Tổng cộng thu nhập thuần	16.650	20.861	12.781	100,00%	100,00%	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

Bảng 6: Cơ cấu thu nhập thuần của HDBank giai đoạn 2022 đến hết Quý II/2024 (Hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ Đồng)			Tỷ trọng (%)		
		2022	2023	6T/2024	2022	2023	6T/2024
1	Thu nhập lãi thuần	18.012	22.184	14.880	81,99%	83,98%	92,74%
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.957	2.188	581	13,46%	8,28%	3,62%
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	134	565	485	0,61%	2,14%	3,02%
4	Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	17	42	-79	0,08%	0,16%	-0,49%
5	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	313	1.167	15	1,43%	4,42%	0,09%
6	Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động khác	528	259	162	2,40%	0,98%	1,01%
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	7	9	-	0,03%	0,04%	-
	Tổng cộng thu nhập thuần	21.968	26.414	16.044	100,00%	100,00%	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

2.2 Hoạt động huy động vốn

Về tỷ trọng nguồn vốn huy động, tiền gửi của khách hàng có tỷ trọng lớn nhất, chiếm trên 66% tổng nguồn vốn huy động của HDBank trong giai đoạn 2022 - 2023 và chiếm 70,30% tại thời điểm 30/06/2024 (theo số liệu hợp nhất).

Bảng 7: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Công ty Mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	30/06/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Loại hình							
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	10.821	3,04%	27	0,01%	-99,75%	21	0,00%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	88.490	24,87%	109.464	20,83%	23,70%	117.421	21,64%
Tiền gửi của khách hàng	215.797	60,65%	370.778	70,56%	71,82%	386.573	71,23%
Phát hành Giấy tờ có giá	40.674	11,43%	45.187	8,60%	11,10%	38.702	7,13%
Tổng cộng	355.782	100,00%	525.456	100,00%	47,69%	542.717	100,00%

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÀN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	30/06/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
II. Thị trường							
Trong nước	332.652	93,50%	490.302	93,31%	47,39%	519.848	95,79%
Ngoài nước	23.130	6,50%	35.154	6,69%	51,98%	22.869	4,21%
Tổng cộng	355.782	100,00%	525.456	100,00%	47,69%	542.717	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

Bảng 8: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	30/06/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Loại hình							
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	10.821	2,98%	27	0,00%	-99,75%	21	0,00%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	92.653	25,49%	112.087	21,00%	20,98%	118.687	21,58%
Tiền gửi của khách hàng	215.797	59,38%	370.778	69,46%	71,82%	386.573	70,30%
Phát hành Giấy tờ có giá	44.162	12,15%	50.938	9,54%	15,34%	44.593	8,11%
Tổng cộng	363.433	100,00%	533.830	100,00%	46,89%	549.874	100,00%
II. Thị trường							
Trong nước	338.664	93,18%	497.559	93,21%	46,92%	525.817	95,62%
Ngoài nước	24.769	6,82%	36.271	6,79%	46,44%	24.057	4,38%
Tổng cộng	363.433	100,00%	533.830	100,00%	46,89%	549.874	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

Về cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo kỳ hạn, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi có kỳ hạn đóng góp trên 89% tổng nguồn tiền gửi của khách hàng giai đoạn 2022-2023 và đạt 90,16% (bao gồm cả tiền gửi tiết kiệm) tại kết thúc Quý 2/2024, giúp gia tăng tính ổn định của nguồn vốn.

Về cơ cấu theo khách hàng, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi của Khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng (chiếm 73,38% tại thời điểm 31/12/2023 và chiếm 75,38% tại thời điểm 30/06/2024).

Bảng 9: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Công ty Mẹ)

STT	Khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024
	Tổng tiền gửi của khách hàng (tỷ Đồng)	215.797	370.778	386.573
1	Phân theo khách hàng (%)	100,00%	100,00%	100,00%
-	Cá nhân	67,32%	73,38%	75,38%
-	Tổ chức	32,68%	26,62%	24,62%
2	Phân theo kỳ hạn (%)	100,00%	100,00%	100,00%
-	Tiền gửi không kỳ hạn	10,30%	10,85%	9,65%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	25,21%	18,96%	18,17%
-	Tiền gửi tiết kiệm	64,18%	69,95%	71,99%
-	Tiền gửi ký quỹ	0,26%	0,21%	0,17%
-	Tiền gửi vốn chuyên dùng	0,05%	0,03%	0,02%
3	Phân theo loại tiền (%)	100,00%	100,00%	100,00%
-	VND	98,82%	99,32%	99,09%
-	Ngoại tệ	1,18%	0,68%	0,91%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

Bảng 10: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Hợp nhất)

STT	Khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024
	Tổng tiền gửi của khách hàng (tỷ Đồng)	215.797	370.778	386.573
1	Phân theo khách hàng (%)	100,00%	100,00%	100,00%
-	Cá nhân	67,32%	73,38%	75,38%
-	Tổ chức	32,68%	26,62%	24,62%
2	Phân theo kỳ hạn (%)	100,00%	100,00%	100,00%
-	Tiền gửi không kỳ hạn	10,30%	10,85%	9,65%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	25,21%	18,96%	18,17%
-	Tiền gửi tiết kiệm	64,18%	69,95%	71,99%
-	Tiền gửi ký quỹ	0,26%	0,21%	0,17%
-	Tiền gửi vốn chuyên dùng	0,05%	0,03%	0,02%
3	Phân theo loại tiền (%)	100,00%	100,00%	100,00%
-	VND	98,82%	99,32%	99,09%
-	Ngoại tệ	1,18%	0,68%	0,91%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

Về cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ, tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng của HDBank. Tại thời điểm 30/06/2024, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi nội tệ đạt 383.068 tỷ VND, tăng 4,02% so với cuối năm 2023 trong khi tiền gửi ngoại tệ đạt 3.505 tỷ VND, tăng 38,81% so với cuối năm 2023.

Bảng 11: Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/giảm	30/06/2024
VND	213.251	368.253	72,69%	383.068
Ngoại tệ	2.546	2.525	-0,82%	3.505
Tổng	215.797	370.778	71,82%	386.573

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

Bảng 12: Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/giảm	30/06/2024
VND	213.251	368.253	72,69%	383.068
Ngoại tệ	2.546	2.525	-0,82%	3.505
Tổng	215.797	370.778	71,82%	386.573

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

Về huy động từ phát hành Giấy tờ có giá:

Theo số liệu hợp nhất trong 6 tháng đầu năm 2024, HDBank đã phát hành thành công 12.102 tỷ VND Trái phiếu và Chứng chỉ tiền gửi, nâng tổng số dư Giấy tờ có giá phát hành tại thời điểm 30/06/2024 lên gần 44.593 tỷ VND. Trong đó, Ngân hàng đã phát hành thành công 3.000 tỷ VND trái phiếu ra công chúng, tiếp tục khẳng định uy tín của Ngân hàng trong việc phát hành trái phiếu trên thị trường.

2.3 Hoạt động tín dụng

a) Quy mô, cơ cấu và tốc độ tăng trưởng tín dụng

Tại thời điểm 30/06/2024, tổng dư nợ cho vay khách hàng theo số liệu BCTC hợp nhất tăng 12,46% so với cuối năm 2023, lên mức 386.187 tỷ VND.

Bảng 13: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/giảm	30/06/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nợ ngắn hạn	165.508	67,00%	176.985	54,07%	6,93%	191.154	51,77%
2	Nợ trung hạn	16.194	6,56%	83.651	25,56%	416,56%	111.644	30,24%

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG NĂM 2023

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/giảm	30/06/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
3	Nợ dài hạn	65.316	26,44%	66.682	20,37%	2,09%	66.450	18,00%
	Tổng cộng	247.018	100,00%	327.318	100,00%	32,51%	369.248	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

Bảng 14: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/giảm	30/06/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nợ ngắn hạn	172.747	65,47%	183.332	53,39%	6,13%	198.440	51,38%
2	Nợ trung hạn	25.793	9,78%	93.390	27,20%	262,07%	121.297	31,41%
3	Nợ dài hạn	65.316	24,75%	66.682	19,42%	2,09%	66.450	17,21%
	Tổng cộng	263.856	100,00%	343.404	100,00%	30,15%	386.187	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

Về cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng theo ngành nghề kinh tế, tại ngày 30/06/2024 theo số liệu hợp nhất, ba ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng dư nợ cho vay khách hàng bao gồm: (i) Hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình (tương đương 26,87%); (ii) Hoạt động kinh doanh bất động sản (tương đương 15,71%); và (iii) Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác (tương đương 15,24%).

Bảng 15: Dư nợ cho vay khách hàng theo lĩnh vực kinh doanh (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/06/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	78.591	31,82%	93.246	28,49%	86.812	23,51%
2	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	26.017	10,53%	14.278	4,36%	14.371	3,89%
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	29.121	11,79%	11.590	3,54%	13.913	3,77%

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG NĂM 2023

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/06/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
4	Hoạt động kinh doanh bất động sản	20.970	8,49%	58.249	17,80%	60.654	16,43%
5	Xây dựng	16.843	6,82%	24.449	7,47%	35.086	9,50%
6	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	15.444	6,25%	9.995	3,05%	10.046	2,72%
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác	12.185	4,93%	46.004	14,05%	58.856	15,94%
8	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	5.102	2,07%	3.980	1,22%	9.079	2,46%
9	Vận tải, kho bãi	4.321	1,75%	5.394	1,65%	6.684	1,81%
10	Hoạt động tài chính và bảo hiểm	3.245	1,31%	13.039	3,98%	18.261	4,95%
11	Khác	35.179	14,24%	47.094	14,39%	55.486	15,03%
Tổng cộng		247.018	100,00%	327.318	100,00%	369.248	100,00%

Nguồn: BCTC riêng 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

Bảng 16: Dư nợ cho vay khách hàng theo lĩnh vực kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/06/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	95.430	36,17%	109.333	31,84%	103.751	26,87%
2	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	26.016	9,86%	14.278	4,16%	14.371	3,72%
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	29.121	11,04%	11.590	3,38%	13.913	3,60%
4	Hoạt động kinh doanh bất động sản	20.970	7,95%	58.249	16,96%	60.654	15,71%
5	Xây dựng	16.843	6,38%	24.449	7,12%	35.086	9,09%

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/06/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
6	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	15.444	5,85%	9.995	2,91%	10.046	2,60%
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác	12.185	4,62%	46.004	13,40%	58.856	15,24%
8	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	5.102	1,93%	3.980	1,16%	9.079	2,35%
9	Vận tải, kho bãi	4.321	1,64%	5.394	1,57%	6.684	1,73%
10	Hoạt động tài chính và bảo hiểm	3.245	1,23%	13.039	3,80%	18.261	4,73%
11	Khác	35.179	13,33%	47.094	13,71%	55.486	14,37%
Tổng cộng		263.856	100,00%	343.404	100,00%	386.187	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

b) Hoạt động bảo lãnh

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng của HDBank. Tại thời điểm 31/12/2023, số dư bảo lãnh của HDBank đạt 19.177 tỷ VND, tăng 110,6% so với cuối năm 2022 và đạt 21.853 tỷ VND tại thời điểm 30/06/2024.

c) Chất lượng nợ cho vay

HDBank chú trọng công tác kiểm soát chất lượng nợ cho vay. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng tăng trưởng bền vững của HDBank. Tính đến ngày 30/06/2024, tỷ lệ nợ xấu của HDBank theo số liệu hợp nhất vẫn được duy trì ở mức an toàn, bằng 2,10% tổng dư nợ cho vay khách hàng (tại thời điểm cuối năm 2023 là 1,79%).

Bảng 17: Phân loại nợ cho vay khách hàng theo chất lượng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	30/06/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	238.071	96,38%	305.849	93,44%	28,47%	346.556	93,85%
Nợ cần chú ý	5.739	2,32%	16.533	5,05%	188,09%	15.856	4,29%

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	30/06/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.154	0,47%	1.743	0,53%	51,04%	3.086	0,84%
Nợ nghi ngờ	978	0,40%	1.576	0,48%	61,20%	1.663	0,45%
Nợ có khả năng mất vốn	1.076	0,44%	1.617	0,50%	50,32%	2.087	0,57%
Tổng cộng	247.018	100,00%	327.318	100,00%	32,51%	369.248	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

Bảng 18: Phân loại nợ cho vay khách hàng theo chất lượng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	30/06/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn (*)	252.065	95,53%	319.239	92,96%	26,65%	360.705	93,40%
Nợ cần chú ý (*)	7.387	2,80%	18.005	5,24%	143,74%	17.375	4,50%
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.848	0,70%	2.610	0,76%	41,23%	3.923	1,02%
Nợ nghi ngờ	1.415	0,54%	1.908	0,56%	34,84%	2.051	0,53%
Nợ có khả năng mất vốn	1.141	0,43%	1.642	0,48%	43,91%	2.134	0,55%
Tổng cộng	263.856	100,00%	343.404	100,00%	30,15%	386.187	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

(*) Tại ngày 30/06/2024, bao gồm trong số dư nợ đủ tiêu chuẩn và nợ cần chú ý là 2.221.374 triệu đồng (tại 31/12/2023 là 1.806.396 triệu đồng) tổng số dư nợ vay của khách hàng thuộc đối tượng áp dụng Thông tư 02/2023/TT-NHNN và Thông tư 06/2024/TT-NHNN; trong đó có 2.156.441 triệu đồng (tại 31/12/2023 là 1.676.240 triệu đồng) là số dư nợ thuộc các khoản giải ngân đã được cơ cấu lại theo thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn trả nợ vay phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng, được thực hiện theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN và Thông tư 06/2024/TT-NHNN. Tại ngày 30/06/2024, Ngân hàng và công ty con đã ghi nhận ngoại bảng số tiền 191.272 triệu đồng lãi dự thu của các khoản cho vay này (tại ngày 31/12/2023 là 46.627 triệu đồng).

Bảng 19: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2022	682	1.844	2.526
31/12/2023	1.091	2.443	3.534
30/06/2024	1.431	2.754	4.185

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

Bảng 20: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2022	1.131	1.971	3.102
31/12/2023	1.491	2.563	4.054
30/06/2024	1.887	2.880	4.767

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

d) Tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hợp nhất (CAR) của HDBank tại thời điểm 30/06/2024 là 13,94%, đáp ứng các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Bảng 21: Tỷ lệ an toàn vốn (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024
Vốn tự có	42.436	57.895	68.081
Vốn cấp 1	35.995	43.630	49.580
Vốn cấp 2	7.702	15.525	20.405
Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	1.261	1.261	1.904
Tổng tài sản "Có" rủi ro	331.524	474.193	508.060
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	12,80%	12,21%	13,40%

Nguồn: HDBank, tỷ lệ tính theo Thông tư 41

Bảng 22: Tỷ lệ an toàn vốn (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024
Vốn tự có	46.666	61.900	73.187
Vốn cấp 1	36.822	44.347	50.509

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024
Vốn cấp 2	9.844	17.553	22.678
Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	-	-	-
Tổng tài sản "Có" rủi ro	347.753	492.262	524.867
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	13,42%	12,57%	13,94%

Nguồn: HDBank, tỷ lệ tính theo Thông tư 41

2.4 Hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán

a) Hoạt động kinh doanh ngoại hối

Tại thời điểm 30/06/2024, thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối đạt lần lượt 1.481 tỷ VND và 485 tỷ VND.

Bảng 23: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/giảm	30/06/2024
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.211	2.375	96,12%	1.475
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.006	1.671	66,10%	994
Lãi thuần kinh doanh ngoại hối	205	704	243,41%	481

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

Bảng 24: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/giảm	30/06/2024
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.195	2.372	98,49%	1.481
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.061	1.807	70,31%	996
Lãi thuần kinh doanh ngoại hối	134	565	321,64%	485

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

b) Hoạt động thanh toán

Trong 6 tháng đầu năm 2024, số lượng giao dịch thanh toán trong nước của HDBank đạt 59.744.642 giao dịch, tăng 132,14% và doanh số thanh toán trong nước đạt 5.664.356 tỷ VND, tăng 16,59% so với cùng kỳ năm 2023.

2.5 Hoạt động kinh doanh khác

Kết thúc Quý II/2024 theo số liệu hợp nhất, tổng giá trị đầu tư chứng khoán đạt 69.489 tỷ đồng,

trong đó hoạt động đầu tư và kinh doanh trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành đạt 20.626 tỷ đồng, hoạt động đầu tư và kinh doanh trái phiếu Chính phủ đạt 35.504 tỷ đồng, chiếm lần lượt 29,34% và 50,51% tổng danh mục đầu tư.

Bảng 25: Hoạt động đầu tư tài chính (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng, %

Chi tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/06/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tổng đầu tư chứng khoán	50.617	97,35%	62.757	97,85%	69.489	97,17%
Trái phiếu Chính phủ (*)	26.979	51,89%	17.326	27,01%	35.504	49,65%
Trái phiếu và CCTG do các TCTD khác trong nước phát hành	18.323	35,24%	35.110	54,74%	20.626	28,84%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	4.301	8,27%	10.036	15,65%	13.074	18,28%
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	1.014	1,95%	285	0,45%	285	0,40%
Góp vốn đầu tư dài hạn khác	1.379	2,65%	1.379	2,15%	2.022	2,83%
Tổng cộng	51.996	100,00%	64.136	100,00%	71.511	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

(*) Trái phiếu Chính Phủ bao gồm: (i) Trái phiếu Chính Phủ; và/hoặc (ii) Trái phiếu do Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành được Chính phủ bảo lãnh; và/hoặc (iii) tín phiếu do NHNN phát hành.

Bảng 26: Hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng, %

Chi tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/06/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tổng đầu tư chứng khoán	50.617	99,68%	62.757	99,74%	69.489	98,85%
Trái phiếu Chính phủ (*)	26.979	53,13%	17.326	27,54%	35.504	50,51%
Trái phiếu và CCTG do các TCTD khác trong nước phát hành	18.323	36,08%	35.110	55,80%	20.626	29,34%

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/06/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	4.301	8,47%	10.036	15,95%	13.074	18,60%
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	1.014	2,00%	285	0,45%	285	0,41%
Góp vốn đầu tư dài hạn khác	164	0,32%	164	0,26%	807	1,15%
Tổng cộng	50.781	100,00%	62.921	100,00%	70.296	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

(*) Trái phiếu Chính Phủ bao gồm: (i) Trái phiếu Chính Phủ; và/hoặc (ii) Trái phiếu do Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành được Chính phủ bảo lãnh; và/hoặc (iii) tín phiếu do NHNN phát hành

3. Cập nhật Tài sản tại Bản Cáo Bạch

Bảng 27: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2023			30/06/2024		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	511	158	353	542	169	373
Máy móc thiết bị	366	208	158	394	207	187
Phương tiện vận tải	427	281	146	448	303	145
Thiết bị, dụng cụ quản lý	277	255	22	302	262	40
TSCĐ hữu hình khác	21	13	7	24	14	10
Tổng cộng	1.602	916	686	1.710	955	755

Nguồn: HDBank

Bảng 28: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2023			30/06/2024		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	512	159	353	542	169	373
Máy móc thiết bị	366	208	158	394	207	187
Phương tiện vận tải	427	281	146	448	303	145

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023

Thiết bị, dụng cụ quản lý	378	329	49	409	339	70
TSCD hữu hình khác	21	13	7	24	14	10
Tổng cộng	1.703	990	713	1.817	1.032	785

Nguồn: HDBank

Bảng 29: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2023			30/06/2024		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất có thời hạn	110	14	95	110	15	95
Quyền sử dụng đất không thời hạn	531	0	531	588	0	588
Phần mềm máy vi tính	383	308	76	393	325	68
TSCD vô hình khác	1	0,35	0,65	1	0,35	0,65
Tổng cộng	1.025	322	703	1.092	341	752

Nguồn: HDBank

Bảng 30: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2023			30/06/2024		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất có thời hạn	110	14	95	110	15	95
Quyền sử dụng đất không thời hạn	531	0	531	588	0	588
Phần mềm máy vi tính	427	347	80	437	365	72
TSCD vô hình khác	8	5	3	8	6	2
Tổng cộng	1.076	367	710	1.143	386	757

Nguồn: HDBank

4. Cập nhật Thị trường hoạt động tại Bản Cáo Bạch

4.1 Mạng lưới chi nhánh

Tại ngày 30/06/2024, theo số liệu hợp nhất, Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 02 Văn phòng đại diện (Miền Bắc và Myanmar), 82 Chi nhánh, 277 Phòng Giao dịch trên cả nước. Số lượng nhân viên Ngân hàng và công ty con là 17.772 nhân viên (tại ngày 31/12/2023 là 17.345 nhân viên).

5. Cập nhật chính sách chi trả cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 07/2024/NQ-DHDCD ngày 26/04/2024 đã được phê duyệt. Cổ tức năm 2023 sẽ được chi trả (i) 10% bằng tiền mặt và 20% bằng cổ phiếu.

Về chi trả cổ tức bằng tiền mặt, ngày 26/07/2024, HDBank đã thực hiện thanh toán cổ tức 10% bằng tiền mặt cho các cổ đông có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức là ngày 15/07/2024.

Về chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, HDBank dự kiến sẽ thực hiện trong Quý 3/2024, sau khi có chấp thuận của cơ quan chức năng.

6. Cập nhật Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành tại Bản Cáo Bạch

6.1 Thông tin về các trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi
 Tính đến thời điểm 15/08/2024, số dư trái phiếu HDBank đang lưu hành mà chưa đến hạn thanh toán là 41.688 tỷ VND, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 4.000 tỷ VND
- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 37.688 tỷ VND

Bảng 33: Thông tin về các trái phiếu đã phát hành

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	Giá trị tỷ VND 31/12/2022*	Giá trị tỷ VND 31/12/2023*	Giá trị tỷ VND 15/08/2024*
Trái phiếu tăng vốn cấp 2	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	0	0	0
	Từ 5 năm trở lên	10.473	19.539	27.288
Trái phiếu thường	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	19.450	9.800	10.900
	Từ 5 năm trở lên	3.500	3.500	3.500
Tổng		33.423	32.839	41.688

(*): Giá trị trái phiếu được tính theo mệnh giá

Nguồn: HDBank

6.2 Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất

Bảng 34: Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất tại thời điểm 30/06/2024

STT	Nội dung	Số tiền (tỷ VND)
1	Chi phí các hợp đồng thuê mặt bằng làm trụ sở làm việc của HDBank (từ 01/01/2024 đến 30/06/2024)	173

2	Bất động sản là tài sản HDBank đang sở hữu đến 30/06/2024	1.217
	Nhà cửa (nguyên giá)	519
	Quyền sử dụng đất (nguyên giá)	698

Nguồn: HDBank

6.3 Các cam kết chưa thực hiện khác

Bảng 35: Thông tin về các cam kết chưa thực hiện tại thời điểm 30/06/2024 (hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ VND)
1	Bảo lãnh vay vốn	809
2	Cam kết giao dịch hối đoái	275.360
	Cam kết mua ngoại tệ	2.679
	Cam kết bán ngoại tệ	4.448
	Cam kết giao dịch hoán đổi	268.233
3	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	3.620
4	Bảo lãnh khác	17.022
5	Các cam kết khác	8.114

Nguồn: BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

7. Cập nhật Kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và dự kiến kế hoạch tại Bản Cáo Bạch

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành giai đoạn 2022-2023 đến hết Quý II năm 2024.

a. Một số chỉ tiêu cơ bản

Bảng 36: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm	6T/2024
Tổng giá trị tài sản	404.276	589.986	45,94%	612.765
Vốn chủ sở hữu	36.122	43.752	21,12%	49.697
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	28.274	47.041	66,38%	25.638
Thu nhập lãi thuần	13.381	17.305	29,33%	12.242
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.196	1.348	-38,62%	128

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG NĂM 2023

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm	6T/2024
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	205	704	243,41%	481
(Lỗ)/Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	17	42	147,06%	-79
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	313	1.167	272,84%	15
Lãi thuần từ hoạt động khác	181	-89	-149,17%	-6
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	357	384	7,56%	-
Chi phí hoạt động	6.476	6.834	5,53%	4.328
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	10.173	14.026	37,87%	8.452
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	698	1.290	84,81%	888
Lợi nhuận trước thuế	9.475	12.736	34,42%	7.564
Lợi nhuận sau thuế	7.649	10.186	33,17%	5.984
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	23,75%	25,50%	7,37%	25,62%
Tỷ lệ trả cổ tức	25,00%	30,00%	20,00%	n/a

Nguồn: HDBank

Bảng 37: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm	6T/2024
Tổng giá trị tài sản	416.273	602.315	44,69%	624.443
Vốn chủ sở hữu	38.995	46.400	18,99%	52.826
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	33.323	52.641	57,97%	28.624
Thu nhập lãi thuần	18.012	22.184	23,16%	14.880
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.957	2.188	-26,01%	581
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	134	565	321,64%	485
(Lỗ)/Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	17	42	147,06%	-79

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023

Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	313	1.167	272,84%	15
Lãi thuần từ hoạt động khác	528	259	-50,95%	162
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	7	9	28,57%	-
Chi phí hoạt động	8.631	9.129	5,77%	5.484
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	13.336	17.284	29,60%	10.561
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	3.068	4.268	39,11%	2.396
Lợi nhuận trước thuế	10.268	13.017	26,77%	8.165
Lợi nhuận sau thuế	8.209	10.336	25,91%	6.465
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	23,53%	24,21%	2,89%	26,06%
Tỷ lệ trả cổ tức	25,00%	30,00%	20,00%	n/a

Nguồn: HDBank

Trong Quý II/2024, tổng thu nhập hoạt động hợp nhất của HDBank đạt 16.044 tỷ đồng, tăng 32,9% so với cùng kỳ năm 2023, lợi nhuận trước thuế đạt 8.165 tỷ đồng, tăng 48,9% so với cùng kỳ năm trước. Với kết quả này, HDBank tiếp tục duy trì vị thế ngân hàng hiệu quả cao nhất ngành, với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt tới 26,1%.

b. Các chỉ tiêu khác

- ✦ **Cơ cấu thu nhập thuần:** cập nhật tại Trang 14-15 của Bản thông tin cập nhật Bản Cáo Bạch này.
- ✦ **Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng**

Bảng 38: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm	6T/2024
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	14.893	29.736	99,66%	13.397
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	52,67%	63,21%		52,25%
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	351	640	82,56%	805
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ	13,77%	32,19%		86,28%
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền	6.476	6.834	5,53%	4.328

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm	6T/2024
	lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)				
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động(*)	38,90%	32,76%		33,86%
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	698	1.290	84,81%	888
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	6,86%	9,20%		10,51%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

(*) Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động = Chi phí hoạt động/Tổng thu nhập hoạt động (thuần)

Bảng 39: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm	6T/2024
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	15.312	30.457	98,91%	13.744
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	45,95%	57,86%		48,02%
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	352	642	82,39%	807
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ	10,64%	22,68%		58,14%
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	8.631	9.129	5,77%	5.484
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động (*)	39,29%	34,56%		34,18%
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	3.068	4.268	39,11%	2.396
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	23,01%	24,69%		22,69%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

(*) Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động = Chi phí hoạt động/Tổng thu nhập hoạt động (thuần)

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023

Trong Quý II/2024, việc ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số để nâng cao hành trình trải nghiệm sản phẩm và dịch vụ, cùng chiến lược đẩy mạnh số hóa tiếp tục giúp Ngân hàng tối ưu quy trình vận hành, nâng cao năng suất, đưa tỷ lệ chi phí trên tổng thu nhập (CIR) giảm từ hơn 34,6% xuống còn 34,18%, chi phí hoạt động được kiểm soát tốt trong hạn mức kế hoạch đề ra.

✦ **Cơ cấu chi phí hoạt động**

Bảng 40: Cơ cấu chi phí hoạt động (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2022		2023		% tăng/giảm	6T/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí nhân viên	4.123	63,67%	3.682	53,88%	-10,70%	2.475	57,19%
Chi về tài sản	797	12,31%	896	13,11%	12,42%	468	10,81%
Chi phí hoa hồng cho đại lý	0	0	0	0	n/a	0	0
Chi phí hội nghị, lễ tân và khánh tiết	316	4,88%	452	6,61%	43,04%	200	4,62%
Chi phí quảng cáo, tiếp thị và khuyến mãi	326	5,03%	591	8,65%	81,29%	331	7,65%
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	162	2,50%	285	4,17%	75,93%	206	4,76%
Chi phí hoạt động khác	752	11,61%	928	13,58%	23,40%	648	14,97%
Tổng chi phí hoạt động	6.476	100,00%	6.834	100,00%	5,53%	4.328	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

Bảng 41: Cơ cấu chi phí hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2022		2023		% tăng/giảm	6T/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí nhân viên	5.429	62,90%	5.130	56,20%	-5,51%	3.263	59,50%
Chi về tài sản	893	10,35%	997	10,92%	11,65%	520	9,48%
Chi phí hoa hồng cho đại lý	527	6,11%	598	6,55%	13,47%	219	3,99%
Chi phí hội nghị, lễ tân và khánh tiết	325	3,77%	466	5,10%	43,38%	207	3,77%

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÀN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023

Chi phí quảng cáo, tiếp thị và khuyến mãi	343	3,97%	603	6,61%	75,80%	335	6,11%
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	162	1,88%	285	3,12%	75,93%	206	3,76%
Chi phí hoạt động khác	952	11,03%	1.050	11,50%	10,29%	734	13,38%
Tổng chi phí hoạt động	8.631	100,00%	9.129	100,00%	5,77%	5.484	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

Kết thúc Quý II năm 2024 theo số liệu hợp nhất, tổng chi phí hoạt động của HDBank tăng 30,66% so với cùng kỳ năm trước, ở mức 5.484 tỷ đồng. Trong đó, chi phí cho nhân viên vẫn là khoản mục có tỷ trọng lớn nhất, chiếm 59,50% trong tổng chi phí hoạt động. Chi về tài sản và Chi phí hoạt động khác lần lượt chiếm tỷ trọng là 9,48% và 13,38%.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán BCTC: Không có.

7.2 Các chỉ tiêu cơ bản

- Tình hình công nợ

Bảng 42: Các khoản phải thu và phải trả khác (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: tỷ Đồng

STT	Các khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024
I	Nợ phải thu	38.938	56.795	60.416
1	Các khoản phải thu	33.239	48.734	51.981
2	Các khoản lãi, phí phải thu	4.093	6.350	6.868
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33	77	65
4	Tài sản có khác	1.620	1.680	1.549
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các Tài sản Có nội bảng khác	-46	-46	-47
II	Nợ phải trả	9.348	17.967	17.496
1	Các khoản lãi, phí phải trả	4.910	10.117	7.491
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	0	0	0
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	4.437	7.850	10.005

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

Bảng 43: Các khoản phải thu và phải trả khác (Hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ Đồng

STT	Các khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024
I	Nợ phải thu	40.128	57.809	61.680
1	Các khoản phải thu	33.407	48.943	52.319

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023

2	Các khoản lãi, phí phải thu	4.404	6.602	7.224
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33	77	65
4	Tài sản có khác	2.332	2.233	2.118
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các Tài sản Có nội bảng khác	-46	-46	-47
II	Nợ phải trả	10.758	19.274	18.887
1	Các khoản lãi, phí phải trả	5.053	10.347	7.661
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	0	0	0
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	5.705	8.927	11.226

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

- Trái phiếu chưa đáo hạn: cập nhật tại Trang 28 của Bản thông tin cập nhật Bản Cáo Bạch này.
- Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 44: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2023	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 30/06/2024
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.769	1.568	-2.527	810
Thuế giá trị gia tăng	64	196	-175	85
Thuế thu nhập cá nhân	20	292	-294	19
Thuế nhà thầu	17	57	-66	8
Khác	0	2	-0,48	1
Tổng	1.870	2.115	-3.062	923

Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

Bảng 45: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2023	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 30/06/2024
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.821	1.688	-2.630	879
Thuế giá trị gia tăng	71	230	-210	91
Thuế thu nhập cá nhân	21	316	-314	23

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023

Thuế nhà thầu	17	57	-66	8
Khác	0	2	-0,48	1
Tổng	1.929	2.293	-3.220	1.002

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank

7.3 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 46: Một số chỉ tiêu hoạt động của Ngân hàng từ năm 2023 đến 30/06/2024 (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2023	30/06/2024
1. Chỉ tiêu về vốn			
Vốn điều lệ	tỷ Đồng	29.076	29.076
Tổng tài sản có	tỷ Đồng	589.986	612.765
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (*)	%	12,21%	13,40%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh			
Huy động khách hàng	tỷ Đồng	370.778	386.573
Dư nợ cho vay khách hàng	tỷ Đồng	327.318	369.248
Dư nợ hoạt động mua nợ	tỷ Đồng	0	0
Doanh số thu nợ khách hàng (**)	tỷ Đồng	263.619	181.895
Nợ quá hạn	tỷ Đồng	21.469	22.692
Nợ khó đòi	tỷ Đồng	4.935	6.836
Hệ số sử dụng vốn (***)	%	24,08%	24,24%
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh (****)	%	1,94%	2,03%
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	%	6,56%	6,15%
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	%	1,51%	1,85%
3. Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán ngay (Tỷ lệ dự trữ thanh khoản)	%	22,47%	18,43%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	24,08%	24,24%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi (LDR)	%	66,16%	72,56%

Nguồn: HDBank

Bảng 47: Một số chỉ tiêu hoạt động của Ngân hàng từ năm 2023 đến 30/06/2024 (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2023	30/06/2024
1. Chỉ tiêu về vốn			
Vốn điều lệ	tỷ Đồng	29.076	29.076
Tổng tài sản có	tỷ Đồng	602.315	624.443
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (*)	%	12,57%	13,94%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh			
Huy động khách hàng	tỷ Đồng	370.778	386.573
Dư nợ cho vay khách hàng	tỷ Đồng	343.404	386.187
Dư nợ hoạt động mua nợ	tỷ Đồng	0	0
Doanh số thu nợ khách hàng (**)	tỷ Đồng	285.787	193.009
Nợ quá hạn	tỷ Đồng	24.165	25.482
Nợ khó đòi	tỷ Đồng	6.160	8.107
Hệ số sử dụng vốn (***)	%	24,95%	24,93%
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh (****)	%	1,94%	2,03%
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	%	7,04%	6,60%
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	%	1,79%	2,10%
3. Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán ngay (Tỷ lệ dự trữ thanh khoản)	%	22,47%	18,43%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	24,95%	24,93%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi (LDR)	%	68,69%	75,06%

Nguồn: HDBank

Lưu ý:

(*) Chỉ tiêu này được HDBank áp dụng theo quy định Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 do NHNN ban hành quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quy định, hướng dẫn hiện hành của NHNN.

(**) Doanh số thu nợ khách hàng là giá trị các khoản thu nợ trước hạn, đúng hạn, nợ quá hạn cho vay khách hàng

(***) Chỉ tiêu "Hệ số sử dụng vốn": tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn (theo quy định thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019).

(****) Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh: số liệu cam kết ngoại bảng sau phân loại nợ CIC (theo quy định của thông tư 11/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021).

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

8. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC của Tổ Chức Phát Hành

BCTC riêng lẻ và hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét của HDBank do Công ty TNHH PwC Việt Nam kiểm toán. Ý kiến của kiểm toán viên là chấp thuận toàn phần. Cụ thể như sau:

Ý kiến của kiểm toán về BCTC riêng: “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng BCTC riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Ngân hàng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.”

Ý kiến của kiểm toán về BCTC hợp nhất: “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng BCTC hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.”

B. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Cập nhật Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển tại Bản Cáo Bạch

Bổ sung mốc sự kiện quan trọng trong Quý II năm 2024:

- Kết thúc Quý II/2024, lợi nhuận trước thuế của HDBank đạt 8.165 tỷ đồng, tăng 48,9% so với cùng kỳ do tăng cường hiệu quả hoạt động và áp dụng các sáng kiến chuyển đổi kỹ thuật số của HDBank.
- HDBank tiếp tục duy trì vị thế Top ngân hàng hiệu quả cao nhất ngành, với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt tới 26,1%.

2. Cập nhật Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

Đợt tăng	Giá trị vốn tăng thêm (Đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (Đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
Tháng 03/2024	200.000.000.000	29.276.321.320.000	Phát hành thêm cho cán bộ công nhân viên	NHNN, UBCK

Ngày 29/03/2024, HDBank đã được UBCK thông báo nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của HDB tại văn bản số 1951/UBCK-QLCB. Hiện tại, HDBank đang thực hiện các thủ tục liên quan tại NHNN để thực hiện đăng ký thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động đồng thời cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo mức vốn điều lệ 29.276.321.320.000 đồng.

3. Cập nhật Thông tin thành viên HĐQT, Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám đốc, Giám Đốc Tài Chính và Kế Toán Trưởng tại Bản Cáo Bạch

4.1 Cập nhật thông tin chi tiết của từng thành viên HĐQT đối với HDBank

4.1.1 Ông Kim Byounggho – Chủ tịch HĐQT

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT phát sinh trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024): Không phát sinh
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	06 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
5.177	3.025	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/06/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

4.1.2 Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Phó Chủ tịch HĐQT thường trực

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 108.961.173 cổ phần, tương ứng 3,7218% vốn cổ phần

- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 889.452 cổ phần, tương ứng 0,0304% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT phát sinh trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024): Không phát sinh
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của thành viên HĐQT phát sinh trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024):

STT	Bên có liên quan	Nội dung giao dịch	Cấp phê duyệt
1	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON	HDBank bổ sung dịch vụ bảo lãnh vào danh sách các loại hình giao dịch với HD SAISON, không thay đổi hạn mức giao dịch.	Hội đồng Quản trị
2	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON	HDBank thay đổi hạn mức giao dịch với HD SAISON. Hạn mức giao dịch tiền gửi, cho vay, mua giấy tờ có giá: Tối đa 10% vốn tự có của HDBank và không vượt quá 5.000 tỷ đồng.	Hội đồng Quản trị
3	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON	Tái cấp hạn mức giao dịch cho Công ty tài chính TNHH HDSAISON Hạn mức giao dịch tiền gửi, cho vay, mua giấy tờ có giá: 6.000 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương. Hạn mức nghiệp vụ FX và phái sinh lãi suất: 270 triệu USD hoặc ngoại tệ tương đương.	Hội đồng Quản trị
4	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON	Thay đổi hạn mức giao dịch cho Công ty tài chính TNHH HDSAISON Hạn mức giao dịch tiền gửi, cho vay, mua giấy tờ có giá, bảo lãnh có tài sản đảm bảo: Tối đa 10% vốn tự có của HDBank và không vượt quá 5.800 tỷ đồng.	Hội đồng Quản trị

5	Công ty CP Hàng không Vietjet	Đánh giá định kỳ hạn mức tín dụng cho Công ty CP Hàng không Vietjet Hạn mức tín dụng ngắn hạn: Tối đa 10% vốn tự có của HDBank và không vượt quá 4.100 tỷ đồng	Hội đồng Quản trị
---	-------------------------------	---	-------------------

- o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	06 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.851	1.901	1.300.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/06/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

4.1.3 Ông Lưu Đức Khánh – Phó Chủ tịch HĐQT

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 8.579.363 cổ phần, tương ứng 0,2930% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT phát sinh trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024): Không phát sinh
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của thành viên HĐQT phát sinh trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024):

STT	Bên có liên quan	Nội dung giao dịch	Cấp phê duyệt
1	Công ty CP Hàng không Vietjet	Đánh giá định kỳ hạn mức tín dụng cho Công ty CP Hàng không Vietjet Hạn mức tín dụng ngắn hạn: Tối đa 10% vốn tự có của HDBank và không vượt quá 4.100 tỷ đồng	Hội đồng Quản trị

- o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	06 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.027	579	240.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/06/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

4.1.4 Ông Nguyễn Thành Đô – Phó Chủ tịch HĐQT

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 270.000 cổ phần, tương ứng 0,0092% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 88.944 cổ phần, tương ứng 0,0030% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT với những người có liên quan của thành viên HĐQT phát sinh trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024): Không phát sinh

- o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	06 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.227	1.289	270.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/06/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

4.1.5 Ông Nguyễn Hữu Đặng – Phó Chủ tịch HĐQT

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 80.401.183 cổ phần, tương ứng 2,7463% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT phát sinh trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024): Không phát sinh
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	06 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
3.541	1.370	200.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/06/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

4.1.6 Ông Lê Mạnh Dũng – Thành viên HĐQT độc lập

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT phát sinh trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024): Không phát sinh
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	06 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.171	891	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/06/2024: Không có.

4.1.7 Ông Phạm Quốc Thanh – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 5.826.725 cổ phần, tương ứng 0,1990% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 83 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT phát sinh trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024): Không phát sinh

- o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của thành viên HĐQT phát sinh trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024):

STT	Bên có liên quan	Nội dung giao dịch	Cấp phê duyệt
1	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON	HDBank bổ sung dịch vụ bảo lãnh vào danh sách các loại hình giao dịch với HD SAISON, không thay đổi hạn mức giao dịch.	Hội đồng Quản trị
2	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON	HDBank thay đổi hạn mức giao dịch với HD SAISON. Hạn mức giao dịch tiền gửi, cho vay, mua giấy tờ có giá: Tối đa 10% vốn tự có của HDBank và không vượt quá 5.000 tỷ đồng.	Hội đồng Quản trị
3	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON	Tái cấp hạn mức giao dịch cho Công ty tài chính TNHH HDSAISON Hạn mức giao dịch tiền gửi, cho vay, mua giấy tờ có giá: 6.000 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương. Hạn mức nghiệp vụ FX và phái sinh lãi suất: 270 triệu USD hoặc ngoại tệ tương đương.	Hội đồng Quản trị
4	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON	Thay đổi hạn mức giao dịch cho Công ty tài chính TNHH HDSAISON Hạn mức giao dịch tiền gửi, cho vay, mua giấy tờ có giá, bảo lãnh có tài sản đảm bảo: Tối đa 10% vốn tự có của HDBank và không vượt quá 5.800 tỷ đồng.	Hội đồng Quản trị

- o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản (*)		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	06 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.174	2.412	1.200.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

(*) Thù lao cơ bản bao gồm thù lao Thành viên HĐQT và thù lao Tổng Giám đốc.

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/06/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

4.2 Cập nhật thông tin chi tiết của từng thành viên Ban Kiểm Soát đối với HDBank

4.2.1 Ông Đào Duy Tường – Trưởng BKS

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 79.784.988 cổ phần, tương ứng 2,7252% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 4.836.661 cổ phần, tương ứng 0,1652% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS phát sinh trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024): Không phát sinh
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	06 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
3.227	3.068	75.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/06/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

4.2.2 Bà Đường Thị Thu – Thành viên BKS

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 30.833 cổ phần, tương ứng 0,0011% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS phát sinh trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024): Không phát sinh
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	06 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.463	878	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/06/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

4.2.3 Bà Bùi Thị Kiều Oanh – Thành viên BKS

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS

và những người có liên quan của thành viên BKS phát sinh trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024): Không phát sinh

- o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	06 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.513	871	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/06/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

4.2.4 Ông Nguyễn Lê Hiền – Thành viên BKS

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 711.563 cổ phần, tương ứng 0,0243% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS đến phát sinh trong năm 2024 (ngày 30/06/2024): Không phát sinh
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	06 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.229	814	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/06/2024: Không có.

4.3 Cập nhật thông tin chi tiết của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám Đốc Tài Chính và Kế Toán Trưởng đối với HDBank

4.3.1 Ông Phạm Quốc Thanh – Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Xen tại thông tin Thành viên HĐQT

4.3.2 Ông Nguyễn Minh Đức – Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 967.556 cổ phần, tương ứng 0,0330% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc phát sinh trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024): Không phát sinh
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	06 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.180	1.467	800.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/06/2024: Không có.

4.3.3 Ông Lê Thanh Tùng - Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 1.053.843 cổ phần, tương ứng 0,0360% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban

Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc phát sinh trong năm 2024 (ngày 30/06/2024): Không phát sinh

- o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	06 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.569	1.090	770.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/06/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

4.3.4 Ông Nguyễn Văn Hào - Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 934.000 cổ phần, tương ứng 0,0319% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc phát sinh trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024): Không phát sinh
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	06 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.141	1.219	750.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/06/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

4.3.5 Ông Nguyễn Đăng Thanh - Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 750.000 cổ phần, tương ứng 0,0256% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc phát sinh trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024): Không phát sinh
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	06 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.858	1.442	750.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/06/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

4.3.6 Ông Lê Thành Trung – Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 760.000 cổ phần, tương ứng 0,0260% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:

- o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc phát sinh trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024): Không phát sinh
- o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	06 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.158	1.528	750.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/06/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

4.3.7 Ông Trần Hoài Nam - Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 2.959.964 cổ phần, tương ứng 0,1011% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 7.043 cổ phần, tương ứng 0,0002% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc phát sinh trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024): Không phát sinh
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc phát sinh trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024):

STT	Bên có liên quan	Nội dung giao dịch	Cấp phê duyệt
1	Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL)	HDBank tái cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn 500 tỷ đồng cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL).	Hội đồng Quản trị

- o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	06 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.054	1.239	750.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/06/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

4.3.8 Ông Trần Thái Hòa - Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 720.000 cổ phần, tương ứng 0,0246% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc phát sinh trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024): Không phát sinh
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	06 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.347	922	720.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/06/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

4.3.9 Ông Nguyễn Cảnh Vinh - Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024): Không phát sinh
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc phát sinh trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024):

STT	Bên có liên quan	Nội dung giao dịch	Cấp phê duyệt
1	Công ty CP Chứng khoán HD	Cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn có tài sản đảm bảo 1.500 tỷ đồng cho Công ty CP Chứng khoán HD.	Hội đồng Quản trị
2	Công ty CP Chứng khoán HD	Tăng hạn mức tín dụng và thay đổi điều kiện cấp tín dụng cho Công ty CP Chứng khoán HD. Hạn mức tín dụng ngắn hạn: 3.000 tỷ đồng.	Hội đồng Quản trị

- o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	06 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.601	2.244	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/06/2024: Không có



4.3.10 Ông Trần Xuân Huy – Phó Tổng Giám đốc kiêm Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 325 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc phát sinh trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024): Không phát sinh
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	06 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
806	2.221	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/06/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

4.3.11 Ông Phạm Văn Đầu – Giám đốc Tài chính

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 126.305.667 cổ phần, tương ứng 4,3143% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Giám đốc Tài chính và những người có liên quan của Giám đốc Tài chính phát sinh trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024): Không phát sinh
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 của Giám đốc Tài chính được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	06 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.359	699	800.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/06/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

4.3.12 Bà Hồ Đặng Hoàng Quyên – Kế toán Trưởng

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 551.056 cổ phần, tương ứng 0,0188% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/07/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Kế toán trưởng và những người có liên quan của Kế toán trưởng phát sinh trong năm 2024 (đến ngày 30/06/2024): Không phát sinh
 - o Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 của Kế toán trưởng được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2023 (triệu đồng)	06 tháng đầu năm 2024 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.038	647	400.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/06/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

4. Cập nhật Các văn bản pháp lý liên quan đến đợt chào bán tại Bản Cáo Bạch

Quyết định số 3627/2024/QĐ-TGD ngày 05/09/2024 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh v/v triển khai chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023 Đợt 3 theo Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 05/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/01/2024.

5. Các nội dung khác: giữ nguyên như Bản Cáo Bạch

6. Bổ sung Phụ lục tại Bản Cáo Bạch

- a. Quyết định số 3627/2024/QĐ-TGD ngày 05/09/2024 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh v/v triển khai chào bán Trái Phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023 Đợt 3 theo Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 05/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/01/2024.
- b. Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã soát xét.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

V. CHỮ KÝ



ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



CHỦ TỊCH HĐQT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Kim Byoungho



Phạm Quốc Thanh

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



Phạm Văn Dầu

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI



Nguyễn Chí Thành



NGHỊ QUYẾT

V/v thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ chào bán, phát hành Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP. HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank);
- Căn cứ Tờ trình số 15/2023/TT-TGD-ALM ngày 27/07/2023 của Tổng Giám đốc về việc phát hành Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết bằng văn bản của các Thành viên Hội đồng Quản trị ngày 04/08/2023;

QUYẾT NGHỊ:

- Điều 1.** Chấp thuận chủ trương phát hành Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023 (**Trái phiếu**) với tổng mệnh giá phát hành tối đa 5.000.000.000.000 đồng (**Bằng chữ: Năm nghìn tỷ đồng**).
- Điều 2.** Phê duyệt các nội dung liên quan đến việc phát hành Trái phiếu, bao gồm:
1. Phương án phát hành Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023 (**Phương Án Phát Hành**) theo Phụ lục I đính kèm;
 2. Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ chào bán, phát hành Trái phiếu theo Phụ lục II đính kèm;
 3. Thực hiện đăng ký, lưu ký Trái phiếu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) hoặc Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết Trái phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sau khi hoàn tất đợt chào bán Trái phiếu (**Đăng Ký Và Niêm Yết**).
- Điều 3.** Giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện các công việc liên quan, bao gồm:
1. Xem xét và quyết định tổ chức thực hiện, triển khai các vấn đề liên quan tới việc chào bán, phát hành Trái phiếu ra công chúng, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

- a. Quyết định thời điểm chào bán Trái phiếu ra công chúng;
 - b. Tổ chức thực hiện Phương Án Phát Hành và Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ chào bán, phát hành Trái phiếu;
 - c. Xem xét, quyết định nội dung cụ thể của các điều khoản và điều kiện Trái phiếu;
 - d. Đàm phán, xem xét, quyết định nội dung, ký kết và triển khai thực hiện các thỏa thuận, hợp đồng, tài liệu liên quan đến việc chào bán, phát hành Trái phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn ở hợp đồng tư vấn chào bán, đại lý phát hành Trái phiếu ra công chúng, tư vấn đăng ký lưu ký, tư vấn niêm yết; hợp đồng dịch vụ đăng ký và lưu ký Trái phiếu trước khi niêm yết; hợp đồng/thỏa thuận đặt mua Trái phiếu được ký kết với mỗi bên mua Trái phiếu (nếu có); các thỏa thuận, hợp đồng và tài liệu khác liên quan đến Trái phiếu (sau đây gọi chung là *Các Tài Liệu Giao Dịch*) và các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Các Tài Liệu Giao Dịch này;
 - e. Quyết định việc sửa đổi và điều chỉnh Phương Án Phát Hành, Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ chào bán, phát hành Trái phiếu và Các Tài Liệu Giao Dịch (nếu có) trong phạm vi thẩm quyền phê duyệt, theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đăng ký chào bán Trái phiếu ra công chúng;
 - f. Quyết định việc bổ sung, sửa đổi và điều chỉnh nội dung Bản cáo bạch chào bán Trái phiếu ra công chúng (bao gồm nội dung Các Điều Kiện Trái Phiếu) và các hồ sơ đăng ký chào bán Trái phiếu ra công chúng theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong quá trình đăng ký chào bán Trái phiếu ra công chúng;
 - g. Quyết định việc mua lại Trái phiếu trước hạn;
 - h. Quyết định các chi phí có liên quan đến việc phát hành Trái phiếu theo đúng quy định của Ngân hàng; và
 - i. Quyết định các vấn đề khác liên quan đến Trái phiếu (nếu có) nhằm thực hiện chào bán Trái phiếu ra công chúng đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và HDBank.
2. Xem xét và quyết định tổ chức triển khai thực hiện các công việc liên quan tới việc Đăng Ký Và Niêm Yết; hủy Đăng Ký Và Niêm Yết theo quy định, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:
 - a. Quyết định và ký kết các hồ sơ, tài liệu nộp cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc Đăng Ký Và Niêm Yết phù hợp với quy định của pháp luật;
 - b. Làm việc và giải trình với các cơ quan chức năng và các đơn vị có liên quan về hồ sơ Đăng Ký Và Niêm Yết và các vấn đề khác liên quan đến việc Đăng Ký Và Niêm Yết; và
 - c. Quyết định và thực hiện các công việc cần thiết khác (nếu có) nhằm thực hiện thành công việc Đăng Ký Và Niêm Yết tại VSDC và HNX.
 3. Quyết định và thực hiện các công việc phát sinh trong thời hạn lưu hành Trái phiếu phù hợp với quy định pháp luật và quy định của HDBank để hoàn tất (i) việc đăng ký chào bán Trái phiếu, chào bán Trái phiếu ra công chúng; (ii) việc phát hành, phân phối và chuyển giao Trái phiếu; (iii) việc Đăng Ký Và Niêm Yết; và (iv) việc công bố thông tin và báo cáo liên quan đến Trái phiếu.

4. Được ủy quyền lại cho người khác thực hiện các công việc được giao, và chịu trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản trị về kết quả thực hiện khi kết thúc chào bán từng đợt phát hành Trái phiếu và sau khi hoàn thành các nghĩa vụ liên quan tới các Trái phiếu.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, các Khối/ Phòng/ Ban/ Đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- BKS, KTNB;
- Như Điều 4;
- Website HDBank – Nhà Đầu tư;
- Lưu VP HĐQT.



**PHỤ LỤC I: PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH
TRÁI PHIẾU HDBANK PHÁT HÀNH RA CÔNG CHÚNG NĂM 2023**

(Đính kèm Nghị Quyết số 213/2023/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh)

Phương án phát hành này ("**Phương Án Phát Hành**") là cơ sở cho việc chào bán các trái phiếu ra công chúng bằng tiền Đồng, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành và thoả mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc Hội, Nghị Định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông Tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung khác (nếu có), với tổng mệnh giá tối đa 5.000.000.000.000 VND (Bằng chữ: năm nghìn tỷ Đồng) theo các nội dung trình bày trong Phương Án Phát Hành này. Phương Án Phát Hành này chỉ quy định các điều kiện, điều khoản chính của Trái Phiếu và nội dung chính của việc chào bán Trái Phiếu. Các điều kiện, điều khoản cụ thể của Trái Phiếu và nội dung khác của việc chào bán Trái Phiếu sẽ được quy định trong các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu ("**Các Điều Kiện Trái Phiếu**") tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố Hồ Chí Minh và các hợp đồng, thỏa thuận và tài liệu khác được ký kết bởi hoặc nhân danh Tổ Chức Phát Hành nhằm mục đích chào bán Trái Phiếu.

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

- Tên Tổ Chức Phát Hành (tên đầy đủ): Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh
- Tên Tổ Chức Phát Hành (tên viết tắt): HDBank
- Trụ sở chính : 25 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.
- Điện thoại: (028) 62915916 Fax: (028) 62915900
- Website: www.hdbank.com.vn
- Vốn điều lệ: 25.303.429.220.000 đồng (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư TP.HCM thay đổi lần thứ 32 ngày 02/11/2022)
- Mã cổ phiếu: HDB
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 11/08/1992 và đăng ký thay đổi lần thứ 32 ngày 02/11/2022.

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 00019/NH-GP cấp ngày 06/06/1992 của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam và được cấp đổi bởi giấy phép số 26/GP-NHNN ngày 12/02/2020.
- Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc Thanh - Chức vụ: Tổng Giám đốc

2. **Ngành nghề kinh doanh:** kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng

3. **Tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành**

3.1. **Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành**

Dưới đây là một số chỉ tiêu tài chính của Tổ chức phát hành trong 3 năm trước năm chào bán Trái Phiếu ra công chúng:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ
Vốn tự có	30.090	26.500	41.008	37.352	46.666	42.436
Tổng tài sản	319.127	307.022	374.612	364.941	416.273	404.276
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23.137	18.699	26.176	21.777	33.323	28.274
Dự phòng rủi ro	1.788	580	2.306	682	3.068	698
Lợi nhuận trước thuế	5.818	5.126	8.070	7.453	10.268	9.475
Lợi nhuận sau thuế	4.647	4.160	6.453	6.038	8.209	7.649
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.128*	-	2.403**	-	3.081	-
Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)	11,92	12,79	11,17	11,90	9,68	10,19
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	20,6%	20,4%	23,3%	23,9%	23,5%	23,8%

Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	12,1%	11,4%	14,3%	13,7%	13,4%	12,8%
Tỷ lệ nợ xấu	1,34%	0,76%	1,65%	0,75%	1,67%	0,96%

Nguồn: Báo cáo tài chính (BCTC) hợp nhất và riêng lẻ đã kiểm toán năm 2020, 2021 và 2022

Ghi chú:

()*: số liệu theo BCTC hợp nhất năm 2021

*(**)*: số liệu theo BCTC hợp nhất năm 2022

3.2. Tình hình thanh toán gốc, lãi đối với các Trái Phiếu đã phát hành trong 03 năm liền kể trước đợt phát hành này:

HDBank đã thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền gốc và tiền lãi đối với các Trái Phiếu đã phát hành trước đây đồng thời không phát sinh tranh chấp, kiện tụng đối với các Trái Phiếu do HDBank phát hành.

3.3. Tình hình thanh toán các khoản nợ đến hạn:

HDBank cam kết không có bất kỳ khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 (một) năm và đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

3.4. Ý kiến kiểm toán đối với các Báo cáo tài chính:

Trong 02 năm 2020 và 2021, đơn vị kiểm toán cho HDBank là Công ty kiểm toán Ernst & Young Việt Nam đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Theo đó, BCTC riêng lẻ và hợp nhất của HDBank đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng lẻ và hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại các ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2020 và 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ và hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng lẻ và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC riêng lẻ và hợp nhất.

Trong năm 2022, đơn vị kiểm toán cho HDBank là Công ty TNHH PwC (Việt Nam) đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Theo đó, BCTC riêng lẻ và hợp nhất của HDBank đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng lẻ và hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ và hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng lẻ và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc

lập và trình bày BCTC riêng lẻ và hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.

II. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

Tổ chức phát hành dự kiến sử dụng tiền thu được từ phát hành trái phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện hệ số an toàn vốn, phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của HDBank.

III. NỘI DUNG, ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN CHÍNH CỦA TRÁI PHIẾU

- Tổ chức phát hành:** Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố Hồ Chí Minh
- Tên Trái Phiếu:** Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023 (“Trái Phiếu”).
- Loại Trái Phiếu:** Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành.
- Đồng tiền phát hành và thanh toán:** Đồng Việt Nam (VND).
- Mệnh giá:** 100.000 VND/Trái Phiếu (Một trăm nghìn đồng một Trái Phiếu).
- Giá chào bán:** bằng mệnh giá (100.000 VND/Trái Phiếu).
- Hình thức Trái Phiếu:** Trái Phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, hoặc dữ liệu điện tử, có phát hành Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu (nếu cần) hoặc hình thức khác trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật hoặc các quy chế có liên quan của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) hoặc Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và các cơ quan Nhà nước khác có yêu cầu.
- Đối tượng mua Trái Phiếu:** Đối tượng mua Trái Phiếu là các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài.
- Phương thức phát hành:** Phát hành ra công chúng, theo phương thức (i) bán trực tiếp cho các nhà đầu tư tại Trụ sở chính, Chi nhánh, Phòng giao dịch của HDBank và (ii) Đại lý phát hành thông qua công ty chứng khoán được lựa chọn.
- Địa điểm phát hành:** Tại Trụ sở chính, Chi nhánh, Phòng giao dịch của HDBank và Đại lý phát hành.
- Kỳ hạn trái phiếu:** 07 (bảy) năm.
- Ngày phát hành dự kiến:** Ngày kết thúc Đợt chào bán đối với mỗi Trái Phiếu.
- Ngày đáo hạn:** là ngày tròn 07 (bảy) năm kể từ Ngày phát hành.

- 14. Ngày thực hiện quyền mua lại:** là ngày tròn 02 (hai) năm kể từ Ngày phát hành.
- 15. Khối lượng phát hành:** Tối đa 5.000.000.000.000 VND (Năm nghìn tỷ đồng), trong đó:
- Đợt 1: 3.000.000.000.000 VND
 - Đợt 2: 1.000.000.000.000 VND
 - Đợt 3: 1.000.000.000.000 VND
- 16. Số đợt phát hành: 03 (ba) Đợt**
- Đợt 1: Dự kiến Quý IV/2023
 - Đợt 2: Dự kiến Quý IV/2023 – Quý I/2024
 - Đợt 3: Dự kiến Quý I/2024 – Quý II/2024
- 17. Thời điểm phát hành:** Trong Quý IV/2023 – Quý II/2024, sau khi UBCKNN cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng. Ngày Phát hành cụ thể sẽ theo thông báo của HDBank.
- 18. Thời gian phân phối:** Dự kiến tối thiểu 20 ngày, tối đa 90 ngày theo quy định của pháp luật (chưa tính trường hợp gia hạn thời gian phân phối theo quy định, nếu cần). Trái Phiếu dự kiến phân phối thành 03 (ba) đợt. Đợt phát hành thứ hai và thứ ba chỉ được thực hiện sau khi kết thúc đợt phát hành liền trước đó. Trường hợp đợt phát hành trước chưa chào bán hết khối lượng dự kiến phân phối thì phần khối lượng chưa bán hết sẽ chuyển sang (các) đợt phát hành sau.

STT	Đợt	Thời gian phát hành dự kiến	Khối lượng phát hành theo mệnh giá
1	Đợt 1	Quý IV/2023	3.000.000.000.000 VND
2	Đợt 2	Quý IV/2023 – Quý I/2024	1.000.000.000.000 VND
3	Đợt 3	Quý I/2024 – Quý II/2024	1.000.000.000.000 VND
Tổng cộng			5.000.000.000.000 VND

19. Lãi suất dự kiến

Lãi suất thả nổi được xác định theo công thức sau:

Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + 2,80%/năm (Hai phẩy tám phần trăm một năm)

Trong đó:

- Lãi suất tham chiếu dùng để xác định lãi suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi, là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của bốn (04) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (mỗi ngân hàng này được gọi là “*Ngân Hàng Tham Chiếu*”) tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Trong trường hợp website thể hiện nhiều địa điểm/khu vực, ưu tiên lấy lãi suất tại địa bàn nơi các Ngân Hàng Tham Chiếu đó đặt hội sở chính. Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến bốn chữ số ở phần thập phân.
- Kỳ Tính Lãi (kỳ xác định lãi suất): định kỳ 01 năm/01 lần kể từ Ngày phát hành.
- Ngày Xác Định Lãi Suất: là ngày làm việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi hoặc là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên của mỗi Đợt chào bán.

20. Phương thức thanh toán gốc, lãi

- Tiền gốc Trái Phiếu: Thanh toán một lần khi đáo hạn hoặc vào ngày mua lại trước hạn Trái Phiếu (nếu có).
- Tiền lãi Trái Phiếu: Thanh toán sau, định kỳ hàng năm vào các ngày tròn năm kể từ ngày phát hành.
- Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ.

21. Mua lại trái phiếu trước hạn:

Mua lại vào Ngày thực hiện quyền mua lại:

Tổ Chức Phát Hành có quyền (nhưng không bắt buộc) mua lại trước hạn toàn bộ nhưng không mua lại một phần Trái Phiếu vào Ngày thực hiện quyền mua lại tại thời điểm tròn 02 (hai) năm kể từ ngày phát hành trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp các quy định về tỷ lệ an toàn theo quy định hiện hành. Giá mua lại mỗi Trái Phiếu sẽ bằng mệnh giá. Trong trường hợp này, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu mà mình đang nắm giữ cho Tổ Chức Phát Hành.

Mua lại theo thỏa thuận:

Tổ Chức Phát Hành được mua lại Trái Phiếu từ bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào và theo bất kỳ giá nào vào bất kỳ lúc nào, bằng bất kỳ phương thức nào phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, với điều kiện sau khi thực hiện việc mua lại, Tổ Chức Phát Hành vẫn đảm bảo các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của NHNN. Mỗi Người Sở Hữu

Trái Phiếu có quyền quyết định việc bán lại Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Phát Hành. Việc chào mua các Trái Phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu.

Mua lại khi xảy ra sự kiện vi phạm:

Khi xảy ra bất kỳ sự kiện vi phạm nào theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu thì Tổ Chức Phát Hành phải mua lại toàn bộ Trái Phiếu theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

Chi tiết về các điều khoản mua lại Trái Phiếu quy định tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng.

22. Quyền liên quan đến Trái Phiếu:

- Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không được bảo đảm của Tổ Chức Phát Hành, dù điều kiện được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành.
- Trong trường hợp HDBank bị phá sản, giải thể, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi HDBank đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác.
- HDBank được ngừng trả lãi khi đến hạn thanh toán lãi Trái Phiếu và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của HDBank bị lỗ.
- Trong thời hạn Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với HDBank hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.
- Các quyền và nghĩa vụ khác của Trái Phiếu được quy định cụ thể tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố Hồ Chí Minh năm 2023.

23. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

- Được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi Trái Phiếu khi đến hạn và đảm bảo việc thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) theo các văn kiện Trái Phiếu có liên quan;
- Được dùng Trái Phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế, chiết khấu và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm trong các quan hệ dân sự và quan hệ thương mại theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Có các quyền khác theo các quy định của pháp luật hiện hành và Các Điều Kiện Trái Phiếu;

Việc thay đổi các quyền của người sở hữu Trái Phiếu sẽ được quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố Hồ Chí Minh năm 2023.

24. Tổ chức tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán ra công chúng, tư vấn đăng ký, lưu ký và niêm yết Trái Phiếu

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

25. Đại lý phát hành Trái Phiếu: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

26. Tổ chức đăng ký, lưu ký Trái Phiếu ban đầu: Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (“HDS”)

27. Cam kết khác đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu: được quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố Hồ Chí Minh năm 2023.

28. Đăng ký và Niêm Yết:

Toàn bộ Trái Phiếu phát hành thành công sẽ được đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) (tên cũ là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)) và niêm yết trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của pháp luật.

**PHỤ LỤC II: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ
CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU HDBANK PHÁT HÀNH RA CÔNG CHÚNG
NĂM 2023**

(Đính kèm Nghị Quyết số 319/2023/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Phương án sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu

Tổ chức phát hành dự kiến sử dụng tiền thu được từ 03 (ba) Đợt phát hành Trái phiếu để bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện hệ số an toàn vốn, phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của HDBank trong năm 2023 và trong năm 2024. Cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ Đồng

Phương án sử dụng vốn Đợt 1:

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Quý IV/2023	Tổng
1	Sản xuất kinh doanh	800	800
2	Nông nghiệp, nông thôn và tiêu dùng	1.000	1.000
3	Thương mại	1.200	1.200
Tổng		3.000	3.000

Phương án sử dụng vốn Đợt 2:

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Quý IV/2023	Quý I/2024	Tổng
1	Sản xuất kinh doanh	100	100	200
2	Nông nghiệp, nông thôn và tiêu dùng	100	200	300
3	Thương mại	300	200	500
Tổng		500	500	1.000

Phương án sử dụng vốn Đợt 3:

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Quý I/2024	Quý II/2024	Tổng
1	Sản xuất kinh doanh	100	200	300
2	Nông nghiệp, nông thôn và tiêu dùng	200	100	300
3	Thương mại	200	200	400
Tổng		500	500	1.000

Hội đồng Quản trị giao Tổng Giám đốc được toàn quyền quyết định số tiền và thời gian giải ngân thực tế từng Đợt phát hành đối với từng ngành nghề kinh doanh phụ thuộc vào khối lượng Trái phiếu phát hành thành công từng Đợt tương ứng. Kế hoạch giải ngân thực tế sẽ được điều chỉnh linh hoạt theo thực tế hoạt động, nhu cầu vay vốn của khách hàng và tiến độ cho vay nền kinh tế của HDBank.

2. Phương án trả nợ vốn

- a. Thanh toán Lãi:** Lãi thu được từ các lĩnh vực mà Tổ Chức Phát Hành dự kiến giải ngân từ nguồn vốn phát hành Trái phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các chi phí, sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái phiếu cho các nhà đầu tư với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ.
- b. Thanh toán Gốc:** Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng nguồn tiền từ (i) nguồn thu nợ gốc/lãi của các khoản vay được tài trợ vốn từ nguồn vốn phát hành Trái phiếu; và (ii) nguồn vốn huy động khác, nguồn vốn tự tích lũy, lợi nhuận hoạt động kinh doanh và tiềm lực tài chính của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán gốc tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái phiếu.

NGHỊ QUYẾT

V/v thông qua Phương án trả nợ vốn chi tiết
và Hồ sơ đăng ký chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP. HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh ("**HDBank**");
- Căn cứ Nghị quyết số 319/2023/NQ-HDQT ngày 04/08/2023 của Hội đồng Quản trị ("**HDQT**") HDBank về việc thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ chào bán, phát hành Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023;
- Căn cứ Nghị quyết số 320/2023/NQ-HDQT ngày 04/08/2023 của HDQT HDBank về việc thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023;
- Căn cứ Tờ trình số 19/2023/TT-TGD-ALM ngày 18/09/2023 của Tổng Giám đốc về việc thông qua Phương án trả nợ vốn chi tiết và Hồ sơ đăng ký chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết bằng văn bản của các Thành viên Hội đồng Quản trị ngày 22/09/2023;

QUYẾT NGHỊ:

- Điều 1.** Thông qua chi tiết Phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023 ("**Trái Phiếu**") theo Phụ lục I đính kèm Nghị quyết này ("**Phương án trả nợ vốn chi tiết**").
- Điều 2.** Thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng ("**Bộ Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán**") với danh mục hồ sơ theo Phụ lục II đính kèm Nghị quyết này.
- Điều 3.** Giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc:
1. Quyết định việc ký kết, sửa đổi, điều chỉnh và nộp bổ sung các tài liệu trong Bộ Hồ Sơ Đăng ký Chào Bán; làm việc và giải trình theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà

nước và/hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có) nhằm thực hiện đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng và đăng ký niêm yết Trái Phiếu.

2. Được ủy quyền lại cho người khác thực hiện các công việc được giao, và chịu trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản trị về kết quả thực hiện.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, các Khối/ Phòng/ Ban/ Đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- BKS, KTNB;
- Như Điều 4;
- Website HDBank – Nhà Đầu tư;
- Lưu VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



KIM BYOUNGHO

PHỤ LỤC I

PHƯƠNG ÁN TRẢ NỢ VỐN CHI TIẾT

(Đính kèm Nghị quyết số 400/2023/NQ-HĐQT ngày 25/09/2023 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh)

1. Nguồn trả nợ:

- Thanh toán lãi và gốc Trái Phiếu: HDBank dự kiến sử dụng nguồn tiền thu được từ các khoản khách hàng thanh toán lãi, gốc của các khoản giải ngân/cho vay dự kiến bằng nguồn vốn phát hành Trái Phiếu để thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu cho các nhà đầu tư với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của HDBank bị lỗ.

HDBank dự kiến tiền thu từ các khoản cho vay/giải ngân từ nguồn vốn Trái Phiếu sẽ đủ để thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền lãi, gốc Trái Phiếu trong kỳ hạn Trái Phiếu, cụ thể như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

Kỳ thu nợ (*)	Lãi suất đầu ra dự kiến (tối thiểu) (%/năm) (**)	Dư nợ đầu kỳ	Lãi phải thu dự kiến	Vốn gốc trả trong kỳ	Gốc + Lãi phải thu dự kiến	Dư nợ cuối kỳ
1	10,00%	5.000	500	-	500	5.000
2	10,00%	5.000	500	-	500	5.000
3	10,00%	5.000	500	-	500	5.000
4	10,00%	5.000	500	-	500	5.000
5	10,00%	5.000	500	-	500	5.000
6	10,00%	5.000	500	-	500	5.000
7	10,00%	5.000	500	5.000	5.500	-
TỔNG			3.500	5.000	8.500	

Ghi chú:

(*) Báo cáo theo kỳ tròn năm kể từ ngày phát hành Trái Phiếu

(**) Lãi suất đầu ra dự kiến được xác định trên cơ sở ngành nghề cho vay, quy định và chính sách cho vay của HDBank trong từng thời kỳ, theo nguyên tắc: Lãi suất đầu ra dự kiến = chi phí huy động vốn (bao gồm lãi suất phát hành trái phiếu, chi phí khác (hành chính, nhân sự, quản lý phân bố, ...)) + biên độ tối thiểu 1,00%/năm.

- Trường hợp nguồn tiền thu được từ các khoản thanh toán lãi, gốc của các khoản giải ngân/cho vay dự kiến từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu chưa đủ để chi trả lãi, gốc Trái Phiếu, HDBank dự kiến sẽ sử dụng nguồn vốn huy động khác, nguồn vốn tự tích lũy, lợi nhuận hoạt động kinh doanh, các nguồn thu hợp pháp khác và tiềm lực tài chính của HDBank để thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu hoặc mua lại trước hạn Trái Phiếu.

2. Kế hoạch trả nợ:

Theo kế hoạch kinh doanh của HDBank, tiền thu được từ hoạt động của HDBank sau khi trừ đi các chi phí vẫn đủ để thanh toán các khoản lãi và nợ gốc, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và Trái Phiếu đang dự kiến chào bán. Bảng dưới đây thể hiện kế hoạch thanh toán dự kiến của HDBank cho từng Đợt chào bán trong trường hợp không phát sinh việc mua lại Trái Phiếu trước hạn, cụ thể:

Đơn vị: Tỷ đồng

Kỳ thanh toán (*)	Lãi suất phát hành dự kiến (**)	Dư nợ đầu kỳ	Lãi phải trả dự kiến	Vốn gốc trả trong kỳ	Gốc + Lãi phải trả dự kiến	Dư nợ cuối kỳ
1	8,375%	5.000	418,75	-	418,75	5.000
2	8,375%	5.000	418,75	-	418,75	5.000
3	8,375%	5.000	418,75	-	418,75	5.000
4	8,375%	5.000	418,75	-	418,75	5.000
5	8,375%	5.000	418,75	-	418,75	5.000
6	8,375%	5.000	418,75	-	418,75	5.000
7	8,375%	5.000	418,75	5.000	5.418,75	-
TỔNG			2.931,25	5.000	7.931,25	

(*) Kỳ thanh toán tròn năm kể từ ngày phát hành Trái Phiếu;

(**): Lãi suất phát hành được giả định giữ nguyên trong quá trình lưu hành Trái Phiếu, tham chiếu lãi suất của Các Ngân Hàng Tham Chiếu, bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ngày 18/09/2023 + biên độ 2,8%/năm

PHỤ LỤC II

DANH MỤC HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU HDBANK PHÁT HÀNH RA CÔNG CHÚNG NĂM 2023

(Đính kèm Nghị quyết số 400/2023/NQ-HĐQT ngày 25/09/2023 của Hội đồng Quản trị

Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh)

1. Giấy đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 1458/2023/CV-HDBank ngày 25/09/2023;
2. Bản cáo bạch chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023;
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023;
4. Giấy phép thành lập số 00019/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/06/1992, được cấp đổi bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN ngày 12/02/2020;
5. Nghị quyết số 319/2023/NQ-HĐQT ngày 04/08/2023 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh v/v thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ chào bán, phát hành Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023;
6. Nghị quyết số 400/2023/NQ-HĐQT ngày 25/09/2023 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh v/v thông qua Phương án trả nợ vốn chi tiết và Hồ sơ đăng ký chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023;
7. Điều lệ của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh ngày 07 tháng 09 năm 2023;
8. Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh năm 2021 đã được kiểm toán;
9. Giấy ủy quyền ký Báo cáo kiểm toán năm 2021 của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
10. Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh năm 2022 đã được kiểm toán;
11. Giấy ủy quyền ký Báo cáo kiểm toán năm 2022 của Công ty TNHH PwC Việt Nam;
12. Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã soát xét của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh;
13. Giấy ủy quyền ký Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty TNHH PwC Việt Nam;

14. Văn bản số 1168/2023/CV-HDBank ngày 04/08/2023 của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh về cam kết thực hiện nghĩa vụ đối với nhà đầu tư của tổ chức phát hành;
15. Văn bản số 1169/2023/CV-HDBank ngày 04/08/2023 của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh về cam kết đáp ứng điều kiện chào bán của tổ chức phát hành;
16. Quyết định số 1634/2020/QĐ-TGD ngày 27/07/2020 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Trưởng/Phó Phòng Hành chính Quản trị;
17. Văn bản số 1559/VCBTDN-DVKH ngày 04/08/2023 về việc xác nhận phong tỏa tài khoản cho mục đích phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2023 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định;
18. Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn, đại lý phát hành trái phiếu số 02/2023/HĐTVTC.HS.SHS/HDB ký kết ngày 04/08/2023 giữa Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội;
19. Quyết định số 3428/2022/QĐ-TGD ngày 26/12/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Ông Hoàng Đức Long – Giám đốc Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ;
20. Văn bản ủy quyền số 07/2021/UQ-TGD ngày 26/02/2021 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội;



Số: 3627/2024.IG-D.-TGT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v triển khai chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023 Đợt 3 theo Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 05/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/01/2024

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP. HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh ("**HDBank**");
- Căn cứ Nghị quyết số 319/2023/NQ-HĐQT ngày 04/08/2023 của Hội đồng Quản trị HDBank ("**HDQT**") về việc thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ chào bán, phát hành Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023; và Nghị quyết số 400/2023/NQ-HĐQT ngày 25/09/2023 của HDQT về việc thông qua Phương án trả nợ vốn chi tiết và Hồ sơ đăng ký chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023 ("**Nghị Quyết Về Phương Án Phát Hành, Phương Án Sử Dụng Và Trả Nợ Vốn**");
- Căn cứ Bản Cáo Bạch chào bán Trái phiếu ra công chúng đã được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ("**UBCKNN**") chấp thuận theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái phiếu ra công chúng số 05/GCN-UBCK ngày 10/01/2024 và Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch ngày 11/06/2024 ("**Bản Cáo Bạch**");
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái phiếu ra công chúng số 05/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 10/01/2024 ("**Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán**") và văn bản số 4153/UBCK-QLCB ngày 03/07/2024 của UBCKNN về việc nhận được tài liệu báo cáo triển khai thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2 của HDB;
- Căn cứ Báo cáo số 502/2024/CV-HDBank ngày 02/04/2024 của HDBank về Kết quả chào bán trái phiếu ra công chúng (Đợt 1);
- Căn cứ Báo cáo số 1342/2024/CV-HDBank ngày 09/08/2024 của HDBank về Kết quả chào bán trái phiếu ra công chúng (Đợt 2);
- Căn cứ tình hình thực tế.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thực hiện triển khai chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023 Đợt 3 theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 05/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/01/2024 (Trái Phiếu) như sau:

- Tên Trái Phiếu : Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023
- Trái phiếu chào bán : Trái Phiếu HDBC7Y202303
- Loại Trái Phiếu : Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank theo quy định hiện hành
- Mệnh giá : 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu
- Số lượng Trái Phiếu chào bán : 10.000.000 (mười triệu) Trái Phiếu
- Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo Mệnh giá : 1.000.000.000.000 VND (một nghìn tỷ Đồng)
- Kỳ hạn Trái Phiếu : 07 (bảy) năm
- Lãi suất : Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,8%/năm
- (i) "**Lãi Suất Tham Chiếu**" đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của Các Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Để làm rõ, trong trường hợp website thể hiện nhiều địa điểm/khu vực, ưu tiên lấy lãi suất tại địa bàn nơi các Ngân Hàng Tham Chiếu đó đặt hội sở chính.
- (ii) "**Ngân Hàng Tham Chiếu**" bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (gọi riêng là "**Ngân Hàng Tham Chiếu**" và gọi chung là "**Các Ngân Hàng Tham Chiếu**").
- (iii) "**Ngày Xác Định Lãi Suất**" đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu của mỗi Đợt. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.
- Thời gian chào bán dự kiến : Quý III – Quý IV năm 2024, sau khi nhận được thông báo của UBCKNN về việc nhận được tài liệu báo cáo triển khai thực hiện chào bán Trái Phiếu ra công chúng Đợt 3.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban Điều hành, Giám đốc/Phó Giám đốc các Khối/Trung tâm, các Đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật và của HDBank

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Quốc Thanh

